

Biểu mẫu 17

Đại học Đà Nẵng
Trường Đại học Sư Phạm

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Đáp ứng yêu cầu tuyển sinh theo các Thông tư của Bộ GD&ĐT và Quy định đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ của ĐHQĐN.		Do Đại học Đà Nẵng tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD & ĐT			Không tuyển sinh và đào tạo	
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn cho cán bộ, viên chức trong quá trình hội nhập, từng bước đạt trình độ ngoại ngữ đảm bảo yêu cầu công tác tại đơn vị.		Nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn cho cán bộ, viên chức trong quá trình hội nhập, từng bước đạt trình độ ngoại ngữ đảm bảo yêu cầu công tác tại đơn vị.			Có kiến thức cơ bản về ngành đào tạo, có kỹ năng vận dụng kiến thức trong giảng dạy, công tác ở các trường THCS	
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Các hoạt động hỗ trợ chuyên môn từ các Tổ Bộ môn và Khoa. Các hoạt động hội thao hay NCKH trong và ngoài trường, có KTX cho học viên SDH		Phong trào Đoàn TN, các hoạt động nội ngoại khóa, các CLB tình nguyện, CTXH.Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, các CLB về khoa học nghệ thuật. Hoạt động về rèn luyện văn nghệ, TĐTT. Hỗ trợ học bổng cho SV từ các quỹ			Các hoạt động VHVN, các phòng học chuyên môn phục vụ ngành Đào tạo	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	6	16	28	0	0	0	0

V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có nền tảng kiến thức để tham gia các hoạt động NCKH, chuyên giao công nghệ	Có thể theo học các chương trình Sau đại học trong và ngoài nước	Đủ khả năng học liên thông lên trình độ cao hơn
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Giáo viên ở các trường Trung học Phổ thông, giảng viên các trường cao đẳng, đại học hay chuyên viên, lãnh đạo của các Sở, Ban, Ngành. Các Viện nghiên cứu.	- Khối sư phạm: tại các trường THPT hoặc các trường trong hệ thống giáo dục VN. - Khối cử nhân khoa học: tại các cơ sở nhà nước và doanh nghiệp tư nhân phù hợp	- Khối sư phạm: tại các trường THCS

Đà Nẵng, ngày 1 tháng 5 năm 2019

K. HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. TRẦN XUÂN BÁCH

Biểu mẫu 18

Đại học Đà Nẵng
Trường Đại học Sư Phạm

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	22	889	6573	3016		315		
1	Khối ngành I	1	443	1923	3016		315		
2	Khối ngành II					x	x	x	x
3	Khối ngành III					x	x	x	x
4	Khối ngành IV	6	120	883		x	x	x	x
5	Khối ngành V	3	185	1014		x	x	x	x
6	Khối ngành VI					x	x	x	x
7	Khối ngành VII	12	151	2753		x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	1438	31	361	976	
1	Khối ngành I	650	23	212	399	78.70%
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV	273	3	42	215	63.10%
5	Khối ngành V	122	0	7	80	72%
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	393	5	100	282	70.90%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Khoa Giáo dục Mầm non

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	Xác lập cho sv những cơ sở lý luận cơ bản nhất	2	Kỳ 2	Tự luận
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	Xác lập cho sv những cơ sở lý luận cơ bản nhất	3	Kỳ 3	Tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh.	2	Kỳ 4	Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Kỳ 5	Tự luận
5	Tin học đại cương (Tin học CN1)	Cung cấp những kiến thức và kỹ thuật sử dụng cơ bản về hệ điều hành và tin học văn phòng	2	Kỳ 2	Thực hành
6	Tiếng Anh A2.1	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR	3	Kỳ 5	Nghe, nói, đọc, viết
7	Tiếng Anh A2.2	Giúp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR	4	Kỳ 6	Nghe, nói, đọc, viết
8	Pháp luật đại cương	trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng.	2	Kỳ 3	Tự luận
9	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	Trang bị cho sv những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức, viên chức; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; luật giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác về giáo dục và đào tạo; thực tiễn giáo dục Việt Nam	2	Kỳ 7	Tự luận
10	Tâm lý học trẻ em	Cung cấp cho sv một cách hệ thống các tri	4	Kỳ 1	Tự luận

		thức về tâm lý học trẻ em			
11	Giáo dục học đại cương		2	Kỳ 1	Tiểu luận
12	Giáo dục học mầm non	Cung cấp hệ thống kiến thức về những vấn đề chung của giáo dục mầm non và phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tuổi mầm non.	3	Kỳ 2	Tự luận
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	Trang bị cho sv những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	Kỳ 3	Tiểu luận
14	Giao tiếp sư phạm trong giáo dục mầm non	Cung cấp một cách hệ thống các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về giao tiếp sư phạm trong giáo dục mầm non	2	Kỳ 3	Tự luận
10	Phân tích và phát triển chương trình giáo dục mầm non	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về phát triển chương trình giáo dục mầm non Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.	3	Kỳ 3	Tự luận
11	Thực hành dạy học tại trường	Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ phù hợp với lứa tuổi và thực tiễn giáo dục mầm non.	3	Kỳ 5	Thực hành
12	Rèn luyện NVSP thường xuyên	Hình thành cho sinh viên các kỹ năng hoạt động nghề nghiệp phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của người giáo viên sẽ giảng dạy, giáo dục ở trường mầm non	3	Kỳ 4	Thực hành
13	Thực tập sư phạm 1	Nhằm gắn lí thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên, gắn chặt hơn nữa nơi đào tạo và nơi sử dụng giáo viên.	3	Kỳ 6	Thực hành
14	Thực tập sư phạm 2	Nhằm gắn lí thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên, gắn chặt hơn nữa nơi đào tạo và nơi sử dụng giáo viên.	3	Kỳ 7	Thực hành
15	Toán cơ sở	Cung cấp những khái niệm cơ bản nhất về tập hợp và hình học cơ bản.	2	Kỳ 1	Tự luận
16	Tiếng Việt	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản, cốt yếu về tiếng Việt làm nền tảng cho việc tổ chức hoạt động giáo dục ngôn	3	Kỳ 1	Tự luận

		ngữ cho trẻ mầm non			
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam	2	Kỳ 1	Tự luận
18	Văn học trẻ em	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về văn học trẻ em	2	Kỳ 2	Tự luận
19	Nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học cho trẻ mầm non	Trang bị cho người học các tri thức cơ bản và hệ thống về đọc và kể diễn cảm, đồng thời hình thành năng lực đọc, kể diễn cảm phục vụ các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non	2	Kỳ 3	Thực hành
20	Sinh lý học trẻ em	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các đặc điểm sinh lý trẻ em của sự sinh trưởng và phát triển	3	Kỳ 1	Tự luận
21	Dinh dưỡng trẻ em	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề dinh dưỡng trẻ em, giúp cho SV có những kỹ năng để vận dụng vào việc chăm sóc giáo dục trẻ.	3	Kỳ 2	Tự luận
22	Âm nhạc	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc, về các kỹ thuật trong ca hát	4	Kỳ 2	Tự luận
23	Mỹ thuật	cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về mỹ thuật như khái niệm, các hình thức , ngôn ngữ và nguyên tắc sáng tạo mỹ thuật	3	Kỳ 2	Thực hành
24	Bệnh trẻ em	Trang bị cho sinh viên những tri thức và kỹ năng cần thiết về việc tăng cường sức khỏe, phòng chống một số bệnh tật thông thường ở trẻ em lứa tuổi mầm non	3	Kỳ 3	Tự luận
25	Đồ chơi và đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ thuật và các nguyên tắc làm đồ chơi và đồ dùng dạy học, làm cơ sở cho hoạt động thực hành	3	Kỳ 3	Thực hành
26	Môi trường và con người	Cung cấp và trình bày các kiến thức về con người và sự phát triển của con người, gắn liền với sự tác động của con người vào môi trường, hậu quả của sự tác động đó ngược trở lại đối với con người;	2	Kỳ 1	Tự luận

27	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động vui chơi và phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	Kỳ 4	Tự luận
28	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ ở trường mầm non	Cung cấp những cơ sở lý luận, định hướng cho sinh viên cách thức tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ ở trường mầm non và đánh giá quá trình tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ.	2	Kỳ 4	Tự luận
29	Quản lý giáo dục mầm non	Trang bị cho sinh viên một số kiến thức lý luận về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý ngành học và quản lý trường mầm non	2	Kỳ 4	Tự luận
30	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	Cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại về tâm bệnh học	2		Tự luận
31	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	Trang bị hệ thống các tri thức về một số vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, tiến hành giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non và cách hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non.	2	Kỳ 7	Tự luận
32	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên những cơ sở lý luận và rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động dạy trẻ hình thành những biểu tượng Toán học sơ đẳng.	3	Kỳ 5	Tự luận
33	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó nhằm hình thành và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ từ 0 đến 6 tuổi	3	Kỳ 5	Tự luận
34	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Trang bị cho sinh viên những tri thức lý luận thiết thực về phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học. Trên cơ sở đó nhằm hình thành và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non	3	Kỳ 6	Tự luận
35	Phương pháp chăm sóc và vệ sinh trẻ em	Trang bị cho sinh viên những tri thức và kỹ năng cần thiết về công tác chăm sóc và vệ sinh trẻ ở trường mầm non	3	Kỳ 4	Tự luận

36	Phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh	Trang bị cho sinh viên những tri thức lý luận thiết thực về phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với môi trường xung quanh. Đồng thời hình thành và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non, phân tích và đánh giá được hiệu quả của hoạt động	3	Kỳ 5	Tự luận
37	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	Trang bị cho sv kiến thức và kỹ năng về tổ chức các hoạt động như: ca hát, vận động theo nhạc, nghe hát, trò chơi âm nhạc ở trường mầm non	3	Kỳ 6	Tự luận
38	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nghệ thuật múa, rèn luyện các động tác múa cơ bản cũng như các tri thức và kỹ năng cốt yếu phục vụ cho việc tổ chức dạy múa cho trẻ mầm non	3	Kỳ 4	Thực hành
39	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên những tri thức và kỹ năng cần thiết về việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non	3	Kỳ 6	Tự luận
40	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên các tri thức cơ bản và hệ thống về hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ	3	Kỳ 4	Tự luận
41	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	Chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục.	2	Kỳ 3	Tự luận
42	Kỹ năng tham vấn học đường	Trang bị cho sinh viên sự phạm những hiểu biết về công tác tham vấn trong học đường và ứng dụng được trong thực tiễn học đường.	2	Kỳ 8	Tự luận
43	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	Giới thiệu một số phần mềm chuyên dụng trong dạy học và ứng dụng các phần mềm này trong việc xây dựng các hoạt động dạy học cho trẻ ở trường Mầm non	2	Kỳ 4	Tự luận
44	Phát triển tính tích cực nhận thức cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về tính tích cực nhận thức của trẻ mầm non, sự cần thiết phát triển tính tích cực nhận thức của trẻ trong hoạt động giáo dục	3	Kỳ 7	Tự luận
45	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	Trang bị cho người học các tri thức cơ bản và hệ thống về việc phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non. Hình thành ở người	3	Kỳ 5	Thực hành

		học kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục thể chất nhằm phát triển tính tích cực vận động cho trẻ ở trường mầm non.			
46	Phát triển năng lực sáng tạo cho trẻ mầm non	Giúp sinh viên biết cách áp dụng các hình thức, phương pháp, điều kiện, biện pháp tổ chức các hoạt động một cách linh hoạt, lấy trẻ làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ ở trường mầm non	3	Kỳ 7	Tự luận
47	Sử dụng âm nhạc trong giáo dục mầm non	Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số thể loại âm nhạc, cấu tạo của tác phẩm âm nhạc, một số nhạc cụ thông dụng, về các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ ở trường mầm non theo quan điểm tích hợp	2	Kỳ 7	Tự luận
48	Giáo dục tình cảm- kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên nắm được lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội trong chương trình GDMN, cách tổ chức thực hiện nội dung giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội theo hướng tích hợp chủ đề	2	Kỳ 8	Tự luận
49	Tiếng Anh chuyên ngành giáo dục mầm non	Học phần bước đầu cung cấp và phát triển cho học viên vốn từ vựng và các thuật ngữ tiếng Anh thuộc chuyên ngành	2	Kỳ 8	Tự luận
50	Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	Cung cấp những kiến thức nhằm hỗ trợ cho giáo viên mầm non thực hiện các nhiệm vụ giáo dục chuẩn bị những tiền đề giúp trẻ sẵn sàng với việc học đọc, viết.	2	Kỳ 6	Tự luận
51	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về giáo dục môi trường và giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	Kỳ 8	Tự luận
52	Sử dụng nghệ thuật múa rối ở trường mầm non	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa rối, kỹ thuật làm và biểu diễn của một số loại rối. Hình thành và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tổ chức hoạt động múa rối cho trẻ ở trường mầm non.	2	Kỳ 6	Thực hành
53	Khóa luận tốt nghiệp		6	Kỳ 8	
54	Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non	Giúp sinh viên có những hiểu biết sâu sắc về bản chất của giáo dục tích hợp nói chung và bản chất tích hợp trong giáo dục mầm non nói riêng	3	Kỳ 4	Tự luận

55	Chăm sóc trẻ ở trường mầm non	Trang bị cho sinh viên những tri thức và kỹ năng cần thiết về công tác chăm sóc trẻ ở trường mầm non	3	Kỳ 5	Tự luận

2. Khoa Sinh – Môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Công nghệ sinh học					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)		2		Tự luận
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		Tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3		Tự luận
5	Tin học đại cương (Tin học CN1)		2		Tự luận
6	Tiếng Anh A2.1		3		Tự luận
7	Tiếng Anh A2.2		4		Tự luận
8	Pháp luật đại cương		2		Tự luận
9	Giáo dục thể chất 1		(1)		
10	Giáo dục thể chất 2		(1)		
11	Giáo dục thể chất 3		(1)		
12	Giáo dục thể chất 4		(1)		
13	Giáo dục thể chất 5		(1)		

14	Giáo dục quốc phòng		(4t)		
15	Xác suất thống kê		2		Tự luận
16	Hóa đại cương		2		Tự luận
17	Vật lý đại cương		2		Tự luận
18	Hóa học phân tích		2		Tự luận
19	Tiếng Anh chuyên ngành sinh học		2		Trắc nghiệm
20	Sinh học tế bào		2		Vấn đáp
21	Thực hành sinh học tế bào		1		Vấn đáp
22	Di truyền học		3		Trắc nghiệm
23	Thực hành di truyền học		1		Vấn đáp
24	Sinh học động vật		3		Trắc nghiệm
25	Thực hành sinh học động vật		2		Vấn đáp
26	Sinh học thực vật		3		Vấn đáp
27	Thực hành sinh học thực vật		2		Vấn đáp
28	Vi sinh vật học		3		Vấn đáp
29	Thực hành vi sinh vật học		1		Vấn đáp
30	Cơ sở khoa học môi trường		3		Vấn đáp
31	Tiến hóa và đa dạng sinh học		3		Vấn đáp
32	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên		2		Vấn đáp
33	Hóa sinh học		3		Vấn đáp
34	Thực hành hóa sinh học		1		Vấn đáp
35	Lý sinh học		2		Trắc nghiệm

36	Sinh lý học thực vật		2		Vấn đáp
37	Thực hành sinh lý học thực vật		1		Vấn đáp
38	Sinh lý học động vật		3		Trắc nghiệm
39	Thực hành sinh lý học động vật		1		Vấn đáp
40	Sinh học phân tử		2		Vấn đáp
41	Nhập môn công nghệ sinh học		2		Vấn đáp
42	Thực hành nhập môn công nghệ sinh học		1		Vấn đáp
43	Sinh lý học nấm		2		Vấn đáp
44	Miễn dịch học		2		Vấn đáp
45	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành CN Sinh học		2		Vấn đáp
46	Thực tập kỹ năng tại cơ sở sản xuất và nghiên cứu		2		Vấn đáp
47	Công nghệ ADN tái tổ hợp		2		Vấn đáp
48	Thực hành công nghệ ADN tái tổ hợp		2		Vấn đáp
49	Công nghệ protein-enzyme		2		Vấn đáp
50	Thực hành công nghệ protein-enzyme		2		Vấn đáp
51	Công nghệ sinh học thực vật		2		Vấn đáp
52	Thực hành công nghệ sinh học thực vật		2		Vấn đáp
53	Công nghệ sinh học nấm		2		Vấn đáp
54	Thực hành công nghệ sinh học nấm		1		Vấn đáp
55	Công nghệ sinh học vi sinh vật		2		Vấn đáp
56	Thực hành công nghệ sinh học vi sinh vật		2		Vấn đáp
57	Nguyên lý và thiết bị công nghệ sinh học		3		Vấn đáp

58	Công nghệ sinh học môi trường		2		Vấn đáp
59	Thực hành công nghệ sinh học môi trường		1		Vấn đáp
60	Công nghệ sinh học dược liệu		2		Vấn đáp
61	Thực hành công nghệ sinh học dược liệu		2		Vấn đáp
62	Công nghệ sinh học động vật		2		Vấn đáp
63	Thực tập tốt nghiệp		3		Vấn đáp
64	Chỉ thị phân tử và ứng dụng		2		Vấn đáp
65	Ứng dụng tin học trong CN sinh học		2		Vấn đáp
66	Thực hành Chỉ thị phân tử và ứng dụng		2		Vấn đáp
67	Công nghệ thực vật xử lý môi trường		2		Tự luận
68	Công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch		2		Vấn đáp
69	Thực hành CN chế biến và bảo quản sau thu hoạch		2		Vấn đáp
70	Công nghệ tế bào gốc		2		Tự luận
71	Kỹ thuật trong SX nông nghiệp công nghệ cao		2		Vấn đáp
72	Kiểm nghiệm an toàn lương thực, thực phẩm		2		Vấn đáp
73	Thực hành kiểm nghiệm an toàn lương thực, thực phẩm		2		Vấn đáp
74	Giám sát môi trường bằng sinh vật chỉ thị		2		Tự luận
75	Công nghệ sinh học tảo		2		Vấn đáp
76	Thực hành công nghệ sinh học tảo		2		Vấn đáp
77	Đề án Công nghệ sinh học (tự chọn bắt buộc đối với SV không làm khóa luận TN)		3		Vấn đáp
78	Chuyên đề Công nghệ sinh học		2		Vấn đáp

79	Khóa luận tốt nghiệp		6		
Sư phạm Sinh học					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)		2		Tự luận
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		Tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3		Tự luận
5	Tin học đại cương (Tin học CN1)		2		Tự luận
6	Tiếng Anh A2.1		3		Tự luận
7	Tiếng Anh A2.2		4		Tự luận
8	Pháp luật đại cương		2		Tự luận
9	<i>Giáo dục thể chất 1</i>		(1)		
10	<i>Giáo dục thể chất 2</i>		(1)		
11	<i>Giáo dục thể chất 3</i>		(1)		
12	<i>Giáo dục thể chất 4</i>		(1)		
13	<i>Giáo dục thể chất 5</i>		(1)		
14	<i>Giáo dục quốc phòng</i>		(4t)		
15	Xác suất thống kê		2		Tự luận
16	Hóa đại cương		2		Tự luận
17	Vật lý đại cương		2		Tự luận
18	Hóa học phân tích		2		Tự luận
19	Tiếng Anh chuyên ngành sinh học		2		Trắc nghiệm
20	Sinh học tế bào		2		Vấn đáp

21	Thực hành sinh học tế bào		1		Vấn đáp
22	Di truyền học		3		Trắc nghiệm
23	Thực hành di truyền học		1		Vấn đáp
24	Sinh học động vật		3		Trắc nghiệm
25	Thực hành sinh học động vật		2		Vấn đáp
26	Sinh học thực vật		3		Vấn đáp
27	Thực hành sinh học thực vật		2		Vấn đáp
28	Vi sinh vật học		3		Vấn đáp
29	Thực hành vi sinh vật học		1		Vấn đáp
30	Cơ sở khoa học môi trường		3		Vấn đáp
31	Tiến hóa và đa dạng sinh học		3		Vấn đáp
32	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên		2		Vấn đáp
33	Hóa sinh học		3		Vấn đáp
34	Thực hành hóa sinh học		1		Vấn đáp
35	Lý sinh học		2		Trắc nghiệm
36	Sinh lý học thực vật		2		Vấn đáp
37	Thực hành sinh lý học thực vật		1		Vấn đáp
38	Sinh lý học động vật		3		Trắc nghiệm
39	Thực hành sinh lý học động vật		1		Vấn đáp
40	Sinh học phân tử		2		Vấn đáp
41	Nhập môn công nghệ sinh học		2		Vấn đáp
42	Thực hành nhập môn công nghệ sinh học		1		Vấn đáp

43	Sinh lý học năm		2		Vấn đáp
44	Miễn dịch học		2		Vấn đáp
45	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo		2		Tự luận
46	Tâm lý học giáo dục		4		Tự luận
47	Giáo dục học		3		Tự luận
48	Thực hành tâm lý giáo dục		2		Tự luận
49	Phương pháp luận NCKH (KH Sinh học và GD Sinh học)		2		Vấn đáp
50	Lý luận dạy học Sinh học		3		Tự luận
51	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Sinh học		2		Tự luận
52	Phương pháp dạy học Sinh học		5		Tự luận
53	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông		2		Vấn đáp
54	Phân tích và Phát triển chương trình dạy học Sinh học		2		Vấn đáp
55	Dạy học tích hợp khoa học tự nhiên		2		Vấn đáp
56	Thực hành dạy học sinh học tại trường sư phạm		3		Vấn đáp
57	Thực tập sư phạm 1		3		
58	Thực tập sư phạm 2		3		
59	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		6		
60	<i>Cơ sở chọn giống</i>		2		Vấn đáp
61	<i>Giáo dục và truyền thông môi trường</i>		2		Vấn đáp
62	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>		2		Vấn đáp
63	<i>Chuyên đề dạy học tích hợp KHTN</i>		2		Vấn đáp

64	<i>Ứng dụng tin học trong dạy học sinh học</i>		2		Vấn đáp
65	<i>Bài tập sinh học phổ thông</i>		2		Vấn đáp
66	<i>Kiểm soát sinh học</i>		2		Vấn đáp
67	<i>Giải phẫu người</i>		2		Trắc nghiệm
68	<i>Địa lý tự nhiên đại cương</i>		2		Tự luận
69	<i>Kỹ thuật nông nghiệp</i>		2		Vấn đáp
70	<i>Hóa sinh thực phẩm và chế biến</i>		2		Vấn đáp
71	<i>Dinh dưỡng học</i>		2		Vấn đáp
72	<i>Bảo vệ thực vật</i>		2		Vấn đáp
73	<i>Giáo dục phát triển bền vững</i>		2		Vấn đáp
Quản lý Tài nguyên và Môi trường					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)		2		Tự luận
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		Tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3		Tự luận
5	Tin học đại cương (Tin học CN1)		2		Tự luận
6	Tiếng Anh A2.1		3		Tự luận
7	Tiếng Anh A2.2		4		Tự luận
8	Pháp luật đại cương		2		Tự luận
9	<i>Giáo dục thể chất 1</i>		(1)		
10	<i>Giáo dục thể chất 2</i>		(1)		
11	<i>Giáo dục thể chất 3</i>		(1)		

12	<i>Giáo dục thể chất 4</i>		(1)		
13	<i>Giáo dục thể chất 5</i>		(1)		
14	<i>Giáo dục quốc phòng</i>		(4t)		
15	Giải tích thực và Đại số tuyến tính		3		Tự luận
16	Xác suất thống kê		2		Tự luận
17	Vật lý đại cương		3		Tự luận
18	Hóa đại cương		3		Tự luận
19	Hóa phân tích		2		Tự luận
20	Thực hành hóa đại cương		1		Tự luận
21	Thực hành hóa phân tích		1		Tự luận
22	Sinh học đại cương		3		Vấn đáp
23	Sinh thái học		2		Tự luận
24	Vi sinh Đại cương		2		Vấn đáp
25	Trắc địa Đại cương		3		Tự luận
26	Thực hành trắc địa Đại cương		2		Tự luận
27	Đại cương về trái đất		2		Tự luận
28	Khoa học Môi trường		3		Vấn đáp
29	Đánh giá môi trường		3		Tự luận
30	Kinh tế môi trường		3		Tự luận
31	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường		3		Tự luận
32	Công nghệ môi trường		3		Tự luận
33	Phân tích môi trường		2		Tự luận

34	Thực hành phân tích môi trường		2		Tự luận
35	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên & môi trường		3		Tự luận
36	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường		2		Tự luận
37	Quản lý tổng hợp vùng bờ		3		Vấn đáp
38	Quan trắc môi trường		2		Tự luận
39	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại		2		Tự luận
40	Độc học môi trường		2		Tự luận
41	Quy hoạch môi trường		2		Tự luận
42	Đa dạng sinh học		3		Vấn đáp
43	Biến đổi khí hậu		3		Tự luận
44	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học môi trường		2		Tự luận
45	Quan trắc sinh học		2		Tự luận
46	Thực hành quan trắc sinh học và môi trường		2		Tự luận
47	Tiếng Anh chuyên ngành môi trường		2		Tự luận
48	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường		2		Vấn đáp
49	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước		3		Tự luận
50	Sinh vật phù du trong quan trắc môi trường		2		Tự luận
51	Quản lý nguồn lợi thủy sản		2		Vấn đáp
52	Hệ thống phân loại động vật		2		Tự luận
53	Hệ thống phân loại thực vật		2		Vấn đáp
54	Thực hành vi sinh môi trường		2		Vấn đáp
55	Thực tập kỹ năng		2		Vấn đáp

56	Thực tập nhận thức		2		Vấn đáp
57	Thực tập tốt nghiệp		3		
58	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		6		
59	<i>Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước</i>		2		Tự luận
60	<i>Kiểm soát ô nhiễm bằng thực vật</i>		2		Tự luận
61	<i>Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất</i>		2		Tự luận
62	<i>Tài nguyên và môi trường biển</i>		2		Vấn đáp
63	<i>Hệ thống ISO 14000</i>		2		Tự luận
64	<i>Quản lý tài nguyên nước</i>		2		Tự luận
65	<i>Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp</i>		2		Tự luận
66	<i>Mô hình hóa môi trường</i>		2		Tự luận
67	<i>Quản lý động vật hoang dã</i>		2		Tự luận
68	<i>Du lịch bền vững</i>		2		Tự luận
69	<i>Quản lý tài nguyên môi trường dựa vào cộng đồng</i>		2		Tự luận
71	<i>Đồ án tốt nghiệp</i>		4		Vấn đáp

3. Khoa Giáo dục Tiểu học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Học phần Bắt buộc				
1	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	4	3t/tuần	Thi tự luận
2	Giáo dục học tiểu học (1)	Trang bị kiến thức cơ sở	2	2t/tuần	Thi tự luận

		ngành			
3	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	3	3t/tuần	Thi tự luận
4	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	4	3t/tuần	Thi tự luận
5	Văn học thiếu nhi	Trang bị kiến thức chuyên ngành	4	3t/tuần	Thi tự luận
6	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)	Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn	2	2t/tuần	Thi tự luận
7	Tin học đại cương	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi thực hành
8	Tiếng Anh A2.1	Rèn luyện năng lực sử dụng tiếng Anh	3	3t/tuần	Nghe, nói, đọc, viết
9	Sinh lí học trẻ em	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
10	Cơ sở Toán học 2 của môn Toán ở tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	3	3t/tuần	Thi tự luận
11	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	4	3t/tuần	Thi tự luận
12	Giáo dục học tiểu học (2)	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	3	3t/tuần	Thi tự luận
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
14	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2)	Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn	3	3t/tuần	Thi tự luận
15	Pháp luật đại cương	Trang bị kiến thức về pháp luật	2	2t/tuần	Thi tự luận

16	Tiếng Anh A2.2	Rèn luyện năng lực sử dụng tiếng Anh	4	3t/tuần	Nghe, nói, đọc, viết
17	Thống kê trong giáo dục tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
18	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
19	Âm nhạc và PP giáo dục âm nhạc ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	4	3t/tuần	Thi tự luận
20	Phương pháp NCKHSPUD ở tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Tiểu luận
21	Giáo dục môi trường cho HS tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
22	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn	2	2t/tuần	Thi tự luận
23	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
24	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	4	3t/tuần	Thi tự luận
25	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	4	3t/tuần	Thi tự luận
26	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và PPDH ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	3	3t/tuần	Thi tự luận
27	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
28	Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	2	2t/tuần	Thi tự luận
29	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 1 ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	2	2t/tuần	Thực hành
30	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Xác lập thế giới quan, nhân	3	3t/tuần	Thi tự luận

		sinh quan đúng đắn			
31	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thực hành
32	Thủ công - Kỹ thuật và phương pháp dạy học ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	3	3t/tuần	Thi tự luận
33	Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2 ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	4	3t/tuần	Thi tự luận
34	Thực hành vận dụng PPDH Toán 1 ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	3	3t/tuần	Thi tự luận
35	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
36	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 2 ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	2	2t/tuần	Thực hành
37	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	4	3t/tuần	Thi tự luận
38	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
39	Thực hành vận dụng PPDH Toán 2 ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	3	3t/tuần	Thi tự luận
40	Cơ sở Khoa học Xã hội và PPDH ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	3	3t/tuần	Thi tự luận
41	Thực tập sư phạm 1	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	3	6 tuần	Thực hành
42	Rèn luyện kỹ năng sư phạm 3 ở tiểu học	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	2	2t/tuần	Thực hành
43	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD đào tạo	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận

44	Thực tập sư phạm 2	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	3	6 tuần	Thực hành
45	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
46	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
	Học phần tự chọn				
1	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	5	2t/tuần	Thực hành
2	Giáo dục quốc phòng	Giáo dục quốc phòng	4	4 tuần	Thực hành
3	Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
4	Kỹ năng tham vấn học đường	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
5	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
6	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thực hành
7	Tin học chuyên ngành 2	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thực hành
8	Tổ chức dạy học ở tiểu học theo mô hình trường học mới	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
9	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	Trang bị kiến thức cơ sở ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
10	Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
11	Sử dụng PP bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	2	2t/tuần	Thi tự luận

	học				
12	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
13	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học	Trang bị kiến thức chuyên ngành	2	2t/tuần	Thi tự luận
14	Khóa luận tốt nghiệp	Trang bị kiến thức phương pháp, nghiệp vụ sư phạm	6	Học kì 7 hoặc 8	Khóa luận

4. Khoa Ngữ Văn

*Ngành Thạc sĩ Văn học Việt Nam

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Các phương pháp nghiên cứu văn học	Môn học này cung cấp cho học viên không chỉ những vấn đề có tính lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung mà còn cung cấp một số kiến thức về phương pháp nghiên cứu văn học cụ thể. Ngoài ra, đây còn là chuyên đề giúp học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp một cách thiết thực.	2	Học kì 2	Kết quả môn học được đánh giá dựa trên các phần việc: -Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học; -Bài báo (hoặc tiểu luận) được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình; -Bài thi kết thúc môn học
2	Hiện đại hóa văn học Việt Nam – những vấn đề lý luận và thực tiễn	1. Nhận diện được một cách toàn diện, có hệ thống sự vận động, phát triển của văn học Việt Nam trong tương quan với văn học thế giới, tính tất yếu của quá trình hiện đại hóa văn học; Phân tích, lý giải được các giai đoạn và đặc điểm của quá trình hiện đại hóa	2	HK 2	Kết quả môn học được đánh giá dựa trên các phần việc: -Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học; -Bài báo (hoặc tiểu

		văn học ở Việt Nam cũng như thực trạng tiếp thu và vận dụng các lý thuyết văn học trong quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam. 2. Trên cơ sở kiến thức và phương pháp nghiên cứu, học viên có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề cụ thể của văn học Việt Nam hiện đại.			luận); -Bài thi kết thúc môn học
3	Nghiên cứu văn học dân gian trong bối cảnh hiện đại	- Cho học viên thấy được tiến trình phát triển xã hội tác động đến diện mạo các thể loại văn học dân gian, những đặc trưng cơ bản của loại hình văn học này. Học viên hiểu biết và vận dụng được các lý thuyết nghiên cứu hiện đại vào việc tiếp cận tác phẩm văn học dân gian. - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu các vấn đề văn học dân gian, tác phẩm văn học dân gian dưới ánh sáng của những lý thuyết nghiên cứu hiện đại cũng như khả năng nhận diện, đánh giá chính xác các hiện tượng văn học dân gian Việt Nam.	2	HK 1	- Thảo luận - Bài tập - Thi hết môn
4	Phê bình văn học – lý thuyết và ứng dụng	- Người học nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về lý thuyết phê bình văn học; từ đó đưa ra được những nhận định, đánh giá về tầm quan trọng của lý thuyết phê bình trong hoạt động nghiên cứu và	2	HK 1	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn

		tiếp nhận; - Trên nền tảng kiến thức và phương pháp luận được tích hợp qua học phần, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu những tác phẩm văn học cụ thể.			
5	Thi ca trung đại Việt Nam - những vấn đề thi pháp	Chuyên đề <i>Thi ca trung đại Việt Nam - những vấn đề thi pháp</i> nhằm cung cấp cho học viên những vấn đề về lý thuyết, về phương pháp, kỹ năng nghiên cứu một <i>Thi ca trung đại Việt Nam - những vấn đề thi pháp</i> loại hình văn học cổ điển dưới góc độ thi pháp học.	2	HK 1	- Thuyết trình - Tiểu luận - Thi hết môn
6	Các xu hướng và đặc trưng thẩm mỹ của thơ Việt Nam sau 1975	- Nhận diện được một cách toàn diện, có hệ thống các tiền đề xác định sự xuất hiện của các xu hướng thơ, các xu hướng nổi bật trong thơ Việt Nam sau 1975; những đặc trưng thẩm mỹ của thơ Việt Nam sau 1975. - Trên cơ sở kiến thức và phương pháp nghiên cứu, học viên có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề cụ thể của thơ Việt Nam sau 1975.	2	HK 3	Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học; -Bài báo (hoặc tiểu luận); -Bài thi kết thúc môn học
7	Đặc trưng nghệ thuật truyện truyền kì của người Việt	- Học viên nắm được một cách toàn diện, có hệ thống di sản truyện truyền kì của người	2	HK 1	- Thuyết trình - Tiểu luận - Thi hết môn

		Việt; từ đó đưa ra những nhận định về đặc điểm hình thái, quy luật phát triển, vai trò lịch sử của loại hình này trong tiến trình văn hóa – văn học dân tộc. - Trên cơ sở kiến thức và phương pháp đã tích lũy được qua học phần, học viên có thể vận dụng để giải quyết một vấn đề cụ thể của văn học trung đại Việt Nam.			
8	Tác gia thơ Việt Nam hiện đại	- củng cố và cung cấp kiến thức nâng cao về thơ và truyền thống thơ ca dân tộc qua việc đi sâu tìm hiểu sự kế thừa và phát triển của loại hình tác gia trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại. - Từ việc hướng dẫn cách tiếp cận những tác gia thơ Việt Nam hiện đại nổi bật qua từng chặng đường, môn học cũng sẽ góp phần bồi dưỡng cho học viên về kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu loại hình tác giả, tác phẩm thi ca.	2	HK 3	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
9	Văn học và các loại hình nghệ thuật Việt Nam thời trung đại	Cung cấp những vấn đề nhận thức chủ yếu về mối quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật truyền thống Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng lí giải, suy luận về các thuật ngữ, những cách sử dụng hình ảnh, những motif liên quan. Trên cơ sở đó, giúp người học nhận thức rõ các giá trị/ hệ giá trị thẩm mĩ đặc thù của văn chương	2	HK 1	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn

		nghệ thuật truyền thống. Hiểu rõ vấn đề này cũng đồng thời giúp người học làm thao tác so sánh với những biểu hiện tương tự của văn học và nghệ thuật khu vực.			
10	Tác gia văn xuôi Việt Nam hiện đại	Cung cấp những kiến thức cơ bản, chuyên sâu và phương pháp luận nghiên cứu văn xuôi Việt Nam hiện đại thông qua việc tiếp cận với các loại hình tác gia tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt Nam	2	HK 3	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
11	Tương tác giữa các mã văn bản trong thơ Việt Nam hiện đại	Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu các vấn đề văn học, tác phẩm văn học dưới ánh sáng của những lý thuyết mới cũng như khả năng nhận diện, đánh giá chính xác các hiện tượng văn học ở Việt Nam.	2	HK 3	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
12	Các phạm trù văn hóa trung đại và việc vận dụng nghiên cứu, giảng dạy văn học trung đại Việt Nam	- Chuyên đề này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất chi phối toàn bộ tư duy của người trung đại, đó là quan niệm về thế giới bao gồm: con người vũ trụ; không gian và thời gian; của cải vật chất; pháp luật. - Từ những phạm trù mang tính phổ quát đó soi rọi vào văn học Việt Nam thời trung đại để giải quyết những vấn đề cụ thể của tư duy văn học như phương thức tư duy nghệ thuật, tính tập cổ (mô	2	HK 1	- Thuyết trình - Tiểu luận - Thi hết môn

		phông thể loại, điển tích, điển cố, sử dụng thi liệu) thời gian và không gian trong tác phẩm...			
13	Hiện tượng học với nghiên cứu văn học Việt Nam	- Cung cấp những khái niệm chủ yếu của Hiện tượng học trên cả hai phương diện: nhận thức luận và phương pháp luận, trên cơ sở đó, đi vào giải mã một vài trường hợp cụ thể của văn học Việt Nam theo hướng vận dụng phương pháp cụ thể cho một đối tượng cụ thể. - Rèn luyện kỹ năng áp dụng các phương pháp mới, vận dụng các lý thuyết khoa học xã hội - nhân văn vào nghiên cứu văn học. Mỗi văn bản văn học, tự nó đã là một thực thể ngôn từ “động”. Muốn làm mới cách hiểu cũng như cách nhìn nhận chỉ còn một cách duy nhất, quan tâm tới phương pháp áp dụng để có cái nhìn phù hợp.	1	HK 3	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
14	Lý luận văn học so sánh	- Kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận và phương pháp luận của văn học so sánh. - Kỹ năng: Rèn luyện lý năng ứng dụng nghiên cứu văn học so sánh. - Năng lực: Rèn luyện năng lực nghiên cứu và giảng dạy liên bộ môn.	2	HK 2	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
15	Mĩ học tiếp nhận trong nghiên cứu văn học	- Cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về trào lưu <i>Mĩ học tiếp nhận</i>, qua đó giúp người học có thể nhận diện bản chất lý	2	HK 1	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn

		thuyết cùng những biểu hiện cụ thể của nó trong văn học Việt Nam và văn học thế giới. - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu các vấn đề văn học, tác phẩm văn học dưới góc nhìn của lý thuyết <i>Mĩ học tiếp nhận</i>, vận dụng được lý thuyết để nghiên cứu những hiện tượng cụ thể trong văn học Việt Nam và văn học thế giới.			
16	Phân tâm học và văn học Việt Nam hiện đại	+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết phân tâm học; phóng chiếu từ phân tâm học để xác định những thành tựu của văn học (chủ yếu là văn học Việt Nam hiện đại). + Trang bị cho học viên phương pháp luận/kỹ năng nghiên cứu, phê bình văn học từ góc độ phân tâm học.	2	Hk 2	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
17	Thể loại phóng sự trong văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới	- Kiến thức: Học viên nắm được các vấn đề lý luận về thể loại phóng sự; những đặc điểm, những cách tân của phóng sự thời kỳ đổi mới, trên cơ sở đó nhận diện những đóng góp của thể loại phóng sự đối với tiến trình đổi mới văn học. - Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tác phẩm thuộc thể loại phóng sự, gợi mở một số vấn đề về sáng tạo tác phẩm phóng sự.	2	HK 3	- Kiểm tra - Tiểu luận - Thi hết môn

18	Thi pháp học hiện đại – lý thuyết và ứng dụng	- Nắm được một cách hệ thống những kiến thức mới mẻ, hiện đại về thi pháp học. - Nắm được các thao tác, thủ pháp nghiên cứu văn học theo hướng thi pháp. - Biết cách vận dụng các vấn đề của khoa học ngôn ngữ vào các lĩnh vực nghiên cứu văn học nói chung và thi pháp học nói riêng.	2	HK 2	- Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học; - Bài tiểu luận được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình - Bài thi kết thúc môn học
19	Tu từ học và phong cách văn bản nghệ thuật	- Chuyên đề này hướng đến việc phân tích sâu về cơ chế ngữ nghĩa và giá trị tu từ của các phương tiện và các biện pháp tu từ tiếng Việt, từ đó hướng đến các phương pháp phân tích các sự kiện ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật. - Sau khi học xong chuyên đề, người học có được các công cụ cần thiết để giải mã một cách thuyết phục các tác phẩm văn chương.	2	HK 2	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
20	Tương quan văn hóa Đông Nam Á trong văn học Việt Nam trung đại	- Nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại trong bối cảnh cụ thể sẽ giúp người học xác định được phần nền cũng như nét đặc thù của nó. Trên cơ sở đó, các vấn đề như quan hệ văn học, cơ tầng văn hóa, ngôn ngữ, tư tưởng đặc trưng... cũng được giải quyết. - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu,	2	HK 1	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn

		phát hiện và giải quyết các vấn đề văn học cụ thể như: vấn đề về mối quan hệ giữa văn hóa và văn học, vấn đề đặc trưng hình tượng thẩm mỹ chung của cộng đồng, những ý thức ngưỡng vọng chung như một chỉnh thể tâm lý tộc người... đồng thời rèn luyện khả năng nhận diện, đánh giá chính xác các hiện tượng văn học Việt Nam trung đại.			
20	Tương quan văn hóa và văn học Việt Nam	- Bồi đắp thêm kiến thức về tiếp nhận tác phẩm tiểu thuyết Việt Nam đương đại từ việc phân tích một số khuynh hướng tương tác văn bản trong văn bản văn học; tạo tiền đề giải mã các hiện tượng tiểu thuyết Việt Nam được sáng tác theo chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại. - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu các vấn đề văn học, tác phẩm văn học dưới sự tham chiếu của các trường tương tác văn bản; hướng đến định giá hiệu ứng của lý thuyết liên văn bản/ tương tác văn bản trong việc nghiên cứu hiện tượng văn học Việt Nam. Qua đó, nâng cao kỹ năng nghiên cứu liên ngành của học viên.	2	HK 2	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
21	Các xu hướng và đặc trưng thẩm mỹ của thơ	- Nhận diện được một cách toàn diện, có hệ thống các tiền đề xác	2	HK 3	- Thuyết trình - Tiểu luận

	Việt Nam sau 1975	định sự xuất hiện của các xu hướng thơ, các xu hướng nổi bật trong thơ Việt Nam sau 1975; những đặc trưng thẩm mỹ của thơ Việt Nam sau 1975. - Trên cơ sở kiến thức và phương pháp nghiên cứu, học viên có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề cụ thể của thơ Việt Nam sau 1975.			- Thi hết môn
22	Mĩ học tiếp nhận trong nghiên cứu văn học	- Cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về trào lưu <i>Mĩ học tiếp nhận</i>, qua đó giúp người học có thể nhận diện bản chất lý thuyết cùng những biểu hiện cụ thể của nó trong văn học Việt Nam và văn học thế giới. - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu các vấn đề văn học, tác phẩm văn học dưới góc nhìn của lý thuyết <i>Mĩ học tiếp nhận</i>, vận dụng được lý thuyết để nghiên cứu những hiện tượng cụ thể trong văn học Việt Nam và văn học thế giới.	2	HK 1	- Kiểm tra - Thực hành - Thi hết môn
23	Phân tâm học và văn học Việt Nam hiện đại	+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết phân tâm học; phóng chiếu từ phân tâm học để xác định những thành tựu của văn học (chủ yếu là văn học Việt Nam hiện đại). + Trang bị cho học viên phương pháp luận/kỹ năng nghiên cứu,	2	HK 2	- Kiểm tra - Thực hành Thi hết môn

		phê bình văn học từ góc độ phân tâm học.			

*** Ngành Tiến sĩ Văn học Việt Nam**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đặc trưng loại hình văn xuôi tự sự văn học trung đại Việt Nam	Sau khi hoàn thành học phần này, nghiên cứu sinh cần đạt được những mục tiêu tối thiểu sau: Nghiên cứu sinh làm chủ được những kiến thức mới mẻ, hiện đại về loại hình văn học trung đại, những điều mà trước đây chưa được trang bị hoặc mới chỉ được giới thiệu sơ lược. Thông qua môn học này, nghiên cứu sinh được tiếp cận một số phương pháp, thao tác, kỹ năng nghiên cứu loại hình văn học đặc thù. Trên cơ sở những kiến thức và phương pháp đã được học tập, nghiên cứu sinh có thể vận dụng để tự mình nghiên cứu, giải quyết các vấn đề cụ thể của văn xuôi trung đại Việt Nam.		Học kì 3	Kết quả môn học được đánh giá dựa trên các phần việc: 1. Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học; 2. Bài báo (hoặc tiểu luận) được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình; 3. Bài thi kết thúc môn học. Trọng số tính điểm môn học như sau: $\text{ĐMH} = (\text{TT} \times 0,2) + (\text{TL} \times 0,4) + (\text{ĐT} \times 0,4)$
2	Tương tác loại hình trong văn học Việt Nam thế kỷ XIX đầu	Nghiên cứu sinh cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau:		Học kì 2	Kết quả môn học

	thế kỷ XX	- Nghiên cứu sinh nắm được một hướng tiếp cận mới mẻ về lịch sử văn học dân tộc. Từ đây, người học được trang bị thêm những kiến thức cần thiết về lý thuyết và lịch sử văn học; một số phương pháp nghiên cứu chuyên ngành hiện đại. - Trên cơ sở những kiến thức và phương pháp đã được tích lũy, nghiên cứu sinh có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề cụ thể cho hoạt động nghiên cứu của mình.			được đánh giá dựa trên các phần việc: 1. Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học; 2. Bài báo (hoặc tiểu luận) được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình; 3. Bài thi kết thúc môn học. Trọng số tính điểm môn học như sau: $\text{ĐMH} = (\text{TT} \times 0,2) + (\text{TL} \times 0,4) + (\text{ĐT} \times 0,4)$
3	Truyện truyền kỳ trong văn học trung đại Việt Nam	Nghiên cứu sinh cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau: 1. Nghiên cứu sinh nắm được một cách toàn diện, có hệ thống di sản truyện truyền kỳ Việt Nam; từ đó đưa ra những nhận định về đặc điểm hình thái, quy luật phát triển, vai trò lịch sử của loại hình này trong tiến trình văn hóa – văn học dân tộc. 2. Trên cơ sở kiến thức và phương pháp đã tích lũy được qua học		Học kì 3	Kết quả môn học được đánh giá dựa trên các phần việc: 1. Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học;

		phân, nghiên cứu sinh có thể vận dụng để giải quyết một vấn đề cụ thể của văn học trung đại Việt Nam.			2. Bài báo (hoặc tiểu luận) được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình; 3. Bài thi kết thúc môn học. Trọng số tính điểm môn học như sau: $\text{ĐMH} = (\text{TT} \times 0,2) + (\text{TL} \times 0,4) + (\text{ĐT} \times 0,4)$
4	Văn học Việt Nam hải ngoại	Nghiên cứu sinh cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau: 1. Nhận diện được một cách toàn diện, có hệ thống các giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam hải ngoại; nhận diện được các đặc điểm chính, nổi trội của bộ phận văn học này; từ đó có thể nhận thức, đánh giá được vị trí, vai trò của văn học Việt Nam hải ngoại đối với tiến trình văn học dân tộc. 2. Trên cơ sở kiến thức và phương pháp nghiên cứu, nghiên cứu sinh có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề cụ thể của văn học Việt Nam hải ngoại.			Kết quả môn học được đánh giá dựa trên các phần việc: 1. Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học; 2. Bài báo (hoặc tiểu luận) được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình; 3. Bài thi kết thúc môn học. Trọng số tính điểm

					môn học như sau: $\text{ĐMH} = (\text{TT} \times 0,2) + (\text{TL} \times 0,4) + (\text{ĐT} \times 0,4)$
5	Khuynh hướng hiện sinh trong thơ Việt Nam hiện đại	Nghiên cứu sinh cần đạt được mục tiêu sau: 1. Có một cách nhìn toàn diện, hệ thống và lí giải một cách thấu đáo những biểu hiện của khuynh hướng hiện sinh trong tiến trình vận động, phát triển của thơ Việt Nam hiện đại; từ đó đưa ra nhận định về thành tựu, cũng như hạn chế của khuynh hướng này. 2. Trên cơ sở kiến thức và phương pháp đã tích lũy, nghiên cứu sinh có thể vận dụng để nghiên cứu một hiện tượng cụ thể của thơ Việt Nam hiện đại.			Kết quả học phần được đánh giá dựa trên các tiêu chí: 1. Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung học phần; 2. Bài báo (hoặc tiểu luận) được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình; 3. Bài thi kết thúc học phần. Trọng số tính điểm học phần như sau: $\text{ĐHP} = (\text{TT} \times 0,2) + (\text{TL} \times 0,4) + (\text{ĐT} \times 0,4)$

6	Phương pháp nghiên cứu tác gia văn học	Nghiên cứu sinh cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau: 1. Nghiên cứu sinh nắm được một cách toàn diện, có hệ thống phương pháp luận nghiên cứu về tác gia văn học; từ đó đưa ra được những nhận định, đánh giá về tầm quan trọng của chủ thể sáng tác trong đời sống văn học và hoạt động nghiên cứu. 2. Trên cơ sở kiến thức và phương pháp đã tích lũy được qua học phần, nghiên cứu sinh có thể ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu những tác gia văn học cụ thể mà mình cần tìm hiểu, khám phá.		Học kì 2	Kết quả học được đánh giá dựa trên các phần việc 1. Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung học phần; 2. Bài báo (hoặc tiểu luận) được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình; 3. Bài thi kết thúc học phần. Trọng số tính điểm như sau: $\text{ĐMH} = (\text{TT} \times 0,2) + (\text{TL} \times 0,4) + (\text{ĐT} \times 0,4)$
7	Lý thuyết lịch sử văn học và sự phân kỳ lịch sử văn học Việt Nam	Sau khi hoàn thành học phần này, nghiên cứu sinh có những hiểu biết sâu sắc về lịch sử văn học, sự phân kỳ lịch sử văn học, vấn đề phân kỳ lịch sử văn học Việt Nam... Nghiên cứu sinh có thể vận dụng kiến thức, lý thuyết mới vào việc đánh giá các công trình văn học sử, biên soạn lịch sử văn học Việt Nam...		2	Kết quả học phần được đánh giá dựa trên các tiêu chí: 1. Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung học phần; 2. Bài báo

					(hoặc tiểu luận) được phát triển từ vấn đề đã thuyết trình; 3. Bài thi kết thúc học phần. Trọng số tính điểm học phần như sau: $\text{ĐHP} = (\text{TT} \times 0,2) + (\text{TL} \times 0,4) + (\text{ĐT} \times 0,4)$

*** Ngành Thạc sĩ Ngôn ngữ học**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học		4	HK 1	
2	Địa danh học	Môn học những kiến thức cơ bản nhất về địa danh học với tư cách là một chuyên ngành của Danh học. Học viên sẽ nắm bắt những đặc điểm của địa danh Việt Nam từ góc nhìn ngôn ngữ học và quá trình vận động lịch sử của nó. Đồng thời, học viên sẽ biết cách vận dụng kiến thức về địa danh học để phân tích từng địa danh	2	HK 1	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi

		trên hai bình diện ngôn ngữ và văn hóa, từ đó có thể phác họa một chân dung lịch sử của từng địa danh mà mình tiếp cận được.			hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
3	Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	Môn học giúp học viên nắm được các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu ngôn ngữ, đặc biệt là cách miêu tả và so sánh các đơn vị ngôn ngữ. Từ đó giúp học viên vận dụng các phương pháp trên vào việc nghiên cứu những vấn đề của ngôn ngữ.	2	HK 1	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
4	Tình thái trong ngôn ngữ và động từ tình thái tiếng Việt	Môn học cung cấp cho học viên những vấn đề lí thuyết cần thiết về tình thái ngôn ngữ, đưa ra một bức tranh toàn cảnh về các phương tiện ngôn ngữ biểu thị ý nghĩa tình thái trong tiếng Việt. Môn học miêu tả và phân tích một phương tiện tình thái là động từ tình thái tiếng Việt. Từ đó giúp cho học viên có những tri thức và thủ pháp cần thiết để nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ ngữ học và tiếng Việt hiện đại.	2	HK 1	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
5	Lý thuyết thành phần câu và thành phần câu	Môn học giúp học viên nắm được những khái niệm cơ bản của	2	HK 1	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết),

	tiếng Việt	lý thuyết thành phần câu, có kỹ năng phân tích cú pháp câu. Những yêu cầu cụ thể sau khi hoàn thành môn học gồm: Nắm được các khái niệm, thuật ngữ về thành phần câu. Biết vận dụng kiến thức lý thuyết vào nhận diện, phân tích cú pháp câu. Thực hiện các đề tài nghiên cứu chuyên sâu về thành phần câu của các tác phẩm văn học cụ thể, chỉ ra những nét riêng, đặc sắc có thể có của các tác giả qua câu văn và cách hành văn của họ...			trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
6	Ngữ dụng học với văn bản nghệ thuật	Cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ngữ dụng học. Ứng dụng những kiến thức về lý thuyết của ngữ dụng học vào việc phân tích diễn ngôn nói chung và giải mã các tác phẩm văn học nói riêng; rèn luyện kỹ năng nghiên cứu các văn bản nghệ thuật dưới ánh sáng của lý thuyết này.	2	HK 1	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
7	Các vấn đề của ngữ pháp chức năng trong Việt ngữ học	Cung cấp cho học viên một trong những lý thuyết ngữ pháp hiện đại có khả năng phân tích, lý giải nhiều vấn đề của ngôn ngữ học đại cương nói chung và Việt ngữ học nói riêng để học viên sau khi học xong có thể vận dụng quan điểm chức năng để nghiên cứu	2	HK 1	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo

		tiếng Việt			luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
8	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	Chuyên đề cung cấp cho học viên hệ thống những khái niệm cơ bản nhất, những thuật ngữ chuyên dùng, những vấn đề lí thuyết cần thiết về ngôn ngữ báo chí và truyền thông. Trên cơ sở đó, người dạy hướng dẫn cho học viên ứng dụng kiến thức đã học để tạo lập văn bản báo chí.	2	HK 1	
9	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học	Môn học giúp học viên thấy được vai trò của ngôn ngữ trong thể giới nghệ thuật của tác phẩm, vai trò của ngôn ngữ đối với người cầm bút và đối với năng lực thụ cảm của người đọc. Đồng thời môn học cũng giúp học viên xác định quy trình: đi từ hình thức đến nội dung, từ cơ chế ngôn ngữ đến hình tượng văn học, nhằm tiếp cận tác phẩm một cách khoa học nhất.	2	HK 2	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.

10	Từ xưng hô tiếng Việt	Cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về từ xưng hô nói chung và từ xưng hô tiếng Việt nói riêng. Ứng dụng những kiến thức về lí thuyết ngôn ngữ học vào việc phân tích giá trị ngữ nghĩa, ngữ dụng của từ xưng hô tiếng Việt; rèn luyện kĩ năng nghiên cứu các nhóm từ vựng văn hóa.	2	HK 2	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
11	Các hướng ứng dụng ngôn ngữ học	Cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về những hướng ứng dụng của ngôn ngữ. Cung cấp những lí luận và thủ pháp để học viên có thể ứng dụng ngôn ngữ học vào một lĩnh vực nào đó mà mình quan tâm.	2	HK 2	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
12	Lý thuyết ngôn ngữ học văn bản	Môn học giúp học viên từ việc nắm được những nắm những kiến thức về lý thuyết ngôn ngữ học văn bản đến vận dụng lý thuyết và thao tác nghiên cứu vào việc phân tích đánh	2	HK 3	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành

		giá kết cấu văn bản cụ thể, hình thành kỹ năng cấu tạo và tiếp nhận văn bản.			là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.
13	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	1. Chuyên đề nhằm cung cấp cho những kiến thức cũng như những hiểu biết nhất định về: a) Sự hình thành và phát triển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (NNDTTSVN) trong bối cảnh các ngôn ngữ khu vực ĐNA. b) Đặc điểm loại hình, cấu trúc, chữ viết, đặc điểm XHNNH các NNDTTSVN 2. Giúp cho học viên có cách nhìn toàn cảnh khi nghiên cứu NNDTTS (trong mối quan hệ với các yếu tố khác của văn hóa), và biết cách áp dụng các thủ pháp nghiên cứu trên cơ sở của phương pháp nghiên cứu liên ngành và đa ngành. 3. Học viên nắm phải nắm vững sự hình thành, đặc điểm về cấu trúc, loại hình, vị thế, chức năng và chữ viết NNDTTS	2	HK 3	Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận. Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm

					tiểu luận. Toàn bộ môn học gồm 2 đvtc (30 tiết), trong đó phần giảng lý thuyết là 20 tiết, phần thực hành là 10 tiết dành để thảo luận và thực hiện một số bài tập theo hướng dẫn của giảng viên. Hình thức thi hết môn có thể thi viết hoặc làm tiểu luận.

*** Ngành Tiến sĩ Ngôn ngữ học**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Các vấn đề của ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Việt	<i>Về kiến thức:</i> + Nắm được những vấn đề thuộc nội dung của ngữ pháp học, một phân môn quan trọng của ngôn ngữ học. Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến giải khác nhau về các đơn vị của ngữ pháp học; các phương thức ngữ pháp, các phạm trù ngữ pháp; hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về cấu trúc của từ và	3	HK 2	- Thuyết trình - Thảo luận - Tiểu luận

	một số vấn đề về sự phân định các lớp từ có cùng đặc trưng ngữ pháp; về cấu trúc câu và chức năng của câu. + Trình bày được những quan điểm khác nhau của các nhà ngôn ngữ học về các vấn đề của ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Việt; + Nắm được các đối tượng nghiên cứu của ngữ pháp học; + Nắm được các đặc điểm của tiếng Việt về ngữ pháp. + Nhận diện từ, phân biệt từ với hình vị, cụm từ, câu; phân biệt từ láy, từ ghép, từ ngẫu kết. + Nắm được các tiêu chí phân chia từ loại và nhận diện từ loại của các từ trong hoạt động hành chức. + Hiểu được một cách sâu sắc về đặc điểm cấu trúc, chức năng của câu và dễ dàng nhận diện được các loại câu khác nhau phân loại theo ngữ pháp. - Về kỹ năng: + Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau về			

		các vấn đề của ngữ pháp học. + Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau của các nhà Việt ngữ học về hình vị, từ, câu tiếng Việt. + Vận dụng những kiến thức đã học để có thể tự mình hình thành những hiểu biết có hệ thống về ngữ pháp tiếng Việt: cấu tạo từ, từ loại, cụm từ, câu tiếng Việt. + Rèn luyện kỹ năng tự đánh giá khi tiếp cận các vấn đề khác của Việt ngữ học.			
2	Các trường phái ngôn ngữ học châu Âu	- Về kiến thức + Nắm được bối cảnh ra đời của các trường phái ngôn ngữ học Châu Âu + Nắm được sự khác biệt của các trường phái ngôn ngữ học này với các trường phái ngôn ngữ thời Saussure. + Cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về các trường phái ngôn ngữ học Châu Âu sau Saussure. - Về kỹ năng + Biết vận dụng các hiểu biết về các trường phái ngôn ngữ học thời sau Saussure để nhìn nhận về sự phát triển của ngôn	3	HK 2	- Thuyết trình - Thảo luận - Tiểu luận

		ngữ học, dùng những quan điểm của các trường phái này để giải thích một số hiện tượng của ngôn ngữ.			
3	Một số vấn đề ngôn ngữ học xã hội	Về mặt lý thuyết: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học xã hội, những lĩnh vực và nội dung chủ yếu của khoa học này. Về mặt thực hành: Môn học giúp cho người học có thể giải đáp những vấn đề về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với xã hội và góp phần giúp người học định hướng việc sử dụng ngôn ngữ.	3	HK 2	- Thuyết trình - Tiểu luận - Thi hết môn
4	Một số vấn đề phân tích diễn ngôn	Hiểu về diễn ngôn, các bộ phận, các đơn vị, các tổ chức bên trong diễn ngôn, một số vấn đề lý luận, phương pháp trong nghiên cứu diễn ngôn. - Áp dụng được được hệ thống lí luận để phân tích các loại diễn ngôn một cách thuyết phục.	3	HK 2	- Kiểm tra và đánh giá Thi cuối kì/
		- Về kiến thức: + Nắm được những vấn đề thuộc nội dung của ngữ			- Thuyết trình - Thảo luận - Tiểu luận

		pháp học, một phân môn quan trọng của ngôn ngữ học. Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến giải khác nhau về các đơn vị của ngữ pháp học; các phương thức ngữ pháp, các phạm trù ngữ pháp; hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về cấu trúc của từ và một số vấn đề về sự phân định các lớp từ có cùng đặc trưng ngữ pháp; về cấu trúc câu và chức năng của câu. + Trình bày được những quan điểm khác nhau của các nhà ngôn ngữ học về các vấn đề của ngữ pháp học và ngữ pháp tiếng Việt; + Nắm được các đối tượng nghiên cứu của ngữ pháp học; + Nắm được các đặc điểm của tiếng Việt về ngữ pháp. + Nhận diện từ, phân biệt từ với hình vị, cụm từ, câu; phân biệt từ láy, từ ghép, từ ngẫu kết. + Nắm được các tiêu chí phân chia từ loại và nhận diện từ loại của các từ trong hoạt động hành chức. + Hiểu được một cách sâu sắc về đặc điểm cấu trúc,			

		chức năng của câu và dễ dàng nhận diện được các loại câu khác nhau phân loại theo ngữ pháp. - Về kỹ năng: + Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau về các vấn đề của ngữ pháp học. + Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau của các nhà Việt ngữ học về hình vị, từ, câu tiếng Việt. + Vận dụng những kiến thức đã học để có thể tự mình hình thành những hiểu biết có hệ thống về ngữ pháp tiếng Việt: cấu tạo từ, từ loại, cụm từ, câu tiếng Việt. + Rèn luyện kỹ năng tự đánh giá khi tiếp cận các vấn đề khác của Việt ngữ học.			

***Ngành Sư phạm Ngữ Văn**

ST T	TÊN HỌC PHẦN	MỤC ĐÍCH MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	LỊCH TRÌNH H GIẢNG DẠY	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản	2	Học kì 2	- Thảo luận, bài tập: trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ: trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số: 0,6

		Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.			
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung các học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các lĩnh vực chuyên môn khác trong chuyên ngành đào tạo.	3	Học kì 3	- Thảo luận, bài tập: trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ: trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số: 0,6
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh. - Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kì 4	- Thảo luận, bài tập: trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ: trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số: 0,6
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo; sinh viên biết sống theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên biết vận dụng	3	Học kì 5	- Thảo luận, bài tập: trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ: trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số: 0,6

		kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.			
5	Tin học đại cương (Tin học CN1)	* Kiến thức: - Kiến thức cơ bản về các khái niệm tin học và máy tính điện tử. - Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows. - Kiến thức về tin học văn phòng: Microsoft Word, PowerPoint. - Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức: Microsoft Excel, Soạn thảo và chuyển đổi định dạng nội dung, Bản đồ tư duy * Kỹ năng: - Lựa chọn máy tính phù hợp với yêu cầu và mục đích sử dụng. - Làm việc với tệp tin, thư mục, ổ đĩa; tổ chức, tìm kiếm dữ liệu trên máy tính và trên Internet. - Soạn thảo, định dạng, trình bày trang trí và in ấn văn bản phục vụ cho học tập và các hoạt động khác. - Cách tổ chức văn bản của tệp tin trình diễn, các hiệu ứng các đối tượng và các slide trong bài thuyết trình. - Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức để hình thành kỹ năng: + Thao tác dữ liệu với Microsoft Excel + Kỹ năng về cắt, ghép và chuyển đổi định dạng dữ liệu đa phương tiện + Kỹ năng tạo thuyết trình điện tử với sự trợ giúp của phần mềm chuyên nghiệp + Kỹ năng sử dụng bản đồ tư duy vào học tập * Thái độ: - Yêu thích môn học. - Có nhu cầu tìm kiếm, khai thác thông tin để phục vụ chuyên ngành học của mình.	2	Học kì 2	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
6	Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng		7		

	Trung)				
	Tiếng Anh A2.1	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR	(3)	Học kì 6	- Trong các học phần này, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên không chỉ bằng các bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ mà còn bằng các cách đánh giá khác nhau như chuyên cần, tham gia vào giờ học, thuyết trình v.v. Giáo viên trực tiếp giảng dạy sẽ quyết định chọn hình thức đánh giá phù hợp với sinh viên và thời lượng học. Điểm của phần này chiếm 20% tổng điểm của học phần. - Sinh viên sẽ có bài kiểm tra giữa kỳ học do giáo viên trực tiếp giảng dạy đảm trách với trọng số điểm chiếm 30% tổng điểm cho từng học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2. - Kết thúc mỗi học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, sinh viên sẽ có bài thi do Tổ khảo thí của trường Đại học Ngoại ngữ đảm nhận nhằm đánh giá kết quả học tập với trọng số điểm chiếm 50% tổng điểm cả học phần
	Tiếng Anh A2.2		(4)	Học kì 7	
	Tiếng Trung 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức ban đầu về kiến thức tiếng Trung như ngữ âm, chữ viết và một số mẫu câu thông dụng được sử dụng trong 10 tình huống giao tiếp thông thường. Lượng từ vựng cung cấp khoảng 200 từ. Hoàn thành chương trình học viên phải đạt trình độ A HSK cơ sở (theo chuẩn đánh giá trình độ tiếng Hán cho người nước ngoài của Trung Quốc) và vận dụng được kiến thức	(3)	Học kì 6	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		vào trong quá trình giao tiếp thông thường nhất trong sinh hoạt hàng ngày. Chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe, nói và viết chữ Hán.			
	Tiếng Trung 2	Tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn tiếng Trung như: chữ viết, từ vựng và một số mẫu câu thông dụng được sử dụng trong 15 tình huống giao tiếp thông thường. Lượng từ vựng cung cấp khoảng 300 từ. Phát triển kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cho người học (trọng tâm là kỹ năng nghe và nói). Hoàn thành chương trình học viên phải đạt trình độ B HSK cơ sở (theo chuẩn đánh giá trình độ tiếng Hán cho người nước ngoài của Trung Quốc) và vận dụng được kiến thức vào trong quá trình giao tiếp thông thường nhất trong sinh hoạt hàng ngày.	(2)	Học kì 7	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 10 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
	Tiếng Trung 3	Tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn tiếng Trung như: chữ viết, từ vựng và một số mẫu câu thông dụng được sử dụng trong 15 tình huống giao tiếp thông thường. Lượng từ vựng cung cấp khoảng 300 từ. Phát triển kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cho người học (trọng tâm là kỹ năng nghe và nói) Hoàn thành chương trình học viên phải đạt trình độ C HSK cơ sở (theo chuẩn đánh giá trình độ tiếng Hán cho người nước ngoài của Trung Quốc) và vận dụng được kiến thức vào trong quá trình giao tiếp thông thường nhất trong sinh hoạt hàng ngày.	(2)	Học kì 6	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1.0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
7	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: - Giải thích đúng về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử. - Phân tích đúng nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng trong xã hội; phân biệt các kiểu và hình thức Pháp luật. - Nắm vững hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa và bộ máy nhà nước nước	2	Học kì 2	Thảo luận và bài tập : 10% Kiểm tra giữa học kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

		Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nắm vững các vấn đề cơ bản về khoa học pháp lý như: quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật; hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. - Trình bày đúng một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự Việt Nam. • Về kỹ năng: - Tập hợp, khai thác những thông tin pháp lý từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ công việc; hình thành kỹ năng đánh giá, phân tích và giải thích những hiện tượng pháp lý. - Vận dụng những tri thức pháp lý liên quan đến một số chế định trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết những tình huống pháp luật thông thường trong đời sống xã hội và thực thi pháp luật trong cuộc sống. • Về thái độ: Tin tưởng vào nhà nước và pháp luật Việt Nam; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật; tích cực tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.			
8	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	Về kiến thức: 1. Nêu và phân tích được bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam. 2. Hiểu và phân tích được những vấn đề cơ bản về Nhà nước, quản lý hành chính Nhà nước. 3. Chỉ ra được đối tượng, chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của CB, CC, VC. 4. Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa công chức và viên chức 5. Xác định được bộ máy hành chính nhà nước nói chung và bộ máy quản lý giáo dục của	2	Học kì 6	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra giữa kỳ: (tiểu luận hoặc thi trắc nghiệm): 0.3 - Thi cuối kỳ: (tự luận): 0.6

		Việt Nam. 6. Phân tích được bối cảnh quốc tế và trong nước có ảnh hưởng đến giáo dục nước ta. 7. Đánh giá một cách khách quan thực trạng giáo dục nước ta 8. Chỉ ra nguyên nhân đạt được thành tựu cũng như yếu kém 9. Trình bày được quan điểm chỉ đạo trong việc phát triển giáo dục 10. Phân tích được mâu thuẫn trong việc phát triển giáo dục 11. Phân tích được lý do ban hành Luật giáo dục mới 12. Tổng hợp được những điểm mới trong Luật giáo dục và Sửa đổi Luật giáo dục 13. Trình bày được mục tiêu, nguyên lý giáo dục và mục tiêu giáo dục các cấp học 14. Phân tích được tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo 15. Nêu và phân tích được được những việc nhà giáo và người học không được làm 16. Nêu được mục đích, ý nghĩa của Điều lệ nhà trường 17. Khả năng tìm đọc và vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật khác về giáo dục và đào tạo ở cấp/ bậc dạy trong tương lai để thực hiện đúng trong hoạt động nghề nghiệp. Kỹ năng: 1. Bước đầu phát hiện và nghiên cứu giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý giáo dục và hoạt động nghề nghiệp . 2. Hiểu và thực hiện đúng chức trách khi tham gia các hoạt động giáo dục 3. Có được kỹ năng thu thập và xử lý thông tin về quản lý giáo dục, quản lý trường, lớp học. Thái độ: 1. Có hứng thú học tập và nghiên cứu môn QLHCNN - QLNGD cũng như các hoạt động liên quan đến quản lý giáo dục trong nghề nghiệp tương lai.			

		2. Có ý thức tu dưỡng và rèn luyện để có chuẩn mực người giáo viên tương lai. 3. Có niềm tin sự phạm, tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề mến trẻ. Các mục tiêu khác: 1. Có được kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm 2. Có được kỹ năng thuyết trình			
9	Giáo dục thể chất 1		(1)		
10	Giáo dục thể chất 2		(1)		
11	Giáo dục thể chất 3		(1)		
12	Giáo dục thể chất 4		(1)		
13	Giáo dục thể chất 5		(1)		
14	Giáo dục quốc phòng		(4t)		
15	Tâm lý học giáo dục	Kiến thức: Sinh viên hiểu và phân tích được: - Quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý của con người qua các giai đoạn lứa tuổi khác nhau, - Những đặc trưng tâm lý chủ yếu của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. - Những quy luật tâm lý của việc dạy học và giáo dục. - Tâm lý học nhân cách người thầy giáo. - Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần học đường và sự hỗ trợ tâm lý của người giáo viên. Kỹ năng - Kỹ năng cứng: Vận dụng kiến thức để + Giải thích các nguyên nhân thành công hay thất bại của các tác động sư phạm. + Đề xuất, thể hiện những tác động sư phạm khoa học trong quá trình dạy học và giáo dục. - Kỹ năng mềm: + Hình thành kỹ năng hợp tác với người khác trong hoạt động. + Hình thành kỹ năng thuyết trình	4	Học kì 1	

		vấn đề. Thái độ - Đánh giá đúng vị trí, vai trò của việc nắm được các kiến thức về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm đối với lao động sư phạm, từ đó có ý thức trong việc học tập, rèn luyện để trở thành người giáo viên trong tương lai. - Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống và nghề nghiệp trong tương lai.			
16	Giáo dục học	Về kiến thức: 1. Hiểu được các đặc trưng của giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội. 2. Hiểu và phân tích được các tính chất của giáo dục 3. Chỉ ra được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học. 4. Nêu được các thành tố của giáo dục . 5. Chỉ ra được mối quan hệ giữa hệ thống các KHGD với các KH khác 6. Phân tích vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội 7. Xác định được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách 8. Phân tích được vai trò của di truyền ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách 9. Phân tích được vai trò của môi trường ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách 10. Phân tích được vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội 11. Nêu được khái niệm mục tiêu giáo dục 12. Biết được mục tiêu giáo dục Việt Nam hiện nay 13. Biết được việc thực hiện các nội dung giáo dục trong nhà trường phổ thông hiện nay. 14. Xác định được vị trí của giáo dục Phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. 15. Trình bày được vị trí của người	3	Học kì 2	- Chuyên cần: 0.1 - Kiểm tra giữa kỳ: 0.3 - Thi cuối kỳ: (tự luận): 0.6

		giáo viên trong xã hội và trong nhà trường phổ thông 16. Phân tích được đặc điểm của hoạt động sư phạm của người giáo viên phổ thông 17. Hiểu được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên trong nhà trường phổ thông . Kỹ năng: 1. Bước đầu phát hiện và nghiên cứu giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các hiện tượng giáo dục. 2. Dự kiến được kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục 3. Có được kỹ năng thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng giáo dục Thái độ: 1. Có hứng thú học tập và nghiên cứu môn Giáo dục học cũng như các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục. 2. Có ý thức tu dưỡng và rèn luyện để hình thành nhân cách của người giáo viên tương lai. 3. Có niềm tin sư phạm, tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề mến trẻ. Các mục tiêu khác: 1. Có được kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm 2. Có được kỹ năng thuyết trình			
17	Thực hành tâm lý giáo dục	Về kiến thức: 1. Hiểu rõ mục tiêu tổ chức các hoạt động 2. Biết được các loại hình tổ chức hoạt động Về kỹ năng: 1. Vận dụng được các nguyên tắc giáo dục khi tổ chức các hoạt động giáo dục 2. Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin 3. Kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động 4. Kỹ năng điều hành, tổ chức các hoạt động giáo dục 5. Nhận diện được các hành vi phổ biến và bất thường trong lớp học ở học sinh	2	Học kì 3	- Chuyên cần: Thảo luận, thực hành: 100% - Thi thực hành cuối kỳ: thiết kế và thực hành kế hoạch giáo dục

		6. Quản lý được các hành vi phổ biến và bất thường trong lớp học ở học sinh 7. Kỹ năng sử dụng các phương pháp nhận diện nhu cầu hỗ trợ tâm lý ở học sinh 8. Kỹ năng tiếp xúc phụ huynh, các tổ chức xã hội 9. Kỹ năng tư vấn, hỗ trợ tâm lý cơ bản Về thái độ: 1. Có thái độ mong muốn và tổ chức các hoạt động một cách khoa học. 2. Tích cực học tập và rèn luyện để hình thành nhân cách của người giáo viên, sẵn sàng tham gia các hoạt động nghề nghiệp, có niềm tin sư phạm, tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề, mến trẻ.			
18	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	* Về kiến thức: - Hiểu các khái niệm cơ bản, ý nghĩa và mục đích của NCKHGD; - Phân biệt được các loại hình NCKHGD; - Hệ thống hóa và phân tích cơ sở lựa chọn các phương pháp nghiên cứu (PPNC) cơ bản trong KHGD; - Hiểu được cấu trúc và qui trình tiến hành một hoạt động NCKHGD. * Về kỹ năng: - Biết cách xác định vấn đề nghiên cứu khả thi; xác định chính xác đối tượng, khách thể, mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu; đặt tên đề tài chuẩn xác; - Lựa chọn và sử dụng linh hoạt, hiệu quả các PPNC trong KHGD; - Thiết kế qui trình thu thập và xử lý thông tin phù hợp với mục đích nghiên cứu và PPNC; - Biết cách và xây dựng được đề cương nghiên cứu; - Viết và trình bày 01 báo cáo nghiên cứu KHGD hoàn chỉnh; - Đánh giá đúng giá trị của một công trình nghiên cứu đích thực. * Về thái độ: - Hình thành thái độ khách quan, nghiêm túc trong NCKHGD;	2	Học kì 4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Có tinh thần say mê nghiên cứu và tích cực áp dụng các kết quả NCKHGD vào việc đổi mới quá trình dạy học, phương pháp dạy học.			
19	Giao tiếp sư phạm	* Kiến thức - Hiểu được khái niệm giao tiếp, giao tiếp sư phạm. - Phân tích được các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm. - Phân tích được các phương diện của giao tiếp sư phạm gồm: mục đích, nội dung, chức năng, đặc trưng, phương tiện, nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm. - Phân tích được các yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm. * Kỹ năng - Biết cách định hướng trong giao tiếp sư phạm - Biết cách mở đầu quá trình giao tiếp - Biết cách lắng nghe trong quá trình giao tiếp - Biết cách quản lý cảm xúc bản thân - Biết cách giải quyết mâu thuẫn - Biết cách đặt câu hỏi khi đứng lớp - Biết cách phản hồi thông tin - Biết cách thuyết trình một vấn đề - Biết cách giải quyết các tình huống sư phạm - Biết cách kết thúc quá trình giao tiếp * Thái độ - Đánh giá đúng tầm quan trọng của giao tiếp sư phạm trong hành trang của nhà giáo. - Tích cực, hứng thú rèn luyện để có khả năng giao tiếp sư phạm tốt. * Mục tiêu khác Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.	2	Học kì 3	- Kiểm tra thường xuyên (chuyên cần, thái độ học tập): 10% - Kiểm tra định kỳ (Bài tập thực hành theo nhóm): 30% - Kiểm tra hết môn: 60%
20	Lí luận dạy học Ngữ Văn	Mục tiêu chung: Học xong môn này, sinh viên có được: Về kiến thức: cung cấp cơ bản về lý luận dạy học chuyên ngành Ngữ văn, về lí thuyết nghiên cứu, ứng	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		dụng các phương pháp dạy học các phân môn Văn học, Tiếng Việt, Làm văn, về khung chương trình và nội dung chương trình ngữ văn THPT, về phương pháp thiết kế bài giảng và tổ chức dạy học bộ môn. Về kĩ năng vận dụng những kiến thức đã được học vào việc nghiên cứu, ứng dụng giảng dạy từng phân môn cụ thể trong môn học Ngữ văn. Về thái độ - Quán triệt tầm quan trọng của bộ môn Phương pháp dạy học Ngữ văn. - Chủ động tích cực tích hợp kiến thức cơ bản với kiến thức nghiệp vụ nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy học môn Ngữ văn - Yêu nghề Các mục tiêu khác: - <i>Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm</i> - <i>Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi</i> - <i>Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá</i>			Cộng: 10 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
21	Phân tích và phát triển chương trình Ngữ Văn nhà trường	Mục tiêu chung: Học xong môn này, sinh viên có thể: * Kiến thức - Nắm được khái niệm chương trình giáo dục; khái niệm phát triển chương trình trong nhà trường; - Nắm được cách phân loại chương trình giáo dục; - Phân tích được nhiệm vụ phát triển chương trình; - Nắm được các quy trình phát triển chương trình; - Phân tích định hướng phát triển chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới; - Nắm được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của môn học Ngữ văn; - Nắm được quy trình thiết kế mục tiêu và nội dung chương trình môn học Ngữ văn; - Phân tích khái quát về môn Ngữ	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		văn hiện hành; - Biết cách phân tích bối cảnh và đánh giá nhu cầu giáo dục hiện nay; - Xác định được chuẩn đầu ra môn học Ngữ văn; - Xác định được các phương pháp và hình thức dạy học môn Ngữ văn phù hợp với chương trình mới; - Xây dựng được các hình thức đánh giá kết quả học tập môn học Ngữ văn. * Kỹ năng - Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau về vấn đề chương trình và phát triển chương trình; - Vận dụng những kiến thức đã học để có thể thiết kế mục tiêu và nội dung chương trình môn Ngữ văn; - Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp một số tài liệu cơ bản về phát triển chương trình Ngữ văn trong nhà trường hiện nay; - Biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày quan điểm về vấn đề thuộc phát triển chương trình trong nhà trường hiện nay; * Thái độ - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhạy bén và có ý thức quan tâm tới những đổi mới trong giáo dục. Mục tiêu khác - Rèn luyện kỹ năng viết, đọc, tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá. - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
22	Đánh giá trong dạy học Ngữ văn	Mục tiêu chung: Học xong môn này, sinh viên có thể: * Kiến thức	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2

	- Hiểu các khái niệm cơ bản về đánh giá trong giáo dục, hiểu được vị trí, vai trò, chức năng của đánh giá trong giáo dục. - Hiểu được khái niệm mục tiêu trong đánh giá, xác định được vị trí của mục tiêu trong mối tương quan với các khái niệm khác như định hướng, mục đích. - Hiểu và nắm được các phương pháp và kỹ thuật trong đánh giá, cách xây dựng các công cụ đánh giá thường xuyên và định kỳ. - Nắm vững mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, của vấn đề đánh giá học lực môn Ngữ Văn ở trường THPT. - Nắm vững lý thuyết các phương pháp kiểm tra đánh giá môn Ngữ Văn theo yêu cầu đổi mới giáo dục. * Kỹ năng - Thiết kế được quy trình đánh giá kết quả học tập của người học. - Xây dựng được mục tiêu môn học, bài học làm cơ sở cho hoạt động đánh giá. - Xử lý, phân tích và đánh giá được chất lượng và các đặc trưng của câu trắc nghiệm và bài trắc nghiệm. - Biết xây dựng cấu trúc bài kiểm tra môn Ngữ văn một cách khoa học. - Xây dựng câu hỏi tự luận, câu trắc nghiệm môn Ngữ văn. - Lập được hồ sơ và lưu trữ hồ sơ trong việc theo dõi tiến bộ của học sinh. - Lập được kế hoạch đánh giá cải tiến. - Tổ chức được 1 kì thi - kiểm tra theo đúng quy trình. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học. - Hình thành thái độ công bằng, khách quan và khoa học trong đánh giá. Mục tiêu khác - Rèn luyện kỹ năng viết, đọc, tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp và			Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		đánh giá. - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
23	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	Mục tiêu chung: Học xong học phần này, sinh viên có được: - Về kỹ năng nghiệp vụ sư phạm bao gồm: kỹ năng nghiên cứu, tham khảo tài liệu và soạn bài giảng; kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học Các mục tiêu khác: - <i>Góp phần phát triển khả năng tiếp cận học sinh theo hướng phân hóa</i> - <i>Góp phần phát triển kỹ năng điều khiển, kỹ năng tương tác trong dạy học</i> - <i>Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá</i>	3	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
24	Phương pháp dạy học Ngữ Văn 1	Kiến thức: - Xác định được vị trí, vai trò của bộ môn Văn học. Nắm được những đặc điểm cơ bản của kiến thức văn học; những nguyên tắc của dạy học Văn ở trường THPT. - Nắm được những vấn đề lý thuyết về các phương pháp dạy học Văn đang được sử dụng ở trường THPT hiện nay. - Nắm được đặc điểm, cấu trúc, phương pháp thiết kế bài giảng và cách thức tổ chức dạy học bộ môn. Kỹ năng: - Vận dụng kiến thức, kết hợp phân tích dẫn chứng làm rõ vị trí, vai trò; các đặc điểm của kiến thức văn học, các nguyên tắc dạy học Văn; đồng thời có khả năng đề xuất các biện pháp nhằm quán triệt các nguyên tắc này. - Có khả năng vận dụng các kiến thức về phương pháp và phương pháp luận dạy học Văn vào soạn	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần (thực hành): 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		giảng một tác phẩm cụ thể. Biết đánh giá ưu, khuyết điểm của từng phương pháp, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp khắc phục các bất cập, hạn chế. - Biết cách tổ chức, dẫn dắt tiến trình dạy học. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc dạy học. - Chủ động, linh hoạt tham gia vào quá trình dạy học. - Tích cực học hỏi, trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập sư phạm cũng như làm công tác giảng dạy sau này.			
25	Phương pháp dạy học Ngữ Văn 2	Mục tiêu chung: Học xong học phần này, sinh viên có được: Kiến thức Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lí thuyết chung về phương pháp dạy học tiếng Việt, làm văn và rèn luyện kĩ năng tổ chức dạy học các hợp phần trong chương trình tiếng Việt, làm văn ở trung học phổ thông. Trên cơ sở đó, giới thiệu và đối thoại với sinh viên về ưu, nhược điểm của các phương pháp, biện pháp dạy học truyền thống và hiện đại. Theo đó, bản thân sinh viên tự rèn cho mình nghiệp vụ và bản lĩnh sư phạm, làm chủ các kĩ năng dạy học. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: - Về kiến thức: Nắm vững kiến thức nghiệp vụ sư phạm cần thiết và hiện đại bao gồm nội dung, chương trình sách giáo khoa trung học phổ thông phần Tiếng Việt, làm văn; các nguyên tắc và phương pháp dạy học các hợp phần; cách thức tổ chức các kiểu bài học và các hình thức dạy học tiếng Việt, làm văn. - Về kĩ năng nghiệp vụ sư phạm bao gồm: kĩ năng nghiên cứu, tham khảo tài liệu và soạn bài	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		giảng; kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học; cách thức kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy học ở học sinh. - Trên cơ sở lý thuyết và thực tế khảo sát, thực hành dạy học, sinh viên làm quen dần với hoạt động nghiên cứu khoa học dạy tiếng. Thái độ - Quán triệt tầm quan trọng của Phương pháp dạy học tiếng Việt, làm văn - Chủ động tích cực tích hợp kiến thức cơ bản với kiến thức nghiệp vụ nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy học. - Yêu nghề Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
26	Thực tập sư phạm 1		3	Học kì 6	
27	Thực tập sư phạm 2		3	Học kì 7	
	Học phần tự chọn				
28	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>	Thông qua các hoạt động tích cực giao tiếp thân thiện giữa người dạy và người học qua đĩa CDrom mang tên "Hành trình thành niên" gồm 10 bài học, sinh viên được cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về: - Nhận thức giá trị của bản thân mình, thể hiện quyền quyết định về bản thân mình, có thái độ tôn trọng, thông cảm với những người khác. - Những vấn đề liên quan đến tâm lý, cơ thể ở tuổi sinh viên và kỹ năng giải quyết những tình huống gặp phải về những vấn đề liên quan đến tâm sinh lý lứa tuổi. - Những khái niệm và vai trò của giới trong cuộc sống, các quyền liên quan đến giới và sức khỏe sinh sản của con người, việc áp dụng và phổ biến các quyền về	2	Học kì 3	- Kiểm tra giữa học kỳ: 0,4 - Thi kết thúc học phần (thi trắc nghiệm): 0,6

		giới và sức khỏe sinh sản trong cuộc sống bản thân và cộng đồng. - Vấn đề tình bạn và tình yêu và các mối quan hệ khác; biết cách giải quyết những vấn đề nảy sinh. - Khái niệm tình dục, bản chất và sự đa dạng của hành vi tình dục; các vấn đề nhạy cảm liên quan đến tình dục, nắm bắt được cách quyết định, giao tiếp, thương lượng có liên quan đến tình dục. - Cơ chế của sự mang thai, cách chăm sóc sức khỏe khi mang thai; những định kiến xã hội, sức ép của sự mang thai và nạo phá thai ở tuổi sinh viên; nhận thức được các lợi ích khi biết đợi đến thời điểm mang thai thích hợp và đồng thời cũng nắm được các giải pháp có thể lựa chọn trong trường hợp có thai ngoài ý muốn ở thanh niên. - Các nguy cơ của việc quan hệ tình dục không an toàn; cách sử dụng bao cao su đúng cách, cách phòng tránh và ứng xử đối với những bệnh viêm nhiễm và lây lan qua đường tình dục, HIV/AIDS. - Cách phòng nguy cơ bị xâm hại: tự bảo vệ khi bị cưỡng hiếp, bạo lực và biết chia sẻ giúp đỡ các nạn nhân của bạo lực tình dục; biết thể hiện quyền liên quan đến an toàn cá nhân và tôn trọng danh dự trong quan hệ tình dục. - Ước mơ và xây dựng kế hoạch phấn đấu cho tương lai, việc kết hôn, bảo vệ hạnh phúc gia đình và trách nhiệm là cha mẹ, nghề nghiệp tương lai, phát triển một đời sống tình dục trọn vẹn, an toàn và hạnh phúc. - Hiểu biết một số phương pháp giáo dục giới tính phù hợp với lứa tuổi có hiệu quả.			
29	Tham vấn tâm lý	Mục tiêu chung: Tham vấn học đường nằm trong hệ thống tri thức dành cho hệ đào tạo sư phạm nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm những hiểu biết về công tác tham vấn trong học đường và ứng dụng được trong	2	Học kì 4	- Điểm chuyên cần (4 bài tập; 2 bài thực hành, tham dự 80% môn học): 0,2 - Kiểm tra giữa kỳ: 0,3 - Tiểu luận kết thúc

		thực tiễn học đường. Mục tiêu cụ thể: Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải và có thể: -Biết được bản chất tham vấn học đường, nắm được những phẩm chất, kỹ năng cần thiết của nhà tham vấn học đường, quy điều đạo đức, nhận diện được các nan đề của học sinh. - Hình thành một số kỹ năng cơ bản của tham vấn học đường, có khả năng phân tích, đánh giá các nan đề của học sinh và thực hiện các bước của quy trình tham vấn. - Giúp nhận diện bản thân, tạo sự cân bằng tâm lý và thái độ tích cực hướng tới sự hỗ trợ tâm lý cho học sinh một cách chuyên nghiệp.			học phần: 0,5
30	Phương tiện dạy học Ngữ Văn	* Về kiến thức: - Hiểu các khái niệm cơ bản, ý nghĩa và vai trò của phương tiện dạy học; - Phân biệt được các loại phương tiện dạy học; * Về kỹ năng: - Biết cách sử dụng các phương tiện dạy học vào những nội dung dạy học cụ thể; - Biết lựa chọn và sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương tiện dạy học; - Có khả năng tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ Văn có sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại. * Về thái độ: - Có tinh thần say mê nghiên cứu và tích cực áp dụng các công nghệ dạy học hiện đại vào việc đổi mới quá trình dạy học, phương pháp dạy học.	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
	Kiến thức cơ sở				
31	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt Nam. - Trình bày sự phát triển của văn	2	Học kì 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang

		hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam. - Phân tích, nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người. Nắm được những giải pháp phân vùng văn hóa của các nhà nghiên cứu trước đây và hiện hành. - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. Cụ thể: + Hiểu được khái niệm văn hóa và văn hóa học; nắm được các đối tượng và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học. + Hiểu được các đặc trưng văn hóa thông qua từng thành tố văn hóa: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa tổ chức xã hội... + Nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền sử, sơ sử đến nay. + Nắm được các tiêu chí phân vùng văn hóa, lý giải được cách chia theo hiện tại và tiếp tục nghiên cứu, khám phá cách chia hợp lý hơn. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. * Thái độ: - Yêu thích môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình		điểm:A, B, C, D, F

		giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
32	Dẫn luận ngôn ngữ học	* Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học được trình bày trong học phần này. Cụ thể: + Hiểu và nắm vững những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ học như bản chất xã hội và bản chất tín hiệu của ngôn ngữ, chức năng của ngôn ngữ, ngôn ngữ là hệ thống – cấu trúc. Hiểu được các khái niệm: ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học cụ thể, ngôn ngữ học lịch đại, ngôn ngữ học đồng đại, ngôn ngữ và lời nói + Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về ngữ âm: âm tiết, âm tố, âm vị, các đơn vị ngữ âm siêu đoạn tính như trọng âm, thanh điệu ngữ điệu, các hiện tượng biến âm. + Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về từ vựng: từ vựng và từ vựng học, nghĩa của từ, các thành phần nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa, phương thức chuyển nghĩa, các quan hệ về nghĩa trong từ vựng, sự biến đổi của từ vựng. + Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về ngữ pháp: ngữ pháp và ngữ pháp học, cấu tạo từ, những khái niệm ngữ pháp cơ bản như nghĩa ngữ pháp, phương thức ngữ	2	Học kì 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân, bài tập nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		pháp, hình thái ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp... + Hiểu và nắm được các cách phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và phân loại ngôn ngữ theo loại hình. * Kỹ năng: - Biết cách đọc các tài liệu ngôn ngữ học, biết trình bày lại vấn đề ngôn ngữ học và học cách nhận xét thảo luận. - Làm quen với những cách nhìn nhận khác nhau của các nhà ngôn ngữ học khi đề cập một hiện tượng ngôn ngữ. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập dẫn luận ngôn ngữ học. - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một vài hiện tượng trong tiếng Việt. * Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học tập môn Dẫn luận ngôn ngữ học và các môn ngôn ngữ nói chung. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập Dẫn luận ngôn ngữ học - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được giảng dạy, không lệ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo viên			
33	Cơ sở ngôn ngữ văn tự Hán Nôm	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Hiểu được lịch sử chữ viết trên thế giới và Việt Nam. - Biết được cấu tạo chữ Hán, chữ Nôm. - Nắm được vai trò chữ Hán, chữ Nôm trong văn hóa Việt Nam. - Hiểu biết về các loại thể văn bản Hán Nôm và các hệ tư tưởng trong văn bản Hán Nôm; vai trò của ngữ văn Hán Nôm và việc nghiên cứu ngữ văn Hán Nôm trong quá khứ. * Kỹ năng: - Vận dụng những kiến thức đã	2	Học kì 3	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		học để tiếp cận, phân biệt loại hình chữ viết là chữ Hán và chữ Nôm trong thực tiễn như trên thư tịch hoặc các di tích. - Vận dụng vào việc xử lí văn bản Hán Nôm trong chương trình đại học và chương trình phổ thông. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu quý những sáng tạo ngôn ngữ của tiền nhân, tự hào những giá trị tư tưởng, ý thức dân tộc của cha ông. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo.			
	Kiến thức chuyên ngành				
34	Văn học dân gian Việt Nam	Mục tiêu nhận thức: • Kiến thức - Hiểu biết đặc trưng văn học dân gian về thể loại, phương thức thể hiện, các thuộc tính, các chức năng. - Hiểu biết giá trị nghệ thuật, giá trị văn hóa, giá trị tư tưởng của các tác phẩm dân gian. • Kĩ năng - Nhận biết những giá trị đặc trưng của văn học dân gian. - Phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học dân gian. • Thái độ -Say mê, yêu thích những giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học dân gian. -Tự hào, yêu quý những giá trị tinh thần của nhân dân sáng tạo ra. 3.2. Mục tiêu khác - Sinh viên thấy được đây là dòng văn học cội nguồn, có những giá trị mang bản sắc văn hóa dân tộc. - Sinh viên có sự hiểu biết về văn học dân gian để học môn học Thi pháp văn học dân gian và các thời	4	Học kì 1	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10% Bài tập lớn giữa kì: 10% Kiểm tra giữa kì: 20% Kiểm tra cuối kì: 60%

		kỳ văn học viết sau này.			
35	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	+ Về kiến thức: - Hiểu được nội hàm thuật ngữ văn học trung đại Việt Nam với các đặc trưng riêng biệt của nó, từ đó làm cơ sở cho cách nhìn nhận và vận dụng vào phân tích đúng giá trị các bộ phận/ đơn vị khác nhau của văn học trung đại Việt Nam. - Hiểu các phạm trù tư tưởng thẩm mỹ văn học văn học trung đại Việt Nam như: Đức, Khí, Chí, Tình. Các phạm trù này chính là những nguyên tắc sáng tạo chi phối đến thế giới nghệ thuật của các thi nhân, văn nhân. Mỗi một thời đại thường nghiêng về một phạm trù cụ thể nào đó. - Hiểu và giải mã kiểu loại đề tài, chủ đề, các kiểu con người chủ yếu như là những hình tượng nghệ thuật trung tâm, ví dụ như con người vô ngã, con người quân tử, con người tài tử; các hình tượng văn học chủ yếu, như: thiên nhân/ chân nhân/ quân tử/ quan binh... - Hiểu và áp dụng các quan niệm về văn học và các phương thức thể hiện chủ yếu trong văn học trung đại Việt Nam. + Về kỹ năng: Môn học hướng người học đạt được những thao tác, những kiến thức cơ sở để từ đó làm phong nền cho sự hiểu biết và lí giải các đơn vị cụ thể của văn học trung đại Việt Nam. + Về thái độ: Học xong học phần, người học sẽ có cái nhìn tự tin, bao quát và sâu sắc hơn trong việc học và nghiên cứu, giảng dạy môn văn học trung đại Việt Nam.	2	Học kì 1	- 01 bài kiểm tra giữa kì, 02 bài tập (trọng số 0,4). - 01 bài thi cuối kì, hình thức tự luận (trọng số 0,6).
36	Hệ thống thể loại và ngôn ngữ văn học trung đại Việt Nam	+ Về kiến thức: - Hiểu được các thuật ngữ cơ bản về hệ thống thể loại và văn tự của nền văn học trung đại Việt Nam, như văn học chữ Hán, văn học chữ Nôm, mối quan hệ giữa văn tự học và văn học... - Hiểu và giải thích được các thể loại cơ bản trong văn học trung đại	2	Học kì 2	- 01 bài kiểm tra giữa kì, 02 bài tập (trọng số 0,4). - 01 bài thi cuối kì, hình thức tự luận (trọng số 0,6).

		Việt Nam. Hiểu được nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển, sự vận dụng thể loại trong sáng tạo văn học của các nhà văn trung đại. Mỗi một thể loại đều đem đến những cách thức tri nhận thế giới và cảm quan thẩm mỹ của người sáng tạo. - Hiểu lí giải được các hiện tượng ngôn ngữ/ văn tự được sử dụng làm chất liệu sáng tạo cơ bản trong văn học trung đại Việt Nam. - Áp dụng vào phân tích được giá trị ngôn ngữ và thể loại trong các trường hợp cụ thể. - Phân tích đối sánh hệ thống ngôn ngữ và thể loại văn học trung đại Việt Nam trong tương quan với văn học khu vực Đông Á và bản địa + Về kĩ năng: Môn học hướng người học đạt được những thao tác, những cách thức cụ thể để áp dụng vào giải quyết các đối tượng đặc thù, như ngôn ngữ và cách thức sử dụng thể loại trong thời đại; đồng thời giải quyết các trường hợp cụ thể, trên mô hình chung cũng như những sự vận dụng và sáng tạo lệch chuẩn. + Về thái độ: Học xong học phần, người học sẽ có cái nhìn bao quát và sâu sắc hơn về vấn đề văn tự và thể loại văn học dân tộc. Cũng từ đó, nhận diện rõ các vấn đề về tính chất sáng tạo, tính chất dân tộc của yếu tố ngôn ngữ. Trên cơ sở đó, người học sẽ có cái nhìn tự tin trong việc học và nghiên cứu, giảng dạy môn văn học trung đại Việt Nam, đặc biệt là hệ thống ngôn ngữ và thể loại.			
37	Khuynh hướng văn học và loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	* Về kiến thức: Nắm được các khái niệm chủ yếu, các nội dung chính về lý thuyết loại hình, một số tác gia trung đại tiêu biểu. * Về kỹ năng: có năng lực vận dụng kiến thức đã học vào việc nghiên cứu, giảng dạy tác gia văn học trung đại trong chương trình	4	Học kì 3	- Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học phần: 0,3 - Bài thi kết thúc môn học: 0,6

		phổ thông.			
38	Dẫn luận văn học Việt Nam hiện đại từ 1900 đến nay	* Về kiến thức: - Lí giải được quy luật vận động, phát triển cũng như đặc điểm của tiến trình văn học Việt Nam 1900 đến nay qua các giai đoạn; - Có cái nhìn khu biệt những tiếp biến và “cái khác” giữa hệ hình văn học Việt Nam trung đại và văn học Việt Nam hiện đại. * Về kỹ năng: - Có khả năng vận dụng tri thức dẫn nhập, đại cương của văn học Việt Nam từ 1900 đến nay vào việc nghiên cứu, giải mã một số hiện tượng cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn này; - Có năng lực giảng dạy những bài văn học sử trong chương trình phổ thông thuộc văn học Việt Nam hiện đại. * Về thái độ: - Say mê, hứng thú khi tiếp xúc với hiện tượng văn học Việt Nam hiện đại; - Có cái nhìn sâu hơn, toàn diện hơn về bối cảnh, đặc trưng cơ bản về văn học Việt Nam hiện đại để tạo lập cơ sở lí luận lí giải tường tận hơn những hiện tượng đáng chú ý của văn học Việt Nam 1900 đến nay.	2	Học kì 4	Thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
39	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại 1900 - 1945	* Về kiến thức: - Có được các kiến thức cơ bản về hệ thống thể loại văn học giai đoạn 1900 - 1945. - Nhận biết được quan niệm nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của các tác gia tiêu biểu của văn học giai đoạn 1900 - 1945. * Về kĩ năng: - Phân tích được các đặc điểm cơ bản của hệ thống thể loại văn học giai đoạn 1900 -1945. - Đánh giá được quan niệm nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của một số tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại 1900 – 1945. - Vận dụng được các kiến thức về thể loại văn học, tác gia văn học	4	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		tiêu biểu giai đoạn 1900- 1945 vào học tập, nghiên cứu và soạn giảng sau này. * Về thái độ: - Sinh viên dự lớp nghe thuyết giảng. - Tự nghiên cứu tài liệu, giáo trình theo sự gợi ý, hướng dẫn của giảng viên. - Tham gia các buổi thảo luận theo yêu cầu của môn học. - Tiếp cận các tác phẩm cụ thể để có thể phân tích, đánh giá tác phẩm, phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu.			
40	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại từ 1945 đến nay	* Về kiến thức: - Lí giải được quy luật vận động, đặc trưng thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam từ 1945 đến nay; - Có cái nhìn khu biệt phong cách một số hiện tượng tác gia văn học Việt Nam từ 1945 đến nay. * Về kỹ năng: - Có khả năng vận dụng tri thức văn học sử và lí luận văn học để kiến giải một số hiện tượng văn học Việt Nam hiện đại từ góc nhìn thành tựu thể loại và phong cách tác gia; - Có năng lực giảng dạy những văn học Việt Nam hiện đại trong chương trình trung học phổ thông từ dưới góc nhìn thể loại và phong cách nghệ thuật. * Về thái độ - Yêu thích, say mê những vấn đề thể loại và phong cách tác gia văn học Việt Nam hiện đại; - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong bình giá các hiện tượng văn học Việt Nam từ 1945 đến nay nhìn từ hệ thống thể loại và một số trường hợp phong cách tiêu biểu; - Tích cực tìm tòi, nghiên cứu thêm những hiện tượng văn học chưa có dịp đào sâu trong quá trình học hoặc mở rộng diện nghiên cứu đến những hiện tượng văn học mới, có tính vấn đề của văn học hiện đại từ 1945 đến nay.	4	Học kì 6	Thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

41	Nhập môn Lí luận văn học	* Về kiến thức Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lí lí luận văn học. Qua đó, giúp cho người học hiểu rõ khái niệm văn học; sự tương đồng và khu biệt giữa văn học và các hình thái ý thức xã hội khác; đồng thời, giúp sinh viên hiểu được bản chất, đặc trưng của văn học. * Kỹ năng Vận dụng linh hoạt và sáng tạo những khái niệm đã học để nhận diện, phân tích, đánh giá và lí giải các hiện tượng văn học cụ thể. * Thái độ Sinh viên cần có cách nhìn khoa học đối với văn học, xem đây là nền tảng tri thức cho việc nâng cao năng lực tư duy tìm tòi, phân tích, phê bình, thưởng thức văn học. Mục tiêu khác: - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá	3	Học kì 1	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
42	Tác phẩm và thể loại văn học	Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về tác phẩm văn học và thể loại văn học. - Hiểu rõ các khái niệm, các lớp cấu trúc nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học. - Nắm vững những đặc trưng cơ bản của 3 phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch); sự phân chia từ loại ra các thể khác nhau và đặc điểm của từng thể loại. * Về kỹ năng: - Kỹ năng phân tích các giá trị nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học. - Kỹ năng giảng dạy tác phẩm văn	3	Học kì 2	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		học theo đặc trưng loại thể. - Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Về thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học. - Có cái nhìn khoa học đối với văn học. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
43	Tiến trình văn học	* Về kiến thức: - Nêu được nguồn gốc ra đời và quy luật phát triển của văn học. - Trình bày được khái niệm, cơ sở xã hội và ý thức, các vấn đề về nguyên tắc sáng tác cũng như thi pháp của mỗi phương pháp sáng tác. - Vận dụng các kiến thức, khái niệm, phạm trù về tiến trình văn học làm cơ sở tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi của văn học trong quá trình lịch sử. * Về kỹ năng: - Kỹ năng nhìn nhận các trường phái văn học trong sự vận động và liên hệ lẫn nhau. - Kỹ năng liên hệ, phân tích các mối quan hệ văn học trong tiến trình lịch sử. - Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Về thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học. - Có cái nhìn khoa học đối với văn học. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.	2	Học kì 3	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
44	Ngữ âm tiếng Việt	* Về kiến thức:	2	Học kì	Chuyên cần: 0,1

	Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ âm học nói chung và ngữ âm học tiếng Việt nói riêng. Cụ thể: - Hiểu được khái niệm ngữ âm và ngữ âm học; các cơ sở của ngữ âm; các đơn vị ngữ âm; phân biệt được sự khác biệt giữa ngữ âm học và âm vị học. - Hiểu được các đặc điểm của ngữ âm tiếng Việt về mặt loại hình. - Nhận diện âm tiết và đặc điểm của âm tiết tiếng Việt. - Nắm được hệ thống âm vị tiếng Việt: các tiểu hệ thống âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu. - Trình bày được các giải thuyết khác nhau khi xử lý hệ thống âm vị tiếng Việt. - Nắm được hệ thống âm chuẩn và biến thể địa phương của các tiểu hệ thống âm vị tiếng Việt. - Nắm được các vấn đề về hiện tượng biến âm, vấn đề chính âm, chính tả và chữ viết tiếng Việt. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá được các giải thuyết của các nhà Việt ngữ học về âm tiết và hệ thống âm vị tiếng Việt cũng như các vấn đề có liên quan của ngữ âm tiếng Việt. - So sánh được những tương đồng và khác biệt giữa ngữ âm tiếng Việt và một ngôn ngữ khác (cùng hoặc khác loại hình). - Vận dụng được kiến thức đã học để làm các bài tập thực hành ngữ âm tiếng Việt: bài tập về phân tích cấu trúc và phân loại âm tiết tiếng Việt, phiên âm âm vị học, xác định các đặc trưng khu biệt của các âm vị tiếng Việt, các bài tập về vấn đề biến âm, chính âm, chính tả và chữ viết tiếng Việt. * Thái độ: - Hào hứng với môn học, chủ động tham gia các bài tập thảo luận và tích cực giải quyết các bài tập thực hành. - Chủ động vận dụng các kiến thức	2	Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		đã học về ngữ âm tiếng Việt để liên hệ với thực tế ngữ âm ở địa phương cũng như so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa những đặc điểm của ngữ âm tiếng Việt với những đặc điểm ngữ âm của một ngoại ngữ khác để nâng cao tính hiệu quả trong việc học tập ngoại ngữ đó.			
45	Từ vựng tiếng Việt trong hệ thống và trong sử dụng	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng học nói chung và từ vựng tiếng Việt nói riêng. Cụ thể: + Hiểu được khái niệm từ vựng, từ vựng học; nắm được các đối tượng nghiên cứu của từ vựng học. + Hiểu được khái niệm các đơn vị từ vựng và nắm được đặc điểm của các loại đơn vị từ vựng tiếng Việt. + Nắm được khái niệm nghĩa của từ, các phương thức chuyển nghĩa của từ, đặc điểm của sự chuyển nghĩa từ. + Nắm được các quan hệ về nghĩa trong từ vựng tiếng Việt. + Hiểu được khái niệm trường nghĩa, đặc điểm của trường nghĩa. + Hiểu được khái niệm và đặc điểm của đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa trong tiếng Việt. + Nắm được những tiêu chí phân chia các lớp từ vựng và nắm được một cách hệ thống các lớp từ vựng tiêu biểu trong tiếng Việt. - Nắm được những giải pháp của Sách giáo khoa hiện hành về các vấn đề của từ vựng tiếng Việt. * Kỹ năng: - Vận dụng những kiến thức đã học để có thể tự mình hình thành những hiểu biết có hệ thống về từ vựng tiếng Việt. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập thực hành từ vựng tiếng Việt: + Nhận diện từ, phân biệt từ với hình vị; phân biệt từ với cụm từ cố	2	Học kì 3	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		định và cụm từ tự do. + Phân biệt được thể nào là thành ngữ, quán ngữ, ngữ cố định định danh và khảo sát các hiện tượng này trong văn bản tiếng Việt. + Khảo sát các loại trường nghĩa, chỉ ra các kiểu chuyển trường nghĩa. + Chỉ ra được các phương thức chuyển nghĩa và khảo sát các hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong văn bản tiếng Việt. Nhận thức rõ vai trò của các phương thức chuyển nghĩa trong ngôn ngữ văn chương và vận dụng được trong việc phân tích, bình giảng văn chương. + Khảo sát các hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa trong các văn bản tiếng Việt. + Nhận diện các lớp từ được phân chia theo các tiêu chí nguồn gốc, phạm vi sử dụng, mức độ và thời gian sử dụng. Khảo sát các lớp từ này trong các văn bản tiếng Việt. * Thái độ: - Yêu thích các môn học tiếng Việt nói chung và môn Từ vựng tiếng Việt nói riêng. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập từ vựng tiếng Việt, soạn giảng các bài về từ vựng tiếng Việt. - Trân trọng vốn từ vựng tiếng Việt mà qua hàng nghìn năm ông cha ta mới tích lũy được. - Tích cực nâng cao trình độ hiểu biết về vốn từ tiếng Việt để tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức ngữ văn trong tương lai. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
46	Ngữ dụng học	* Kiến thức Sau khi kết thúc môn học, người	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1

		học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học được trình bày trong học phần này: - Hiểu và nắm vững những kiến thức khái quát của ngữ dụng học như ba lĩnh vực của tín hiệu học, ngữ dụng học và sự phát triển của ngữ dụng học trên thế giới và ở Việt Nam, những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học. - Hiểu và nắm vững các kiến thức về chiếu vật với chỉ xuất như khái niệm chiếu vật, quan hệ giữa chiếu vật với với sự đúng – sai của phát ngôn, quan hệ giữa nghĩa chiếu vật với nghĩa biểu vật, các phương thức chiếu vật, chỉ xuất không gian và thời gian. - Hiểu và nắm vững các kiến thức về hành vi ngôn ngữ như khái niệm hành vi ngôn ngữ, ba loại hành vi ngôn ngữ, các hành vi ngôn ngữ tại lời trực tiếp và gián tiếp. - Hiểu và nắm vững những tri thức về lập luận như khái niệm lập luận, quan hệ giữa lập luận với miêu tả, thuyết phục và logic, thành phần của lập luận, tác tử và kết tử lập luận, lẽ thường của lập luận - Hiểu và nắm được các kiến thức về lí thuyết hội thoại như: vận động hội thoại, cấu trúc cuộc thoại, quy tắc hội thoại - Hiểu và nắm vững các kiến thức về nghĩa của của diễn ngôn như tiền giả định và hàm ý, nghĩa hàm ẩn không tự nhiên. * Kỹ năng: - Có thể trình bày và hệ thống lại những kiến thức đã học về ngữ dụng học. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập ngữ dụng học. - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng trong tiếng Việt. - Vận dụng các kiến thức đã học về ngữ dụng học để phân tích tác phẩm văn học. * Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học		Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		tập môn Ngữ dụng học và các môn ngôn ngữ nói chung. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được giảng dạy, không lệ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo viên			
47	Phong cách học	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến giải khác nhau của giới Việt ngữ học về những vấn đề thuộc phạm vi phong cách học tiếng Việt - Nhận diện được cách xử lí của sách giáo khoa trung học phổ thông hiện hành về những vấn đề phức tạp của phong cách học tiếng Việt - Nắm vững những kiến thức cơ bản về phong cách học nói chung và về phong cách học tiếng Việt như: + Những vấn đề thuộc về lí luận bộ môn Phong cách học (lịch sử phong cách học, tên gọi môn học, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu...) + Các khái niệm cơ sở - Nắm được tiêu chí phân loại và kết quả phân loại các phong cách chức năng tiếng Việt, những vấn đề cần được thảo luận thêm. Với mỗi phong cách chức năng ngôn ngữ, trình bày được khái niệm, các kiểu dạng thể hiện, chức năng của ngôn ngữ trong phong cách đó, các đặc trưng phong cách, các đặc điểm ngôn ngữ của phong cách... - Nắm được các phương tiện tu từ tiếng Việt thuộc bình diện từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, văn bản, ngữ âm. Nhận diện được các phương tiện tu từ này trong văn bản. - Nắm được cách biện pháp tu từ tiếng Việt thuộc các bình diện từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản, ngữ âm. Nhận diện được các	3	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		biện pháp tu từ này trong văn bản. * Kỹ năng: - Có thể trình bày hệ thống kiến thức đó một cách tường minh, thuyết phục từ lí thuyết đến ví dụ minh họa - Có khả năng phân tích đánh giá được ý kiến của các nhà Việt ngữ học về Phong cách học một cách có lí luận, có tri thức - Vận dụng được kiến thức đã học để xác định, chứng minh một văn bản bất kì thuộc phong cách ngôn ngữ nào - Vận dụng các kiến thức đã học để chỉ ra các phương thức tu từ trong văn bản, phân tích được giá trị tu từ của chúng trong tác phẩm * Thái độ: - Lĩnh hội được năng lực biểu đạt của tiếng Việt từ đó trân trọng tiếng nói của dân tộc - Bằng sự hiểu biết sâu sắc về phong cách học, có khả năng truyền thụ cho học sinh cái hay, cái đẹp của tiếng Việt, say mê các tác phẩm văn học và yêu thêm nghề nghiệp của mình - Có thái độ chủ động khi đứng trước các loại văn bản và tác phẩm văn chương phải giảng dạy Các mục tiêu khác: - Có khả năng thẩm văn, bình thơ - Có năng lực trình bày một vấn đề thuộc ngôn ngữ học - Góp phần nâng cao tư duy logic			
48	Ngữ pháp tiếng Việt	* Về kiến thức: - Trình bày được những quan điểm khác nhau của giới Việt ngữ học về các vấn đề của Ngữ pháp tiếng Việt. - Nắm được những giải pháp của Sách giáo khoa hiện hành về các vấn đề của ngữ pháp tiếng Việt. - Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ pháp học nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng. Cụ thể: + Hiểu được khái niệm ngữ pháp và ngữ pháp học; nắm được các đối tượng nghiên cứu của ngữ	3	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		pháp học. + Hiểu được các đặc điểm của tiếng Việt về ngữ pháp. + Nhận diện từ, phân biệt từ với hình vị, cụm từ, câu; phân biệt từ láy, từ ghép, từ ngẫu kết. + Nắm được các tiêu chí phân chia từ loại; phân biệt thực từ, hư từ; nắm được các đặc điểm ngữ pháp của danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, chỉ từ, lượng từ, phó từ, quan hệ từ, trợ từ, tình thái từ, thán từ. + Nắm được khái niệm, mô hình cấu trúc của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. + Nắm được khái niệm, nhận diện các loại câu khác nhau phân loại theo ngữ pháp truyền thống. + Hiểu được chức năng của các loại dấu câu. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau của các nhà Việt ngữ học về hình vị, từ, câu tiếng Việt. - Vận dụng những kiến thức đã học để có thể tự mình hình thành những hiểu biết có hệ thống về ngữ pháp tiếng Việt: cấu tạo từ, từ loại, cụm từ, câu tiếng Việt. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập thực hành ngữ pháp tiếng Việt: bài tập về cấu tạo từ, từ loại, cụm từ, câu, dấu câu. - Rèn luyện kỹ năng tự đánh giá khi tiếp cận các vấn đề khác của Việt ngữ học. * Thái độ: - Yêu thích môn học tiếng Việt, đặc biệt là không còn thấy sợ khi học và dạy ngữ pháp tiếng Việt. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập ngữ pháp tiếng Việt; soạn giảng các bài về ngữ pháp tiếng Việt. - Tích cực nâng cao trình độ về ngữ pháp tiếng Việt để tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức ngữ văn trong tương			

		lại. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
49	Văn bản Hán văn Trung Quốc	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trang bị cho sinh viên một cái vốn tối thiểu nhất định về chữ Hán. - Giúp sinh viên làm quen với việc tiếp cận và minh giải các văn bản cổ Trung Hoa (theo loại thể) qua nguyên tác chữ Hán. - Trang bị cho sinh viên một số kiến thức ngữ pháp tiếng Hán cổ đại và thường thức ngữ văn. * Kỹ năng: Vận dụng kiến thức để dịch một số văn bản Hán văn cổ Trung Quốc * Thái độ: Yêu thích môn học, ngành học. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng dịch văn bản Hán văn cổ - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,2 Bài tập cá nhân: 0,0 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
50	Văn bản Hán văn Việt Nam	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Hiểu được chữ và nghĩa trong văn bản nguyên tác. - Dịch nghĩa được văn bản Hán văn sang Việt văn ở mức độ “Tín”. - Phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. * Kỹ năng: Vận dụng những vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp Hán văn đã học để tiếp cận, minh giải những văn bản mới khác trong thực tiễn.	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		* Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu quý những sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật của tiền nhân, tự hào những giá trị tư tưởng của cha ông. Mục tiêu khác: - Góp phần giúp sinh viên “tập cổ” sáng tác những tác phẩm theo cổ thể. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tự duy sáng tạo.			
51	Chữ Nôm	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Nắm được các kiến thức về chữ Nôm như nguồn gốc chữ Nôm, cấu tạo chữ Nôm, diễn biến của chữ Nôm, ưu điểm - khuyết điểm của chữ Nôm, cách đọc chữ Nôm. * Kỹ năng: - Giải mã được văn bản chữ Nôm. - Phân tích được cấu tạo chữ Nôm hiện hữu trong văn bản đang tiếp cận. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu quý một loại hình chữ viết của dân tộc. Mục tiêu khác: - Góp phần gìn giữ loại hình chữ viết độc đáo sáng tạo của cha ông. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tự duy sáng tạo.	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
52	Văn học châu Á	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học có được: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học châu Á ở các	4	Học kì 4	Bài tập nhóm tháng (thảo luận): 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Thi cuối kì: 60%

		phương diện như: đặc điểm, lịch sử phát triển, các khuynh hướng sáng tác, các thể loại văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. * Kỹ năng: - Cảm nhận, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học châu Á theo từng đặc trưng thể loại. - Vận dụng những tri thức, khái niệm, phạm trù lý luận văn học để xử lý các vấn đề liên quan. - Vận dụng những kiến thức đã học để so sánh và khẳng định đặc trưng của từng thể loại, từng phong cách tác giả trong dòng chảy văn chương châu Á. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc giảng dạy các tác phẩm văn học châu Á được đưa sách giáo khoa Ngữ Văn dành cho học sinh THPT. * Thái độ: - Yêu thích văn chương châu Á, khám phá được vẻ đẹp con người và văn hóa phương Đông bộc lộ qua văn học. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan trong nền văn học phương Đông, đặc biệt là các tác phẩm văn học hiện đại, đương đại. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
53	Văn học Tây Âu - Mỹ	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học có được: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học khu vực Tây Âu và châu Mỹ (Mỹ và Mỹ Latinh) ở các phương diện như: đặc điểm, lịch sử phát triển, các khuynh hướng sáng tác, các thể loại văn học, các	4	Học kì 6	Bài tập nhóm tháng (thảo luận): 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Thi cuối kì: 60%

		tác giả và tác phẩm tiêu biểu. * Kỹ năng: - Cảm nhận, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học Tây Âu - Mỹ theo từng đặc trưng thể loại. - Vận dụng những tri thức, khái niệm, phạm trù lý luận văn học để xử lý các vấn đề liên quan. - Vận dụng những kiến thức đã học để so sánh và khẳng định đặc trưng của từng thể loại, từng phong cách tác giả trong dòng chảy văn chương Âu – Mỹ. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc giảng dạy các tác phẩm văn học Tây Âu - Mỹ được đưa sách giáo khoa Ngữ Văn dành cho học sinh THPT. * Thái độ: - Yêu thích văn chương Tây Âu - Mỹ, khám phá được vẻ đẹp con người và văn hóa phương Tây bộc lộ qua văn học. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan trong nền văn học phương Tây, đặc biệt là các tác phẩm văn học hiện đại, đương đại. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
54	Văn học Đông Âu - Nga	Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có được: ❖Kiến thức: - Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản về các phương diện của văn học Đông Âu - Nga như: tình hình văn học trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể (thế kỉ XIX và XX), các môtip nhân vật, các khuynh hướng, các phong cách sáng tác, các thể loại văn học...	3	Học kì 5	Bài tập nhóm: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0

		- Thuyết trình được về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của những tài năng bậc thầy trong văn học Đông Âu - Nga. - Nắm được nội dung của các tác phẩm được học trong chương trình. ❖ Kỹ năng: - Phân tích được những vấn đề của văn học Đông Âu – Nga, so sánh được những hiện tượng, khuynh hướng, trào lưu văn học thế giới, lý giải được sự ảnh hưởng qua lại giữa các nền văn học. - Trên cơ sở những kiến thức về lịch sử và lý luận văn học, cảm thụ và phân tích được các tác phẩm tiêu biểu của văn học Đông Âu – Nga. - Tóm tắt được nội dung các tác phẩm được học trong chương trình. - Xác định được thể loại của các tác phẩm được học trong chương trình. - Đọc diễn cảm các tác phẩm (hoặc trích đoạn) thơ, văn xuôi. - Biết tổ chức, tham gia các hoạt động nhóm, biết cách trình bày, phản biện những vấn đề văn học cụ thể. ❖ Thái độ: Hình thành thái độ trân trọng đối với các kiệt tác của văn học Đông Âu- Nga, đặc biệt là văn học Nga – một nền văn học vĩ đại với nhiều thành tựu rực rỡ, có ảnh hưởng lớn đến văn học thế giới và văn học Việt Nam. Các mục tiêu khác: - Rèn luyện kỹ năng đọc,viết, kỹ năng phân tích và đánh giá. - Rèn luyện kỹ năng tiếp cận những vấn đề, những hiện tượng văn học thế giới.			
	Học phần tự chọn				
55	<i>Đại cương mỹ học</i>	* Về kiến thức Nắm được những kiến thức cơ bản về mỹ học, bao gồm những hiểu biết về quan hệ thẩm mỹ và những quy luật của đời sống thẩm mỹ.	2	Học kì 2	Thực hành thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa kì: 0,2 Kết thúc học phần: 0,2

		* Kỹ năng Cảm nhận, phân tích, đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật. * Thái độ - Trân trọng và đề cao vai trò của nghệ thuật trong đời sống thẩm mỹ. - Bồi đắp tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ ngày càng cao đẹp hơn cho bản thân và mọi người. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai. Mục tiêu khác - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá			
56	PPL NCKH chuyên ngành (Ngôn ngữ học)	* Về kiến thức: - Nắm được các bước cơ bản của một qui trình nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh (lựa chọn đề tài và câu hỏi nghiên cứu, tổng quan điểm luận, lựa chọn các chiến lược nghiên cứu/cách tiếp cận, thu thập, xử lý và phân tích thông tin, viết báo cáo). - Nắm được các yêu cầu và các kỹ thuật tiến hành các bước nghiên cứu (tìm vấn đề nghiên cứu, hình thành câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu, nghiên cứu tài liệu, hình thành khung khái niệm, xây dựng thiết kế nghiên cứu, lựa chọn và xây dựng công cụ thu thập thông tin, xử lý và phân tích thông tin định tính và định lượng, kiểm tra và giải thích các kết quả và viết báo cáo). * Về kỹ năng: - Biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng một cách phù hợp vào giải	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		quyết một đề tài nghiên cứu cụ thể. * Về thái độ: - Thấy được vai trò quan trọng của phương pháp và phương pháp luận trong nghiên cứu ngôn ngữ học. - Tự tin hơn với những chủ kiến khoa học được xây dựng từ những nghiên cứu khoa học của chính mình.			
57	PPL NCKH chuyên ngành (Văn học)	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Có được kiến thức cơ bản về phương pháp, phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu văn học nói riêng. - Có được kiến thức cơ bản về kỹ thuật trình bày kết quả nghiên cứu khoa học nói chung, trình bày kết quả nghiên cứu văn học nói riêng. * Kỹ năng: - Nhận diện, xem xét, phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa các khái niệm, thuật ngữ nghiên cứu khoa học. - Phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học. - Vận dụng kiến thức đã học vào học tập và nghiên cứu khoa học (văn học). - Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập. - Tích cực đọc thêm các tài liệu liên quan đến môn học. - Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
58	Tiếp nhận văn học	Mục tiêu chung Học xong môn học này, sinh viên	2	Học kì 4	Thực hành thảo luận: 0,2

		có được: * Về kiến thức Trang bị cho sinh viên khung tri thức cơ bản về lí thuyết tiếp nhận, từ đó giúp cho người học có khả năng đi sâu nhận diện và cảm thụ tác phẩm văn chương. * Kỹ năng Vận dụng lí thuyết tiếp nhận để khám phá và thẩm bình tác phẩm văn học. * Thái độ Sinh viên cần nhận thức trong việc nghiên cứu và lí giải các hiện tượng văn học trên nền tảng cơ sở hệ thống lí luận. Mục tiêu khác: - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá			Kiểm tra giữa kì: 0,2 Kết thúc học phần: 0,2
59	Thơ Việt Nam hiện đại	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Có được tư duy tổng quát về thơ ca Việt Nam hiện đại, những vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại trong mối quan hệ với thi ca truyền thống. .- Có được kiến thức hệ thống, toàn diện về tiến trình phát triển của thơ Việt Nam hiện đại với cái nhìn mới, có tính cập nhật về lĩnh vực này. * Kỹ năng: - Nhận diện, phân tích, bình luận, đánh giá các đặc điểm, các quy luật của tiến trình thơ Việt Nam hiện đại. - Phân tích, đánh giá thơ cũng như sự nghiệp, phong cách của các tác giả, tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại. - Vận dụng kiến thức để có thể tự mình nghiên cứu đặc điểm, giá trị, sự vận động và phát triển của thơ Việt Nam hiện đại.	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập - Tích cực đọc thêm các tài liệu liên quan đến môn học - Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lí tình huống - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo			
60	Văn xuôi Việt Nam hiện đại	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Có được tư duy tổng quát về văn xuôi Việt Nam hiện đại. - Có được kiến thức hệ thống, toàn diện về tiến trình phát triển của văn xuôi Việt Nam hiện đại với cái nhìn mới, có tính cập nhật về lĩnh vực này. * Kĩ năng: - Nhận diện, phân tích, bình luận, đánh giá các đặc điểm, các quy luật của tiến trình văn xuôi Việt Nam hiện đại. - Phân tích, đánh giá văn xuôi cũng như sự nghiệp, phong cách của các tác giả, tác phẩm văn xuôi Việt Nam hiện đại. - Vận dụng kiến thức để có thể tự mình nghiên cứu đặc điểm, giá trị, sự vận động và phát triển của văn xuôi Việt Nam hiện đại. - Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập - Tích cực đọc thêm các tài liệu liên quan đến môn học - Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra,	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		đánh giá kết quả học tập Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
61	Thi pháp văn học dân gian	Mục tiêu nhận thức: • Kiến thức - Hiểu biết đặc trưng về thi pháp văn học dân gian, điểm khác biệt với thi pháp văn học viết. - Hiểu biết về thi pháp các thể loại văn học dân gian. • Kỹ năng - Nhận biết những giá trị đặc trưng của thi pháp văn học dân gian. - Biết vận dụng thi pháp phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học dân gian. • Thái độ - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị về thi pháp của các tác phẩm văn học dân gian. - Tự hào, yêu quý những giá trị nghệ thuật của nhân dân sáng tạo ra. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được những giá trị thi pháp văn học dân gian và ảnh hưởng nghệ thuật của loại hình văn học này với văn học viết. - Thi pháp văn học dân gian làm tiền đề học các học phần thi pháp văn học viết sau này.	2	Học kì 2	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10% Bài tập lớn học kì: 10% Kiểm tra giữa kì: 20% Kiểm tra cuối kì: 60%
62	Từ Hán Việt	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được * Về kiến thức: Mô tả, lí giải, phân biệt được những vấn đề cơ bản của từ Hán Việt: khái niệm, loại hình, đặc điểm và sử dụng của từ Hán Việt. * Kỹ năng:	2	Học kì 3	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		Xác định được những từ nào là từ Hán Việt; giải nghĩa được những từ Hán Việt thường dùng trong giao tiếp. Sử dụng đúng và đặc địa từ Hán Việt. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có ý thức về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
63	<i>Điển cố trong văn học trung đại Việt Nam</i>	+ Về kiến thức: - Mô tả, lí giải từ nguồn gốc giá trị của việc hình thành tâm lí và sử dụng điển cố trong văn học Việt Nam. - Hiểu và giải thích được tâm lí sử dụng điển cố trong truyền thống văn học cũng đồng thời quy định tâm thế tiếp nhận những giá trị văn học của dân tộc nói riêng và truyền thống văn học Đông Á nói chung. Như vậy, môn học cũng đồng thời góp phần thông hiểu văn bản nghệ thuật, đặc biệt là văn học cổ điển một cách trọn vẹn. - Hiểu và giải mã các loại điển tích điển cố thuộc các truyền thống tư tưởng khác nhau: điển cố thuộc truyền thống tư tưởng Nho giáo, điển cố thuộc truyền thống tư tưởng Đạo giáo, điển cố thuộc truyền thống tư tưởng Phật giáo... - Áp dụng vào phân tích cách sử dụng và giá trị của điển cố trong một vài trường hợp tiêu biểu. + Về kỹ năng: Môn học hướng người học đạt được những thao tác nhìn nhận, xâu chuỗi và so sánh những dấu ấn phong cách, những nét đặc thù của nghệ thuật diễn đạt tâm lí, tư tưởng văn học. + Về thái độ: Học xong học phần, người học sẽ có cái nhìn tự tin, bao quát	2	Học kì 4	- 01 bài kiểm tra giữa kì, 05 bài tập (trọng số 0,4). - 01 bài thi cuối kì, hình thức tự luận (trọng số 0,6).

		và sâu sắc hơn trong việc học và nghiên cứu, giảng dạy môn văn học trung đại Việt Nam, đặc biệt là hệ thống điển tích điển cố trong nhà trường phổ thông.			
64	<i>Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường</i>	a. Năng lực:Hình thành, phát triển năng lực đọc - dạy học, xác định loại hình, hệ thống hóa các dạng thức văn bản tác phẩm văn học (dịch) thể giới thuộc các thể loại khác nhau từ góc độ thi pháp học văn bản, văn hóa học. b. Kiến thức:Hình thành, phát triển năng lực khám phá giá trị nhân văn, thẩm mỹ của một bộ phận văn học thế giới (được tuyển dạy trong nhà trường trung học Việt Nam), liên hệ với các bộ phận văn học khác của Việt Nam, năng lực chuyển hóa giá trị thẩm mỹ thành giá trị sống.	2	Học kì 6	Bài tập nhóm tháng (thảo luận): 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Thi cuối kì: 60%
65	<i>Tiếng Việt trong nhà trường</i>	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên sẽ: * Về kiến thức: - Có được cái nhìn toàn diện về phân môn Tiếng Việt trong chương trình trung học hiện hành - Hệ thống hóa những nội dung ngôn ngữ học được thiết kế trong chương trình trung học - Xác định được vị trí, vai trò của phân môn Tiếng Việt trong việc dạy và học Ngữ Văn ở trường trung học - Biết cách tiếp cận chương trình dạy học ở trường trung học, từ đó hệ thống hóa kiến thức đã học và bước đầu định hướng phương pháp giảng dạy phân môn Tiếng Việt ở trường trung học. * Kỹ năng: - Biết cách đọc các tài liệu ngôn ngữ học, biết trình bày lại vấn đề ngôn ngữ học - Phân tích được những cách nhìn nhận khác nhau của các nhà ngôn ngữ học khi đề cập một hiện tượng ngôn ngữ từ đó vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết vấn đề ngôn ngữ trong chương trình - Biết cách thống kê và hệ thống	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		hóa các chủ đề ngôn ngữ học được trình bày trong chương trình - Bước đầu biết cách đánh giá, đối chiếu cũng như đề xuất nội dung chương trình đào tạo trung học liên quan đến phân môn Tiếng Việt * Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học tập môn học - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các chủ đề ngôn ngữ học - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được học và sẽ trực tiếp giảng dạy Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
66	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	3.1. Mục tiêu chung Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử nghiên cứu phê bình văn Việt Nam; Qua đó giúp người học hiểu được tầm quan trọng của hoạt động phê bình trong đời sống văn học và biết vận dụng lý thuyết phê bình vào tiếp nhận tác phẩm văn học. * Kỹ năng Trên nền tảng kiến thức và phương pháp luận được tích hợp qua học phần, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu những tác phẩm văn học cụ thể. * Thái độ Sinh viên cần có cách nhìn khoa học đối với văn học, xem đây là nền tảng tri thức cho việc nâng cao năng lực tư duy tìm tòi, phân tích,	2	Học kì 6	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		phê bình, thưởng thức văn học. Mục tiêu khác: - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá			
67	<i>Tác phẩm văn học nước ngoài và những vấn đề văn học so sánh</i>	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học có được: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học so sánh: mục đích, đối tượng và phương pháp của Văn học so sánh. - Nắm được khái quát lịch sử và các trường phái Văn học so sánh. - Nắm được các bình diện cơ bản của Văn học so sánh. * Kỹ năng: Cảm nhận, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học thế giới từ góc độ văn học so sánh. * Thái độ: - Yêu thích văn chương. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan trong nền văn học thế giới bằng các phương pháp Văn học so sánh. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.	2	Học kì 7	Bài tập nhóm tháng (thảo luận): 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Thi cuối kì: 60%
68	<i>Ngữ pháp văn bản</i>	* Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn bản và ngữ pháp văn bản, cụ thể: + Nắm được khái niệm ngữ pháp văn bản và một số quan niệm về ngữ pháp văn bản. + Nắm được những đặc trưng cơ bản của văn bản và liên kết trong	2	Học kì 7	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10% Bài tập lớn học kì: 10% Kiểm tra giữa kì: 20% Kiểm tra cuối kì: 60%

		văn bản. + Nắm được hệ thống các đơn vị ngữ pháp văn bản, liên kết và kết cấu văn bản. * Kỹ năng: Trang bị cho người học kỹ năng phân tích các đơn vị ngữ pháp văn bản, phân tích văn bản và hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. * Thái độ: Chủ động vận dụng các kiến thức đã học về ngữ pháp văn bản để thực hành phân tích văn bản và liên kết trong văn bản. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
69	Ngôn ngữ học xã hội	Mục tiêu chung: Học xong môn này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được lịch sử phát triển, mục đích, nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội. - Nắm được đối tượng, nhiệm vụ cùng những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học xã hội (biến, biến thể, cộng đồng ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, thái độ ngôn ngữ, mạng xã hội). - Hiểu và phân tích được những vấn đề đang đặt ra đối với ngôn ngữ học xã hội hiện đại và vận dụng vào tình hình ngôn ngữ học ở Việt Nam. - Trình bày các khái niệm đa ngữ, đa thể ngữ. - Phân tích nguyên nhân làm nảy sinh hiện tượng đa ngữ. - Xác định được mối quan hệ tương tác của các ngôn ngữ trong xã hội đa ngữ qua các hiện tượng: tiếp xúc, giao thoa, vay mượn, lai tạp ngôn ngữ. - Trình bày và phân biệt khái niệm phương ngữ và phương ngữ xã hội. - Phân tích những vấn đề nghiên	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		cứu của phương ngữ học xã hội: ngôn ngữ và chính trị, ngôn ngữ và giới, ngôn ngữ và đô thị, ngôn ngữ và tôn giáo. - Nêu đặc điểm của một số phương ngữ xã hội đặc thù: tiếng lóng, mạng xã hội. - Nêu khái niệm chính sách ngôn ngữ và kế hoạch hóa ngôn ngữ. - Trình bày các chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam. - Phân tích được vai trò của ngôn ngữ đối với quốc gia và dân tộc và sự ảnh hưởng của việc đề ra các chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa ngữ. - Phân tích được mối quan hệ giữa hiện tượng duy trì hoặc chuyển đổi ngôn ngữ với các thể hệ sử dụng ngôn ngữ ấy. - Trình bày tính lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau của các nhà ngôn ngữ học về những vấn đề của ngôn ngữ học xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học để có thể hình thành những hiểu biết có hệ thống về các hiện tượng ngôn ngữ: đa ngữ, đa thể ngữ, phương ngữ xã hội. - Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp một số tài liệu cơ bản về ngôn ngữ học xã hội. - Biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày quan điểm về một vấn đề về ngôn ngữ học xã hội. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhạy bén và có ý thức chính trị đối với vấn đề ngôn ngữ. - coi trọng mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.			

		- Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
70	Ngôn ngữ và văn hoá	Mục tiêu nhận thức: • Kiến thức - Hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, thấy được ngôn ngữ là tín hiệu của văn hóa, là thành tố cơ bản của văn hóa, thấy được ảnh hưởng qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. - Nắm được các phương diện biểu thị văn hóa của ngôn ngữ, ý nghĩa biểu trưng văn hóa của từ, cơ chế ngôn ngữ của biểu tượng, các phương diện ý nghĩa của từ. - Nắm được bản chất văn hóa của ngôn ngữ trên phương diện phân cắt thực tại, cách gọi tên sự vật và hiện tượng. Hiểu biết về các đơn vị ngôn ngữ biểu thị văn hóa, đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ qua cơ cấu nghĩa của từ, các loại nghĩa của từ. - Nắm được đặc trưng văn hóa dân tộc qua ngôn ngữ giao tiếp và ứng xử, thấy được biểu hiện văn hóa qua các diễn ngôn. • Kỹ năng - Nhận biết những giá trị văn hóa của các tín hiệu ngôn ngữ. - Biết vận dụng phương pháp nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ để nghiên cứu đặc trưng văn hóa của các cấu trúc ngôn ngữ và các diễn ngôn. • Thái độ - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị văn hóa của ngôn ngữ. - Tự hào, yêu quý những giá trị văn hóa của ngôn ngữ dân tộc. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được Ngôn ngữ và văn hóa là một môn học cần thiết, quan trọng cho việc nghiên cứu các yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp và ngôn ngữ văn học. - Sinh viên thấy được những giá trị và sự đóng góp của ngôn ngữ	2	Học kì 3	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10% Bài tập lớn học kì: 10% Kiểm tra giữa kì: 20% Kiểm tra cuối kì: 60%

		vào việc phản ánh và lưu giữ văn hóa dân tộc.			

***Ngành Cử nhân Văn học**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (1)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.	2	Học kì 2	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (2)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung các học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các lĩnh vực chuyên môn khác trong chuyên ngành đào tạo.	3	Học kì 3	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh. - Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta.	2	Học kì 4	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6

		- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.			
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo; sinh viên biết sống theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kì 5	- Thảo luận, bài tập: trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ: trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số: 0,6
5	Tin học đại cương	Học xong học phần này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Kiến thức cơ bản về các khái niệm tin học và máy tính điện tử. - Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows. - Kiến thức về tin học văn phòng: Microsoft Word, PowerPoint. - Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức: ▪ Microsoft Excel ▪ Soạn thảo và chuyển đổi định dạng nội dung đa phương tiện ▪ Bản đồ tư duy * Kỹ năng: - Lựa chọn máy tính phù hợp với yêu cầu và mục đích sử dụng. - Làm việc với tệp tin, thư mục, ổ đĩa; tổ chức, tìm kiếm dữ liệu trên máy tính và trên Internet. - Soạn thảo, định dạng, trình bày trang trí và in ấn văn bản phục vụ cho học tập và các hoạt	2	Học kì 2	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần: 0,6 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		động khác. - Cách tổ chức văn bản của tệp tin trình diễn, các hiệu ứng các đối tượng và các slide trong bài thuyết trình. - Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức để hình thành kỹ năng: ▪ Thao tác dữ liệu với Microsoft Excel ▪ Kỹ năng về cắt, ghép và chuyển đổi định dạng dữ liệu đa phương tiện ▪ Kỹ năng tạo thuyết trình điện tử với sự trợ giúp của phần mềm chuyên nghiệp ▪ Kỹ năng sử dụng bản đồ tư duy vào học tập * Thái độ: - Yêu thích môn học. - Có nhu cầu tìm kiếm, khai thác thông tin để phục vụ chuyên ngành học của mình.			
6	Tiếng Anh A2.1	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	3	6	- Trong các học phần này, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên không chỉ bằng các bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ mà còn bằng các cách đánh giá khác nhau như chuyên cần, tham gia vào giờ học, thuyết trình v.v. Giáo viên trực tiếp giảng dạy sẽ quyết định chọn hình thức đánh giá phù hợp với sinh viên và thời lượng học. Điểm của phần này chiếm 20% tổng điểm của học phần. - Sinh viên sẽ có bài kiểm tra giữa kỳ học do giáo viên trực tiếp giảng dạy đảm trách với trọng số điểm chiếm 30% tổng điểm cho từng học phần

					Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2. - Kết thúc mỗi học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, sinh viên sẽ có bài thi do Tổ khảo thí của trường Đại học Ngoại ngữ đảm nhận nhằm đánh giá kết quả học tập với trọng số điểm chiếm 50% tổng điểm cả học phần.
7	Tiếng Anh A2.2	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	4	7	- Trong các học phần này, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên không chỉ bằng các bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ mà còn bằng các cách đánh giá khác nhau như chuyên cần, tham gia vào giờ học, thuyết trình v.v. Giáo viên trực tiếp giảng dạy sẽ quyết định chọn hình thức đánh giá phù hợp với sinh viên và thời lượng học. Điểm của phần này chiếm 20% tổng điểm của học phần. - Sinh viên sẽ có bài kiểm tra giữa kỳ học do giáo viên trực tiếp giảng dạy đảm trách với trọng số điểm chiếm 30% tổng điểm cho từng học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2. - Kết thúc mỗi học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, sinh viên sẽ có bài thi do Tổ khảo thí của trường Đại học Ngoại ngữ đảm nhận nhằm đánh giá kết quả học tập với trọng số điểm chiếm 50% tổng điểm cả học

					phần.
8	Tiếng Trung 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức ban đầu về kiến thức tiếng Trung như ngữ âm, chữ viết và một số mẫu câu thông dụng được sử dụng trong 10 tình huống giao tiếp thông thường. Lượng từ vựng cung cấp khoảng 200 từ. Hoàn thành chương trình học viên phải đạt trình độ A HSK cơ sở (<i>theo chuẩn đánh giá trình độ tiếng Hán cho người nước ngoài của Trung Quốc</i>) và vận dụng được kiến thức vào trong quá trình giao tiếp thông thường nhất trong sinh hoạt hàng ngày. Chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe, nói và viết chữ Hán.	3		Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F * Hình thức thi: Tổ chức thi tại lớp, hình thức thi trắc nghiệm khách quan theo chuẩn đánh giá HSK trình độ cơ sở.
9	Tiếng Trung 2	Tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn tiếng Trung như: chữ viết, từ vựng và một số mẫu câu thông dụng được sử dụng trong 15 tình huống giao tiếp thông thường. Lượng từ vựng cung cấp khoảng 300 từ. Phát triển kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cho người học (trọng tâm là kỹ năng nghe và nói) Hoàn thành chương trình học viên phải đạt trình độ B HSK cơ sở (<i>theo chuẩn đánh giá trình độ tiếng Hán cho người nước ngoài của Trung Quốc</i>) và vận dụng được kiến thức vào trong quá trình giao tiếp thông thường nhất trong sinh hoạt hàng ngày.	2	Học kì	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F * Hình thức thi: Tổ chức thi tại lớp, hình thức thi trắc nghiệm khách quan theo chuẩn đánh giá HSK trình độ cơ sở.
10	Tiếng Trung 3	Tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn tiếng Trung như: chữ viết, từ vựng và một số mẫu câu thông dụng được sử dụng trong 15 tình huống giao tiếp thông thường. Lượng từ vựng cung cấp khoảng 300 từ. Phát triển kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cho người học (trọng tâm là kỹ năng nghe và nói) Hoàn thành chương	2	Học kì	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm:

		trình học viên phải đạt trình độ C HSK cơ sở (theo chuẩn đánh giá trình độ tiếng Hán cho người nước ngoài của Trung Quốc) và vận dụng được kiến thức vào trong quá trình giao tiếp thông thường nhất trong sinh hoạt hàng ngày.			A, B, C, D, F * Hình thức thi: Tổ chức thi tại lớp, hình thức thi trắc nghiệm khách quan theo chuẩn đánh giá HSK trình độ cơ sở.
11	Pháp luật đại cương	•Về kiến thức: - Giải thích đúng về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử. - Phân tích đúng nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng trong xã hội; phân biệt các kiểu và hình thức Pháp luật. - Nắm vững hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa và bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nắm vững các vấn đề cơ bản về khoa học pháp lý như: quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật; hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. - Trình bày đúng một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự Việt Nam. •Về kỹ năng: - Tập hợp, khai thác những thông tin pháp lý từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ công việc; hình thành kỹ năng đánh giá, phân tích và giải thích những hiện tượng pháp lý. - Vận dụng những tri thức pháp lý liên quan đến một số chế định trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết những tình huống pháp luật thông thường trong đời sống xã hội và thực thi pháp	2	Học kì 3	Thảo luận và bài tập: 10% Kiểm tra giữa kì: 30% Thi cuối kì: 60%

		luật trong cuộc sống. ●Về thái độ: Tin tưởng vào nhà nước và pháp luật Việt Nam; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật; tích cực tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.			
12	Giáo dục thể chất 1				
13	Giáo dục thể chất 2				
14	Giáo dục thể chất 3				
15	Giáo dục thể chất 4				
14	Giáo dục thể chất 5				
15	Giáo dục quốc phòng				
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt Nam. - Trình bày sự phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam. - Phân tích, nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người. Nắm được những giải pháp phân vùng văn hóa của các nhà nghiên cứu trước đây và hiện hành. - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn	2	Học kì 1	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong đời sống. * Thái độ: - Yêu thích môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai.			
17	Xã hội học đại cương	Học xong môn học này, sinh viên có thể: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về Xã hội học, như: lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học, đối tượng chức năng của Xã hội học, chủ thể xã hội và các khái niệm, phạm trù cơ bản của Xã hội học, phương pháp nghiên cứu và một số lĩnh vực Xã hội học chuyên ngành. * Kỹ năng: - Người học có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các tiểu luận, các chuyên đề về Xã hội học đại cương; - Biết cách vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận Xã hội học vào việc nghiên cứu, lý giải các vấn đề trong đời sống xã hội; - Biết vận dụng một số phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu Xã hội học trong thực tiễn học tập, công tác và đời sống. * Thái độ:	2	Học kì 1	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Nhận thức được vị trí quan trọng của Xã hội học trong hệ thống tri thức cũng như vai trò của Xã hội học đối với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội; - Có thái độ cầu thị, khiêm tốn học hỏi, năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm và chủ động vận dụng những kiến thức lí luận Xã hội học để nhận thức, lí giải các vấn đề xã hội nảy sinh trong hoạt động thực tiễn, hoạt động chuyên môn; - Có thể nhận ra Xã hội học không hẳn là môn khoa học khó, khô khan mà thực chất rất gần gũi và thiết thực trong cuộc sống; - Hình thành đạo đức nghề nghiệp và niềm tin vào vai trò của khoa học, của Xã hội học trong việc cải tạo xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội đương đại, góp phần phát triển xã hội bền vững. Mục tiêu khác: - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi; - Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
18	Lịch sử văn minh thế giới	Học xong môn này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Cung cấp cho sinh viên hệ thống những vấn đề về bộ môn Lịch sử văn minh thế giới gồm: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập bộ môn; các khái niệm. - Trang bị cho sinh viên những tri thức cụ thể về các nền văn minh nhân loại ra đời thời cổ đại (Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp - La Mã), cổ trung đại (Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á), trung đại (Â Rập, Tây Âu), cận đại (văn minh công nghiệp), hiện đại (văn minh hậu công nghiệp) từ điều kiện phát sinh đến các thành tựu chủ yếu. - Giúp sinh viên nhận biết và lý giải được sự chuyển dịch vị thế của mỗi nền văn minh và sự	2	Học kì 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		giao lưu, tiếp biến, học hỏi giữa các nền văn minh trên thế giới. * Kỹ năng: - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử và các thành tựu của văn minh nhân loại. - Hình thành hệ thống kỹ năng hỗ trợ cho bộ môn như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học,... * Thái độ: - Giúp sinh viên nhận thức đúng quy luật, nguồn gốc vận động của các hình thái kinh tế - xã hội thông qua sự phát triển kế tiếp của các nền văn minh và vị trí, vai trò, đóng góp của mỗi nền văn minh đối với văn minh nhân loại. - Hình thành ở sinh viên nhận thức và nhân sinh quan đúng đắn biết tự hào, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị vật chất, tinh thần của nhân loại. - Giúp sinh viên hiểu và nhận thức được vị trí của các nền văn minh ở Việt Nam trong sự phát triển của văn minh nhân loại.			
19	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học được trình bày trong học phần này. Cụ thể: + Hiểu và nắm vững những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ học như bản chất xã hội và bản chất tín hiệu của ngôn ngữ, chức năng của ngôn ngữ, ngôn ngữ là hệ thống – cấu trúc. Hiểu được các khái niệm: ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học cụ thể, ngôn ngữ học lịch đại, ngôn ngữ học đồng đại, ngôn ngữ và lời nói + Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về ngữ âm: âm tiết, âm tố, âm vị, các đơn vị ngữ âm siêu đoạn tính như trọng âm, thanh điệu ngữ điệu, các hiện tượng biến âm.	3	Học kì 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân, bài tập nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		+Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về từ vựng: từ vựng và từ vựng học, nghĩa của từ, các thành phần nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa, phương thức chuyển nghĩa, các quan hệ về nghĩa trong từ vựng, sự biến đổi của từ vựng. +Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về ngữ pháp: ngữ pháp và ngữ pháp học, cấu tạo từ, những khái niệm ngữ pháp cơ bản như nghĩa ngữ pháp, phương thức ngữ pháp, hình thái ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp... + Hiểu và nắm được các cách phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và phân loại ngôn ngữ theo loại hình. * Kỹ năng: - Biết cách đọc các tài liệu ngôn ngữ học, biết trình bày lại vấn đề ngôn ngữ học và học cách nhận xét thảo luận. - Làm quen với những cách nhìn nhận khác nhau của các nhà ngôn ngữ học khi đề cập một hiện tượng ngôn ngữ. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập dẫn luận ngôn ngữ học. - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một vài hiện tượng trong tiếng Việt. * Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học tập môn Dẫn luận ngôn ngữ học và các môn ngôn ngữ nói chung. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập Dẫn luận ngôn ngữ học - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được giảng dạy, không lệ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo viên			
20	Tiếng Việt thực hành	Học xong môn học này, sinh viên có được:	2	Học kì 2	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:

		* Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức về chính tả tiếng Việt: nguyên tắc chính tả tiếng Việt, quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt (viết các âm, viết hoa, viết tắt) và các mẹo viết đúng chính tả. - Có được những hiểu biết khái quát về từ, từ tiếng Việt và những yêu cầu chung về việc dùng từ. - Có được các hiểu biết khái quát về câu trong tiếng Việt (cấu tạo, phân loại) và nắm được những yêu cầu chung của việc đặt câu. - Nắm được những kiến thức cơ bản về đoạn văn, những yêu cầu chung của việc viết đoạn văn trong văn bản, phân biệt được các kiểu cấu trúc đoạn văn. - Xác định được các nhân tố giao tiếp của một văn bản, nắm được yêu cầu chung của một đề cương và biết cách triển khai đề cương thành văn bản. - Nắm được đặc điểm ngôn ngữ của văn bản hành chính và cấu trúc của một số loại văn bản hành chính thông dụng (đơn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo). * Kỹ năng: - Nhận biết và chữa được các lỗi thường gặp về chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, xây dựng văn bản. - Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết. - Vận dụng kiến thức để đặt câu và viết đoạn văn diễn đạt đúng mục đích nói/viết. - Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập một số văn bản (chủ yếu là văn bản hành chính công vụ). * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực.		0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0

		- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Tự tin trong giao tiếp tiếng Việt. <i>Mục tiêu khác:</i> - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
20	Ngữ âm tiếng Việt	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ âm học nói chung và ngữ âm học tiếng Việt nói riêng. Cụ thể: - Hiểu được khái niệm ngữ âm và ngữ âm học; các cơ sở của ngữ âm; các đơn vị ngữ âm; phân biệt được sự khác biệt giữa ngữ âm học và âm vị học. - Hiểu được các đặc điểm của ngữ âm tiếng Việt về mặt loại hình. - Nhận diện âm tiết và đặc điểm của âm tiết tiếng Việt. - Nắm được hệ thống âm vị tiếng Việt: các tiểu hệ thống âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu. - Trình bày được các giải thuyết khác nhau khi xử lý hệ thống âm vị tiếng Việt. - Nắm được hệ thống âm chuẩn và biến thể địa phương của các tiểu hệ thống âm vị tiếng Việt. - Nắm được các vấn đề về hiện tượng biến âm, vấn đề chính âm, chính tả và chữ viết tiếng Việt. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá được các giải thuyết của các nhà Việt ngữ học về âm tiết và hệ thống âm vị tiếng Việt cũng như các vấn	2	Học kì 2	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0

		đề có liên quan của ngữ âm tiếng Việt. - So sánh được những tương đồng và khác biệt giữa ngữ âm tiếng Việt và một ngôn ngữ khác (cùng hoặc khác loại hình). - Vận dụng được kiến thức đã học để làm các bài tập thực hành ngữ âm tiếng Việt: bài tập về phân tích cấu trúc và phân loại âm tiết tiếng Việt, phiên âm âm vị học, xác định các đặc trưng khu biệt của các âm vị tiếng Việt, các bài tập về vấn đề biến âm, chính âm, chính tả và chữ viết tiếng Việt. * Thái độ: - Hào hứng với môn học, chủ động tham gia các bài tập thảo luận và tích cực giải quyết các bài tập thực hành. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học về ngữ âm tiếng Việt để liên hệ với thực tế ngữ âm ở địa phương cũng như so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa những đặc điểm của ngữ âm tiếng Việt với những đặc điểm ngữ âm của một ngoại ngữ khác để nâng cao tính hiệu quả trong việc học tập ngoại ngữ đó. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
21	Từ vựng tiếng Việt trong hệ thống và trong sử dụng	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - <i>Nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng học nói chung và từ vựng tiếng Việt nói riêng. Cụ thể:</i> + <i>Hiểu được khái niệm từ vựng, từ vựng học; nắm được các đối tượng nghiên cứu của từ vựng học.</i> + <i>Hiểu được khái niệm các đơn vị từ vựng và nắm được đặc điểm của các loại đơn vị từ vựng</i>	2	Học kì 3	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		tiếng Việt. + <i>Nắm được khái niệm nghĩa của từ, các phương thức chuyển nghĩa của từ, đặc điểm của sự chuyển nghĩa từ.</i> + <i>Nắm được các quan hệ về nghĩa trong từ vựng tiếng Việt.</i> + <i>Hiểu được khái niệm trường nghĩa, đặc điểm của trường nghĩa.</i> + <i>Hiểu được khái niệm và đặc điểm của đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa trong tiếng Việt.</i> + <i>Nắm được những tiêu chí phân chia các lớp từ vựng và nắm được một cách hệ thống các lớp từ vựng tiêu biểu trong tiếng Việt.</i> - <i>Nắm được những giải pháp của Sách giáo khoa hiện hành về các vấn đề của từ vựng tiếng Việt.</i> * Kỹ năng: - <i>Vận dụng những kiến thức đã học để có thể tự mình hình thành những hiểu biết có hệ thống về từ vựng tiếng Việt.</i> - <i>Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập thực hành từ vựng tiếng Việt:</i> + <i>Nhận diện từ, phân biệt từ với hình vị; phân biệt từ với cụm từ cố định và cụm từ tự do.</i> + <i>Phân biệt được thể nào là thành ngữ, quán ngữ, ngữ cố định, định danh và khảo sát các hiện tượng này trong văn bản tiếng Việt.</i> + <i>Khảo sát các loại trường nghĩa, chỉ ra các kiểu chuyển trường nghĩa.</i> + <i>Chỉ ra được các phương thức chuyển nghĩa và khảo sát các hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong văn bản tiếng Việt. Nhận thức rõ vai trò của các phương thức chuyển nghĩa trong ngôn ngữ văn chương và vận dụng được trong việc phân tích, bình giảng văn chương.</i> + <i>Khảo sát các hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa trong các văn bản tiếng Việt.</i> + <i>Nhận diện các lớp từ</i>			

		được phân chia theo các tiêu chí nguồn gốc, phạm vi sử dụng, mức độ và thời gian sử dụng. Khảo sát các lớp từ này trong các văn bản tiếng Việt. * Thái độ: - Yêu thích các môn học tiếng Việt nói chung và môn Từ vựng tiếng Việt nói riêng. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập từ vựng tiếng Việt, soạn giảng các bài về từ vựng tiếng Việt. - Trân trọng vốn từ vựng tiếng Việt mà qua hàng nghìn năm ông cha ta mới tích lũy được. - Tích cực nâng cao trình độ hiểu biết về vốn từ tiếng Việt để tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức ngữ văn trong tương lai. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
22	Ngữ pháp tiếng Việt	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những quan điểm khác nhau của giới Ngữ pháp tiếng Việt. - Nắm được những giải pháp của Sách giáo khoa hiện hành về các vấn đề của ngữ pháp tiếng Việt. - Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ pháp học nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng. Cụ thể: + Hiểu được khái niệm ngữ pháp và ngữ pháp học; nắm được các đối tượng nghiên cứu của ngữ pháp học.	3	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		+ Hiểu được các đặc điểm của tiếng Việt về ngữ pháp. + Nhận diện từ, phân biệt từ với hình vị, cụm từ, câu; phân biệt từ láy, từ ghép, từ ngẫu kết. + Nắm được các tiêu chí phân chia từ loại; phân biệt thực từ, hư từ; nắm được các đặc điểm ngữ pháp của danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, chỉ từ, lượng từ, phó từ, quan hệ từ, trợ từ, tình thái từ, thán từ. + Nắm được khái niệm, mô hình cấu trúc của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. + Nắm được khái niệm, nhận diện các loại câu khác nhau phân loại theo ngữ pháp truyền thống. + Hiểu được chức năng của các loại dấu câu. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau của các nhà Việt ngữ học về hình vị, từ, câu tiếng Việt. - Vận dụng những kiến thức đã học để có thể tự mình hình thành những hiểu biết có hệ thống về ngữ pháp tiếng Việt: cấu tạo từ, từ loại, cụm từ, câu tiếng Việt. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập thực hành ngữ pháp tiếng Việt: bài tập về cấu tạo từ, từ loại, cụm từ, câu, dấu câu. - Rèn luyện kỹ năng tự đánh giá khi tiếp cận các vấn đề khác của Việt ngữ học. * Thái độ: - Yêu thích môn học tiếng Việt, đặc biệt là không còn thấy sợ khi học và dạy ngữ pháp tiếng Việt. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập ngữ pháp tiếng Việt; soạn giảng các bài về ngữ pháp tiếng Việt. - Tích cực nâng cao trình độ về ngữ pháp tiếng Việt để tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan			

		đến kiến thức ngữ văn trong tương lai. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
23	Ngữ dụng học	* Kiến thức Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học được trình bày trong học phần này: - Hiểu và nắm vững những kiến thức khái quát của ngữ dụng học như ba lĩnh vực của tín hiệu học, ngữ dụng học và sự phát triển của ngữ dụng học trên thế giới và ở Việt Nam, những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học. - Hiểu và nắm vững các kiến thức về chiếu vật với chỉ xuất như khái niệm chiếu vật, quan hệ giữa chiếu vật với sự đúng – sai của phát ngôn, quan hệ giữa nghĩa chiếu vật với nghĩa biểu vật, các phương thức chiếu vật, chỉ xuất không gian và thời gian. - Hiểu và nắm vững các kiến thức về hành vi ngôn ngữ như khái niệm hành vi ngôn ngữ, ba loại hành vi ngôn ngữ, các hành vi ngôn ngữ tại lời trực tiếp và gián tiếp. - Hiểu và nắm vững những tri thức về lập luận như khái niệm lập luận, quan hệ giữa lập luận với miêu tả, thuyết phục và logic, thành phần của lập luận, tác tử và kết tử lập luận, lẽ thường của lập luận - Hiểu và nắm được các kiến thức về lí thuyết hội thoại như: vận động hội thoại, cấu trúc cuộc thoại, quy tắc hội thoại - Hiểu và nắm vững các kiến thức về nghĩa của diễn ngôn như tiền giả định và hàm ý, nghĩa hàm ẩn không tự nhiên. * Kỹ năng: - Có thể trình bày và hệ	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		thống lại những kiến thức đã học về ngữ dụng học - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập ngữ dụng học. - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng trong tiếng Việt. - Vận dụng các kiến thức đã học về ngữ dụng học để phân tích tác phẩm văn học * Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học tập môn Ngữ dụng học và các môn ngôn ngữ nói chung. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được giảng dạy, không lệ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo viên			
24	Phong cách học	Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ thu hoạch được: * Về kiến thức: - <i>Nắm được những kiến giải khác nhau của giới Việt ngữ học về những vấn đề thuộc phạm vi phong cách học tiếng Việt</i> - <i>Nhận diện được cách xử lí của sách giáo khoa trung học phổ thông hiện hành về những vấn đề phức tạp của phong cách học tiếng Việt</i> - <i>Nắm vững những kiến thức cơ bản về phong cách học nói chung và về phong cách học tiếng Việt như:</i> + <i>Những vấn đề thuộc về lí luận bộ môn Phong cách học (lịch sử phong cách học, tên gọi môn học, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu...)</i> + <i>Các khái niệm cơ sở</i> - <i>Nắm được tiêu chí phân loại và kết quả phân loại các phong cách chức năng tiếng Việt, những vấn đề cần được thảo luận thêm. Với mỗi phong cách chức năng ngôn ngữ,</i>	3	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		trình bày được khái niệm, các kiểu dạng thể hiện, chức năng của ngôn ngữ trong phong cách đó, các đặc trưng phong cách, các đặc điểm ngôn ngữ của phong cách... - Nắm được các phương tiện tu từ tiếng Việt thuộc bình diện từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, văn bản, ngữ âm. Nhận diện được các phương tiện tu từ này trong văn bản. - Nắm được cách biện pháp tu từ tiếng Việt thuộc các bình diện từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản, ngữ âm. Nhận diện được các biện pháp tu từ này trong văn bản. * Kỹ năng: - Có thể trình bày hệ thống kiến thức đó một cách tường minh, thuyết phục từ lí thuyết đến ví dụ minh họa - Có khả năng phân tích đánh giá được ý kiến của các nhà Việt ngữ học về Phong cách học một cách có lí luận, có tri thức - Vận dụng được kiến thức đã học để xác định, chứng minh một văn bản bất kì thuộc phong cách ngôn ngữ nào - Vận dụng các kiến thức đã học để chỉ ra các phương thức tu từ trong văn bản, phân tích được giá trị tu từ của chúng trong tác phẩm * Thái độ: - Lĩnh hội được năng lực biểu đạt của tiếng Việt từ đó trân trọng tiếng nói của dân tộc - Bằng sự hiểu biết sâu sắc về phong cách học, có khả năng truyền thụ cho học sinh cái hay, cái đẹp của tiếng Việt, say mê các tác phẩm văn học và yêu thêm nghề nghiệp của mình - Có thái độ chủ động khi đứng trước các loại văn bản và tác phẩm văn chương phải giảng dạy Các mục tiêu khác: - Có khả năng thẩm văn, bình thơ - Có năng lực trình bày một vấn đề thuộc ngôn ngữ học - Góp phần nâng cao tư duy logic			
25	Ngôn ngữ báo chí	Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ thu hoạch được:	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:

		* Về kiến thức: - Nắm vững những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ báo chí. Hiểu biết về các phong cách chức năng ngôn ngữ - Hiểu biết về các lớp từ ngữ thường được sử dụng trong ngôn ngữ báo chí - Hiểu biết về các văn bản báo chí, cách kết cấu bài báo trong báo chí hiện đại - Hiểu biết về ngôn ngữ phát thanh, truyền hình và ngôn ngữ phi văn tự trên báo chí * Kỹ năng: - Nắm vững cách dùng ngôn ngữ trong các loại hình báo chí - Biết vận dụng các phong cách chức năng trong một bài báo - Bước đầu biết cách sử dụng các lớp từ có tính đặc thù của ngôn ngữ báo chí - Biết cách đặt các loại tit và viết sapo, win một cách ngắn gọn và hấp dẫn - Biết cách kết cấu bài báo phù hợp với đề tài * Thái độ: - Nghiêm túc trong học tập - Có ý thức trong các bài tập thực hành để nâng cao kỹ năng tác nghiệp Các mục tiêu khác: - Có khả năng làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
26	Ngôn ngữ và văn hóa	Mục tiêu nhận thức: • Kiến thức - Hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, thấy được ngôn ngữ là tín hiệu của văn hóa, là thành tố cơ bản của văn hóa, thấy được ảnh hưởng qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. - Nắm được các phương diện biểu thị văn hóa của ngôn ngữ, ý nghĩa biểu trưng văn hóa của từ, cơ chế ngôn ngữ của biểu tượng, các phương diện ý nghĩa của từ. - Nắm được bản chất văn hóa của ngôn ngữ trên phương diện phân cắt thực tại, cách gọi tên sự	2	Học kì 3	- Bài tập nhóm, tuần: 10% - Bài tập lớn học kì: 10% - Thi giữa kì: 20% - Thi cuối kì: 60%

		vật và hiện tượng. Hiểu biết về các đơn vị ngôn ngữ biểu thị văn hóa, đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ qua cơ cấu nghĩa của từ, các loại nghĩa của từ. - Nắm được đặc trưng văn hóa dân tộc qua ngôn ngữ giao tiếp và ứng xử, thấy được biểu hiện văn hóa qua các diễn ngôn. • Kĩ năng - Nhận biết những giá trị văn hóa của các tín hiệu ngôn ngữ. - Biết vận dụng phương pháp nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ để nghiên cứu đặc trưng văn hóa của các cấu trúc ngôn ngữ và các diễn ngôn. • Thái độ - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị văn hóa của ngôn ngữ. - Tự hào, yêu quý những giá trị văn hóa của ngôn ngữ dân tộc. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được Ngôn ngữ và văn hóa là một môn học cần thiết, quan trọng cho việc nghiên cứu các yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp và ngôn ngữ văn học. - Sinh viên thấy được những giá trị và sự đóng góp của ngôn ngữ vào việc phản ánh và lưu giữ văn hóa dân tộc.			
27	Văn bản hành chính và lưu trữ	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có thể: * Về kiến thức: - Nắm được các chức năng của văn bản quản lí nhà nước. - Nhận diện được các loại văn bản hành chính và thể thức văn bản, biết được các phương pháp soạn thảo văn bản. - Có được những hiểu biết về việc tổ chức quản lí và sử dụng văn bản trong các cơ quan. - Nắm được các kiến thức về khái niệm, ý nghĩa và tác dụng của tài liệu lưu trữ, các tiêu chuẩn để xem xét giá trị đối với tài liệu lưu trữ.	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Hiểu biết về cách tổ chức quản lí và khai thác tài liệu lưu trữ. * Kỹ năng: - Nhận biết và chữa được các lỗi văn bản thường gặp - Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập một số văn bản theo tình huống - Có kỹ năng tổ chức khoa học và quản lí văn bản, biết cách chọn lựa văn bản để lưu giữ và phương pháp tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học - Có ý thức cẩn trọng trong soạn thảo và lưu trữ văn bản công cũng như văn bản cá nhân - Tự tin trong giao tiếp bằng văn bản Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lí tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
28	Đại cương mỹ học	Mục tiêu nhận thức: Trang bị cho người học: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về mỹ học, bao gồm những hiểu biết về quan hệ thẩm mỹ và những quy luật của đời sống thẩm mỹ. * Kỹ năng: Cảm nhận, phân tích, đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật. * Thái độ: - Trân trọng và đề cao vai trò của nghệ thuật trong đời sống thẩm mỹ. - Bồi đắp tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ và lý tưởng thẩm	2	Học kì 1	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0

		mỹ ngày càng cao đẹp hơn cho bản thân và mọi người. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai. Các mục tiêu khác: - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu. - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm. - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá.			
29	Nhập môn lí luận văn học	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lí lí luận văn học. Qua đó, giúp cho người học hiểu rõ khái niệm văn học; sự tương đồng và khu biệt giữa văn học và các hình thái ý thức xã hội khác; đồng thời, giúp sinh viên hiểu được bản chất, đặc trưng của văn học. * Kỹ năng Vận dụng linh hoạt và sáng tạo những khái niệm đã học để nhận diện, phân tích, đánh giá và lí giải các hiện tượng văn học cụ thể. * Thái độ Sinh viên cần có cách nhìn khoa học đối với văn học, xem đây là nền tảng tri thức cho việc nâng cao năng lực tư duy tìm tòi, phân tích, phê bình, thưởng thức văn học. Mục tiêu khác: - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá	2	Học kì 2	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0

30	Tác phẩm văn học và thể loại văn học	Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống về tác phẩm văn học và thể loại văn học. - Hiểu rõ các khái niệm, các lớp cấu trúc nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học. - Nắm vững những đặc trưng cơ bản của 3 phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch); sự phân chia từ loại ra các thể khác nhau và đặc điểm của từng thể loại. * Về kỹ năng: - Kỹ năng phân tích các giá trị nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học. - Kỹ năng giảng dạy tác phẩm văn học theo đặc trưng loại thể. - Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Về thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học. - Có cái nhìn khoa học đối với văn học. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.	3	Học kì 3	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0
31	Tiến trình văn học	Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nêu được nguồn gốc ra đời và quy luật phát triển của văn học. - Trình bày được khái niệm, cơ sở xã hội và ý thức, các vấn đề về nguyên tắc sáng tác cũng như thi pháp của mỗi phương pháp sáng tác. - Vận dụng các kiến thức,	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C,

		khái niệm, phạm trù về tiến trình văn học làm cơ sở tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi của văn học trong quá trình lịch sử. * Về kỹ năng: - Kỹ năng nhìn nhận các trường phái văn học trong sự vận động và liên hệ lẫn nhau. - Kỹ năng liên hệ, phân tích các mối quan hệ văn học trong tiến trình lịch sử. - Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Về thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học. - Có cái nhìn khoa học đối với văn học. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
32	Tiếp nhận văn học	Mục tiêu chung Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức Trang bị cho sinh viên khung tri thức cơ bản về lí thuyết tiếp nhận, từ đó giúp cho người học có khả năng đi sâu nhận diện và cảm thụ tác phẩm văn chương. * Kỹ năng Vận dụng lí thuyết tiếp nhận để khám phá và thẩm bình tác phẩm văn học. * Thái độ Sinh viên cần nhận thức trong việc nghiên cứu và lí giải các hiện tượng văn học trên nền tảng cơ sở hệ thống lí luận. Mục tiêu khác: - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm	2	Học kì 5	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0

		- Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá			
33	Đại cương thi pháp học	Giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về thi pháp học; bước đầu vận dụng những hiểu biết về môn học vào việc nghiên cứu một số hiện tượng văn học cụ thể. Mục tiêu khác Biết cách vận dụng một số kiến thức thi pháp học vào việc giảng dạy tác phẩm văn học có trong chương trình môn văn học bậc trung học phổ thông.	2	Học kì 4	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0
34	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	+ Về kiến thức: - Hiểu được nội hàm thuật ngữ văn học trung đại Việt Nam với các đặc trưng riêng biệt của nó, từ đó làm cơ sở cho cách nhìn nhận và vận dụng vào phân tích đúng giá trị các bộ phận/ đơn vị khác nhau của văn học trung đại Việt Nam. - Hiểu các phạm trù tư tưởng thẩm mĩ văn học văn học trung đại Việt Nam như: Đức, Khí, Chí, Tình. Các phạm trù này chính là những nguyên tắc sáng tạo chi phối đến thể giới nghệ thuật của các thi nhân, văn nhân. Mỗi một thời đại thường nghiêng về một phạm trù cụ thể nào đó. - Hiểu và giải mã kiểu loại đề tài, chủ đề, các kiểu con người chủ yếu như là những hình tượng nghệ thuật trung tâm, ví dụ như con người vô ngã, con người quân tử, con người tài tử; các hình tượng văn học chủ yếu, như: thiên nhân/ chân nhân/ quân tử/ quan binh... - Hiểu và áp dụng các quan niệm về văn học và các phương thức thể hiện chủ yếu trong văn học trung đại Việt Nam. + Về kỹ năng: Môn học hướng người học đạt được những thao tác, những kiến thức cơ sở để từ đó làm phong nền cho sự hiểu biết và lí giải các	2	Học kì 2	- 01 bài kiểm tra giữa kì, 02 bài tập (trọng số 0,4). - 01 bài thi cuối kì, hình thức tự luận (trọng số 0,6).

		đơn vị cụ thể của văn học trung đại Việt Nam. + Về thái độ: Học xong học phần, người học sẽ có cái nhìn tự tin, bao quát và sâu sắc hơn trong việc học và nghiên cứu, giảng dạy môn văn học trung đại Việt Nam.			
35	Dẫn luận văn học Việt Nam hiện đại từ 1900 đến nay	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên cần đạt được những yêu cầu sau: * Về kiến thức: - Lí giải được quy luật vận động, phát triển cũng như đặc điểm của tiến trình văn học Việt Nam 1900 đến nay qua các giai đoạn; - Có cái nhìn khu biệt những tiếp biến và “cái khác” giữa hệ hình văn học Việt Nam trung đại và văn học Việt Nam hiện đại. * Về kỹ năng: - Có khả năng vận dụng tri thức dẫn nhập, đại cương của văn học Việt Nam từ 1900 đến nay vào việc nghiên cứu, giải mã một số hiện tượng cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn này; - Có năng lực giảng dạy những bài văn học sử trong chương trình phổ thông thuộc văn học Việt Nam hiện đại. * Về thái độ: - Say mê, hứng thú khi tiếp xúc với hiện tượng văn học Việt Nam hiện đại; - Có cái nhìn sâu hơn, toàn diện hơn về bối cảnh, đặc trưng cơ bản về văn học Việt Nam hiện đại để tạo lập cơ sở lí luận lí giải tường tận hơn những hiện tượng đáng chú ý của văn học Việt Nam 1900 đến nay.	2	Học kì 5	Thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6
36	Văn học so sánh	* Kiến thức: - Hiểu biết mục đích, đối tượng và phương pháp luận của văn học so sánh và thấy được đây là bộ môn nghiên cứu văn học. - Hiểu biết các phương diện nghiên cứu của văn học so sánh, thấy được văn học so sánh quan tâm	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0

		ngiên cứu sự tương đồng và ảnh hưởng của các nền văn học. * Kỹ năng: - Nhận biết những giá trị đặc trưng riêng biệt của các nền văn học dân tộc, những sự khác biệt độc lập ngoài những cái tương đồng. - Biết vận dụng phương pháp luận văn học so sánh để nghiên cứu các hiện tượng văn học thế giới. * Thái độ: - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị văn học trong sự so sánh đối chiếu với giá trị của các nền văn học thế giới. - Tự hào, yêu quý những giá trị độc đáo, riêng biệt và những giá trị tiếp biến. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được văn học so sánh là một môn học cần thiết, quan trọng để có một phương pháp luận đúng đắn trong việc NC các nền văn học thế giới . - Sinh viên thấy được những giá trị và sự đóng góp của văn học Việt Nam vào những giá trị của văn học thế giới.			Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
37	Kí văn học - kí báo chí	* Kiến thức: - Phân tích sự vận động của ký trong tiến trình báo chí và văn học Việt Nam; - So sánh ký báo chí và ký văn học từ đặc trưng thể loại; qua đó xác định những nét tương đồng và khác biệt giữa 2 thể loại này. * Kỹ năng: - Biết cách vận dụng kiến thức lí luận để tìm hiểu tác phẩm ký; - Bước đầu hình thành kỹ năng viết tác phẩm ký báo chí, ký văn học. * Thái độ: - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho công việc viết báo, nghiên cứu báo chí sau này; - Tích cực thực hành, làm quen với những đặc trưng thể loại	2	Học kì 7	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		ký để có cái nhìn toàn diện về các loại thể tương cận và có cái nhìn chân xác về loại hình này trong cả lĩnh vực báo chí và văn học. Các mục tiêu khác: - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; - Phát triển kỹ năng tiếp nhận văn bản ký và viết ký (dưới cái nhìn đặc trưng thể loại của từng loại hình); - Phát huy năng lực tư duy sáng tạo, khám phá, tìm tòi; - Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
38	Các xu hướng nghiên cứu văn học Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Có được tư duy tổng quát về quá trình nghiên cứu và các xu hướng nghiên cứu văn học Việt Nam. - Có được kiến thức hệ thống, toàn diện về tiến trình nghiên cứu văn học Việt Nam với cái nhìn mới, có tính cập nhật về lĩnh vực này. * Kỹ năng: - Nhận diện, phân tích, bình luận, đánh giá được các đặc điểm, quy luật của quá trình nghiên cứu văn học Việt Nam. - Phân tích, đánh giá được các xu hướng nghiên cứu văn học Việt Nam cũng như thành tựu của việc nghiên cứu cho đến thời điểm hiện tại. - Vận dụng kiến thức để có thể tự mình nghiên cứu đặc điểm, giá trị, sự vận động và phát triển của việc nghiên cứu văn học Việt Nam. - Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập - Tích cực đọc thêm các tài liệu liên quan đến môn học - Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Mục tiêu khác:	2	Học kì 7	Chuyên cần: Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		- Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
39	Các phạm trù văn hóa trong văn học trung đại Việt Nam	Mục tiêu chung: - Bổ sung, mở rộng kiến thức; cập nhật thông tin thuộc lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, văn học trung đại Việt Nam. - Rèn luyện kỹ năng, phương pháp nghiên cứu văn hóa, văn học trung đại Việt Nam. Mục tiêu khác Biết cách vận dụng một số kiến thức, kỹ năng có được từ môn học vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực văn hóa, văn học trung đại Việt Nam.	2	Học kì 5	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
40	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành (văn học)	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Có được kiến thức cơ bản về phương pháp, phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu văn học nói riêng. - Có được kiến thức cơ bản về kỹ thuật trình bày kết quả nghiên cứu khoa học nói chung, trình bày kết quả nghiên cứu văn học nói riêng. * Kỹ năng: - Nhận diện, xem xét, phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa các khái niệm, thuật ngữ nghiên cứu khoa học. - Phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học. - Vận dụng kiến thức đã học vào học tập và nghiên cứu khoa học (văn học).	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập. - Tích cực đọc thêm các tài liệu liên quan đến môn học. - Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
41	Văn bản Hán văn Trung Quốc	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trang bị cho sinh viên một cái vốn tối thiểu nhất định về chữ Hán. - Giúp sinh viên làm quen với việc tiếp cận và mình giải các văn bản cổ Trung Hoa (theo loại thể) qua nguyên tác chữ Hán. - Trang bị cho sinh viên một số kiến thức ngữ pháp tiếng Hán cổ đại và thường thức ngữ văn. * Kĩ năng: Vận dụng kiến thức để dịch một số văn bản Hán văn cổ Trung Quốc * Thái độ: Yêu thích môn học, ngành học. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng dịch văn bản Hán văn cổ - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,2 Kiểm tra giữa học phần:0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6
42	Văn bản Hán văn Việt Nam	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Hiểu được chữ và nghĩa trong văn bản nguyên tác. - Dịch nghĩa được văn bản Hán văn	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng

		sang Việt văn ở mức độ “Tín”. - Phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. * Kỹ năng: Vận dụng những vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp Hán văn đã học để tiếp cận, mình giải những văn bản mới khác trong thực tiễn. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu quý những sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật của tiền nhân, tự hào những giá trị tư tưởng của cha ông. Mục tiêu khác: - Góp phần giúp sinh viên “tập cổ” sáng tác những tác phẩm theo cổ thể. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
43	Chữ Nôm	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Nắm được các kiến thức về chữ Nôm như nguồn gốc chữ Nôm, cấu tạo chữ Nôm, diễn biến của chữ Nôm, ưu điểm - khuyết điểm của chữ Nôm, cách đọc chữ Nôm. * Kỹ năng: - Giải mã được văn bản chữ Nôm. - Phân tích được cấu tạo chữ Nôm hiện hữu trong văn bản đang tiếp cận. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu quý một loại hình chữ viết của dân tộc. Mục tiêu khác: - Góp phần gìn giữ loại hình chữ viết độc đáo sáng tạo của cha ông. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

44	Văn học dân gian Việt Nam	Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ được: Mục tiêu nhận thức: • Kiến thức - Hiểu biết đặc trưng văn học dân gian về thể loại, phương thức thể hiện, các thuộc tính, các chức năng. - Hiểu biết giá trị nghệ thuật, giá trị văn hóa, giá trị tư tưởng của các tác phẩm dân gian. • Kĩ năng - Nhận biết những giá trị đặc trưng của văn học dân gian. - Phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học dân gian. • Thái độ - Say mê, yêu thích những giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học dân gian. - Tự hào, yêu quý những giá trị tinh thần của nhân dân sáng tạo ra. Mục tiêu khác - Sinh viên thấy được đây là dòng văn học cội nguồn, có những giá trị mang bản sắc văn hóa dân tộc. - Sinh viên có sự hiểu biết về văn học dân gian để học môn học Thi pháp văn học dân gian và các thời kỳ văn học viết sau này.	3	Học kì 1	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10% Bài tập lớn học kì: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
45	Hệ thống thể loại và ngôn ngữ văn học trung đại Việt Nam	+ Về kiến thức: - Hiểu được các thuật ngữ cơ bản về hệ thống thể loại và văn tự của nền văn học trung đại Việt Nam, như văn học chữ Hán, văn học chữ Nôm, mối quan hệ giữa văn tự học và văn học... - Hiểu và giải thích được các thể loại cơ bản trong văn học trung đại Việt Nam. Hiểu được nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển, sự vận dụng thể loại trong sáng tạo văn học của các nhà văn trung đại. Mỗi một thể loại đều đem đến những cách thức tri nhận thế giới và cảm quan thẩm mỹ của người sáng tạo. - Hiểu lí giải được các hiện tượng ngôn ngữ/ văn tự được sử dụng làm chất liệu sáng tạo cơ bản trong văn học trung đại Việt Nam. - Áp dụng vào phân tích được giá trị ngôn ngữ và thể loại trong các	2	Học kì 3	- 01 bài kiểm tra giữa kì, 02 bài tập (trọng số 0,4). - 01 bài thi cuối kì, hình thức tự luận (trọng số 0,6).

		trường hợp cụ thể. - Phân tích đối sánh hệ thống ngôn ngữ và thể loại văn học trung đại Việt Nam trong tương quan với văn học khu vực Đông Á và bản địa + Về kĩ năng: Môn học hướng người học đạt được những thao tác, những cách thức cụ thể để áp dụng vào giải quyết các đối tượng đặc thù, như ngôn ngữ và cách thức sử dụng thể loại trong thời đại; đồng thời giải quyết các trường hợp cụ thể, trên mô hình chung cũng như những sự vận dụng và sáng tạo lệch chuẩn. + Về thái độ: Học xong học phần, người học sẽ có cái nhìn bao quát và sâu sắc hơn về vấn đề văn tự và thể loại văn học dân tộc. Cũng từ đó, nhận diện rõ các vấn đề về tính chất sáng tạo, tính chất dân tộc của yếu tố ngôn ngữ. Trên cơ sở đó, người học sẽ có cái nhìn tự tin trong việc học và nghiên cứu, giảng dạy môn văn học trung đại Việt Nam, đặc biệt là hệ thống ngôn ngữ và thể loại.			
46	Khuy nh hướng văn học và loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên cần đạt được những yêu cầu sau đây: * Về kiến thức: Nắm được các khái niệm chủ yếu, các nội dung chính về lý thuyết loại hình, một số tác gia trung đại tiêu biểu. * Về kỹ năng: có năng lực vận dụng kiến thức đã học vào việc nghiên cứu, giảng dạy tác gia văn học trung đại trong chương trình phổ thông.	4	Học kì 4	-Thuyết trình về một vấn đề cụ thể thuộc nội dung môn học: 0,1; -Bài kiểm tra giữa học phần: 0,3; - Bài thi kết thúc môn học: 0,6
47	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại 1900 - 1945	* Về kiến thức: - Có được các kiến thức cơ bản về hệ thống thể loại văn học giai đoạn 1900 - 1945. - Nhận biết được quan niệm nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của các tác gia tiêu biểu của văn học giai đoạn 1900 - 1945. * Về kĩ năng: - Phân tích được các đặc điểm cơ bản của hệ thống thể loại văn học giai đoạn 1900 -1945. - Đánh giá được quan niệm nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của	4	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		một số tác gia tiêu biểu vừa văn học Việt Nam hiện đại 1900 – 1945. - Vận dụng được các kiến thức về thể loại văn học, tác gia văn học tiêu biểu giai đoạn 1900- 1945 vào học tập, nghiên cứu và soạn giảng sau này. * Về thái độ: - Sinh viên dự lớp nghe thuyết giảng. - Tự nghiên cứu tài liệu, giáo trình theo sự gợi ý, hướng dẫn của giảng viên. - Tham gia các buổi thảo luận theo yêu cầu của môn học. - Tiếp cận các tác phẩm cụ thể để có thể phân tích, đánh giá tác phẩm, phục vụ tốt cho việc học tập, nghiên cứu.			
48	Hệ thống thể loại và tác gia tiêu biểu văn học Việt Nam hiện đại từ 1945 đến nay	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên cần đạt được những yêu cầu sau đây: * Về kiến thức: - Lí giải được quy luật vận động, đặc trưng thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam từ 1945 đến nay; - Có cái nhìn khu biệt phong cách một số hiện tượng tác gia văn học Việt Nam từ 1945 đến nay. * Về kỹ năng: - Có khả năng vận dụng tri thức văn học sử và lí luận văn học để kiến giải một số hiện tượng văn học Việt Nam hiện đại từ góc nhìn thành tựu thể loại và phong cách tác gia; - Có năng lực giảng dạy những văn học Việt Nam hiện đại trong chương trình trung học phổ thông từ dưới góc nhìn thể loại và phong cách nghệ thuật. * Về thái độ - Yêu thích, say mê những vấn đề thể loại và phong cách tác gia văn học Việt Nam hiện đại; - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong bình giá các hiện tượng văn học Việt Nam từ 1945 đến nay nhìn từ hệ thống thể loại và một số trường hợp phong cách tiêu biểu; - Tích cực tìm tòi, nghiên cứu thêm	4	Học kì 7	Thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần : 0,6

		những hiện tượng văn học chưa có dịp đào sâu trong quá trình học hoặc mở rộng diện nghiên cứu đến những hiện tượng văn học mới, có tính vấn đề của văn học hiện đại từ 1945 đến nay.			
49	Văn học Trung Quốc	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm tiến trình văn học Trung Quốc từ Tiên Tần đến đương đại trên các phương diện đặc trưng thể loại, các môtip nhân vật, cá tính sáng tạo của những tác gia tiêu biểu, đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếp cận những hiện tượng văn học nước ngoài từ góc độ văn hóa học. * Kỹ năng: Trong phần thực hành, có một số vấn đề được chọn từ các chương để thảo luận nhằm củng cố và nâng cao kiến thức cho sinh viên. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Tự tin khi vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.	3	Học kì 2	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
50	Văn học Tây Âu từ phục hưng đến nay	Mục tiêu chung Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có được: ❖Kiến thức: - Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản về các phương diện của văn học Tây Âu như: tình hình văn học trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể, các môtip nhân vật, các khuynh hướng, các phong cách sáng tác, các thể loại văn học... - Thuyết trình được về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của những tài năng bậc thầy trong văn học Tây	3	Học kì 5	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		Âu. - <i>Nắm được nội dung của các tác phẩm được học trong chương trình.</i> ❖ Kỹ năng: - <i>Phân tích được những vấn đề của văn học Tây Âu, so sánh được những hiện tượng, khuynh hướng, trào lưu văn học thế giới, lý giải được sự ảnh hưởng qua lại giữa các nền văn học.</i> - <i>Tóm tắt được nội dung các tác phẩm được học trong chương trình.</i> - <i>Cảm thụ và phân tích được các tác phẩm tiêu biểu của văn học Tây Âu.</i> - <i>Xác định được thể loại của các tác phẩm được học trong chương trình.</i> - <i>Đọc diễn cảm các tác phẩm (hoặc trích đoạn) thơ, văn xuôi.</i> - <i>Biết tổ chức, tham gia các hoạt động nhóm, biết cách trình bày, phản biện những vấn đề văn học cụ thể.</i> ❖ Thái độ: <i>Hình thành thái độ trân trọng đối với các kiệt tác của văn học Tây Âu – một nền văn học lớn trên thế giới, có ảnh hưởng nhiều đến văn học Việt Nam.</i> Mục tiêu khác: - <i>Nâng cao khả năng tự nghiên cứu;</i> - <i>Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi;</i> - <i>Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá.</i>			
51	Văn học Đông Âu - Nga	Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có được: ❖ Kiến thức: - <i>Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản về các phương diện của văn học Đông Âu - Nga như: tình hình văn học trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể (thế kỉ XIX và XX), các môtip nhân vật, các khuynh hướng, các phong cách sáng tác, các thể loại văn học...</i> - <i>Thuyết trình được về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của những tài năng bậc thầy trong văn học Đông Âu - Nga.</i> - <i>Nắm được nội dung của các tác phẩm được học trong chương trình.</i>	3		Bài tập nhóm: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		❖ Kỹ năng: - Phân tích được những vấn đề của văn học Đông Âu – Nga, so sánh được những hiện tượng, khuynh hướng, trào lưu văn học thế giới, lý giải được sự ảnh hưởng qua lại giữa các nền văn học. - Trên cơ sở những kiến thức về lịch sử và lý luận văn học, cảm thụ và phân tích được các tác phẩm tiêu biểu của văn học Đông Âu – Nga. - Tóm tắt được nội dung các tác phẩm được học trong chương trình. - Xác định được thể loại của các tác phẩm được học trong chương trình. - Đọc diễn cảm các tác phẩm (hoặc trích đoạn) thơ, văn xuôi. - Biết tổ chức, tham gia các hoạt động nhóm, biết cách trình bày, phản biện những vấn đề văn học cụ thể. ❖ Thái độ: Hình thành thái độ trân trọng đối với các kiệt tác của văn học Đông Âu- Nga, đặc biệt là văn học Nga – một nền văn học vĩ đại với nhiều thành tựu rực rỡ, có ảnh hưởng lớn đến văn học thế giới và văn học Việt Nam. Các mục tiêu khác: - Rèn luyện kỹ năng đọc,viết, kỹ năng phân tích và đánh giá. -Rèn luyện kỹ năng tiếp cận những vấn đề, những hiện tượng văn học thế giới.			
52	Văn học Hy Lạp cổ đại	Sau khi kết thúc môn học, người học có được: * Kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học Hy Lạp – La Mã ở các phương diện như: đặc điểm, lịch sử phát triển, các khuynh hướng sáng tác, các thể loại văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. * Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu tài liệu tham khảo, đọc giáo trình, tra cứu các loại từ điển thuật ngữ văn học. - Cảm nhận, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học Hy Lạp – La Mã theo từng đặc trưng thể loại như	2	Học kì 4	Bài tập nhóm: 0,2 Bài kiểm tra giữa kì: 0,2 Bài thi kết thúc học phần: 0,6

		thần thoại, anh hùng ca, kịch. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc giảng dạy các tác phẩm văn học Hy Lạp – La Mã được đưa sách giáo khoa văn học (sử thi Iliad, Odyssey). * Thái độ: - Yêu thích văn chương Hy Lạp – La Mã, khám phá được vẻ đẹp tâm hồn và văn hóa Hy Lạp – La Mã bộc lộ qua văn học. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan trong nền văn học Hy Lạp – La Mã, ảnh hưởng của nó đến văn học phương Tây hiện đại. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai.			
53	Văn học Ấn Độ	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: Cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn học Ấn Độ trên các phương diện: đặc điểm, các vấn đề, các khuynh hướng sáng tác, các thể loại, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. * Kỹ năng: Qua các thao tác so sánh và đối chứng với các nền văn học Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... ở phương Đông, giúp sinh viên có điều kiện vận dụng những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn học Ấn Độ trong việc nghiên cứu và giảng dạy ở chương trình Trung học phổ thông. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có khả năng phân tích, đánh giá và bình luận một tác phẩm nghệ thuật. - Tự tin khi vận dụng môn học vào cuộc sống. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống.	2	Học kì 3	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		- Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
54	Văn học Nhật Bản	Sau khi kết thúc môn học, người học có được: * Kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học Nhật Bản ở các phương diện như: đặc điểm, lịch sử phát triển, các khuynh hướng sáng tác, các thể loại văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. * Kỹ năng: - Cảm nhận, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học Nhật Bản theo từng đặc trưng thể loại. - Vận dụng những kiến thức đã học để so sánh và khẳng định đặc trưng văn học Nhật Bản trong dòng chảy văn chương phương Đông. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc giảng dạy các tác phẩm văn học Nhật Bản được đưa sách giáo khoa văn học lớp 10. * Thái độ: - Yêu thích văn chương Nhật Bản, khám phá được vẻ đẹp tâm hồn và văn hóa Nhật bộc lộ qua văn học. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan trong nền văn học Nhật Bản, đặc biệt là các tác phẩm văn học hiện đại, đương đại. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai.	2	Học kì 5	Bài tập nhóm: 0,2 Bài kiểm tra giữa kì: 0,2 Bài thi kết thúc học phần: 0,6
55	Văn học Mỹ - Mỹ la tinh	Sau khi kết thúc môn học, người học có được: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học Mỹ - Mỹ Latinh ở các phương diện như: đặc điểm, lịch sử phát triển, các khuynh hướng sáng tác, các thể loại văn học, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. * Kỹ năng: - Cảm nhận, phân tích, đánh giá	3	Học kì 6	Bài tập cá nhân tuần (viết): 10% Bài tập nhóm tháng (thảo luận): 20% Kiểm tra giữa kỳ (viết): 20% Thi cuối kỳ (viết hoặc tiểu luận): 50%

		các tác phẩm văn học Mỹ - Mỹ Latinh theo từng đặc trưng thể loại. - Vận dụng những tri thức, khái niệm, phạm trù lý luận văn học để xử lý các vấn đề liên quan. - Vận dụng những kiến thức đã học để so sánh và khẳng định đặc trưng văn học Mỹ - Mỹ Latinh trong dòng chảy văn chương Âu – Mỹ. - Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào việc giảng dạy các tác phẩm văn học Mỹ được đưa sách giáo khoa Ngữ Văn dành cho học sinh THPT. * Thái độ: - Yêu thích văn chương Mỹ - Mỹ Latinh, khám phá được vẻ đẹp con người và văn hóa Mỹ - Mỹ Latinh bộc lộ qua văn học. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan trong nền văn học Mỹ - Mỹ Latinh, đặc biệt là các tác phẩm văn học hiện đại, đương đại. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
56	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (ngôn ngữ)	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên sẽ có được: * Về kiến thức: - Có những hiểu biết cơ bản về khái niệm phương pháp và thủ pháp trong nghiên cứu ngôn ngữ - Nắm được những thủ pháp, những thao tác của phương pháp miêu tả như các thủ pháp giải thích bên ngoài, các thủ pháp giải thích bên trong - Nắm được những thủ pháp, những thao tác của phương pháp so sánh như so sánh – lịch sử, lịch sử - so sánh, đối chiếu. * Về kỹ năng:	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		- Bước đầu vận dụng được những hiểu biết này để học tập, để giải quyết các bài tập trong chương trình - Có đủ khả năng vận dụng phương pháp để tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học * Về thái độ: - Ý thức sâu sắc hơn vai trò của phương pháp đối với nghiên cứu khoa học - Tự tin hơn với những chủ kiến khoa học được xây dựng từ những nghiên cứu khoa học của chính mình. Các mục tiêu khác: Sinh viên có thể lựa chọn con đường nghiên cứu khoa học sau khi tiếp cận với hệ thống phương pháp.			
57	Từ Hán Việt	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Mô tả, lí giải, phân biệt được những vấn đề cơ bản của từ Hán Việt: khái niệm, loại hình, đặc điểm và sử dụng của từ Hán Việt. * Kỹ năng: Xác định được những từ nào là từ Hán Việt; giải nghĩa được những từ Hán Việt thường dùng trong giao tiếp. Sử dụng đúng và đặc địa từ Hán Việt. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có ý thức về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6
58	Phương ngữ học	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Qua môn học này, các sinh viên phải nắm được kiến thức phương ngữ là gì, quá trình hình thành và phát triển của phương ngữ. Tiếng Việt được chia thành mấy vùng	1	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần: 0,6

		phương ngữ, các điểm chung của từng vùng phương ngữ. Người học phải nắm được đặc điểm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của 3 vùng phương ngữ Bắc, Trung, Nam. * Kỹ năng: Trên cơ sở kiến thức về phương ngữ đã được học, sinh viên phải tìm được phương ngữ trong một số tác phẩm và biết phân tích cái hay của phương ngữ từng vùng miền. Đặc biệt sinh viên sư phạm Ngữ Văn phải biết được phương ngữ cụ thể của từng vùng miền ở trong tác phẩm phân tích và một số trong cuộc sống để đưa phương ngữ vào bài giảng của mình một cách sinh động và hấp dẫn, nhằm làm nổi bật sự giàu đẹp của tiếng Việt. * Thái độ: Tuy là môn tự chọn nhưng khi đã đăng ký học, người học trong quá trình học phải thể hiện sự nghiêm túc và ham hiểu biết, tránh thái độ học đối phó, dựa vào bạn. Ai có tinh thần học tập cao sẽ được điểm khuyến khích.			
59	Ngữ pháp văn bản	Mục tiêu nhận thức: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn bản và ngữ pháp văn bản, cụ thể: + Nắm được khái niệm ngữ pháp văn bản và một số quan niệm về ngữ pháp văn bản. + Nắm được những đặc trưng cơ bản của văn bản và liên kết trong văn bản. + Nắm được hệ thống các đơn vị ngữ pháp văn bản, liên kết và kết cấu văn bản. * Kỹ năng: Trang bị cho người học kỹ năng phân tích các đơn vị ngữ pháp văn bản, phân tích văn bản và hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. * Thái độ: Chủ động vận dụng các kiến thức đã học về ngữ pháp văn bản để thực hành phân tích văn bản và liên kết trong văn bản. Các mục tiêu khác:	2	Học kì 5	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10% Bài tập lớn học kỳ: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

		- Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
60	Ngữ pháp chức năng	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ pháp chức năng và ngữ pháp chức năng tiếng Việt. Cụ thể: - Nắm được những vấn đề lý luận của ngữ pháp chức năng như khái niệm, đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu trên cơ sở so sánh với ngữ pháp cấu trúc. Nắm được những khái niệm mới có liên quan như cấu trúc Đề - Thuyết, khung vị từ và vai nghĩa, cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu... - Nắm được những vấn đề chủ yếu của ngữ pháp chức năng tiếng Việt như phân loại câu theo cấu trúc cú pháp, theo hành động ngôn trung, các vấn đề về cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu tiếng Việt, ngữ đoạn và từ loại tiếng Việt. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá được sự khác biệt giữa ngữ pháp chức năng và ngữ pháp cấu trúc. - Vận dụng được kiến thức đã học để làm các bài tập thực hành phân tích câu, ngữ đoạn và từ loại tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng. * Thái độ: - Hào hứng, thích thú với môn học; chủ động tham gia các bài tập thảo luận và tích cực giải quyết các bài tập thực hành. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học về ngữ pháp chức năng tiếng Việt để phân tích, giải quyết những vấn đề phức tạp còn bỏ ngỏ hoặc chưa giải quyết ổn thỏa của ngữ pháp tiếng Việt. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần : 0,6

		- Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
61	Ngôn ngữ học xã hội	Mục tiêu chung: Học xong môn này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được lịch sử phát triển, mục đích, nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội. - Nắm được đối tượng, nhiệm vụ cùng những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học xã hội (biến, biến thể, cộng đồng ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, thái độ ngôn ngữ, mạng xã hội). - Hiểu và phân tích được những vấn đề đang đặt ra đối với ngôn ngữ học xã hội hiện đại và vận dụng vào tình hình ngôn ngữ học ở Việt Nam. - Trình bày các khái niệm đa ngữ, đa thể ngữ. - Phân tích nguyên nhân làm nảy sinh hiện tượng đa ngữ. - Xác định được mối quan hệ tương tác của các ngôn ngữ trong xã hội đa ngữ qua các hiện tượng: tiếp xúc, giao thoa, vay mượn, lai tạp ngôn ngữ. - Trình bày và phân biệt khái niệm phương ngữ và phương ngữ xã hội. - Phân tích những vấn đề nghiên cứu của phương ngữ học xã hội: ngôn ngữ và chính trị, ngôn ngữ và giới, ngôn ngữ và đô thị, ngôn ngữ và tôn giáo. - Nêu đặc điểm của một số phương ngữ xã hội đặc thù: tiếng lóng, mạng xã hội. - Nêu khái niệm chính sách ngôn ngữ và kế hoạch hóa ngôn ngữ. - Trình bày các chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam. - Phân tích được vai trò của ngôn ngữ đối với quốc gia và dân tộc và sự ảnh hưởng của việc đề ra các chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa ngữ. - Phân tích được mối quan hệ giữa hiện tượng duy trì hoặc chuyển đổi ngôn ngữ với các thể hệ sử dụng	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		ngôn ngữ ấy. - Trình bày tính lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau của các nhà ngôn ngữ học về những vấn đề của ngôn ngữ học xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học để có thể hình thành những hiểu biết có hệ thống về các hiện tượng ngôn ngữ: đa ngữ, đa thể ngữ, phương ngữ xã hội. - Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp một số tài liệu cơ bản về ngôn ngữ học xã hội. - Biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày quan điểm về một vấn đề về ngôn ngữ học xã hội. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhạy bén và có ý thức chính trị đối với vấn đề ngôn ngữ. - coi trọng mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
62	Văn học dân gian các dân tộc thiểu số	Mục tiêu chung của học phần: Sau khi học xong môn học, sinh viên phải và có thể: A. Về kiến thức 1. Giải thích được sự ra đời của văn học dân gian; 2. Giải thích được mối liên hệ giữa văn học dân gian các dân tộc thiểu số với văn học dân gian người Kinh; 3. Giải thích được đặc trưng của văn học dân gian; 4. Giải thích được kiểu tư duy thần thoại; 5. So sánh được kiểu tư duy thần thoại với kiểu tư duy cổ tích;	2	Học kì 2	Bài tập cá nhân hoặc nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

		6. Vận dụng được dân ca trong giao tiếp; 7. Chứng minh được sự tương đồng giữa tư duy thần thoại và tư duy sử thi; 8. Giải thích được hiện tượng mai một của văn học dân gian trong đời sống hiện đại; 9. Phân tích được giá trị thẩm mỹ của truyện thơ; 10. Đề xuất được giải pháp bảo tồn vốn văn học dân gian; B. Về kĩ năng 11. Kể được truyện thơ; 12. Sưu tầm được văn học dân gian; C. Về thái độ 13. Yêu quý và tôn trọng vốn văn học dân gian của các dân tộc; 14. Có ý thức tích lũy và giữ gìn vốn văn học dân gian; Mục tiêu khác 15. Giao tiếp hiệu quả; 16. Thể hiện được tình thần hợp tác.			
63	Một số vấn đề văn học Việt Nam hải ngoại	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Có được tư duy tổng quát về văn học Việt Nam hải ngoại. - Có được kiến thức về những đặc điểm của văn học Việt Nam hải ngoại với cái nhìn mới, có tính cập nhật về lĩnh vực này. * Kĩ năng: - Nhận diện, phân tích, bình luận, đánh giá các khái niệm, đặc điểm của văn học Việt Nam hải ngoại. - Phân tích, đánh giá tác phẩm cũng như sự nghiệp, phong cách của một số tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam hải ngoại. - Vận dụng kiến thức để có thể tự mình nghiên cứu đặc điểm, giá trị, sự vận động và phát triển của văn học Việt Nam hải ngoại. - Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập - Tích cực đọc thêm các tài liệu liên quan đến môn học	2	Học kì 7	Chuyên cần: Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		- Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra, đánh giá kết quả học tập Mục tiêu khác: -Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lí tình huống -Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả -Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá -Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo			
64	Thi pháp văn học dân gian	Mục tiêu nhận thức: • Kiến thức - Hiểu biết đặc trưng về thi pháp văn học dân gian, điểm khác biệt với thi pháp văn học viết. - Hiểu biết về thi pháp các thể loại văn học dân gian. • Kĩ năng - Nhận biết những giá trị đặc trưng của thi pháp văn học dân gian. - Biết vận dụng thi pháp phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học dân gian. • Thái độ - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị về thi pháp của các tác phẩm văn học dân gian. - Tự hào, yêu quý những giá trị nghệ thuật của nhân dân sáng tạo ra. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được những giá trị thi pháp văn học dân gian và ảnh hưởng nghệ thuật của loại hình văn học này với văn học viết. - Thi pháp văn học dân gian làm tiền đề học các học phần thi pháp văn học viết sau này.	3	Học kì 3	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10% Bài tập lớn học kỳ: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
65	Thi pháp thơ Đường	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Qua việc học tập <i>Thi pháp thơ Đường</i>, sinh viên hiểu được đặc trưng của hệ thống hình thức trong mối liên hệ biện chứng với nội dung của thơ Đường. - Cảm nhận được việc hình thành một kiểu tư duy nghệ thuật độc đáo, một hệ thống thi pháp mới của thơ	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		Đường. - Nắm bắt được các thể thơ đời Đường. * Kỹ năng: - Ứng dụng những tri thức đã học để giảng dạy, nghiên cứu những bài thơ Đường và những bài luật thi trong văn học Việt Nam thời trung cận đại. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học để hiểu và phân tích những bài luật thi trong văn học Việt Nam trung cận đại. * Thái độ: - Yêu thích thơ Đường và <i>Thi pháp thơ Đường</i>. - Ứng dụng những tri thức đã học để sáng tác những bài thơ theo luật thi và tuyệt cú đời Đường. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.			
66	Thi pháp tiểu thuyết Minh Thanh	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Sinh viên cần hiểu được những tiền đề cơ sở cũng như đặc trưng thi pháp tiểu thuyết Minh – Thanh. * Kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để giảng dạy tốt các tác phẩm tiểu thuyết Minh – Thanh trong trường phổ thông. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Tự tin khi vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

67	Văn học và báo chí	Mục tiêu nhận thức: Trang bị cho người học: * Về kiến thức: - Tạo dựng cho người học bức tranh sinh động về mối quan hệ văn học - báo chí trên một số phương diện cơ bản, từ đó quán triệt sâu sắc về những tương đồng và khác biệt giữa văn học và báo chí để vận dụng vào thực tiễn sáng tạo tác phẩm báo chí (hoặc văn học) đáp ứng yêu cầu đặc trưng của mỗi loại hình cũng như nguyên tắc của sự cộng hưởng giữa chúng. - Giúp người học tìm ra những bài học bổ ích qua thực tiễn khảo tả và lí giải về việc vận dụng chất liệu cùng các thủ pháp văn học trong sáng tạo tác phẩm báo chí (hoặc văn học) của một số tác gia văn học, báo chí tiêu biểu. - Nâng cao cho sinh viên năng lực hoạt động và sáng tạo tác phẩm báo chí trong những điều kiện cần thiết và có thể khai thác các phẩm chất văn học như những phương tiện hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả phản ánh và hiệu ứng tác động của tác phẩm báo chí truyền thông. * Kỹ năng: - Vận dụng linh hoạt và sáng tạo những khái niệm đã học để nhận diện, phân tích, đánh giá và lí giải các hiện tượng văn học - báo chí cụ thể. * Thái độ: - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho công việc viết báo, nghiên cứu báo chí sau này; - Tích cực thực hành, làm quen với những đặc trưng thể loại ký để có cái nhìn toàn diện về các loại thể tương cận và có cái nhìn chân xác về loại hình này trong cả lĩnh vực báo chí và văn học. Các mục tiêu khác - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự	2	Học kì 3	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		đánh giá			
68	Tự sự học	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nhận thức được tầm quan trọng của Tự sự học đối với việc nghiên cứu văn học. - Nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về lý thuyết Tự sự học: đối tượng và phạm vi nghiên cứu của phân môn Tự sự học, hệ thống khái niệm liên quan đến cấu trúc truyện kể, đặc điểm cơ bản của Tự sự học kinh điển và Tự sự học hậu kinh điển, xu hướng vận động của Tự sự học trên thế giới và ở Việt Nam... * Về kỹ năng: - Vận dụng được lý thuyết Tự sự học vào phân tích cấu trúc truyện kể. - Vận dụng hệ thống khái niệm cơ bản của Tự sự học để khảo sát các kỹ thuật trần thuật của tác phẩm văn học. * Về thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học. - Có cái nhìn khoa học đối với văn học. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6
69	Phê bình văn học Việt Nam hiện đại	Mục tiêu chung Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử nghiên cứu phê bình văn Việt Nam; Qua đó giúp người học hiểu được tầm quan trọng của hoạt động phê bình trong đời sống văn học và biết vận dụng lý thuyết phê bình vào tiếp nhận tác phẩm văn học. * Kỹ năng Trên nền tảng kiến thức và phương pháp luận được tích hợp qua học	2		Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		phân, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu những tác phẩm văn học cụ thể. * Thái độ Sinh viên cần có cách nhìn khoa học đối với văn học, xem đây là nền tảng tri thức cho việc nâng cao năng lực tư duy tìm tòi, phân tích, phê bình, thưởng thức văn học. Mục tiêu khác: - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá			
70	Các thể văn chữ Hán Việt Nam	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Sinh viên nắm được những hiểu biết về kho tác phẩm Hán văn Việt Nam và giá trị tư liệu khoa học của nó. - Biết được đặc điểm văn bản của từng loại thể cụ thể. - Minh giải được một số văn bản Hán văn đơn giản. * Kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để tiếp cận, xử lý những văn bản Hán văn trong lĩnh vực công tác chuyên môn sau này. * Thái độ: - Yêu thích ngành học, môn học. - Yêu quý thành quả di sản văn hóa Hán Nôm của dân tộc. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6
71	Văn bản dịch Hán Nôm trong sách giáo khoa phổ thông	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được kiến thức lý luận dịch thuật từ văn bản chữ Hán sang văn bản chữ Quốc ngữ. - So sánh, phân tích, đánh giá được	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		cái hay cái chưa đạt giữa những bản dịch với nguyên tác và giữa các bản dịch với nhau * Kỹ năng: - Tự dịch được tác phẩm Hán văn thành Việt văn theo yêu cầu: Tín - Đạt - Nhã. - Tự biết được bản nào dịch hay, bản nào dịch chưa đạt. - Sử dụng bản dịch chuẩn để vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy của bản thân. * Thái độ: - Yêu thích học phần, môn học. - Chăm chỉ “thôi xao” để có bản dịch tốt. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
72	Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường	a. Năng lực: Hình thành, phát triển năng lực đọc - dạy học, xác định loại hình, hệ thống hóa các dạng thức văn bản tác phẩm văn học (dịch) thế giới thuộc các thể loại khác nhau từ góc độ thi pháp học văn bản, văn hóa học. b. Kiến thức: Hình thành, phát triển năng lực khám phá giá trị nhân văn, thẩm mỹ của một bộ phận văn học thế giới (được tuyển dạy trong nhà trường trung học Việt Nam), liên hệ với các bộ phận văn học khác của Việt Nam, năng lực chuyển hóa giá trị thẩm mỹ thành giá trị sống.	2	Học kì 7	Bài tập nhóm tháng (thảo luận): 20% Kiểm tra giữa kỳ (viết): 20% Thi cuối kỳ (viết hoặc tiểu luận): 60%

• **Ngành Cử nhân Văn hóa học**

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường	2	Học kỳ 2	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học

		lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.			phần: trọng số : 0,6
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (2)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung các học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các lĩnh vực chuyên môn khác trong chuyên ngành đào tạo.	3	Học kỳ 3	- Thảo luận, bài tập: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: 0,6
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh. - Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức on người mới.	2	Học kỳ 4	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6

4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo; sinh viên biết sống theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3		- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
5	Tin học đại cương (Tin học CN1)	Học xong học phần này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Kiến thức cơ bản về các khái niệm tin học và máy tính điện tử. - Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows. - Kiến thức về tin học văn phòng: Microsoft Word, PowerPoint. - Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức: ▪ Microsoft Excel ▪ Soạn thảo và chuyển đổi định dạng nội dung đa phương tiện ▪ Bản đồ tư duy * Kỹ năng: - Lựa chọn máy tính phù hợp với yêu cầu và mục đích sử dụng. - Làm việc với tệp tin, thư mục, ổ đĩa; tổ chức, tìm kiếm dữ liệu trên máy tính và trên Internet. - Soạn thảo, định dạng, trình bày trang trí và in ấn văn bản phục vụ cho học tập và các hoạt động khác. - Cách tổ chức văn bản của tệp tin trình diễn, các hiệu ứng các đối tượng và các slide trong bài thuyết trình.	2	Học kỳ 2	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần 0,6

		- Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức để hình thành kỹ năng: ▪ Thao tác dữ liệu với Microsoft Excel ▪ Kỹ năng về cắt, ghép và chuyển đổi định dạng dữ liệu đa phương tiện ▪ Kỹ năng tạo thuyết trình điện tử với sự trợ giúp của phần mềm chuyên nghiệp ▪ Kỹ năng sử dụng bản đồ tư duy vào học tập * Thái độ: - Yêu thích môn học. - Có nhu cầu tìm kiếm, khai thác thông tin để phục vụ chuyên ngành học của mình.			
6	Tiếng Anh A2.1	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	3	Học kỳ 6	- Trong các học phần này, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên không chỉ bằng các bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ mà còn bằng các cách đánh giá khác nhau như chuyên cần, tham gia vào giờ học, thuyết trình v.v. Giáo viên trực tiếp giảng dạy sẽ quyết định chọn hình thức đánh giá phù hợp với sinh viên và thời lượng học. Điểm của phần này chiếm 20% tổng điểm của học phần. - Sinh viên sẽ có bài kiểm tra giữa kỳ học do giáo viên trực tiếp giảng dạy đảm trách với trọng số điểm chiếm 30% tổng điểm cho từng học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2. - Kết thúc mỗi học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, sinh viên sẽ có bài thi do Tổ

					khảo thí của trường Đại học Ngoại ngữ đảm nhận nhằm đánh giá kết quả học tập với trọng số điểm chiếm 50% tổng điểm cả học phần.
7	Tiếng Anh A2.2	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	4	Học kỳ 7	- Trong các học phần này, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên không chỉ bằng các bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ mà còn bằng các cách đánh giá khác nhau như chuyên cần, tham gia vào giờ học, thuyết trình v.v. Giáo viên trực tiếp giảng dạy sẽ quyết định chọn hình thức đánh giá phù hợp với sinh viên và thời lượng học. Điểm của phần này chiếm 20% tổng điểm của học phần. - Sinh viên sẽ có bài kiểm tra giữa kỳ học do giáo viên trực tiếp giảng dạy đảm trách với trọng số điểm chiếm 30% tổng điểm cho từng học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2. - Kết thúc mỗi học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, sinh viên sẽ có bài thi do Tổ khảo thí của trường Đại học Ngoại ngữ đảm nhận nhằm đánh giá kết quả học tập với trọng số điểm chiếm 50% tổng điểm cả học phần.
8	Pháp luật đại cương	•Về kiến thức:	2	Học kỳ 3	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1

		- Giải thích đúng về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử. - Phân tích đúng nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng trong xã hội; phân biệt các kiểu và hình thức Pháp luật. - Nắm vững hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa và bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nắm vững các vấn đề cơ bản về khoa học pháp lý như: quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật; hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. - Trình bày đúng một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự Việt Nam. •Về kỹ năng: - Tập hợp, khai thác những thông tin pháp lý từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ công việc; hình thành kỹ năng đánh giá, phân tích và giải thích những hiện tượng pháp lý. - Vận dụng những tri thức pháp lý liên quan đến một số chế định trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết những tình huống pháp luật thông thường trong đời sống xã hội và thực thi pháp luật trong cuộc sống. •Về thái độ: Tin tưởng vào nhà nước và pháp luật Việt Nam; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật; tích cực tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.			- Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
9	Đại cương dân tộc học và các	Học xong môn học này, sinh viên	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 0,1

	tộc người ở Việt Nam	có được: * Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về ngành Dân tộc học * Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Đoàn kết, hợp tác trong học tập - Tôn trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6
10	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên đạt được khả năng: * Về kiến thức: - Nêu được những khái niệm liên quan đến văn hóa, tiếp xúc văn hóa. - Nắm được quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam đã diễn ra như thế nào, trong những điều kiện ra sao. - Trình bày được kết quả của các cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam, đã khiến cấu trúc của nền văn hóa Việt Nam thay đổi như thế nào. - Vận dụng các kiến thức để giải bài toán giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời kì hội nhập và toàn cầu hóa. * Về kỹ năng: - Kỹ năng liên hệ, so sánh các nền văn hóa lớn với nhau. - Kỹ năng phân tích, đánh giá sự thay đổi diện mạo của văn hoá Việt Nam trên các phương diện thông qua tiếp xúc văn hoá Đông – Tây. - Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần: 0,6

		* Về thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học - Tích cực đọc thêm tài liệu liên quan đến môn học - Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra, đánh giá 3.2. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
11	Lịch sử văn học Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Có được sự hiểu biết đầy đủ về văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học hiện đại. - Nhận diện được quá trình phát triển, những đặc điểm cơ bản của văn học, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỗi thời kỳ văn học. Có được kiến thức hệ thống, toàn diện về tiến trình phát triển của thơ Việt Nam hiện đại với cái nhìn mới, có tính cập nhật về lĩnh vực này. * Kỹ năng: - Nhận diện được các đặc điểm, các quy luật của tiến trình văn học Việt Nam. - Phân tích, đánh giá được tác phẩm, các hiện tượng văn học cũng như sự nghiệp, phong cách của các tác giả văn chương Việt Nam. - Vận dụng kiến thức để có thể tự mình nghiên cứu đặc điểm, giá trị, sự vận động và phát triển của văn học Việt Nam. - Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Tích cực đọc thêm các tài liệu liên quan đến môn học. - Tham gia đầy đủ các kì kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lí tình huống. - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo.			
12	Lịch sử Việt Nam đại cương	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến ngày nay, khả năng vận dụng những hiểu biết về lịch sử vào việc học tập và nghiên cứu tại chuyên ngành học tập của mình. - Giúp sinh viên nắm vững các khái niệm lịch sử, quy luật lịch sử, thấy được xu thế phát triển tất yếu của lịch sử Việt Nam. - Thông qua các thành tựu của nhân dân ta trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, giáo dục lòng tự hào chân chính về những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
13	Cơ sở khảo cổ học	* Về kiến thức: Môn Khảo cổ học đại cương nhằm: - Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Khảo cổ học để minh hoạ và bổ sung cho những kiến thức về lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, đặc biệt là phần về xã hội nguyên thuỷ và cổ đại. - Trang bị cho người học một số khái niệm về các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Khảo cổ học. * Kĩ năng:	2	Học kỳ 2	Bài tập, thực hành: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		- Trên cơ sở được trang bị một số khái niệm về các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Khảo cổ học sẽ góp phần hình thành các kỹ năng thực hành trong nghiên cứu lịch sử. * Thái độ: - Từ những hiểu biết cơ bản, bước đầu về Khảo cổ học sẽ giúp sinh viên có ý thức sâu sắc về di tích, di vật của người xưa để lại; từ đó có hành động tích cực trong bảo tồn và phát huy những di sản quá khứ. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện năng lực xử lí, đánh giá các nguồn sử liệu, nhất là nguồn sử liệu hiện vật, tượng hình. - Góp phần phát triển năng lực tư duy biện chứng			
14	Tiếng Việt thực hành	* Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức về chính tả tiếng Việt: nguyên tắc chính tả tiếng Việt, quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt (viết các âm, viết hoa, viết tắt) và các mẹo viết đúng chính tả. - Có được những hiểu biết khái quát về từ, từ tiếng Việt và những yêu cầu chung về việc dùng từ. - Có được các hiểu biết khái quát về câu trong tiếng Việt (cấu tạo, phân loại) và nắm được những yêu cầu chung của việc đặt câu. - Nắm được những kiến thức cơ bản về đoạn văn, những yêu cầu chung của việc viết đoạn văn trong văn bản, phân biệt được các kiểu cấu trúc đoạn văn. - Xác định được các nhân tố giao tiếp của một văn bản, nắm được yêu cầu chung của một đề cương và biết cách triển khai đề cương thành văn bản. - Nắm được đặc điểm ngôn ngữ của văn bản hành chính và cấu trúc của một số loại văn bản hành chính thông dụng (đơn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo). * Kỹ năng: - Nhận biết và chữa được các lỗi thường gặp về chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, xây dựng văn bản. - Hình thành thói quen lựa chọn	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết. - Vận dụng kiến thức để đặt câu và viết đoạn văn diễn đạt đúng mục đích nói/viết. - Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập một số văn bản (chủ yếu là văn bản hành chính công vụ). * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực. - Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Tự tin trong giao tiếp tiếng Việt. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kĩ năng tự duy sáng tạo			
15	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	* Kiến thức: - Nắm được các đặc điểm kiến trúc, cơ sở hình thành và phát triển kiến trúc Việt Nam. - Nhận diện và có thể so sánh kiến trúc Việt Nam với các nước trong khu vực. - Nhận biết các công trình kiến trúc cổ tiêu biểu của Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản. * Kỹ năng: Nắm được các kỹ năng cơ bản trong việc đọc và hiểu các bản vẽ công trình kiến trúc. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu quý và tự hào về truyền thống dựng nước của dân tộc, các tinh hoa văn hóa thể hiện qua ngôn ngữ kiến trúc. - Có ý thức giữ gìn, trân trọng các công trình kiến trúc cổ và các giá trị truyền thống còn lưu giữ.	2	Học kỳ 4	Chuyên cần + Thảo luận: 0,2 Bài tập cá nhân: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,5

		3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
16	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	• Về kiến thức - Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về diễn trình phát triển của lịch sử âm nhạc dân tộc; đặc điểm cơ bản trong các thể loại, bài bản cổ cũng như tác phẩm mới, phương thức tổ chức dàn nhạc, hòa tấu các nhạc cụ qua các thời kỳ. - Học phần bao gồm các nội dung: Âm nhạc buổi đầu dựng nước và giữ nước, âm nhạc trong thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập tự chủ và bảo vệ đất nước chống những cuộc xâm lăng của phong kiến phương bắc, âm nhạc Việt Nam trong cuộc đụng độ với những cuộc xâm lăng của phương tây và đấu tranh giành độc lập thống nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội. • Kỹ năng - Rèn luyện cho sinh viên tư duy nghiên cứu và lý luận. - Sinh viên có cách phân loại các loại hình âm nhạc cổ truyền Việt Nam một cách khoa học theo từng vùng – miền, theo từng đặc thù âm nhạc riêng của mỗi thể loại. • Thái độ - Kích thích sinh viên có thái độ tích cực hơn trong việc tìm hiểu, nghiên cứu về Lịch sử Âm nhạc Việt Nam.	2	Học kỳ 4	Bài tập cá nhân tuần: 0.1 Kiểm tra giữa kỳ 0.3 Thi cuối kỳ: 0.6
17	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức:	2	Học kỳ 4	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Tiểu luận kết thúc học phần 0,6

		- Hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản, có hệ thống về mỹ thuật Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển của nền mỹ thuật Việt Nam, những đặc điểm cơ bản, những thành tựu tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam và thế giới. * Về kỹ năng: Biết vận dụng những hiểu biết của mình để hiểu và phân tích được những nét hay, nét đẹp của các tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam và thế giới. * Thái độ: Yêu thích môn học, ngành học. 3.2. Mục tiêu khác: Chủ động vận dụng các kiến thức đã học để phân tích và khẳng định những đặc điểm của một nền mỹ thuật dân tộc. Nền mỹ thuật đó có chịu ảnh hưởng của một số nền văn hóa xung quanh ở một vài nội dung và trong những thời điểm nhất định, nhưng phong cách sáng tạo hoàn toàn mang đặc điểm, tinh thần, tư tưởng và quan niệm tạo hình của người Việt Nam.			
18	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Biết những kiến thức cơ bản nhất về một số tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ thành hoàng và tín ngưỡng thờ Mẫu. - Nhận biết được những đặc điểm căn bản nhất của một số tôn giáo chính ở Việt Nam (như Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Đạo giáo) về lịch sử du nhập/hình thành và phát triển; giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức; liên hệ, so sánh, đối chiếu sự giống và khác nhau giữa Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, Đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo,	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		Đạo giáo Việt Nam để tìm ra những yếu tố bản địa trong các tôn giáo ngoại nhập ở Việt Nam.- Với quan điểm đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, học phần này sẽ giúp sinh viên nhận thức đúng chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với tín ngưỡng, tôn giáo * Kỹ năng: -Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Đoàn kết, hợp tác trong học tập - Có thái độ và cách ứng xử đúng đắn đối với các tôn giáo 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
19	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nhận biết những tri thức về phong tục, tập quán, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam. - Phân tích, đánh giá, nhận định những giá trị, những tác động và hệ quả của những phong tục, tập quán, tín ngưỡng và lễ hội đó trong đời sống các cộng đồng dân cư trên đất nước Việt Nam. * Kỹ năng: -Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Đoàn kết, hợp tác trong học tập 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
20	Văn hoá Champa	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về lịch sử, văn hóa vương quốc cổ Chăm pa và văn hóa của cộng đồng người Chăm hiện nay ở Việt Nam * Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Đoàn kết, hợp tác trong học tập - Tôn trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

21	Văn hóa du lịch	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được những vấn đề cơ bản về lý luận văn hóa, du lịch và văn hóa du lịch. - Hiểu rõ những thành tố cấu tạo nên văn hóa du lịch và mối quan hệ tương hỗ giữa các thành tố đó. - Có được những hiểu biết cơ bản về các loại hình du lịch ở Việt Nam, đặc biệt là các loại du lịch văn hóa để thấy được giá trị của các di sản văn hóa trong hoạt động du lịch. - Xác định được những giá trị của du lịch, văn hóa du lịch trong đời sống vật chất và tinh thần của con người Việt Nam. * Kỹ năng: - Biết vận dụng kiến thức lý luận văn hóa du lịch trong quá trình học các môn nghiệp vụ chuyên ngành, đặc biệt là chuyên ngành du lịch. - Biết phân biệt các loại hình du lịch và nhận biết được loại hình du lịch tiềm năng nhất cần được khai thác ở Việt Nam. - Vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các thiết chế, tài nguyên du lịch. * Thái độ: - Yêu thích môn Văn hóa du lịch, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong mối quan hệ với kinh tế du lịch. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa du lịch trong tương lai. - Có ý thức gìn giữ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa Việt Nam gắn liền với các hoạt động của đời sống. - Có ý thức xây dựng môi trường	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		văn hóa du lịch văn minh, lành mạnh. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
22	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	* Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về văn hóa ẩm thực Việt Nam và một phần văn hóa ẩm thực thế giới. * Kỹ năng: - Có được những kỹ năng tiếp cận những hiện tượng cơ bản của văn hóa ẩm thực. - Vận dụng những kiến thức đã học để tạo nên sản phẩm du lịch. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu quý và trân trọng những tri thức văn hóa ẩm thực của dân tộc. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6
23	Văn hóa Đông Nam Á	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về điều kiện hình thành, diễn trình lịch sử và những thành tựu chủ yếu của văn hóa Đông Nam Á * Kỹ năng:	2	Học kỳ 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần

		-Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Đoàn kết, hợp tác trong học tập - Tôn trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa khu vực Đông Nam Á. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			0,6
24	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những đặc điểm môi trường tự nhiên, lịch sử - xã hội tác động tới sự hình thành vùng văn hóa miền Trung và Tây Nguyên. - Trình bày được những kiến thức, những hiểu biết cơ bản về một số hình thái văn hoá vật thể và phi vật thể tiêu biểu của vùng miền Trung và Tây Nguyên. - Phân tích, đánh giá những đặc trưng, những giá trị làm nên diện mạo (sắc thái) văn hóa vùng miền Trung và Tây Nguyên trong vườn hoa đa sắc màu của văn hóa Việt Nam. * Kỹ năng: - Năng lực nhận biết, cảm nhận được các hình thái văn hóa, các hiện tượng vô cùng đa dạng, phong phú của văn hóa vùng/ miền nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung. - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu	2	Học kỳ 6	Chuyên cần: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		văn hoá vùng trên hai bình diện: nghiên cứu tổng thể (diện) và nghiên cứu trường hợp (điểm). - Thói quen tư duy phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu; năng lực khái quát hóa, cụ thể hóa khi nghiên cứu văn hóa. * Thái độ: - Yêu thích, say mê môn học, ngành học. - Nâng niu, quý trọng tài sản văn hóa của các vùng miền, của dân tộc. - Nâng cao ý thức bảo vệ, bảo tồn và phát huy những đặc trưng, những giá trị kho tàng văn hóa vùng miền Trung – Tây Nguyên nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện kỹ năng thuyết trình, phản biện một vấn đề về văn hóa trước tập thể nhóm/tổ, lớp, khoa. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, hợp tác làm việc nhóm/tổ đạt hiệu quả cao. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá, đánh giá khách quan. - Phát triển năng lực tư duy độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu, học tập.			
25	Lịch sử văn minh thế giới	Học xong môn này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Cung cấp cho sinh viên hệ thống những vấn đề về bộ môn Lịch sử văn minh thế giới gồm: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập bộ môn; các khái niệm. - Trang bị cho sinh viên những tri thức cụ thể về các nền văn minh nhân loại ra đời thời cổ đại (Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp - La Mã), cổ trung đại (Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á), trung	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		đại (Ả Rập, Tây Âu), cận đại (văn minh công nghiệp), hiện đại (văn minh hậu công nghiệp) từ điều kiện phát sinh đến các thành tựu chủ yếu. - Giúp sinh viên nhận biết và lý giải được sự chuyển dịch vị thế của mỗi nền văn minh và sự giao lưu, tiếp biến, học hỏi giữa các nền văn minh trên thế giới. * Kỹ năng: - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử và các thành tựu của văn minh nhân loại. - Hình thành hệ thống kỹ năng hỗ trợ cho bộ môn như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học,... * Thái độ: - Giúp sinh viên nhận thức đúng quy luật, nguồn gốc vận động của các hình thái kinh tế - xã hội thông qua sự phát triển kế tiếp của các nền văn minh và vị trí, vai trò, đóng góp của mỗi nền văn minh đối với văn minh nhân loại. - Hình thành ở sinh viên nhận thức và nhân sinh quan đúng đắn biết tự hào, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị vật chất, tinh thần của nhân loại. - Giúp sinh viên hiểu và nhận thức được vị trí của các nền văn minh ở Việt Nam trong sự phát triển của văn minh nhân loại.			
26	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt Nam. - Trình bày sự phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam. - Phân tích, nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người. Nắm được những giải pháp phân vùng văn hóa của các nhà	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

		nghiên cứu trước đây và hiện hành. - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. Cụ thể: + Hiểu được khái niệm văn hóa và văn hóa học; nắm được các đối tượng và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học. + Hiểu được các đặc trưng văn hóa thông qua từng thành tố văn hóa: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa tổ chức xã hội... + Nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền sử, sơ sử đến nay. + Nắm được các tiêu chí phân vùng văn hóa, lý giải được cách chia theo hiện tại và tiếp tục nghiên cứu, khám phá cách chia hợp lý hơn. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. * Thái độ: - Yêu thích môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn			

		hóa học trong tương lai. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
27	Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại	- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về thể chế chính trị Việt Nam từ 1945 đến nay. - Học phần trình bày sự ra đời, quá trình xây dựng, nội dung Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Tòa án và Viện kiểm sát... của nước Việt Nam. - Giúp sinh viên nắm vững vị trí, vai trò và nguyên tắc hoạt động của thể chế chính trị nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.	2	Học kỳ 2	- Thực hành, bài tập: 0,2 - Kiểm tra giữa kỳ: 0,2 - Thi học phần: 0,6
28	Văn hóa phương Đông	Sau khi kết thúc môn học, người học có được: * Về kiến thức: - Cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống, hiện đại và thiết thực về nền văn minh, văn hóa Trung Quốc từ nguồn gốc, quá trình phát triển, những thành tựu tiêu biểu, những cống hiến lớn lao đối với thế giới. - Cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống, hiện đại và thiết thực về nền văn minh, văn hóa Ấn Độ từ nguồn gốc, quá trình phát triển, những thành tựu tiêu biểu và những cống hiến lớn lao đối với nhân loại. * Kỹ năng: - Biết cách vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu, giảng dạy văn hóa Trung Quốc nói riêng và văn hóa phương	4	Học kỳ 3	BT nhóm 20% Kiểm tra giữa kỳ 20% Thi cuối kỳ 60%

		Đông nói chung. - Cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống, hiện đại và thiết thực về nền văn minh, văn hóa Ấn Độ từ nguồn gốc, quá trình phát triển, những thành tựu tiêu biểu và những cống hiến lớn lao đối với nhân loại. * Thái độ: - Yêu thích văn hóa châu Á, khám phá được vẻ đẹp con người và văn hóa phương Đông bộc lộ qua từng nền văn hóa. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các nền văn hóa khác, các vấn đề có liên quan trong nền văn hóa phương Đông, đặc biệt là các vấn đề văn hóa mới đặt ra trong thời hiện đại, đương đại. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp, nghiên cứu văn hóa trong tương lai. 3.2. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
29	Văn hóa phương Tây	Học xong môn học này, sinh viên đạt được khả năng: * Về kiến thức: - Nêu được những điều kiện hình thành nền văn hóa phương Tây như vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, ngôn ngữ chữ viết, tính cách dân tộc... - Nắm được diễn trình của văn hóa phương Tây. - Trình bày được những đặc điểm cơ bản của văn hóa phương Tây. - Vận dụng các kiến thức để đánh giá tầm ảnh hưởng của văn hóa phương Tây đến văn hóa thế giới, văn hóa phương Đông và văn hóa Việt Nam. * Về kỹ năng:	4	Học kì 3	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6

		- Kỹ năng nhìn nhận đánh giá một nền văn hóa - Kỹ năng liên hệ, phân tích các mối quan hệ giữa các nền văn hóa với nhau. - Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Về thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có niềm say mê, ham thích tìm hiểu các nền văn hóa, văn minh trên thế giới, từ đó hình thành thái độ trân trọng đối với những giá trị văn hóa của dân tộc mình. 3.2. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
30	Bảo tàng học	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về khái niệm bảo tàng, bảo tàng học, lịch sử hình thành bảo tàng học trên thế giới và Việt Nam. - Phân tích, đánh giá những đặc trưng, chức năng của bảo tàng theo quan điểm của giới nghiên cứu Bảo tàng học thế giới trước đây và hiện hành. - Trình bày cơ sở phân loại loại hình bảo tàng trên thế giới và ở Việt Nam, đặc điểm một số loại hình bảo tàng tiêu biểu. - Phân biệt đặc trưng, chức năng của mỗi loại hình bảo tàng. Đánh giá vị trí, vai trò của một số loại hình bảo tàng tiêu biểu góp phần vào việc giữ gìn di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

	của dân tộc và nhân loại. - Phân loại các hiện vật có trong bảo tàng, nắm đặc điểm, vị trí, chức năng của từng loại hiện vật... - Trình bày hệ thống bảo tàng ở Việt Nam, quy trình thành lập, đánh giá, xếp hạng bảo tàng - Phân tích, nhận định, đánh giá một số bảo tàng hoạt động tốt ở Việt Nam và những xu hướng thành lập bảo tàng tư nhân gắn với hoạt động quảng bá du lịch. - Trình bày các thao tác cơ bản trong quá trình thực hiện một số công tác, nghiệp vụ bảo tàng, đặc biệt là công tác sưu tầm hiện vật, kiểm kê hiện vật, bảo quản hiện vật, tổ chức trưng bày, triển lãm hiện vật, thuyết minh về hiện vật... * Kỹ năng: - Vận dụng kiến thức đã học về một số công tác, nghiệp vụ bảo tàng để có thể thực tập, làm việc tại các cơ sở bảo tàng. - Thực hiện được trình tự các thao tác trong quy trình sưu tầm hiện vật, kiểm kê, bảo quản hiện vật, trưng bày hiện vật, thuyết minh, hướng dẫn tham quan bảo tàng... * Thái độ: - Yêu thích môn học Bảo tàng học. - Hiểu được vị trí vai trò của bảo tàng trong cuộc sống, từ đó xây dựng ý thức trách nhiệm trong việc bảo quản các hiện vật lịch sử - văn hóa. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng làm việc độc lập, với tinh thần trách nhiệm cao - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm			

31	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (văn hóa học)	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Sinh viên nắm được các khái niệm liên quan đến phương pháp luận nghiên cứu khoa học, phân loại nghiên cứu khoa học, sản phẩm nghiên cứu khoa học và hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học. - Sinh viên xác định được đối tượng nghiên cứu của văn hóa học, những phương pháp dùng để nghiên cứu văn hóa học và nắm vững các thao tác của hoạt động nghiên cứu văn hóa học. * Kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện và tạo ra những sản phẩm khoa học thuộc về văn hóa học. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Say mê nghiên cứu khoa học; rèn luyện đạo đức nghiên cứu khoa học. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tự duy sáng tạo.	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
32	Lý luận văn hóa	3. Mục tiêu môn học: 3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về các nguyên lý cơ bản của văn hóa nói chung; Trình bày được các lý thuyết về sự phát triển của văn hóa - Nắm được những kiến thức cơ bản về lý luận văn hóa học nói chung và lý luận cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. Cụ thể:	3	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		+ Hiểu được khái niệm văn hóa và văn hóa học; nắm được các đối tượng và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học. + Hiểu được các đặc trưng văn hóa thông qua từng thành tố văn hóa: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa tổ chức xã hội... + Nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. + Nhìn thấy được mối quan hệ giữa phát triển và văn hóa, sự cần thiết phải xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của văn hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để dự đoán, phân tích con đường phát triển của văn hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. * Thái độ: - Yêu thích môn học Lý luận văn hóa, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc dự đoán, phân tích các nguyên tắc, các quy luật trong các lĩnh vực khác thuộc về văn hóa như nghệ thuật, trang phục, tôn giáo, âm nhạc, ẩm thực... - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm			

		- Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
33	Di tích và danh thắng Việt Nam	3. Mục tiêu môn học: 3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức về di sản văn hóa; hệ thống các khái niệm, tiêu chí xác định, phân loại của di tích và danh thắng. - Biết được và mô tả được một số di tích và danh thắng tiêu biểu ở 3 vùng của đất nước * Kỹ năng: - Hình thành kỹ năng khám phá, phát hiện, nghiên cứu, quản lý, khai thác di tích và danh thắng. - Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng tuyến điểm du lịch và hướng dẫn du lịch. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu mến và tự hào về những cảnh đẹp cũng như những di tích lịch sử - văn hóa của dân tộc. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6
34	Quản lý văn hóa đô thị	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Các lý thuyết chung về đô thị, văn hoá đô thị và quản lý đô thị.	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần:

		- Những đặc trưng của đô thị và văn hoá đô thị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử: quá trình hình thành, hưng khởi (và suy tàn) của đô thị, những đặc trưng về đời sống kinh tế- xã hội, văn hoá, tư tưởng, kết cấu dân cư... - Một số đô thị tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam: Thăng Long – Hà Nội, Phố Hiến, Huế, Hội An, Sài Gòn – Gia Định, Hải Phòng, Đà Nẵng... - Những vấn đề của đô thị và văn hoá đô thị trong xã hội hiện đại * Kỹ năng: - Đọc, tóm tắt tài liệu - Phân tích, tổng hợp các tri thức về đô thị, văn hoá đô thị để giải thích cho các đặc điểm của đô thị Việt Nam, văn hoá đô thị Việt Nam - Vận dụng những tri thức đã được học để bước đầu đưa ra những giải pháp để xây dựng đô thị Việt Nam hiện đại cũng như phát huy những giá trị của văn hoá đô thị Việt Nam cổ truyền trong xã hội hiện nay. * Thái độ: - Yêu thích môn học Văn hóa đô thị, xem đây là nền tảng kiến thức quan trọng cần phải tích lũy để hoàn thiện hơn nữa tri thức văn hóa của cá nhân. Nghiêm túc chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tích cực nghe giảng, thảo luận và các hoạt động ngoại khoá. - Đô thị Việt Nam mang những đặc trưng chung của đô thị phương Đông nhưng có những đặc điểm riêng biệt do điều kiện tự nhiên, xã hội quy định. Vậy nên, cần coi trọng sự khác biệt cũng như sự thống nhất trong văn hóa đô thị của Việt Nam và các nước trong khu vực. - Nghiên cứu về đô thị và văn hoá đô thị Việt Nam trong lịch sử góp phần giải quyết các vấn đề của đô thị và văn hoá đô thị Việt Nam trong xã hội hiện đại. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng			0,2 phần Thi kết thúc học 0,6

		thuyết trình, phản biện, xử lí tình huống - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo			
35	Văn hóa làng xã Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Biết được các khái niệm liên quan đến làng xã cũng như các phương pháp nghiên cứu văn hóa làng xã. - Nắm được lịch sử hình thành và phát triển của làng xã; đặc điểm làng xã; vai trò làng xã trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. * Kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để nghiên cứu làng xã thực tiễn hoặc/và bảo tồn, phát huy những giá trị di sản văn hóa làng. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Tự hào văn hóa làng xã truyền thống của dân tộc, càng yêu quê hương đất nước. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo.	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6
36	Nghệ thuật biểu diễn Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên nghệ thuật diễn xướng Việt Nam.	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần:

		- Trình bày sự phát triển của loại hình diễn xướng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Phân tích, nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương thông qua các loại hình diễn xướng, văn hóa văn nghệ vùng miền trên toàn bộ đất nước Việt Nam. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa nghệ thuật Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học, đặc biệt là văn học dân gian Việt Nam với các thể loại vè, ca dao, đồng dao... - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những loại hình văn hóa văn nghệ mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. * Thái độ: - Yêu thích môn học Nghệ thuật biểu diễn Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực văn nghệ dân gian Việt Nam. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa văn nghệ trong tương lai. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

37	Quản lý - khai thác di sản văn hoá	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về khái niệm văn hóa, di sản văn hóa, du lịch và du lịch văn hóa - Phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch - Trình bày những nội dung và nguyên tắc quản lý di sản văn hóa để phát triển du lịch. - Trình bày quy trình tổ chức và quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch - Phân tích, đánh giá công tác quản lý khai thác di sản văn hóa – lý luận và thực tiễn. - Phân tích mối quan hệ giữa hệ thống di sản văn hóa với hoạt động du lịch tại một địa phương, một vùng. * Kỹ năng: - Vận dụng kiến thức đã học về công tác, quy trình quản lý – khai thác di sản văn hóa để có thể thực tập, làm việc tại các Trung tâm quản lý di sản văn hóa, các Phòng quản lý văn hóa địa phương... - Vận dụng những kiến thức đã học, sinh viên tiếp tục nghiên cứu thực tiễn việc quản lý – khai thác di sản văn hóa tại địa phương, từ đó có những đề xuất, kiến nghị phát triển phù hợp. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Hiểu được vị trí vai trò của công tác quản lý – khai thác di sản văn hóa trong công cuộc quảng bá du lịch, phát triển du lịch tại địa phương và quốc gia. - Có ý thức trách nhiệm trong việc bảo quản di sản văn hóa quốc gia,	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		dân tộc. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
38	Quản lý lễ hội và sự kiện	3.1. Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về sự kiện và lễ hội. - Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về lễ hội và sự kiện. - Nắm được đặc trưng lễ hội và các loại hình lễ hội của Việt Nam. - Nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý lễ hội và sự kiện * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá những giá trị văn hóa, kinh tế của lễ hội và sự kiện. - Vận dụng được những kiến thức đã học về lễ hội và sự kiện để phân tích những tác động của lễ hội và sự kiện. - Vận dụng được những kiến thức đã học để quản lý lễ hội và sự kiện. * Thái độ: - Yêu thích môn học, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lí giải những vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải	2	Học kì 7	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần 10% Bài tập lớn học kỳ 10% Kiểm tra giữa kỳ 20% Thi cuối kỳ 60%

		yếu tố văn hóa kinh tế của lễ hội và sự kiện. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề quản lí lễ hội và sự kiện. 4.2. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi các vấn đề văn hóa. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực quản lí lễ hội và sự kiện.			
39	Xây dựng văn hóa cộng đồng	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về tính cộng đồng trong văn hóa Việt Nam. - Trình bày vai trò của văn hóa cộng đồng đối với sự phát triển văn hóa quốc gia, dân tộc - Nhận diện được thực trạng tồn tại của các cộng đồng văn hóa ở Việt Nam, đặc điểm nổi bật của các cộng đồng văn hóa Việt Nam. - Phân tích, nhận định, đánh giá về định hướng xây dựng văn hóa cộng đồng các cấp bằng những hành động, chiến lược, mục tiêu cụ thể. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các hiện trạng phát triển, xây dựng văn hóa cộng đồng các cấp. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa cộng đồng để đề xuất những phương hướng hoạt động cụ thể nhằm nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn hóa cộng đồng. * Thái độ:	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		- Yêu thích môn học, ngành học xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc nhìn nhận, đánh giá công tác xây dựng, quản lý văn hóa cộng đồng ở địa phương. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về công tác xây dựng văn hóa cộng đồng, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức quản lý văn hóa trong tương lai. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng công tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tự duy sáng tạo			
40	Quản lý Nhà nước về văn hóa	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về quản lý nhà nước nói chung và trình bày được các nguyên lý cũng như đặc trưng về quản lý nhà nước văn hóa. - Nắm được những kiến thức cơ bản về Quản lý nhà nước về văn hóa. Cụ thể: + Kiến thức chung về quản lý nhà nước + Những đặc trưng cơ bản trong quản lý nhà nước + Chức năng và nội dung quản lý nhà nước về văn hóa + Những cơ quan đảm trách chức năng quản lý nhà nước về văn hóa. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của quản lý văn hóa Việt Nam.	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để dự đoán, phân tích con đường phát triển của văn hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. * Thái độ: - Yêu thích môn học Quản lý nhà nước về văn hóa, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc dự đoán, phân tích các nguyên tắc, các quy luật trong các lĩnh vực khác thuộc về văn hóa như nghệ thuật, trang phục, tôn giáo, âm nhạc, ẩm thực... - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức quản lý văn hóa trong tương lai. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
41	Địa danh học và địa danh Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ thu hoạch được: * Về kiến thức: - Có được những kiến thức cơ bản nhất về địa danh học với tư cách là một chuyên ngành của Danh học - Nắm bắt những đặc điểm của địa danh Việt Nam từ góc nhìn ngôn ngữ học và quá trình vận động lịch sử của nó - Hiểu biết được tính hệ thống, tính đa dạng của địa danh Việt Nam. Có	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		khả năng phân tích và giải thích được các loại địa danh Việt Nam từ đó hướng đến giá trị văn hóa của từng địa danh *Về kĩ năng: - Vận dụng kiến thức về địa danh học để phân tích từng địa danh trên hai bình diện ngôn ngữ và văn hóa - Có thể phác họa một chân dung lịch sử của từng địa danh mà mình tiếp cận được *Về thái độ: - Luôn luôn có ý thức tìm tòi về ý nghĩa, về quá trình hình thành của từng địa danh - Thấu hiểu mỗi địa danh là nơi gửi gắm “dáng hình, ao ước, lối sống” của ông cha 3.2. Các mục tiêu khác: Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp			
42	Ngôn ngữ và văn hóa	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn này, sinh viên có được: *Kiến thức - Hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, thấy được ngôn ngữ là tín hiệu và là thành tố cơ bản của văn hóa cũng như ảnh hưởng qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. - Nắm được các phương diện biểu thị văn hóa của ngôn ngữ, ý nghĩa biểu trưng văn hóa của từ, cơ chế ngôn ngữ của biểu tượng, các phương diện ý nghĩa của từ. - Nắm được bản chất văn hóa của ngôn ngữ trên phương diện phân cắt thực tại, cách gọi tên sự vật và hiện tượng. Hiểu biết về các đơn vị ngôn ngữ biểu thị văn hóa, đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ qua cơ cấu nghĩa của từ, các loại nghĩa của từ. - Nắm được đặc trưng văn hóa dân tộc qua ngôn ngữ giao tiếp và ứng	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		xử, thấy được biểu hiện văn hóa qua các diễn ngôn. * Kỹ năng - Nhận biết những giá trị văn hóa của các tín hiệu ngôn ngữ. - Biết vận dụng phương pháp nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ để nghiên cứu đặc trưng văn hóa của các cấu trúc ngôn ngữ và các diễn ngôn. * Thái độ - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị văn hóa của ngôn ngữ. - Tự hào, yêu quý những giá trị văn hóa của ngôn ngữ dân tộc. 3.2. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được <i>Ngôn ngữ và văn hóa</i> là một môn học cần thiết, quan trọng cho việc nghiên cứu các yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp và ngôn ngữ văn học. - Sinh viên thấy được những giá trị và sự đóng góp của ngôn ngữ vào việc phản ánh và lưu giữ văn hóa dân tộc.			
43	Văn học dân gian Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Hiểu biết đặc trưng văn học dân gian về thể loại, phương thức thể hiện, các thuộc tính, các chức năng. - Hiểu biết giá trị nghệ thuật, giá trị văn hóa, giá trị tư tưởng của các tác phẩm dân gian. * Kỹ năng: - Nhận biết những giá trị đặc trưng của văn học dân gian. - Phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học dân gian.	2	Học kì 2	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		* Thái độ: - Say mê, yêu thích những giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học dân gian. - Tự hào, yêu quý những giá trị tinh thần của nhân dân sáng tạo ra. 3.2. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được đây là dòng văn học cội nguồn, có những giá trị mang bản sắc văn hóa dân tộc. - Sinh viên có sự hiểu biết về văn học dân gian để học học phần <i>Thi pháp văn học dân gian</i> và các thời kỳ văn học viết sau này.			
44	<i>Văn hóa Phật giáo Việt Nam</i>	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Trình bày được những tri thức về cách hiểu các thuật ngữ tôn giáo, văn hóa tôn giáo, văn hóa Phật giáo. - Trình bày được sự hình thành và phát triển của Phật giáo trên thế giới và ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Phật giáo Việt Nam. - Phân tích, nhận định, đánh giá về giá trị của Phật giáo đối với văn hóa Việt Nam và mối quan hệ tương hỗ của chúng. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố tạo nên văn hóa Phật giáo Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa Phật giáo để phân tích, lý giải các ký hiệu văn hóa tôn giáo trong các công trình kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa Phật	2	Học kì 7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		giáo. * Thái độ: - Yêu thích môn Văn hóa Phật giáo Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức quan trọng cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là văn hóa đạo đức. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong ứng xử và giao tiếp hàng ngày của con người Việt Nam. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa tôn giáo trong tương lai. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tự duy sáng tạo. - Góp phần nâng cao khả năng nghiên cứu độc lập, nghiên cứu theo nhóm cũng như kỹ năng điền dã thực tế.			
45	Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa	* Kiến thức: - Kiến thức tổng quát về di tích lịch sử văn hóa ở Việt Nam; về đặc trưng cơ bản cũng như chức năng, nhiệm vụ của hoạt động bảo tồn di tích. - Những vấn đề chung về bảo tồn di tích lịch sử văn hóa Việt Nam; - Kiểm kê, xếp hạng di tích; - Bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo và phát huy giá trị di tích. * Kỹ năng: - Sinh viên vận dụng được kiến thức trong việc kiểm kê di tích, đặc biệt là lập hồ sơ khoa học cho di tích, cũng như những	2	Học kì 7	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần 0,6

		việc trong phòng bảo quản hồ sơ di tích. - Sinh viên có kỹ năng về thủ tục, cách thức, hồ sơ, thẩm quyền, quy trình để xếp hạng di tích. Ngoài ra còn phải nắm rõ những cách thức về bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo, phát huy giá trị di tích. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có ý thức bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc. 3.2. Mục tiêu khác: - Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghiên cứu độc lập. - Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng miêu tả di tích.			
46	Các di sản văn hóa nổi tiếng thế giới	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Nắm được các kiến thức về các nền văn minh nhân loại. - Có được những hiểu biết khái quát về lịch sử phát triển của nhân loại. - Có được các hiểu biết khái quát về các di sản thế giới, <i>Công ước Di sản thế giới</i>, bảo tồn các di sản văn hóa. - Nắm được những kiến thức cơ bản về các di sản văn hóa nổi tiếng thế giới. * Kỹ năng: - Nâng cao ý thức bảo tồn và bảo vệ di sản thế giới. - Vận dụng những kiến thức đã học để tuyên truyền và quảng bá giá trị các di sản văn hóa và kiến thức hỗ trợ cần thiết. - Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các biện pháp bảo tồn các di sản văn hóa của nhân loại 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo.			
47	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Giúp sinh viên hiểu được sự ra đời và phát triển của các loại hình tư tưởng ở Việt Nam. - Tính đa dạng, nhiều vẻ trong tư tưởng Việt Nam. * Kĩ năng: - Rèn luyện kĩ năng tập hợp, xử lý và phân tích kiến thức. - Phát triển tư duy và kỹ năng nghiên cứu độc lập của sinh viên. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Tự hào và trân trọng tư tưởng, triết học của cha ông trong lịch sử. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo.	2	Học kì 3	Chuyên cần: 0,2 Bài tập cá nhân: 0,0 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6
48	Phương ngữ học	Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Sau khi học xong môn học này, sinh viên nắm được những đặc trưng cần yếu (nội dung, hình thức) của môn Phương ngữ học tiếng Việt, cụ thể là: nắm được các khái niệm cơ bản, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, bản chất của phương ngữ và tính lịch sử của nó; nắm được các quan niệm khác nhau về việc phân vùng	2	Học kì 2	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6

		phương ngữ của tiếng Việt ; nắm được những đặc trưng của các vùng phương ngữ tiếng Việt; nắm được vấn đề phương ngữ trong các tác phẩm văn học, xử lý từ địa phương trong các văn bản văn học, nghệ thuật; nắm được những định hướng nghiên cứu phương ngữ tiếng Việt hiện nay. - <i>Kĩ năng</i>: Sau khi học xong môn học này, sinh viên sẽ có những kỹ năng sau đây: nhận diện và phân biệt đặc trưng các vùng phương ngữ tiếng Việt; vận dụng các kiến thức về phương ngữ học và nghiên cứu điền dã phương ngữ học để nghiên cứu một phương ngữ hay thổ ngữ cụ thể; mô tả đặc điểm của những phương ngữ, thổ ngữ cụ thể; vận dụng các kiến thức cơ bản trong phương ngữ học để nghiên cứu các vấn đề thực tiễn liên quan đến phương ngữ tiếng Việt. - <i>Thái độ</i>: Học xong môn học này, sinh viên có thái độ khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng phương ngữ và có thái độ ứng xử đúng đắn trước những khác biệt phương ngữ, từ đó yêu mến tiếng Việt qua sự biểu hiện đa dạng của mỗi vùng phương ngữ khác nhau.			
49	Văn hóa kinh doanh	* Kiến thức: - Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa kinh doanh nói chung và văn hóa kinh doanh Việt Nam nói riêng. - Trình bày sự phát triển của văn hóa kinh doanh Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam. * Kĩ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các triết lý trong văn hóa kinh doanh của thế giới và Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa kinh doanh để xây dựng nên văn hóa doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. - Vận dụng được những kiến thức	2	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa kinh doanh mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển và hội nhập. * Thái độ: - Yêu thích môn học Văn hóa kinh doanh, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế của Việt Nam, đặt trong mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa kinh doanh trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa kinh tế mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa kinh doanh trong tương lai. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
50	Địa chỉ văn hóa Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Hiểu được những khái niệm cơ bản về thể loại địa chỉ cũng như sự hình thành, phát triển, thành tựu và đặc điểm của địa chỉ Việt Nam. * Kỹ năng: - Phân tích và tổng hợp các tri thức về địa chỉ, về quốc chí, địa phương chí, có thể phân tích, lý giải được những giá trị, đặc trưng của địa chỉ Việt Nam.	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		- Vận dụng để phân tích những giá trị của địa chí Việt Nam để so sánh với một số quốc gia khác. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Tự hào về văn hiến của cha ông, kho thư tịch địa chí của dân tộc. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tự duy sáng tạo.			
51	Các vùng văn hóa và văn hóa tộc người Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tính đa dạng - một đặc trưng nổi trội của văn hóa Việt Nam, thông qua việc cung cấp kiến thức về các không gian văn hóa, văn hóa vùng. - Nắm được các khái niệm liên quan đến tộc người và văn hóa tộc người. - Biết được đặc trưng văn hóa của các tộc người theo nhóm ngôn ngữ. - Nhận thức được giá trị truyền thống của văn hóa tộc người để từ đó nắm vững các chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của tộc người Việt Nam. * Kỹ năng: - Biết vận dụng lý thuyết vùng văn hóa để nghiên cứu các không gian văn hóa. - Vận dụng được những kiến thức đã học để nghiên cứu về các sắc thái văn hóa tộc người cụ thể. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào trong lĩnh vực quản lý (như hoạch định chiến lược bảo tồn và phát triển các vùng văn hóa), trong lĩnh vực du lịch	3	Học kì 5	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		(như xây dựng tuyến điểm du lịch, hướng dẫn viên du lịch). * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có tình yêu đối với từng vùng miền, văn hóa từng khu vực của Việt Nam. 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tự duy sáng tạo.			
52	Địa danh học và địa danh Việt Nam	3.1. Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ thu hoạch được: * Về kiến thức: - Có được những kiến thức cơ bản nhất về địa danh học với tư cách là một chuyên ngành của Danh học - Nắm bắt những đặc điểm của địa danh Việt Nam từ góc nhìn ngôn ngữ học và quá trình vận động lịch sử của nó - Hiểu biết được tính hệ thống, tính đa dạng của địa danh Việt Nam. Có khả năng phân tích và giải thích được các loại địa danh Việt Nam từ đó hướng đến giá trị văn hóa của từng địa danh * Về kỹ năng: - Vận dụng kiến thức về địa danh học để phân tích từng địa danh trên hai bình diện ngôn ngữ và văn hóa - Có thể phác họa một chân dung lịch sử của từng địa danh mà mình tiếp cận được * Về thái độ: - Luôn luôn có ý thức tìm tòi về ý nghĩa, về quá trình hình thành của từng địa danh - Thấu hiểu mỗi địa danh là nơi gửi gắm “đáng hình, ao ước, lối sống” của ông cha	2	Học kì 6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		3.2. Các mục tiêu khác: Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp			
53	Ngôn ngữ và văn hóa	*Kiến thức - Hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, thấy được ngôn ngữ là tín hiệu và là thành tố cơ bản của văn hóa cũng như ảnh hưởng qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. - Nắm được các phương diện biểu thị văn hóa của ngôn ngữ, ý nghĩa biểu trưng văn hóa của từ, cơ chế ngôn ngữ của biểu tượng, các phương diện ý nghĩa của từ. - Nắm được bản chất văn hóa của ngôn ngữ trên phương diện phân cắt thực tại, cách gọi tên sự vật và hiện tượng. Hiểu biết về các đơn vị ngôn ngữ biểu thị văn hóa, đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ qua cơ cấu nghĩa của từ, các loại nghĩa của từ. - Nắm được đặc trưng văn hóa dân tộc qua ngôn ngữ giao tiếp và ứng xử, thấy được biểu hiện văn hóa qua các diễn ngôn. * Kỹ năng - Nhận biết những giá trị văn hóa của các tín hiệu ngôn ngữ. - Biết vận dụng phương pháp nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ để nghiên cứu đặc trưng văn hóa của các cấu trúc ngôn ngữ và các diễn ngôn. * Thái độ - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị văn hóa của ngôn ngữ. - Tự hào, yêu quý những giá trị văn hóa của ngôn ngữ dân tộc. 3.2. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được <i>Ngôn ngữ và văn hóa</i> là một môn học cần thiết,	2	Học kì 4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		quan trọng cho việc nghiên cứu các yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp và ngôn ngữ văn học. - Sinh viên thấy được những giá trị và sự đóng góp của ngôn ngữ vào việc phản ánh và lưu giữ văn hóa dân tộc.			
54	Văn học dân gian Việt Nam	* Kiến thức: - Hiểu biết đặc trưng văn học dân gian về thể loại, phương thức thể hiện, các thuộc tính, các chức năng. - Hiểu biết giá trị nghệ thuật, giá trị văn hóa, giá trị tư tưởng của các tác phẩm dân gian. * Kỹ năng: - Nhận biết những giá trị đặc trưng của văn học dân gian. - Phân tích những giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học dân gian. * Thái độ: - Say mê, yêu thích những giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học dân gian. - Tự hào, yêu quý những giá trị tinh thần của nhân dân sáng tạo ra. 3.2. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được đây là dòng văn học cội nguồn, có những giá trị mang bản sắc văn hóa dân tộc. - Sinh viên có sự hiểu biết về văn học dân gian để học học phần <i>Thi pháp văn học dân gian</i> và các thời kỳ văn học viết sau này.	2	Học kì 2	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6

***Ngành Cử nhân Báo chí**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

01	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.	02	HK2	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
02	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung các học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các lĩnh vực chuyên môn khác trong chuyên ngành đào tạo.	03	HK3	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh. - Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	02	HK4	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
04	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối	03	HK5	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm

		của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo; sinh viên biết sống theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.			tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
05	Tin học đại cương	Học xong học phần này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Kiến thức cơ bản về các khái niệm tin học và máy tính điện tử. - Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows. - Kiến thức về tin học văn phòng: Microsoft Word, PowerPoint. - Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức: ▪ Microsoft Excel ▪ Soạn thảo và chuyển đổi định dạng nội dung đa phương tiện ▪ Bản đồ tư duy * Kỹ năng: - Lựa chọn máy tính phù hợp với yêu cầu và mục đích sử dụng. - Làm việc với tệp tin, thư mục, ổ đĩa; tổ chức, tìm kiếm dữ liệu trên máy tính và trên Internet. - Soạn thảo, định dạng, trình bày trang trí và in ấn văn bản phục vụ cho học tập và các hoạt động khác. - Cách tổ chức văn bản của tệp tin trình diễn, các hiệu ứng các đối tượng và các slide trong bài thuyết trình. - Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức để hình thành kỹ năng: ▪ Thao tác dữ liệu với	02	HK2	Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		Microsoft Excel ▪ Kỹ năng về cắt, ghép và chuyển đổi định dạng dữ liệu đa phương tiện ▪ Kỹ năng tạo thuyết trình điện tử với sự trợ giúp của phần mềm chuyên nghiệp ▪ Kỹ năng sử dụng bản đồ tư duy vào học tập * Thái độ: - Yêu thích môn học. - Có nhu cầu tìm kiếm, khai thác thông tin để phục vụ chuyên ngành học của mình.			
06 07	Tiếng Anh A2.1 và Tiếng Anh A2.2	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	03 TC(Tiếng Anh 2.1) 04 TC (Tiếng Anh A2.2)	HK6 và HK7	- Trong các học phần này, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên không chỉ bằng các bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ mà còn bằng các cách đánh giá khác nhau như chuyên cần, tham gia vào giờ học, thuyết trình v.v. Giáo viên trực tiếp giảng dạy sẽ quyết định chọn hình thức đánh giá phù hợp với sinh viên và thời lượng học. Điểm của phần này chiếm 20% tổng điểm của học phần. - Sinh viên sẽ có bài kiểm tra giữa kỳ học do giáo viên trực tiếp giảng dạy đảm trách với trọng số điểm chiếm 30% tổng điểm cho từng học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2.

					- Kết thúc mỗi học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, sinh viên sẽ có bài thi do Tổ khảo thí của trường Đại học Ngoại ngữ đảm nhận nhằm đánh giá kết quả học tập với trọng số điểm chiếm 50% tổng điểm cả học phần.
08	Pháp luật đại cương	•Về kiến thức: - Giải thích đúng về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử. - Phân tích đúng nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng trong xã hội; phân biệt các kiểu và hình thức Pháp luật. - Nắm vững hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa và bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nắm vững các vấn đề cơ bản về khoa học pháp lý như: quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật; hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. - Trình bày đúng một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự Việt Nam. •Về kỹ năng: - Tập hợp, khai thác những thông tin pháp lý từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ công việc; hình thành kỹ năng đánh giá, phân tích và giải thích những hiện tượng pháp lý. - Vận dụng những tri thức pháp lý liên quan đến một số chế định trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết	02	HK3	Hình thức - Thảo luận và bài tập: 10% -Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%

		những tình huống pháp luật thông thường trong đời sống xã hội và thực thi pháp luật trong cuộc sống. •Về thái độ: Tin tưởng vào nhà nước và pháp luật Việt Nam; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật; tích cực tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.			
09	Giáo dục thể chất 1				
10	Giáo dục thể chất 2				
11	Giáo dục thể chất 3				
12	Giáo dục thể chất 4				
13	Giáo dục thể chất 5				
14	Giáo dục quốc phòng		04	HK2	
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt Nam. - Trình bày sự phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam. - Phân tích, nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người. Nắm được những giải pháp phân vùng văn hóa của các nhà nghiên cứu trước đây và hiện hành.	02	HK1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

10%

30%

60%

		- Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. Cụ thể: + Hiểu được khái niệm văn hóa và văn hóa học; nắm được các đối tượng và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học. + Hiểu được các đặc trưng văn hóa thông qua từng thành tố văn hóa: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa tổ chức xã hội... + Nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền sử, sơ sử đến nay. + Nắm được các tiêu chí phân vùng văn hóa, lý giải được cách chia theo hiện tại và tiếp tục nghiên cứu, khám phá cách chia hợp lý hơn. * <i>Kĩ năng:</i> - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. * <i>Thái độ:</i> - Yêu thích môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân			

		người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai. <i>Mục tiêu khác:</i> - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
16	Dẫn luận ngôn ngữ	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học được trình bày trong học phần này. Cụ thể: + Hiểu và nắm vững những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ học như bản chất xã hội và bản chất tín hiệu của ngôn ngữ, chức năng của ngôn ngữ, ngôn ngữ là hệ thống – cấu trúc. Hiểu được các khái niệm: ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học cụ thể, ngôn ngữ học lịch đại, ngôn ngữ học đồng đại, ngôn ngữ và lời nói + Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về ngữ âm: âm tiết, âm tố, âm vị, các đơn vị ngữ âm siêu đoạn tính như trọng âm, thanh điệu ngữ điệu, các hiện tượng biến âm. + Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về từ vựng: từ vựng và từ vựng học, nghĩa của từ, các thành phần nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa, phương thức chuyển nghĩa, các quan hệ về nghĩa trong từ vựng, sự biến đổi của từ vựng. + Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về ngữ pháp: ngữ pháp và ngữ pháp học, cấu tạo từ, những khái niệm ngữ pháp cơ bản như nghĩa ngữ	03	HK1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		pháp, phương thức ngữ pháp, hình thái ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp... + Hiểu và nắm được các cách phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và phân loại ngôn ngữ theo loại hình. * Kỹ năng: - Biết cách đọc các tài liệu ngôn ngữ học, biết trình bày lại vấn đề ngôn ngữ học và học cách nhận xét thảo luận. - Làm quen với những cách nhìn nhận khác nhau của các nhà ngôn ngữ học khi đề cập một hiện tượng ngôn ngữ. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập dẫn luận ngôn ngữ học. - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một vài hiện tượng trong tiếng Việt. * Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học tập môn Dẫn luận ngôn ngữ học và các môn ngôn ngữ nói chung. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập Dẫn luận ngôn ngữ học - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được giảng dạy, không lệ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo viên			
17	Đại cương mỹ học	Mục tiêu chung Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức Nắm được những kiến thức cơ bản về mỹ học, bao gồm những hiểu biết về quan hệ thẩm mỹ và những quy luật của đời sống thẩm mỹ.	02	HK1	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B,

		* Kỹ năng Cảm nhận, phân tích, đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật. * Thái độ - Trân trọng và đề cao vai trò của nghệ thuật trong đời sống thẩm mỹ. - Bồi đắp tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ ngày càng cao đẹp hơn cho bản thân và mọi người. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai. Mục tiêu khác - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá			C, D, F
18	Tiếng Việt thực hành	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức về chính tả tiếng Việt: nguyên tắc chính tả tiếng Việt, quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt (viết các âm, viết hoa, viết tắt) và các mẹo viết đúng chính tả. - Có được những hiểu biết khái quát về từ, từ tiếng Việt và những yêu cầu chung về việc dùng từ. - Có được các hiểu biết khái quát về câu trong tiếng Việt (cấu tạo, phân loại) và nắm được những yêu cầu chung của việc đặt câu.	02	HK2	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Nắm được những kiến thức cơ bản về đoạn văn, những yêu cầu chung của việc viết đoạn văn trong văn bản, phân biệt được các kiểu cấu trúc đoạn văn. - Xác định được các nhân tố giao tiếp của một văn bản, nắm được yêu cầu chung của một đề cương và biết cách triển khai đề cương thành văn bản. - Nắm được đặc điểm ngôn ngữ của văn bản hành chính và cấu trúc của một số loại văn bản hành chính thông dụng (đơn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo). * <i>Kĩ năng:</i> - Nhận biết và chữa được các lỗi thường gặp về chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, xây dựng văn bản. - Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết. - Vận dụng kiến thức để đặt câu và viết đoạn văn diễn đạt đúng mục đích nói/viết. - Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập một số văn bản (chủ yếu là văn bản hành chính công vụ). * <i>Thái độ:</i> - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực. - Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Tự tin trong giao tiếp tiếng Việt. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lí tình huống - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu			

		quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tự duy sáng tạo			
19	Lịch sử văn học Việt Nam	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức: - Có được sự hiểu biết đầy đủ về văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học hiện đại. - Nhận diện được quá trình phát triển, những đặc điểm cơ bản của văn học, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỗi thời kỳ văn học. Có được kiến thức hệ thống, toàn diện về tiến trình phát triển của thơ Việt Nam hiện đại với cái nhìn mới, có tính cập nhật về lĩnh vực này. * Kỹ năng: - Nhận diện được các đặc điểm, các quy luật của tiến trình văn học Việt Nam. - Phân tích, đánh giá được tác phẩm, các hiện tượng văn học cũng như sự nghiệp, phong cách của các tác giả văn chương Việt Nam. - Vận dụng kiến thức để có thể tự mình nghiên cứu đặc điểm, giá trị, sự vận động và phát triển của văn học Việt Nam. - Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Thái độ: - Nghiêm túc, chủ động trong quá trình học tập. - Tích cực đọc thêm các tài liệu liên quan đến môn học. - Tham gia đầy đủ các kì kiểm	03	HK1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		tra, đánh giá kết quả học tập. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
20	Đại cương văn học nước ngoài	- Cung cấp kiến thức khái quát về văn học thế giới trải qua các thời kỳ cổ đại – trung đại – cận hiện đại. - Nắm được một số thành tựu văn học tiêu biểu của văn học thế giới. - Biết vận dụng những hiểu biết về môn học để nghiên cứu một số hiện tượng văn học cụ thể của các nền văn học nước ngoài.	02	HK1	Bài tập nhóm: 0,2 Bài kiểm tra giữa kỳ: 0,2 Bài thi kết thúc học phần: 0,6 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
21	Văn học và báo chí	Mục tiêu nhận thức: Trang bị cho người học: * Về kiến thức: - Tạo dựng cho người học bức tranh sinh động về mối quan hệ văn học - báo chí trên một số phương diện cơ bản, từ đó quán triệt sâu sắc về những tương đồng và khác biệt giữa văn học và báo chí để vận dụng vào thực tiễn sáng tạo tác phẩm báo chí (hoặc văn học) đáp ứng yêu cầu đặc trưng của mỗi loại hình cũng như nguyên tắc của sự cộng hưởng giữa chúng. - Giúp người học tìm ra những bài học bổ ích qua thực tiễn khảo tả và lý giải về việc vận dụng chất liệu cùng các thủ pháp văn học trong sáng tạo tác phẩm báo chí (hoặc văn học) của một số tác gia văn học, báo chí tiêu biểu. - Nâng cao cho sinh viên năng lực hoạt động và sáng tạo tác phẩm báo	02	HK2	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		chí trong những điều kiện cần thiết và có thể khai thác các phẩm chất văn học như những phương tiện hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả phản ánh và hiệu ứng tác động của tác phẩm báo chí truyền thông. * Kỹ năng: - Vận dụng linh hoạt và sáng tạo những khái niệm đã học để nhận diện, phân tích, đánh giá và lí giải các hiện tượng văn học - báo chí cụ thể. * Thái độ: - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho công việc viết báo, nghiên cứu báo chí sau này; - Tích cực thực hành, làm quen với những đặc trưng thể loại ký để có cái nhìn toàn diện về các loại thể tương cận và có cái nhìn chân xác về loại hình này trong cả lĩnh vực báo chí và văn học. Các mục tiêu khác - Nâng cao khả năng tự nghiên cứu - Rèn luyện thao tác làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Trau dồi, phát triển năng lực tự đánh giá			
22	Lí thuyết truyền thông	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được những định nghĩa về truyền thông; - Nắm được các yếu tố cơ bản trong quá trình truyền thông; - Nắm được các loại hình truyền thông và các mô hình truyền truyền thông;	02	HK1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Nắm được một số lý thuyết truyền thông; * Về kỹ năng: - Biết cách vận dụng những kiến thức đã học vào công việc và cuộc sống hàng ngày; - Vận dụng những kỹ năng truyền thông cơ bản để làm tốt công việc truyền thông trong tương lai; * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có ý thức tự rèn luyện những kỹ năng truyền thông trong học tập, công việc cũng như cuộc sống; Mục tiêu khác: - Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng; - Nâng cao kỹ năng đọc (sách, tạp chí, báo) để tích lũy tri thức, ngôn ngữ và kinh nghiệm sống; - Hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;			
23	Cơ sở lý luận báo chí	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Lĩnh hội được hệ thống kiến thức cơ bản của lý luận báo chí, như: khái niệm, đặc điểm báo chí, bản chất hoạt động báo chí, chức năng của báo chí, nguyên tắc hoạt động của báo chí, chủ thể hoạt động của báo chí, công chúng báo chí,... * Kỹ năng: - Kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các tiểu luận, các chuyên đề về lý luận báo chí – truyền thông. - Biết cách vận dụng các quan	03	HK1	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		điểm, cách tiếp cận khác nhau vào việc nghiên cứu, lí giải các vấn đề của lí luận và thực tiễn báo chí đương đại. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Xác lập quan điểm, nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội của nhà báo và nghề báo trong tương lai. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
24	Pháp luật và đạo đức báo chí	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các khái niệm cơ bản về pháp luật trong lĩnh vực báo chí và quá trình phát triển của pháp luật báo chí ở Việt Nam từ 1945 đến nay. - Nắm được đặc điểm, vai trò của pháp luật báo chí và những nội dung của quản lý nhà nước về báo chí. - Nắm được những nội dung cơ bản của Luật báo chí về: cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí, nhà báo, những điều không được thông tin trên báo chí, nghĩa vụ cải chính, quy định xử phạt.... - Nắm được một số vấn đề về quản lý Nhà nước và thực hiện pháp luật báo chí ở nước ta hiện nay. - Nắm được một số vấn đề về đạo đức nghề nghiệp nhà báo hiện nay. - Nắm được những quy định về đạo đức nghề nghiệp nhà báo - Nắm được các mối quan hệ nền tảng của đạo đức nhà báo Việt Nam	03	HK4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Nắm được quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp nhà báo của một số nước trên thế giới. * Về kỹ năng: - Vận dụng những kiến thức pháp luật và đạo đức đã học vào quá trình tác nghiệp báo chí, làm công tác chuyên môn hay công tác quản lý Nhà nước về báo chí. - Đánh giá được những ưu điểm trong quá trình đổi mới của Luật báo chí Việt Nam qua các giai đoạn. * Về thái độ: - Sinh viên yêu thích môn học, đặc biệt là có hứng thú tìm hiểu các sự kiện báo chí diễn ra hàng ngày cũng như phân tích, đánh giá các sự kiện này dưới góc độ pháp luật và đạo báo chí. - Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam trong công việc quản lý báo chí. - Có ý thức chấp hành pháp luật báo chí nói riêng và pháp luật Việt Nam nói chung trong quá trình tác nghiệp báo chí. - Có ý thức giữ gìn đạo đức nghề báo trong quá trình hoạt động báo chí. Mục tiêu khác: - Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng. - Nâng cao kỹ năng đọc (sách, tạp chí, báo) và phân tích các tình huống về pháp luật báo chí. - Hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.			
25	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức:	04	HK2	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Thi kết thúc học

		Người học hiểu được tiến trình phát triển của lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam qua những sự kiện nổi bật, điểm mốc, giai đoạn chính. Người học hiểu được: lịch sử phát triển các nền báo chí, hãng thông tấn tiêu biểu trên thế giới; các nhà báo, tờ báo nổi tiếng ở Việt Nam. Người học hiểu và phân tích được những vấn đề có tính quy luật của báo chí thế giới; những đặc điểm đa dạng của báo chí thế giới vừa có tính quốc tế vừa có tính quốc gia; vừa có tính phát triển, vừa có tính ổn định; vừa chịu sự tác động của chính trị, vừa bị kinh tế chi phối,... Người học vận dụng được các quan điểm, cách tiếp lịch sử mang tính biện chứng vào việc nghiên cứu, lý giải các vấn đề báo chí ở thế giới và Việt Nam hiện nay. Người học lĩnh hội được những bài học kinh nghiệm mang tính lịch sử của báo chí thế giới và Việt Nam. Người học đánh giá đúng vai trò của báo chí thế giới và Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. * Kỹ năng: - Có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các tiểu luận, các chuyên đề về lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam. - Biết đánh giá, phân tích những vấn đề có tính quy luật như điều kiện ra đời, phát triển và những xu hướng, xu thế phát triển của báo chí thế giới và Việt Nam. - Biết cách vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận lịch sử vào việc nghiên cứu, lý giải các vấn đề của báo chí thế giới và báo chí Việt Nam đương đại. - Có thêm các kỹ năng sống từ các bài học lịch sử.		phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		* Thái độ: - Người học tôn trọng/ Yêu quý nghề báo và người làm báo. - Người học nhận thức được sứ mệnh và bước tiến của báo chí trong tiến trình lịch sử thế giới và dân tộc mình, từ đó có ý thức trang bị và hoàn thiện tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, tư cách đạo đức ...			
26	Tác phẩm báo chí	Kiến thức: - Trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về tác phẩm báo chí bao gồm: khái niệm, chức năng của tác phẩm báo chí, các dấu hiệu nhận diện một tác phẩm báo chí có giá trị. - Sinh viên nắm được đặc điểm của các yếu tố nội dung và hình thức cấu thành tác phẩm báo chí như: đề tài, chi tiết, chính kiến của người viết, tit, lời dẫn, kết cấu, ngôn ngữ, cú pháp. - Sinh viên nhận diện được hệ thống loại thể tác phẩm báo chí, đặc điểm mỗi loại thể và đặc điểm mỗi thể loại. Kỹ năng: - Thông qua những kiến thức lý thuyết về tác phẩm báo chí, sinh viên có thể nhận diện được tác phẩm báo chí và thể loại của các tác phẩm báo chí. - Biết vận dụng kiến thức lý thuyết trong hoạt động sáng tạo tác phẩm báo chí cụ thể. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.	02	HK2	Chuyên cần:0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

27	Lao động nhà báo	Về kiến thức: - Sinh viên nắm được các kiến thức lý luận về nghề báo, đặc biệt là tính chất lao động nghề báo và phẩm chất, năng lực cần có của nhà báo. Sinh viên hiểu rõ những yếu tố chi phối hoạt động nghề nghiệp, từ đó có nhận thức và hành động đúng khi ra hành nghề sau này. - Nắm được những kiến thức kỹ năng về sáng tạo tác phẩm báo chí như phát hiện đề tài, dự kiến thể loại, thu thập và xử lý thông tin, hình thành đề cương, thể hiện tác phẩm. Kỹ năng: - Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng làm báo: kỹ năng khai thác và lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, xây dựng đề cương, thể hiện tác phẩm,... - Sinh viên biết vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng để sáng tạo tác phẩm báo chí cụ thể. Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có nhận thức đúng về nghề nghiệp tương lai	02	HK7	Chuyên cần:0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F
28	Ngôn ngữ báo chí	Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ thu hoạch được: * Về kiến thức: - Nắm vững những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ báo chí. Hiểu biết về các phong cách chức năng ngôn ngữ - Hiểu biết về các lớp từ ngữ thường được sử dụng trong ngôn ngữ báo chí - Hiểu biết về các văn bản báo chí, cách kết cấu bài báo trong báo chí hiện đại - Hiểu biết về ngôn ngữ phát thanh, truyền hình và ngôn ngữ phi văn tự trên báo chí * Kỹ năng:	02	HK2	Chuyên cần:0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Nắm vững cách dùng ngôn ngữ trong các loại hình báo chí - Biết vận dụng các phong cách chức năng trong một bài báo - Bước đầu biết cách sử dụng các lớp từ có tính đặc thù của ngôn ngữ báo chí - Biết cách đặt các loại tit và viết sapo, win một cách ngắn gọn và hấp dẫn - Biết cách kết cấu bài báo phù hợp với đề tài * Thái độ: - Nghiêm túc trong học tập - Có ý thức trong các bài tập thực hành để nâng cao kỹ năng tác nghiệp Các mục tiêu khác: - Có khả năng làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
29	Kí văn học - kí báo chí	Mục tiêu nhận thức: Trang bị cho người học: * Kiến thức: - Phân tích sự vận động của ký trong tiến trình báo chí và văn học Việt Nam; - So sánh ký báo chí và ký văn học từ đặc trưng thể loại; qua đó xác định những nét tương đồng và khác biệt giữa 2 thể loại này. * Kỹ năng: - Biết cách vận dụng kiến thức lí luận để tìm hiểu tác phẩm ký; - Bước đầu hình thành kỹ năng viết tác phẩm ký báo chí, ký văn học. * Thái độ: - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho công việc viết báo, nghiên cứu báo chí sau này;	02	HK3	Thực hành, thảo luận:0,2 Kiểm tra giữa học phần:0,2 Thi kết thúc học phần:0,6 Cộng1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Tích cực thực hành, làm quen với những đặc trưng thể loại ký để có cái nhìn toàn diện về các loại thể tương cận và có cái nhìn chân xác về loại hình này trong cả lĩnh vực báo chí và văn học. Các mục tiêu khác: - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; - Phát triển kỹ năng tiếp nhận văn bản ký và viết ký (dưới cái nhìn đặc trưng thể loại của từng loại hình); - Phát huy năng lực tư duy sáng tạo, khám phá, tìm tòi; - Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
30	Nhập môn báo in	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nhớ, hiểu khái niệm báo in, các loại báo in. Nắm được đặc điểm, lịch sử phát triển của báo in, vai trò, vị trí của báo in trong hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng. - Nắm được các khái niệm về một số chức danh trong tòa soạn báo in; những công tác tiêu biểu trong tòa soạn báo in; cơ cấu tổ chức tòa soạn báo in và quy trình hoạt động của tòa soạn báo in. - Nắm được khái niệm và đặc điểm của một số thể loại báo chí tiêu biểu trên báo in; quy trình sáng tạo tác phẩm báo in; những xu hướng phát triển của báo in hiện đại; * Kỹ năng: - Nhận diện các thể loại tác phẩm báo chí trên báo in. - Kỹ năng thực hiện một số tác phẩm báo chí cơ bản của báo in. - Thiết kế, trình bày bài báo và trang báo	02	HK3	Chuyên cần:0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		* Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được <i>Báo in</i> là một loại hình báo chí nền tảng, quan trọng trong hệ thống các loại hình báo chí. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
31	Nhập môn phát thanh	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các khái niệm cơ bản, lịch sử ra đời - phát triển của phát thanh thế giới và Việt Nam. - Nắm được những đặc trưng của báo phát thanh, cấu trúc tin bài phát thanh, nguyên tắc viết cho phát thanh, cách trình bày văn bản phát thanh và những thể loại phát thanh khác nhau. - Nắm được các vấn đề về phát thanh và xu thế phát triển của phát thanh hiện đại, giúp sinh viên có thể nhận diện và đánh giá ưu nhược điểm của các thể loại phát thanh hiện nay. - Nắm vững kết cấu của từng dạng bài phát thanh và cách thể hiện của từng dạng - Nắm được kiến thức về kỹ thuật thực hiện các sản phẩm tin bài phát thanh. * Kỹ năng: - Kỹ năng thu thập, khai thác và xử lý thông tin. - Kỹ năng đọc và nói trước	02	HK4	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập giữa kỳ: 0,3 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		micro; kỹ năng ghi âm; thu âm và dựng âm bằng phần mềm. - Kỹ năng thực hiện được các tác phẩm tin bài phát thanh theo các dạng thức, thể loại khác nhau. - Kỹ năng viết, trình bày văn bản, xây dựng chương trình, kịch bản, viết lời dẫn của bài phát thanh theo hướng hiện đại. - Kỹ năng thực hiện các tác phẩm tin bài cho phát thanh. - Hình thành, phát triển năng lực xử lý thông tin để biên tập tin bài. - Ứng dụng và thể hiện thuần thục các tin, bài báo chí theo yêu cầu, đặc trưng của loại hình báo phát thanh. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được vai trò của phát thanh trong mối tương quan giữa các loại hình báo chí – truyền thông hiện đại. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện kỹ năng quan sát, giao tiếp. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
32	Nhập môn truyền hình	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về truyền hình như khái niệm, đặc trưng, xu hướng phát triển của truyền hình. - Tái hiện được các mốc cơ bản của lịch sử ngành truyền hình thế giới và Việt Nam.	02	HK4	Chuyên cần:0,1 Thuyết trình nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Có được những hiểu biết khái quát về đặc trưng cơ bản của một số thể loại báo hình tiêu biểu. - Nắm được cách thức xây dựng một kịch bản truyền hình. - Nắm vững đặc điểm, yêu cầu của một phóng viên truyền hình. * Kỹ năng: - Phân biệt được các thể loại báo hình. - Xác định được đề tài, chủ đề để triển khai một tác phẩm báo hình. - Viết được kịch bản cho một phóng sự ngắn truyền hình, phim tài liệu truyền hình. - Ghi hình và biên tập được một tác phẩm truyền hình. - Đánh giá, nhận xét được tác phẩm truyền hình. - Nhận xét về một số xu hướng của truyền hình hiện đại. * Thái độ: - Yêu thích môn học và công việc của một phóng viên truyền hình. - Tự tin khi tác nghiệp với vai trò của một phóng viên truyền hình. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc tập thể. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
33	Nhập môn báo mạng điện tử	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được lịch sử ra đời của internet và báo mạng điện tử trên thế giới và ở Việt Nam. - Nắm được vai trò, các đặc trưng của báo mạng điện tử và xu hướng phát triển của báo mạng điện tử.	02	HK5	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Nắm được mô hình tòa soạn và quy trình sản xuất thông tin của báo mạng điện tử. - Nắm được cách viết tin, bài trong báo mạng điện tử. - Nắm được một số vấn đề của báo mạng điện tử hiện nay. * Về kỹ năng: - Có khả năng xây dựng website, đồng thời trang trí và cung cấp thông tin như một trang báo mạng điện tử thực thụ. - Biết vận dụng những kiến thức đã học để viết tin, bài, biên tập, trình bày phù hợp với các nguyên tắc của trang báo mạng điện tử. - Vận dụng được những kiến thức đã học để vận hành trang báo mạng điện tử sau khi tốt nghiệp. * Về thái độ: - Yêu thích môn học và thích tìm hiểu những phần mềm thiết kế website. - Quan tâm đến việc trang trí, trình bày và khai thác tin bài phù hợp với trang báo điện tử. Mục tiêu khác: - Phát triển kỹ năng viết, tổ chức tin bài và trình bày cho báo mạng điện tử.			
34	Lí luận và thực hành ảnh	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được những vấn đề lý luận cơ bản của ảnh, định hình trong nhận thức được bản chất, đặc trưng, vai trò, vị trí của ảnh nói chung và ảnh báo chí nói riêng. - Nắm bắt được các vấn đề xã hội; cách khai thác thông tin cần thiết từ thực tế bằng hình ảnh;	03	HK4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		biết cách gửi gắm ý tưởng, tình cảm vào các tác phẩm ảnh. - Hiểu được vai trò, chức năng, đặc trưng thông tin của ảnh trên báo chí. - Hiểu được công tác phóng viên ảnh, biên tập ảnh, công tác in ấn trong một cơ quan báo chí. - Sinh viên nắm được cấu tạo các loại máy ảnh cơ, máy ảnh kỹ thuật số. - Hiểu rõ thực tiễn ảnh trên báo chí Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; cách khắc phục những cách thức thông tin không đem lại hiệu quả cao ở một số cơ quan báo chí. * Kỹ năng: - Làm chủ các phương tiện kỹ thuật nhiếp ảnh cũng như các quy trình kỹ thuật trong việc thể hiện tác phẩm ảnh báo chí. - Thực hành chụp ảnh và chụp được các tác phẩm ảnh báo chí có chất lượng. - Có khả năng phát hiện vấn đề thông tin trên báo bằng ảnh và thể hiện vấn đề hiệu quả nhất. - Sử dụng thành thạo phần mềm Photoshop và một số phần mềm liên quan khác. - Có khả năng thuyết trình, phân tích các tác phẩm ảnh báo chí và ảnh sáng tác. - Có khả năng nhìn nhận và đánh giá được cách thông tin hiệu quả bằng ảnh trên báo chí. * Thái độ: - Tạo được sự say mê nghề nghiệp. - Biết tôn trọng tác phẩm của đồng nghiệp. - Rèn luyện được tư chất của một			

		người hoạt động xã hội, có bản lĩnh chính trị, nhạy cảm với thời cuộc, sâu sát với đời sống nhân dân, nhanh chóng tìm được các đề tài cần thể hiện bằng ảnh có ý nghĩa xã hội cao. - Biết trung động trước cái đẹp của thiên nhiên, con người và biết thể hiện nó bằng những tác phẩm ảnh báo chí.			
35	Quan hệ công chúng và báo chí	Sau khi hoàn thành học phần này, người học sẽ/có thể: *Về kiến thức: - Có kiến thức cơ bản về chuyên ngành PR *Về kỹ năng: - Sinh viên học được kỹ năng giao tiếp - Kỹ năng tổ chức họp báo, tổ chức sự kiện - Kỹ năng giải quyết tình huống - Phân biệt được những công việc phải làm trong hoạt động PR - Biết cách thực hiện một số công việc PR cần thiết như: Viết thông cáo báo chí, tổ chức họp báo, giao tiếp với giới truyền thông... *Về thái độ: - Môn học giúp cho sinh viên học cách hòa đồng, thân thiện với các cộng sự trong công việc - Nhiệt tình với mọi công việc được giao - Bản lĩnh trong xử lý những tình huống nảy sinh trong công việc Các mục tiêu khác:	02	HK4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Rèn luyện kỹ năng và thói quen tự nghiên cứu - Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, tranh luận, phản biện - Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm			
36	Truyền thông Marketing	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các khái niệm cơ bản trong Marketing: Marketing và các thuật ngữ liên quan (<i>nhu cầu, mong muốn, sản phẩm, thị trường, trao đổi</i>). - Nắm được thành phần của hỗn hợp Marketing Mix 4P và 7P. - Nắm được mô hình truyền thông cơ bản và nắm được bản chất của hoạt động truyền thông Marketing. - Nắm được các bước cần thiết trong việc xây dựng kế hoạch truyền thông Marketing. - Biết được các công cụ của truyền thông Marketing, ưu – khuyết điểm của từng công cụ. - Hiểu được cách kết hợp các công cụ truyền thông Marketing trong hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các khái niệm khác nhau về Marketing. - Xác định được khách hàng mục tiêu, vẽ được chân dung khách hàng mục tiêu trong hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức. - Lập được sơ đồ định vị ở mức cơ bản cho sản phẩm/dịch vụ. - Lập được kế hoạch Marketing truyền thông.	02	HK3	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		* Thái độ: - Hiểu được Marketing là một công việc đòi hỏi tư duy phân tích và sáng tạo. - Tự đánh giá khả năng của mình có thể phù hợp với công việc truyền thông hay không. - Nghiêm túc, chuyên nghiệp và hiểu được giá trị của nghề Marketing nói chung và hoạt động trong lĩnh vực báo chí truyền thông nói riêng. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; thuyết trình, tranh luận, phản biện. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá - Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn đời sống			
37	Quảng cáo và kinh doanh báo chí	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về quảng cáo như: quảng cáo, sản phẩm quảng cáo, phương thức quảng cáo, cấu trúc thông điệp quảng cáo, kênh quảng cáo, chiến lược quảng cáo, mô thức quảng cáo, mục tiêu của quảng cáo, thủ pháp quảng cáo, mô hình các công ty quảng cáo. - Nắm được được các mốc cơ bản của lịch sử ngành quảng cáo thế giới và Việt Nam. - Hiểu được những kiến thức khái quát mối quan hệ giữa quảng cáo và báo chí và nêu được một số hình thức kinh doanh báo chí cơ bản.	02	HK7	

		* Kỹ năng: - Phân biệt được quảng cáo và một số phương thức truyền thông khác như quan hệ công chúng, tiếp thị. - Lập được các chiến lược quảng cáo cho sản phẩm. - Vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện bản yêu cầu sáng tạo và viết slogan cho sản phẩm. - Phân tích tính chất đặc biệt của sản phẩm hàng hoá báo chí và hoạt động kinh doanh báo chí. * Thái độ: - Đánh giá được các sản phẩm và chiến lược quảng cáo (trên các bình diện: kỹ thuật, mục tiêu, đạo đức...). - Nhận xét về một số hiện tượng biến tướng trong hoạt động kinh doanh báo chí. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần phát triển kỹ năng thiết lập và quản lý dự án.			
38	Biên tập sách báo	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên lý biên tập: khái niệm, đặc điểm, nội dung và yêu cầu của công tác biên tập; vị trí của khâu biên tập trong hoạt động báo chí và xuất bản. - Nắm được quy trình, phương pháp và đặc điểm biên tập các loại sách khác nhau. - Nắm được quy trình biên tập	02	HK7	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		tác phẩm báo chí, các thao tác nghiệp vụ biên tập bản thảo tác phẩm báo chí. * Kỹ năng: - Sửa chữa bản thảo một số văn bản. - Chuyển một số dạng tin/bài của các loại hình báo chí khác nhau - Bước đầu tổ chức thực hiện và biên tập các chuyên đề sách/báo. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức rõ trách nhiệm xã hội của người làm công tác biên tập. - Có ý thức trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thông qua sự cẩn trọng, chính xác, tỉ mỉ của người làm công tác biên tập. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
39	Tâm lý học báo chí	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Người học hiểu được tâm lý con người - ứng dụng trong nghề báo, trong mối quan hệ đa chiều nhà báo/ nhà truyền thông - tác phẩm - công chúng. Nhận diện được vai trò, vị trí của nhà báo trong việc tiếp cận công chúng hiện đại qua tác phẩm. * Kỹ năng: - Vận dụng và hình thành được	02	HK7	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		những năng lực, phẩm chất và ý thức cần thiết cho <i>nghệ thuật làm báo</i> qua nghiên cứu con người ở góc độ tâm lý. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Hình thành được ý thức xây dựng sản phẩm báo chí ngày càng gần gũi với con người, mang giá trị nhân văn sâu sắc. - Ý thức được trọng trách của mỗi nhà báo trong việc xây dựng hình ảnh nghề nghiệp trong mắt công chúng, nhân vật và đồng nghiệp,...			
40	Báo chí và dư luận xã hội	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về dư luận xã hội (<i>khái niệm, cấu trúc, quá trình hình thành và phát triển, chức năng của dư luận xã hội</i>) - Nắm được cơ chế tác động của báo chí vào dư luận xã hội - Hiểu được mối quan hệ giữa nhà báo và dư luận xã hội * Kỹ năng: -Được rèn luyện kỹ năng phân tích thông điệp một cách có ý thức. - Phương pháp xử lý các vấn đề liên quan đến dư luận xã hội. * Thái độ: - Trau dồi thói quen đọc, nghe, xem và phân tích các vấn đề xã hội - Có ý thức trong việc ứng xử với “đối tác” của mình là dư luận xã hội Mục tiêu khác:	02	HK3	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Phát triển năng lực thu thập, tổng hợp thông tin			
41	Báo chí với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được hệ thống báo chí Việt Nam hiện nay và mối quan hệ giữa báo chí và chính trị, kinh tế, văn hóa; - Nhận thức được những quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về báo chí; - Nắm được vai trò của báo chí đối với đời sống chính trị hiện nay; - Nắm được một số vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa được quan tâm hiện nay (ở Việt Nam và trên thế giới); * Về kỹ năng: - Vận dụng được những kiến thức đã học trong quá trình khai thác tin, bài về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa ở Việt Nam và trên thế giới; - Biết chọn cách đưa tin, bài về các vấn đề chính trị phù hợp với quan điểm lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và phù hợp với văn hóa truyền thống Việt Nam. * Về thái độ: - Sinh viên yêu thích môn học, đặc biệt là có hứng thú tìm hiểu các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa trong nước và quốc tế diễn ra hàng ngày; - Có ý thức điều chỉnh hành vi đạo đức trong hoạt động báo chí; Mục tiêu khác:	03	HK2	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng; - Nâng cao kỹ năng đọc (sách, tạp chí, báo) và phân tích các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa được đăng tải trên báo chí; - Hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;			
42	Báo chí và thông tin đối ngoại	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được đặc điểm của báo chí dưới góc nhìn của hoạt động thông tin đối ngoại - Nắm được chủ thể, đối tượng của hoạt động thông tin đối ngoại - Nắm được những quy định về quản lý thông tin đối ngoại trong hoạt động báo chí - Hiểu được quan điểm ngoại giao, lợi ích quốc gia và định hướng thông tin trên báo chí Việt Nam về những vấn đề thời sự trong khu vực và quốc tế. * Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng phân tích thông điệp một cách có ý thức. - Kỹ năng tìm kiếm thông tin và tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận báo chí – truyền thông. - Sử dụng được những kỹ thuật viết, biên tập, dịch tin bài cho mảng tin tức đối ngoại. * Thái độ: - Trau dồi thói quen đọc, nghe, xem và phân tích thông tin thời sự trong nước và quốc tế. - Chủ động tìm kiếm tư liệu, kiến thức thực tiễn để nâng cao khả năng	02	HK3	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		thực hành nghề trên cơ sở biết cân nhắc các lợi ích trước khi đưa tin. - Yêu thích môn học, ngành học. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
43	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (báo chí)	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên sẽ được: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Nắm được các kiến thức về về các phương pháp nghiên cứu khoa học báo chí -Nắm được những kiến thức cơ bản về cách thức trình bày kết quả nghiên cứu khoa học * Kỹ năng: -Kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu - Kỹ năng vận dụng những phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực báo chí-truyền thông -Kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu -Kỹ năng vận dụng ICT trong nghiên cứu khoa học * Thái độ: - Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của NCKH đối với cá nhân và xã hội - Có ý thức vận dụng phương	02	HK3	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Đồ án: 0,6 Cộng: 1,0. Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		pháp nghiên cứu khoa học vào hoạt động học tập -Có ý thức tích cực, chủ động thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học vừa sức như khóa luận, nghiên cứu khoa học sinh viên Mục tiêu khác: - Rèn luyện tư duy khoa học - Rèn luyện khả năng giao tiếp (trình bày nói và viết)			
44	Sử dụng phương tiện kỹ thuật hỗ trợ kỹ năng báo chí	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức tổng quát về thiết bị cơ bản trong nghiệp vụ báo chí. - Có được những hiểu biết khái quát về máy quay phim (camcorder), máy ảnh, thiết bị trộn phim, thiết bị trộn âm. - Có được các hiểu biết về việc kết nối các thiết bị ghi âm, ghi hình: micro hiện trường, kết nối máy quay phim với máy tính... - Sử dụng được một số phần mềm chỉnh sửa âm thanh, dựng phim. * Kỹ năng: -Sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của các thiết bị: máy quay phim, máy ảnh, máy ghi âm, bộ trộn âm, bộ trộn hình. -Sử dụng được phần mềm cắt ghép âm thanh, dựng phim. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Năng động, tự tin trong học tập cũng như khi tác nghiệp trong môi trường báo chí thực tế. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng xử lý tình huống.	02	HK3	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.			
45	Viết tin và bài phản ánh	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Hiểu được các kiến thức cơ bản về thể loại tin như: khái niệm, đặc điểm, các dạng tin,... - Hiểu được các yếu tố tạo nên giá trị tin tức, chỉ ra được những tiêu chí chọn lọc tin tức. - Biết được các loại nguồn tin. Đánh giá được tầm quan trọng của nguồn tin. - Nhận diện được các dạng tin; các dạng bài phản ánh. * Kỹ năng: - Kỹ năng thu thập, khai thác và xử lý thông tin. - Vẽ lại được các kiểu cấu trúc tin. - Viết được các kiểu tít và mào đầu cho tin và bài phản ánh. - Viết được một số tác phẩm tin, bài phản ánh hoàn chỉnh theo các dạng và mô hình cấu trúc khác nhau. - Kỹ năng thực hiện được các tác phẩm tin theo các dạng tin khác nhau. - Kỹ năng thực hiện các tác phẩm tin cho các loại hình báo chí khác nhau. - Kỹ năng viết các dạng bài phản ánh.	03	HK3	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Đồ án: 0,6 Cộng: 1,0. Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		* Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được tin tức là một thể loại cơ bản, quan trọng nhất trong các thể loại tác phẩm báo chí. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện kỹ năng quan sát, giao tiếp. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
46	Phỏng vấn	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức cơ bản về phỏng vấn như: khái niệm, đặc điểm, vai trò và vị trí, lịch sử ra đời và phát triển của phỏng vấn. - Nắm được kiến thức về quy trình phỏng vấn các loại hình báo chí khác nhau. - Nắm bắt những tình huống, những kinh nghiệm trong phỏng vấn báo chí. * Kỹ năng: - Bước đầu xây dựng tác phẩm phỏng vấn với tư cách một thể loại độc lập. - Biết cách sử dụng phương pháp phỏng vấn trong việc khai thác tài liệu để viết tác phẩm báo chí thuộc các thể loại. Cụ thể, rèn cách đặt câu hỏi hợp lý để có thể thu thập được thông tin hiệu quả. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được phỏng vấn là	02	HK4	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Đồ án: 0,6 Cộng: 1,0. Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		một kỹ năng cơ bản và quan trọng trong tác nghiệp báo chí. - Hình thành đạo đức nghề nghiệp từ yêu cầu nghiêm túc, khiêm tốn và không ngừng học hỏi của người làm công tác phóng viên báo chí nói riêng và nghề báo nói chung. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện kỹ năng quan sát, giao tiếp. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
47	Phóng sự	Kiến thức: - Sinh viên nắm được các vấn đề lý luận thể loại như lịch sử hình thành và phát triển của phóng sự; quan niệm và đặc trưng thể loại, các dạng phóng sự. - Qua phân tích các tác phẩm tiêu biểu, sinh viên nhận diện được các đặc điểm đặc sắc của phóng sự đương đại từ các phương diện đề tài, phương thức thể hiện và hiệu ứng xã hội. - Sinh viên có được các kỹ năng cần thiết để thực hiện bài phóng sự: Kỹ năng khai thác và lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, thể hiện tác phẩm, biên tập, giật tít, rút tía sậpô. Kỹ năng: - Vận dụng kiến thức lý thuyết thể loại và những kinh nghiệm rút ra được qua nghiên cứu phóng sự đương đại, sinh viên từng bước rèn luyện các kỹ năng thực hiện bài phóng sự như khai thác và lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, viết bài, biên tập, giật tít, rút tía sậpô. - Sinh viên có khả năng sáng tạo một tác phẩm phóng sự hoàn chỉnh.	02	HK4	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần (thực hành): 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.			
48	Điều tra	Kiến thức: - Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý luận thể loại như quan niệm và đặc trưng của điều tra, hoàn cảnh xuất hiện bài điều tra, đối tượng của điều tra báo chí. - Sinh viên nắm được các thao tác của hoạt động điều tra báo chí: Tìm đề tài, xác định mục tiêu điều tra, điều tra và xử lý tài liệu thu thập được. - Sinh viên tiếp cận được kỹ thuật viết bài điều tra: Kỹ thuật rút tit và sập ô; viết phần nêu vấn đề, phần trình bày và phân tích sự kiện, phần kết luận; qua đó rút ra được những nguyên tắc khi viết bài điều tra, những yêu cầu đối với phóng viên điều tra. Kỹ năng: - Vận dụng kiến thức lý thuyết thể loại, sinh viên từng bước rèn luyện các kỹ năng thực hiện bài điều tra như kỹ năng khai thác và lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, xử lý tài liệu, trình bày và phân tích sự kiện,... - Sinh viên có khả năng sáng tạo một tác phẩm điều tra hoàn chỉnh. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham	02	HK5	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần (thực hành): 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.			
49	Nghị luận báo chí	Kiến thức: - Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về loại thể nghị luận: Khái niệm, những đặc trưng cơ bản của nghị luận báo chí, vai trò của nghị luận báo chí trong hoạt động truyền thông và quản lý xã hội. - Sinh viên nắm được những đặc điểm cơ bản của các thể loại bình luận, xã luận, chuyên luận; tiếp cận được các kỹ năng viết bài nghị luận; trên cơ sở đó phân biệt được các loại bài nghị luận. Kỹ năng: - Môn học giúp sinh viên rèn luyện tư duy logic, cách lập luận chặt chẽ, nâng cao nhận thức lý tính và ý thức công dân của người làm báo. - Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng phát hiện đề tài, tìm luận cứ, luận chứng, kỹ năng lập luận, diễn đạt. - Sinh viên có thể thực hành viết các bài nghị luận ngắn về các vấn đề đang được dư luận quan tâm. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.	02	HK6	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận: 0,1 Kiểm tra giữa học phần (thực hành): 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
50	Tổ chức nội dung và trình bày ấn phẩm	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Người học có được những kiến thức chung về tổ chức, xây dựng nội dung và trình bày ấn phẩm	02	HK5	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Đồ án: 0,6 Cộng: 1,0. Tính theo thang

		(báo, tạp chí). - Người học hiểu được quy trình in ấn các sản phẩm báo và tạp chí. * Kỹ năng: - Người học tái lập được cách thức tổ chức nội dung, thiết kế các trang bìa, trang trong của báo và tạp chí hiện hành. - Người học cải tiến được cách thức tổ chức nội dung, thiết kế của một số tờ báo, tạp chí đang lưu hành. - Người học có thể đưa ra được các ý tưởng riêng, có tính sáng tạo về cách thức tổ chức nội dung, thiết kế cho một tờ báo, tạp chí mới nhằm thay đổi truyền thông thị giác. - Người học có thể làm chủ các phần mềm chuyên dụng dành cho thiết kế báo, tạp chí hiện nay. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Người học có thái độ hợp tác tốt với các bộ phận liên quan trong tòa soạn, đặc biệt là bộ phận thiết kế mỹ thuật và bộ phận làm nội dung.			điểm:A, B, C, D, F
51	Kỹ thuật quay và dựng phim	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Kỹ thuật quay: + Hiểu được nguyên tắc cơ bản của máy quay, nguyên tắc hình ảnh khi quay. + Hiểu được cách sử dụng máy quay. + Nắm được những yêu cầu về hình ảnh đối với từng thể loại phim tài liệu hay ký sự truyền hình.	02	HK5	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Kỹ thuật dựng phim: + Nắm được các nguyên tắc dựng phim cơ bản, + Hiểu được mối quan hệ giữa hình ảnh và dựng phim. + Hiểu được các phương pháp dựng phim theo từng thể loại. * Kỹ năng: - Nhận biết được thể nào là đoạn phim hình ảnh tốt, đạt yêu cầu. - Kết nối được các đoạn phim thành một sản phẩm truyền hình hoàn chỉnh. - Sử dụng được các máy quay thông dụng. - Dựng được các đoạn phim ngắn bằng các phần mềm thông dụng. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Chủ động trong việc tổ chức nhóm làm việc. - Chăm chỉ thực hành các kỹ năng quay và dựng phim. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng làm việc theo nhóm. - Góp phần phát triển khả năng chủ động làm việc với các thiết bị công nghệ. - Tăng cường tư duy sáng tạo hình ảnh. - Góp phần nâng cao khả năng thuyết trình.			
52	Kịch bản và biên tập truyền hình	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được kiến thức cơ bản về các dạng kịch bản truyền hình. - Nắm được kiến thức xây dựng	02	HK5	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Đồ án: 0,6 Cộng: 1,0. Tính theo thang

		kịch bản truyền hình theo các thể loại cụ thể. - Nắm được các kiến thức về nguồn tin và quá trình thu thập, xử lý thông tin. - Nắm được kiến thức về kỹ thuật viết kịch bản và biên tập tác phẩm truyền hình. * Kỹ năng: - Kỹ năng viết được kịch bản các chương trình truyền hình khác nhau. - Kỹ năng biên tập được một số tác phẩm truyền hình cơ bản. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được viết kịch bản và biên tập là một khâu quan trọng trong sản xuất các chương trình truyền hình. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện kỹ năng sáng tạo, tư duy làm việc nhóm. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá nội dung tác phẩm - Góp phần phát triển kỹ năng đàm mē khám phá tìm tòi những ý tưởng mới			điểm:A, B, C, D, F
53	Sản xuất chương trình truyền hình	. Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Tái hiện được khái niệm chương trình truyền hình và các khái niệm liên quan như: khung chương trình, buổi phát sóng, khung giờ, loạt chương trình, giờ vàng... - Nắm được cách thức và các nguyên tắc phân bổ chương trình và xây dựng kế hoạch chương trình. - Nắm được kết cấu chương trình truyền hình Việt Nam.	03	HK6	Chuyên cần: 0,1 Thuyết trình nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần:0,2 Đồ án kết thúc học phần:0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Nắm được đặc điểm của các chương trình khác nhau theo từng quan điểm phân loại. - Mô tả được chức danh, vai trò và yêu cầu công việc của các thành viên trong ê-kip sản xuất chương trình truyền hình. * Kỹ năng: - Lên ý tưởng và viết được format (cấu trúc) cho một chương trình truyền hình. - Tham gia sản xuất được một chương trình truyền hình theo đúng quy trình đã học. * Thái độ: - Đánh giá, nhận xét được chương trình truyền hình. - Nhận xét về một số xu hướng của chương trình truyền hình hiện đại. - Yêu thích nghề sản xuất chương trình truyền hình. - Tự tin khi tham gia vào ngành truyền hình. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc tập thể. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Rèn luyện tính kiên nhẫn, khả năng làm việc dư			
54	Kịch bản và biên tập phát thanh	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Cung cấp những kiến thức chung về Kịch bản phát thanh. - Cung cấp những kiến thức chung về Biên tập- một công đoạn quan trọng trong hoạt động nghiệp vụ của phóng viên phát thanh. Cụ thể, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng biên tập phát	02	HK5	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Đồ án: 0,6 Cộng: 1,0. Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		thanh cơ bản, từ đơn giản đến phức tạp; Người học có thể nắm được khái niệm, đặc điểm và cách phân loại kịch bản phát thanh; Người học có thể nắm được khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc của công việc biên tập phát thanh. * Kỹ năng: - Kỹ năng thu thập, khai thác và xử lý thông tin. - Viết được kịch bản cho loại hình thanh. - Biên tập được tác phẩm phát thanh ở những cấp độ khác nhau. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được tin tức là một thể loại cơ bản, quan trọng nhất trong các thể loại tác phẩm báo chí. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện kỹ năng quan sát, giao tiếp. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
55	Sản xuất chương trình phát thanh	Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ * Về kiến thức: - Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các dạng chương trình phát thanh. - Nắm vững kết cấu của từng dạng chương trình phát thanh. - Liệt kê được các phương thức và cách thức thực hiện của từng phương thức sản xuất chương trình phát thanh. - Nhận diện được các thể mạnh cũng như hạn chế của từng phương thức sản xuất chương trình phát thanh cụ thể.	02	HK6	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Nắm được những kỹ năng biên tập tác phẩm phát thanh - chương trình phát thanh về cả nội dung và hình thức. * Kỹ năng: - Sử dụng được các thiết bị, phần mềm phục vụ việc sản xuất chương trình phát thanh. - Thiết kế và xây dựng được một chương trình phát thanh theo xu hướng hiện đại. - Hình thành, phát triển năng lực xử lý thông tin để biên tập tin bài. - Hình thành và nâng cao kỹ năng biên tập tác phẩm, biên tập chương trình phát thanh. - Phát triển kỹ năng so sánh các thể mạnh của từng phương thức sản xuất chương trình phát thanh để có sự áp dụng đúng đắn cho mỗi trường hợp. - Thiết kế được một chương trình phát thanh hoàn chỉnh. * Thái độ: - Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề của nền báo chí hiện đại nói chung và phát thanh nói riêng. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp. - Có ý thức phát triển nền báo chí Việt Nam nói chung và báo phát thanh nói riêng theo xu hướng hiện đại. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý công việc.			
56	Tổ chức tin bài đa phương tiện	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được:	03	HK6	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học

		* Về kiến thức: - Nắm được khái niệm hội tụ truyền thông và các yếu tố cấu thành hội tụ truyền thông. - Nắm được 4 góc độ lý luận của hội tụ truyền thông. - Nắm được các tác nhân ảnh hưởng đến hội tụ truyền thông. - Nắm được các quan niệm về tòa soạn hội tụ và các mô hình tòa soạn hội tụ. - Nắm được các kỹ năng tổ chức tin bài đa phương tiện: quay phim, thiết kế đồ họa, xử lý file audio... * Về kỹ năng: - Có khả năng khai thác, xử lý tin bài bằng các kỹ thuật đa phương tiện. - Biết vận dụng những kiến thức đã học để viết tin, bài, biên tập, trình bày phù hợp với các nguyên tắc của truyền thông đa phương tiện. - Vận dụng được những kiến thức đã học để tác nghiệp đa phương tiện sau khi tốt nghiệp. * Về thái độ: - Yêu thích môn học và thích tìm hiểu những kỹ thuật cao liên quan đến ngành báo chí: quay và dựng phim, thiết kế đồ họa... Mục tiêu khác: - Phát triển kỹ năng tổ chức tin bài đa phương tiện.			phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
57	Quan hệ công chúng ứng dụng	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức và công cụ PR cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	02	HK5	Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kỳ: 0,3 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0. Tính theo thang

		- Nắm được các kiến thức cơ bản trong phối hợp các công cụ PR để triển khai một chương trình PR hiệu quả cho doanh nghiệp. * Kỹ năng: - Vận dụng được những quy trình và lý thuyết nền tảng của truyền thông, PR vào xây dựng một chương trình PR từ phân tích, lập kế hoạch, triển khai cho đến đánh giá. - Kỹ năng phát hiện và xử lý khủng hoảng truyền thông. - Kỹ năng nhìn nhận, đánh giá được hiệu quả truyền thông doanh nghiệp, từ đó áp dụng vào thực tế. - Kỹ năng thiết lập các chiến lược PR dài hạn cho doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh. - Kỹ năng thực hành các hoạt động PR trong thực tế của DN: tổ chức họp báo, giới thiệu sản phẩm mới, tổ chức sự kiện, tài trợ, xử lý khủng hoảng... * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được tầm quan trọng của hệ công chúng trong đời sống xã hội nói chung và doanh nghiệp nói riêng. - Có thể nhận biết khả năng của bản thân thích hợp với lĩnh vực nào. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện kỹ năng quan sát, giao tiếp. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			điểm: A, B, C, D, F
58	Kiến tập nghiệp vụ		02	HK6	

59	Thực tập tốt nghiệp		03	HK8	
60	Tham quan thực tế		02	HK6	
61	Phim tài liệu và ký sự truyền hình	. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Hiểu được thế nào là phim tài liệu và các dạng của phim tài liệu. - Hiểu được đặc trưng của phim tài liệu và ký sự truyền hình. - Nắm được cách thức thực hiện một bộ phim tài liệu và ký sự truyền hình. * Kỹ năng: - Nhận biết được vấn đề nào có khả năng thực hiện thành bộ phim tài liệu. - Viết được kịch bản phim tài liệu, ký sự truyền hình. - Xây dựng đề cương chi tiết để quay và dựng phim. - Tự tin giao tiếp phỏng vấn nhân vật cũng như tăng cường khả năng làm việc nhóm. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Chủ động tìm hiểu các vấn đề độc đáo của xã hội để làm đề tài. - Chăm chỉ làm các bài tập được giao. Mục tiêu khác: - Tăng khả năng tư duy sáng tạo về mặt hình ảnh. - Phát triển kỹ năng khai thác đề tài và nhân vật.	02	HK7	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F
62	Kỹ năng dẫn chương trình	Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ	02	HK5	Chuyên cần:0,1

		* Về kiến thức: Hiểu biết về yêu cầu, nhiệm vụ, cách thể hiện của người dẫn chương trình truyền hình ở nhiều thể loại chương trình khác nhau. * Về kỹ năng: - Biết cách viết lời dẫn, sử dụng được các phương tiện trợ giúp và dẫn được một chương trình ngắn trong 5 - 10 phút hoặc những chương trình dài hơn đối với các sinh viên có khả năng trong lĩnh vực này. - Tăng cường kỹ năng làm việc nhóm – một kỹ năng quan trọng trong lĩnh vực truyền hình. * Về thái độ: Có thể nhận biết khả năng của bản thân thích hợp với thể loại chương trình nào. Các mục tiêu khác: - Được rèn luyện kỹ năng phát âm và nói chuyện trước đám đông. - Được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm - Được rèn luyện kỹ năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt - Được rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn đời sống. - Được rèn luyện kỹ năng bổ trợ về thẩm mỹ, trang điểm.			Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
63	Xã hội học truyền thông đại chúng	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Có kiến thức về lịch sử phát triển và thành tựu của ngành xã hội học về truyền thông đại chúng. - Hiểu được cách nhìn, cách đánh giá	02	HK3	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang

		của giới xã hội học đối với hoạt động truyền đại chúng. - Nhận định về tầm ảnh hưởng của hoạt động truyền thông đại chúng đối với các nhân và xã hội cũng như sự tác động của các thiết chế xã hội lên hoạt động truyền thông đại chúng. * Về kỹ năng: - Phân tích, lý giải, bình luận được các sự kiện – hiện tượng báo chí truyền thông dựa trên kiến thức và hiểu biết được cung cấp. - Sử dụng chính xác các khái niệm trong lĩnh vực xã hội học về truyền thông đại chúng. * Về thái độ: - Nhận thức được vai trò của người hoạt động trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, từ đó có ý thức trang bị và hoàn thiện tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, tư cách đạo đức... Mục tiêu khác: - Rèn luyện kỹ năng tư duy, tự nghiên cứu về nguyên nhân và hệ quả của hoạt động truyền thông đại chúng đối với con người và xã hội. - Phát triển kỹ năng tranh luận, phản biện, thuyết trình, phản hồi tích cực - Phát triển kỹ năng diễn đạt, làm việc nhóm - Phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn đời sống			điểm:A, B, C, D, F
64	Tổ chức sự kiện	. Mục tiêu chung: Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên/người học có thể: * Về kiến thức: - Hiểu được các khái niệm cơ bản về sự kiện là gì? Vai trò của sự kiện? Các loại hình sự kiện. - Biết được quy trình tổ chức sự kiện,	02	HK6	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0

		các chất liệt và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện. - Cách ứng dụng các công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện. * Về kỹ năng: - Xác định được mục tiêu của sự kiện - Lập được proposal nội dung chương trình, timeline, kịch bản chi tiết, MC Script. - Biết cách phân công, bố trí nhân sự hợp lý - Soạn thảo công văn và các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác tổ chức chương trình; kỹ năng xây dựng mối quan hệ với chính quyền địa phương. - Biết cách làm việc nhóm, triển khai ý tưởng. * Về thái độ: - Hiểu được tính chất công việc tổ chức sự kiện đòi hỏi sự đam mê, sang tạo, uy tín, trách nhiệm, có tinh thần đội nhóm và kiến thức xã hội rộng... - Tự đánh giá khả năng của mình có thể phù hợp với công việc sự kiện hay không - Nghiêm túc, chuyên nghiệp trong công việc. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng và thói quen tự nghiên cứu - Phát triển kỹ năng thuyết trình, tranh luận, phản biện - Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm - Rèn luyện kỹ năng phân tích, sang tạo, xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thực thi tổ chức sự kiện.			Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
65	Kỹ năng giao tiếp và tốc kí	Kiến thức: - Trang bị cho sinh viên những vấn đề chung giao tiếp trong cuộc sống	02	HK4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1

		hàng ngày trong hoạt động báo chí. - Sinh viên nắm được các cách giao tiếp ở những tình huống cụ thể, ở các môi trường nghề nghiệp cụ thể. - Sinh viên có thể thực hành được cách viết tốc ký trong tình huống phải ghi nhanh ở hiện trường. Kỹ năng: - Thông qua những kiến thức lý thuyết về giao tiếp báo chí, sinh viên có thể tự tin và thuận lợi hơn trong quá trình làm việc. - Biết vận dụng kiến thức lý thuyết tốc ký để thực hiện một tác phẩm báo chí cụ thể. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.			Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
66	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin kinh tế	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về báo chí kinh tế, đặc trưng báo chí kinh tế, tổ chức toà soạn báo kinh tế và ban kinh tế của cơ quan báo chí, diện mạo của báo chí kinh tế. - Nắm vững đặc điểm, yêu cầu, phẩm chất và đạo đức của một phóng viên kinh tế. - Nắm được cách thức viết một bài báo kinh tế hấp dẫn. - Nắm được một số đặc điểm của những vấn đề kinh tế nổi trội trên báo chí. - Nắm được một số thuật ngữ	02	HK6	Chuyên cần: 0,1 Thuyết trình nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Đồ án kết thúc học phần: 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		kinh tế phổ biến. * Kỹ năng: - Viết được tin hoặc bài báo kinh tế một cách chính xác, hấp dẫn, dễ hiểu. - Phân tích được một số hiện tượng lỗi trong các tin, bài báo kinh tế. * Thái độ: - Đánh giá, nhận xét được tin, bài báo kinh tế. - Đánh giá được một số hiện tượng vi phạm đạo đức báo chí kinh tế. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng khai thác nguồn tin, làm việc dưới áp lực. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.			
67	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin khoa học, công nghệ, môi trường	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về khoa học, đặc điểm của khoa học và các phương pháp nghiên cứu khoa học. - Hiểu biết khái quát về truyền thông khoa học, các mô hình, quy trình và công cụ truyền thông khoa học. - Nắm được khái niệm, đặc trưng và vai trò của báo chí khoa học, công nghệ và môi trường - Nắm được khái niệm, đặc trưng và vai trò của báo chí khoa học, công nghệ và môi trường - Hiểu biết khái quát về các vấn đề khoa học, công nghệ và môi trường nổi bật hiện nay. * Kỹ năng: - Đánh giá được tầm quan trọng, mặt tích cực và hạn chế của các vấn đề khoa học, công nghệ và môi trường tiêu	02	HK7	Chuyên cần:0,1 Thuyết trình nhóm:0,1 Kiểm tra giữa học phần:0,2 Đồ án kết thúc học phần:0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		biểu. - Sinh viên nắm vững quy trình, kỹ năng triển khai một tác phẩm báo chí khoa học, công nghệ và môi trường. * Thái độ: - Đánh giá, nhận xét được tác phẩm báo chí khoa học, công nghệ và môi trường - Nhận xét về một số xu hướng của tác phẩm báo chí khoa học, công nghệ và môi trường - Yêu thích mảng báo chí khoa học, công nghệ và môi trường. - Tự tin khi tham gia tác nghiệp trong lĩnh vực này.			
68	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin thể thao	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực thể thao. - Hiểu biết khái quát về đời sống thể thao hiện nay. - Hiểu biết khái quát về truyền thông chuyên biệt và các dạng bài viết về lĩnh vực thể thao. * Kỹ năng: - Các kỹ năng khai thác, xử lý thông tin về lĩnh vực thể thao. - Sinh viên nắm vững quy trình, kỹ năng triển khai một tác phẩm báo chí thuộc lĩnh vực thể thao. * Thái độ: - Đánh giá, nhận xét được tác phẩm báo chí thể thao nói riêng và văn hóa nói chung. - Yêu thích mảng báo chí chuyên biệt về thể thao.	02	HK7	Chuyên cần:0,1 Thuyết trình nhóm:0,1 Kiểm tra giữa học phần:0,2 Đồ án kết thúc học phần:0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Tự tin khi tham gia tác nghiệp trong lĩnh vực này. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển hiểu biết và kỹ năng đánh giá các vấn đề văn hóa thể thao. - Góp phần phát triển kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phỏng vấn, khai thác nguồn tin. - Rèn luyện tính kiên nhẫn, khả năng tương tác với các bên hữu quan liên quan đến quá trình tác nghiệp.			
69	Tiếng Anh chuyên ngành báo chí 1	Mục tiêu nhận thức: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ: * Về kiến thức: -Nắm được vốn ngữ liệu tiếng Anh thường được sử dụng trong các hoạt động tác nghiệp báo chí * Kỹ năng: - Có khả năng đọc, nghe, hiểu tin tức bằng tiếng Anh. - Có khả năng sử dụng tiếng Anh để thực hiện các cuộc phỏng vấn. - Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trôi chảy với phóng viên nước ngoài để thực hiện tác nghiệp và phối hợp tác nghiệp trong môi trường báo chí quốc tế. -Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương bằng B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu). * Thái độ: - Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh đối với tác nghiệp nhà báo. - Có tinh thần chủ động, tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao khả năng sử	02	HK4	Chuyên cần:0,1 Thuyết trình nhóm:0,1 Kiểm tra giữa học phần:0,2 Thi kết thúc học phần:0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		dụng tiếng Anh trong chuyên môn. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp. - Góp phần phát triển kỹ năng làm việc nhóm, làm việc trong môi trường quốc tế			
70	Tiếng Anh chuyên ngành báo chí 2	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức chung về ngữ pháp tiếng Anh dành cho ngành báo chí - Nắm được những kỹ năng cơ bản trong tác nghiệp báo chí - Nắm được những kỹ năng cơ bản trong tác nghiệp báo chí bằng tiếng Anh - Nắm được phong cách viết của báo chí qua các dùng các từ viết tắt, dấu câu, số, thời gian, tit... - Nắm được các thuật ngữ tiếng Anh cơ bản của ngành báo chí và một số từ viết tắt của các tổ chức, chức danh bằng tiếng Anh. * Về kỹ năng: - Có khả năng khai thác thông tin, phỏng vấn, viết bài bằng tiếng Anh - Biết vận dụng những kiến thức đã học để viết tin, bài theo đúng thể thức quy định trong tiếng Anh - Vận dụng được những kiến thức tiếng Anh trong báo chí để tác nghiệp sau khi tốt nghiệp. * Về thái độ: - Yêu thích môn học và thích tìm hiểu những vấn đề liên quan đến báo chí bằng tiếng Anh.	03	HK5	Chuyên cần:0,1 Thuyết trình nhóm:0,1 Kiểm tra giữa học phần:0,2 Thi kết thúc học phần:0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Nghiêm túc trong quá trình học tập. Mục tiêu khác: - Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tác nghiệp báo chí bằng tiếng Anh.			
71	Logic học đại cương		02	HK2	
72	Xã hội học đại cương	. Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có thể: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về Xã hội học, như: lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học, đối tượng chức năng của Xã hội học, chủ thể xã hội và các khái niệm, phạm trù cơ bản của Xã hội học, phương pháp nghiên cứu và một số lĩnh vực Xã hội học chuyên ngành. * Kỹ năng: - Người học có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các tiểu luận, các chuyên đề về Xã hội học đại cương; - Biết cách vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận Xã hội học vào việc nghiên cứu, lí giải các vấn đề trong đời sống xã hội; - Biết vận dụng một số phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu Xã hội học trong thực tiễn học tập, công tác và đời sống. * Thái độ: - Nhận thức được vị trí quan trọng của Xã hội học trong hệ thống tri thức cũng như vai trò của Xã hội học đối với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội;	02	HK2	Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Có thái độ cầu thị, khiêm tốn học hỏi, năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm và chủ động vận dụng những kiến thức lí luận Xã hội học để nhận thức, lí giải các vấn đề xã hội nảy sinh trong hoạt động thực tiễn, hoạt động chuyên môn; - Có thể nhận ra Xã hội học không hẳn là môn khoa học khó, khô khan mà thực chất rất gần gũi và thiết thực trong cuộc sống; - Hình thành đạo đức nghề nghiệp và niềm tin vào vai trò của khoa học, của Xã hội học trong việc cải tạo xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội đương đại, góp phần phát triển xã hội bền vững. Mục tiêu khác: - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi; - Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
73	Ngữ dụng học	Mục tiêu môn học: * Kiến thức Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học được trình bày trong học phần này: - Hiểu và nắm vững những kiến thức khái quát của ngữ dụng học như ba lĩnh vực của tín hiệu học, ngữ dụng học và sự phát triển của ngữ dụng học trên thế giới và ở Việt Nam, những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học. - Hiểu và nắm vững các kiến thức về chiếu vật với chỉ xuất như khái niệm chiếu vật, quan hệ giữa chiếu vật với sự đúng – sai của phát ngôn, quan hệ giữa nghĩa chiếu vật với nghĩa biểu vật, các phương thức chiếu vật, chỉ xuất không gian và thời gian.	02	HK5	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F

		- Hiểu và nắm vững các kiến thức về hành vi ngôn ngữ như khái niệm hành vi ngôn ngữ, ba loại hành vi ngôn ngữ, các hành vi ngôn ngữ tại lời trực tiếp và gián tiếp. - Hiểu và nắm vững những tri thức về lập luận như khái niệm lập luận, quan hệ giữa lập luận với miêu tả, thuyết phục và logic, thành phần của lập luận, tác tử và kết tử lập luận, lẽ thường của lập luận - Hiểu và nắm được các kiến thức về lí thuyết hội thoại như: vận động hội thoại, cấu trúc cuộc thoại, quy tắc hội thoại - Hiểu và nắm vững các kiến thức về nghĩa của diễn ngôn như tiền giả định và hàm ý, nghĩa hàm ẩn không tự nhiên. * Kỹ năng: - Có thể trình bày và hệ thống lại những kiến thức đã học về ngữ dụng học - Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập ngữ dụng học. - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng trong tiếng Việt. - Vận dụng các kiến thức đã học về ngữ dụng học để phân tích tác phẩm văn học * Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học tập môn Ngữ dụng học và các môn ngôn ngữ nói chung. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được giảng dạy, không lệ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo			

		viên			
74	Tiếp xúc văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam	Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên đạt được khả năng: * Về kiến thức: - Nêu được những khái niệm liên quan đến văn hóa và tiếp xúc văn hóa. - Nắm được quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam đã diễn ra như thế nào, trong những điều kiện ra sao. - Trình bày được kết quả của các cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam, đã khiến cấu trúc của nền văn hóa Việt Nam thay đổi như thế nào. - Vận dụng các kiến thức để giải bài toán giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời kì hội nhập và toàn cầu hóa. * Về kỹ năng: - Kỹ năng liên hệ, so sánh các nền văn hóa lớn với nhau. - Kỹ năng phân tích, đánh giá sự thay đổi diện mạo của văn hoá Việt Nam trên các phương diện thông qua tiếp xúc văn hoá Đông – Tây. - Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Về thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Tự hào về nền văn hóa dân tộc, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm đối với việc giữ gìn bờ cõi Việt Nam. - Tự tin, chủ động trong hội nhập và giao lưu quốc tế. Các mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần phát triển kỹ năng tư	02	HK3	Chuyên cần: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá			
75	Các vùng văn hóa Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tính đa dạng - một đặc trưng nổi trội của văn hóa Việt Nam, thông qua việc cung cấp kiến thức về các không gian văn hóa, văn hóa vùng. * Kỹ năng: - Biết vận dụng lí thuyết vùng văn hóa để nghiên cứu các không gian văn hóa. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào trong lĩnh vực quản lí (như hoạch định chiến lược bảo tồn và phát triển các vùng văn hóa), trong lĩnh vực du lịch (như xây dựng tuyến điểm du lịch, hướng dẫn viên du lịch). * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có tình yêu đối với từng vùng miền, văn hóa từng khu vực của Việt Nam. Mục tiêu khác: - Góp phần lưu giữ giá trị truyền thống văn hóa của từng vùng miền. - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo.	02	HK2	Chuyên cần:0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm:A, B, C, D, F
76	Ngữ pháp văn bản	Mục tiêu nhận thức: * Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ	02	HK3	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10%

		<i>bản về văn bản và ngữ pháp văn bản, cụ thể:</i> + <i>Nắm được khái niệm ngữ pháp văn bản và một số quan niệm về ngữ pháp văn bản.</i> + <i>Nắm được những đặc trưng cơ bản của văn bản và liên kết trong văn bản.</i> + <i>Nắm được hệ thống các đơn vị ngữ pháp văn bản, liên kết và kết cấu văn bản.</i> * Kỹ năng: <i>Trang bị cho người học kỹ năng phân tích các đơn vị ngữ pháp văn bản, phân tích văn bản và hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt.</i> * Thái độ: <i>Chủ động vận dụng các kiến thức đã học về ngữ pháp văn bản để thực hành phân tích văn bản và liên kết trong văn bản.</i> Các mục tiêu khác: - <i>Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm</i> - <i>Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi</i> - <i>Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá</i>			Bài tập lớn học kỳ: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
77	Ngôn ngữ học xã hội	Mục tiêu chung: Học xong môn này, sinh viên có được: * Về kiến thức: - Trình bày được lịch sử phát triển, mục đích, nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội. - Nắm được đối tượng, nhiệm vụ cùng những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học xã hội (biến, biến thể, cộng đồng ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, thái độ ngôn ngữ, mạng xã hội). - Hiểu và phân tích được những	02	HK7	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

	vấn đề đang đặt ra đối với ngôn ngữ học xã hội hiện đại và vận dụng vào tình hình ngôn ngữ học ở Việt Nam. - Trình bày các khái niệm đa ngữ, đa thể ngữ. - Phân tích nguyên nhân làm nảy sinh hiện tượng đa ngữ. - Xác định được mối quan hệ tương tác của các ngôn ngữ trong xã hội đa ngữ qua các hiện tượng: tiếp xúc, giao thoa, vay mượn, lai tạp ngôn ngữ. - Trình bày và phân biệt khái niệm phương ngữ và phương ngữ xã hội. - Phân tích những vấn đề nghiên cứu của phương ngữ học xã hội: ngôn ngữ và chính trị, ngôn ngữ và giới, ngôn ngữ và đô thị, ngôn ngữ và tôn giáo. - Nêu đặc điểm của một số phương ngữ xã hội đặc thù: tiếng lóng, mạng xã hội. - Nêu khái niệm chính sách ngôn ngữ và kế hoạch hóa ngôn ngữ. - Trình bày các chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam. - Phân tích được vai trò của ngôn ngữ đối với quốc gia và dân tộc và sự ảnh hưởng của việc đề ra các chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa ngữ. - Phân tích được mối quan hệ giữa hiện tượng duy trì hoặc chuyển đổi ngôn ngữ với các thể chế sử dụng ngôn ngữ ấy. - Trình bày tính lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau của các nhà ngôn ngữ học về những vấn đề của ngôn ngữ học xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học để có thể hình thành những hiểu biết có hệ thống về các hiện tượng ngôn ngữ:			

		đa ngữ, đa thể ngữ, phương ngữ xã hội. - Rèn luyện kĩ năng đọc, phân tích và tổng hợp một số tài liệu cơ bản về ngôn ngữ học xã hội. - Biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày quan điểm về một vấn đề về ngôn ngữ học xã hội. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhạy bén và có ý thức chính trị đối với vấn đề ngôn ngữ. - Coi trọng mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lí tình huống. - Góp phần phát triển kĩ năng cộng tác, kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. - Góp phần phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo.			
78	Tu từ học tiếng Việt	Mục tiêu chung: Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ thu hoạch được: * Về kiến thức: - <i>Nắm được các phương tiện tu từ tiếng Việt thuộc bình diện từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, văn bản, ngữ âm. Nhận diện được các phương tiện tu từ này trong văn bản.</i> - <i>Nắm được cách biện pháp tu từ tiếng Việt thuộc các bình diện từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản, ngữ âm. Nhận diện được các biện pháp tu từ này trong văn bản.</i>	02	HK4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		* Kỹ năng: - Có thể trình bày hệ thống kiến thức đó một cách tường minh, thuyết phục từ lí thuyết đến ví dụ minh họa - Vận dụng các kiến thức đã học để chỉ ra các phương thức tu từ trong văn bản, phân tích được giá trị tu từ của chúng trong diễn ngôn báo chí. * Thái độ: - Lĩnh hội được năng lực biểu đạt của tiếng Việt từ đó trân trọng tiếng nói của dân tộc - Bằng sự hiểu biết sâu sắc về tu từ học, sinh viên yêu thêm nghề nghiệp của mình - Có thái độ chủ động khi viết và phân tích các loại diễn ngôn báo chí. Các mục tiêu khác: - Có khả năng làm việc nhóm - Có năng lực phân tích một đơn vị ngôn ngữ - Góp phần nâng cao tư duy logic			
79	Ngôn ngữ và văn hóa	Mục tiêu nhận thức: • Kiến thức - Hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, thấy được ngôn ngữ là tín hiệu của văn hóa, là thành tố cơ bản của văn hóa, thấy được ảnh hưởng qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. - Nắm được các phương diện biểu thị văn hóa của ngôn ngữ, ý nghĩa biểu trưng văn hóa của từ, cơ chế ngôn ngữ của biểu tượng, các phương diện ý nghĩa của từ. - Nắm được bản chất văn hóa của ngôn ngữ trên phương diện phân cắt thực tại, cách gọi tên sự vật và hiện tượng. Hiểu biết về các đơn vị ngôn ngữ biểu thị văn hóa, đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ qua cơ cấu nghĩa của từ, các loại nghĩa của từ.	02	HK6	Bài tập cá nhân hoặc nhóm tuần: 10% Bài tập lớn học kỳ: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

		- Nắm được đặc trưng văn hóa dân tộc qua ngôn ngữ giao tiếp và ứng xử, thấy được biểu hiện văn hóa qua các diễn ngôn. • Kĩ năng - Nhận biết những giá trị văn hóa của các tín hiệu ngôn ngữ. - Biết vận dụng phương pháp nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ để nghiên cứu đặc trưng văn hóa của các cấu trúc ngôn ngữ và các diễn ngôn. • Thái độ - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị văn hóa của ngôn ngữ. - Tự hào, yêu quý những giá trị văn hóa của ngôn ngữ dân tộc. Mục tiêu khác: - Sinh viên thấy được Ngôn ngữ và văn hóa là một môn học cần thiết, quan trọng cho việc nghiên cứu các yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp và ngôn ngữ văn học. - Sinh viên thấy được những giá trị và sự đóng góp của ngôn ngữ vào việc phản ánh và lưu giữ văn hóa dân tộc.			

***Ngành CN Báo chí chất lượng cao**

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Về kiến thức: - Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nền văn hóa Việt Nam. - Trình bày sự phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nêu được những bình	2	1	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học

		diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam. - Phân tích, nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người. Nắm được những giải pháp phân vùng văn hóa của các nhà nghiên cứu trước đây và hiện hành. - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. Cụ thể: + Hiểu được khái niệm văn hóa và văn hóa học; nắm được các đối tượng và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học. + Hiểu được các đặc trưng văn hóa thông qua từng thành tố văn hóa: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa tổ chức xã hội... + Nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền sử, sơ sử đến nay. + Nắm được các tiêu chí phân vùng văn hóa, lý giải được cách chia theo hiện tại và tiếp tục nghiên cứu, khám phá cách chia hợp lý hơn. * Kỹ năng: - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển.		phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		* Thái độ: - Yêu thích môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai.			
2	Dẫn luận ngôn ngữ học	* Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học được trình bày trong học phần này. Cụ thể: + Hiểu và nắm vững những kiến thức tổng quan về ngôn ngữ học như bản chất xã hội và bản chất tín hiệu của ngôn ngữ, chức năng của ngôn ngữ, ngôn ngữ là hệ thống – cấu trúc. Hiểu được các khái niệm: ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học cụ thể, ngôn ngữ học lịch đại, ngôn ngữ học đồng đại, ngôn ngữ và lời nói + Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về ngữ âm: âm tiết, âm tố, âm vị, các đơn vị ngữ âm siêu đoạn tính như	2	1	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

trọng âm, thanh điệu ngữ điệu, các hiện tượng biến âm.

+Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về từ vựng: từ vựng và từ vựng học, nghĩa của từ, các thành phần nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa, phương thức chuyển nghĩa, các quan hệ về nghĩa trong từ vựng, sự biến đổi của từ vựng.

+Hiểu và nắm vững các kiến thức chung về ngữ pháp: ngữ pháp và ngữ pháp học, cấu tạo từ, những khái niệm ngữ pháp cơ bản như nghĩa ngữ pháp, phương thức ngữ pháp, hình thái ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp...

+ Hiểu và nắm được các cách phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và phân loại ngôn ngữ theo loại hình.

*** Kỹ năng:**

- Biết cách đọc các tài liệu ngôn ngữ học, biết trình bày lại vấn đề ngôn ngữ học và học cách nhận xét thảo luận.

- Làm quen với những cách nhìn nhận khác nhau của các nhà ngôn ngữ học khi đề cập một hiện tượng ngôn ngữ.

- Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập

		dẫn luận ngôn ngữ học. - Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một vài hiện tượng trong tiếng Việt. * Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học tập môn Dẫn luận ngôn ngữ học và các môn ngôn ngữ nói chung. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập Dẫn luận ngôn ngữ học - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được giảng dạy, không lệ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo viên			
3	Đại cương mỹ học	* Về kiến thức Nắm được những kiến thức cơ bản về mỹ học, bao gồm những hiểu biết về quan hệ thẩm mỹ và những quy luật của đời sống thẩm mỹ. * Kỹ năng Cảm nhận, phân tích, đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ trong đời sống và trong	2	1	Trọng số: Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		nghệ thuật. * Thái độ - Trân trọng và đề cao vai trò của nghệ thuật trong đời sống thẩm mỹ. - Bồi đắp tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ ngày càng cao đẹp hơn cho bản thân và mọi người. - Chủ động tìm hiểu mở rộng các tác phẩm, các vấn đề có liên quan. - Tích cực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo định hướng nghề nghiệp giảng dạy, nghiên cứu văn học trong tương lai.			Cộng 10,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
4	Lịch sử văn học Việt Nam	* Kiến thức: - Có được sự hiểu biết đầy đủ về văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học hiện đại. - Nhận diện được quá trình phát triển, những đặc điểm cơ bản của văn học, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỗi thời kỳ văn học. Có được kiến thức hệ thống, toàn diện về tiến trình phát triển của thơ Việt Nam hiện đại với cái nhìn mới, có tính cập nhật về	3	1	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		lĩnh vực này. * <i>Kĩ năng:</i> - Nhận diện được các đặc điểm, các quy luật của tiến trình văn học Việt Nam. - Phân tích, đánh giá được tác phẩm, các hiện tượng văn học cũng như sự nghiệp, phong cách của các tác giả văn chương Việt Nam. - Vận dụng kiến thức để có thể tự mình nghiên cứu đặc điểm, giá trị, sự vận động và phát triển của văn học Việt Nam. - Khả năng thuyết trình và làm việc nhóm.			
5	Đại cương văn học nước ngoài	- Cung cấp kiến thức khái quát về văn học thế giới trải qua các thời kỳ cổ đại – trung đại – cận hiện đại. - Nắm được một số thành tựu văn học tiêu biểu của văn học thế giới. - Biết vận dụng những hiểu biết về môn học để nghiên cứu một số hiện tượng văn học cụ thể của các nền văn học nước ngoài.	2	1	Bài tập nhóm: Lập đề cương, hoàn thiện bài thuyết trình (ở nhà) và trình bày (tại lớp) về một chủ đề trong môn học: Trọng số: 0,2; Bài kiểm tra giữa kì: Làm bài tại lớp trong thời gian 45 phút: Trọng số: 0,2; Bài thi kết thúc: Làm bài tại lớp trong thời gian 90 phút: Trọng số: 0,6. Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

6	Lý thuyết truyền thông	* Về kiến thức: - Nắm được những định nghĩa về truyền thông; - Nắm được các yếu tố cơ bản trong quá trình truyền thông; - Nắm được các loại hình truyền thông và các mô hình truyền truyền thông; - Nắm được một số lý thuyết truyền thông; * Về kỹ năng: - Biết cách vận dụng những kiến thức đã học vào công việc và cuộc sống hàng ngày; - Vận dụng những kỹ năng truyền thông cơ bản để làm tốt công việc truyền thông trong tương lai; * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có ý thức tự rèn luyện những kỹ năng truyền thông trong học tập, công việc cũng như cuộc sống.	2	1	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
7	Cơ sở lý luận báo chí	* Về kiến thức: - Lĩnh hội được hệ thống kiến thức cơ bản của lí luận báo chí, như: khái niệm, đặc điểm báo chí, bản chất hoạt động báo chí, chức năng của báo chí, nguyên tắc hoạt động của báo	3	1	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		chí, chủ thể hoạt động của báo chí, công chúng báo chí,... * Kỹ năng: -Kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các tiểu luận, các chuyên đề về lí luận báo chí – truyền thông. - Biết cách vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận khác nhau vào việc nghiên cứu, lí giải các vấn đề của lí luận và thực tiễn báo chí đương đại. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Xác lập quan điểm, nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội của nhà báo và nghề báo trong tương lai.			Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
8	Tiếng Anh A2.1	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	3	1	Giáo viên chú trọng cho sinh viên thực hành nhiều, không chỉ dạy kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng) mà phải tập trung phát triển cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Các kỹ năng trên cần được kết hợp phát triển theo đường hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching). Điều này thực sự cần thiết trong quá trình sử dụng bộ

					giáo trình đề nghị và hoàn toàn phù hợp với những yêu cầu thực tế hiện nay. Giáo viên thiết kế nhiều hoạt động (nhóm, thuyết trình, đóng vai trong tình huống, ...) nhằm phát huy tính tự chủ (autonomy) và phương pháp học tập tích cực (active learning) để giúp sinh viên đạt được kết quả tốt nhất.
9	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.	2	2	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
10	Tin học đại cương	* Kiến thức: - Kiến thức cơ bản về các khái niệm tin học và máy tính điện tử. - Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows. - Kiến thức về tin học văn phòng: Microsoft Word,	2	2	Trọng số: Kiểm tra giữa học phần: 0,4 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 10,0 Tính theo thang

PowerPoint.

- Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức:

- Microsoft Excel
- Soạn thảo và chuyển đổi định dạng nội dung đa phương tiện
- Bản đồ tư duy

*** Kỹ năng:**

- Lựa chọn máy tính phù hợp với yêu cầu và mục đích sử dụng.

- Làm việc với tệp tin, thư mục, ổ đĩa; tổ chức, tìm kiếm dữ liệu trên máy tính và trên Internet.

- Soạn thảo, định dạng, trình bày trang trí và in ấn văn bản phục vụ cho học tập và các hoạt động khác.

- Cách tổ chức văn bản của tệp tin trình diễn, các hiệu ứng các đối tượng và các slide trong bài thuyết trình.

- Giảng viên phụ trách và sinh viên có thể lựa chọn khối kiến thức để hình thành kỹ năng:

- Thao tác dữ liệu với Microsoft Excel

điểm: A, B, C, D, F

		▪ Kỹ năng về cắt, ghép và chuyển đổi định dạng dữ liệu đa phương tiện ▪ Kỹ năng tạo thuyết trình điện tử với sự trợ giúp của phần mềm chuyên nghiệp ▪ Kỹ năng sử dụng bản đồ tư duy vào học tập * Thái độ: - Yêu thích môn học. - Có nhu cầu tìm kiếm, khai thác thông tin để phục vụ chuyên ngành học của mình.			
11	Văn học và báo chí	* Về kiến thức: - Tạo dựng cho người học bức tranh sinh động về mối quan hệ văn học - báo chí trên một số phương diện cơ bản, từ đó quán triệt sâu sắc về những tương đồng và khác biệt giữa văn học và báo chí để vận dụng vào thực tiễn sáng tạo tác phẩm báo chí (hoặc văn học) đáp ứng yêu cầu đặc trưng của mỗi loại hình cũng như nguyên tắc của sự cộng hưởng giữa chúng. - Giúp người học tìm ra những bài học bổ ích qua thực tiễn khảo tả và lí giải về việc vận dụng chất liệu cùng các thủ pháp văn học trong sáng tạo tác	2	2	Trọng số: Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 10,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		phẩm báo chí (hoặc văn học) của một số tác gia văn học, báo chí tiêu biểu. - Nâng cao cho sinh viên năng lực hoạt động và sáng tạo tác phẩm báo chí trong những điều kiện cần thiết và có thể khai thác các phẩm chất văn học như những phương tiện hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả phản ánh và hiệu ứng tác động của tác phẩm báo chí truyền thông. * Kỹ năng: - Vận dụng linh hoạt và sáng tạo những khái niệm đã học để nhận diện, phân tích, đánh giá và lí giải các hiện tượng văn học - báo chí cụ thể. * Thái độ: - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho công việc viết báo, nghiên cứu báo chí sau này; - Tích cực thực hành, làm quen với những đặc trưng thể loại ký để có cái nhìn toàn diện về các loại thể tương cận và có cái nhìn chân xác về loại hình này trong cả lĩnh vực báo chí và văn học.			
12	Lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam	* Về kiến thức: Người học hiểu được	4	2	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập

	tiến trình phát triển của lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam qua những sự kiện nổi bật, điểm mốc, giai đoạn chính. Người học hiểu được: lịch sử phát triển các nền báo chí, hằng thông tấn tiêu biểu trên thế giới; các nhà báo, tờ báo nổi tiếng ở Việt Nam. Người học hiểu và phân tích được những vấn đề có tính quy luật của báo chí thế giới; những đặc điểm đa dạng của báo chí thế giới vừa có tính quốc tế vừa có tính quốc gia; vừa có tính phát triển, vừa có tính ổn định; vừa chịu sự tác động của chính trị, vừa bị kinh tế chi phối,... Người học vận dụng được các quan điểm, cách tiếp lịch sử mang tính biện chứng vào việc nghiên cứu, lý giải các vấn đề báo chí ở thế giới và Việt Nam hiện nay. Người học lĩnh hội được những bài học kinh nghiệm mang tính lịch sử của báo chí thế giới và Việt Nam. Người học đánh giá đúng vai trò của báo chí thế giới và Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. * Kỹ năng: - Có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài liệu	cá nhân giữa kì 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 10,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		phục vụ cho việc nghiên cứu các tiểu luận, các chuyên đề về lịch sử báo chí thế giới và Việt Nam. - Biết đánh giá, phân tích những vấn đề có tính quy luật như điều kiện ra đời, phát triển và những xu hướng, xu thế phát triển của báo chí thế giới và Việt Nam. - Biết cách vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận lịch sử vào việc nghiên cứu, lí giải các vấn đề của báo chí thế giới và báo chí Việt Nam đương đại. - Có thêm các kỹ năng sống từ các bài học lịch sử. * Thái độ: - Người học tôn trọng/ Yêu quý nghề báo và người làm báo. - Người học nhận thức được sứ mệnh và bước tiến của báo chí trong tiến trình lịch sử thế giới và dân tộc mình, từ đó có ý thức trang bị và hoàn thiện tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, tư cách đạo đức ...			
13	Tác phẩm báo chí	. Kiến thức: - Trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về tác phẩm báo chí bao gồm: khái niệm, chức năng của tác phẩm báo chí, các dấu hiệu nhận diện	2	2	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

	một tác phẩm báo chí có giá trị. - Sinh viên nắm được đặc điểm của các yếu tố nội dung và hình thức cấu thành tác phẩm báo chí như: đề tài, chi tiết, chính kiến của người viết, tit, lời dẫn, kết cấu, ngôn ngữ, cú pháp. - Sinh viên nhận diện được hệ thống loại thể tác phẩm báo chí, đặc điểm mỗi loại thể và đặc điểm mỗi thể loại. Kỹ năng: - Thông qua những kiến thức lý thuyết về tác phẩm báo chí, sinh viên có thể nhận diện được tác phẩm báo chí và thể loại của các tác phẩm báo chí. - Biết vận dụng kiến thức lý thuyết trong hoạt động sáng tạo tác phẩm báo chí cụ thể. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.		Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

Ngôn ngữ báo chí*** Về kiến thức:**

- Nắm vững những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ báo chí. Hiểu biết về các phong cách chức năng ngôn ngữ

- Hiểu biết về các lớp từ ngữ thường được sử dụng trong ngôn ngữ báo chí

- Hiểu biết về các văn bản báo chí, cách kết cấu bài báo trong báo chí hiện đại

- Hiểu biết về ngôn ngữ phát thanh, truyền hình và ngôn ngữ phi văn tự trên báo chí

*** Kỹ năng:**

- Nắm vững cách dùng ngôn ngữ trong các loại hình báo chí

- Biết vận dụng các phong cách chức năng trong một bài báo

- Bước đầu biết cách sử dụng các lớp từ có tính đặc thù của ngôn ngữ báo chí

- Biết cách đặt các loại tit và viết sapo, win một cách ngắn gọn và hấp dẫn

- Biết cách kết cấu bài báo phù hợp với đề tài

*** Thái độ:**

- Nghiêm túc trong học tập

- Có ý thức trong các bài tập thực hành để nâng cao kỹ năng

2

2

Trọng số:

Chuyên cần: 0,1

Bài tập cá nhân: 0,1

Kiểm tra giữa học phần:

0,2

Thi kết thúc học phần 0,6

Cộng 1,0

Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		tác nghiệp.			
15	Tiếng Việt thực hành	* Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức về chính tả tiếng Việt: nguyên tắc chính tả tiếng Việt, quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt (viết các âm, viết hoa, viết tắt) và các mẹo viết đúng chính tả. - Có được những hiểu biết khái quát về từ, từ tiếng Việt và những yêu cầu chung về việc dùng từ. - Có được các hiểu biết khái quát về câu trong tiếng Việt (cấu tạo, phân loại) và nắm được những yêu cầu chung của việc đặt câu. - Nắm được những kiến thức cơ bản về đoạn văn, những yêu cầu chung của việc viết đoạn văn trong văn bản, phân biệt được các kiểu cấu trúc đoạn văn. - Xác định được các nhân tố giao tiếp của một văn bản, nắm được yêu cầu chung của một đề cương và biết cách triển khai đề cương thành văn bản. - Nắm được đặc điểm ngôn ngữ của văn bản hành chính và cấu trúc của một số loại văn bản hành chính thông	2	2	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		dụng (đơn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo). * <i>Kĩ năng:</i> -Nhận biết và chữa được các lỗi thường gặp về chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, xây dựng văn bản. - Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết. - Vận dụng kiến thức để đặt câu và viết đoạn văn diễn đạt đúng mục đích nói/viết. - Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập một số văn bản (chủ yếu là văn bản hành chính công vụ). * <i>Thái độ:</i> - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực. - Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Tự tin trong giao tiếp tiếng Việt.			
16	Báo chí và dư luận xã hội	* <i>Về kiến thức:</i> - Nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về dư luận xã hội (<i>khái niệm, cấu trúc, quá trình hình thành và phát triển, chức năng của dư luận xã hội</i>)	2	2	<i>Trọng số:</i> Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2

		- Nắm được cơ chế tác động của báo chí vào dư luận xã hội - Hiểu được mối quan hệ giữa nhà báo và dư luận xã hội * Kỹ năng: -Được rèn luyện kỹ năng phân tích thông điệp một cách có ý thức. - Phương pháp xử lý các vấn đề liên quan đến dư luận xã hội. * Thái độ: - Trau dồi thói quen đọc, nghe, xem và phân tích các vấn đề xã hội - Có ý thức trong việc ứng xử với “đối tác” của mình là dư luận xã hội 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện. - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá. - Phát triển năng lực thu thập, tổng hợp thông tin			Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
17	Tiếng Anh A2.2	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	3	2	Giáo viên chú trọng cho sinh viên thực hành nhiều, không chỉ dạy kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng) mà phải tập trung phát triển cả bốn kỹ năng nghe,

					nói, đọc, viết. Các kỹ năng trên cần được kết hợp phát triển theo đường hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching). Điều này thực sự cần thiết trong quá trình sử dụng bộ giáo trình đề nghị và hoàn toàn phù hợp với những yêu cầu thực tế hiện nay. Giáo viên thiết kế nhiều hoạt động (nhóm, thuyết trình, đóng vai trong tình huống, ...) nhằm phát huy tính tự chủ (autonomy) và phương pháp học tập tích cực (active learning) để giúp sinh viên đạt được kết quả tốt nhất.
18	Logic học đại cương		2	2	
19	Báo chí và chính trị	* Về kiến thức: - Nắm được hệ thống báo chí Việt Nam hiện nay và mối quan hệ giữa báo chí và chính trị; - Nhận thức được những quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về báo chí; - Nắm được vai trò của báo chí đối với đời sống chính trị hiện nay; - Nắm được một số vấn đề chính trị được quan tâm hiện nay (ở Việt Nam và trên thế	3	2	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		giới); * Về kĩ năng: - Vận dụng được những kiến thức đã học trong quá trình khai thác tin, bài về các vấn đề chính trị ở Việt Nam và trên thế giới; - Biết chọn cách đưa tin, bài về các vấn đề chính trị phù hợp với quan điểm lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và phù hợp với văn hóa truyền thống Việt Nam. * Về thái độ: - Sinh viên yêu thích môn học, đặc biệt là có hứng thú tìm hiểu các sự kiện chính trị trong nước và quốc tế diễn ra hàng ngày; - Có ý thức điều chỉnh hành vi đạo đức trong hoạt động báo chí;			
20	<i>Xã hội học đại cương</i>	* Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về Xã hội học, như: lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học, đối tượng chức năng của Xã hội học, chủ thể xã hội và các khái niệm, phạm trù cơ bản của Xã hội học, phương pháp nghiên cứu và một số lĩnh vực Xã hội học chuyên ngành. * Kỹ năng: - Người học có kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài liệu phục vụ cho việc nghiên	2	2	Trọng số: Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 10,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

cứu các tiểu luận, các chuyên đề về Xã hội học đại cương;

- Biết cách vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận Xã hội học vào việc nghiên cứu, lí giải các vấn đề trong đời sống xã hội;

- Biết vận dụng một số phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu Xã hội học trong thực tiễn học tập, công tác và đời sống.

*** Thái độ:**

- Nhận thức được vị trí quan trọng của Xã hội học trong hệ thống tri thức cũng như vai trò của Xã hội học đối với sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội;

- Có thái độ cầu thị, khiêm tốn học hỏi, năng động sáng tạo, dám nghĩ dám làm và chủ động vận dụng những kiến thức lí luận Xã hội học để nhận thức, lí giải các vấn đề xã hội nảy sinh trong hoạt động thực tiễn, hoạt động chuyên môn;

- Có thể nhận ra Xã hội học không hẳn là môn khoa học khó, khô khan mà thực chất rất gần gũi và thiết thực trong cuộc sống;

- Hình thành đạo đức nghề nghiệp và niềm tin vào vai trò của khoa học, của Xã hội

		học trong việc cải tạo xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội đương đại, góp phần phát triển xã hội bền vững.			
21	Các vùng văn hóa Việt Nam	* Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tính đa dạng - một đặc trưng nổi trội của văn hóa Việt Nam, thông qua việc cung cấp kiến thức về các không gian văn hóa, văn hóa vùng. * Kỹ năng: - Biết vận dụng lí thuyết vùng văn hóa để nghiên cứu các không gian văn hóa. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào trong lĩnh vực quản lí (như hoạch định chiến lược bảo tồn và phát triển các vùng văn hóa), trong lĩnh vực du lịch (như xây dựng tuyến điểm du lịch, hướng dẫn viên du lịch). * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có tình yêu đối với từng vùng miền, văn hóa từng khu vực của Việt Nam.	2	2	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
22	Giáo dục quốc phòng		(4t)	2	
23	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung các học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường	3	3	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm

		lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các lĩnh vực chuyên môn khác trong chuyên ngành đào tạo.			tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
24	Pháp luật đại cương	- Giải thích đúng về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử. - Phân tích đúng nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng trong xã hội; phân biệt các kiểu và hình thức Pháp luật. - Nắm vững hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa và bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nắm vững các vấn đề cơ bản về khoa học pháp lý như: quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và	2	3	- Thảo luận và bài tập: Tỷ lệ: 10% ; - Kiểm tra giữa kỳ: Tỷ lệ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%

		trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật; hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. - Trình bày đúng một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự Việt Nam. •Về kỹ năng: - Tập hợp, khai thác những thông tin pháp lý từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ công việc; hình thành kỹ năng đánh giá, phân tích và giải thích những hiện tượng pháp lý. - Vận dụng những tri thức pháp lý liên quan đến một số chế định trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết những tình huống pháp luật thông thường trong đời sống xã hội và thực thi pháp luật trong cuộc sống. •Về thái độ: Tin tưởng vào nhà nước và pháp luật Việt Nam; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật; tích cực tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.			
25	Kỹ văn học - ký báo chí	* Kiến thức:	2	3	Trọng số:

		- Phân tích sự vận động của ký trong tiến trình báo chí và văn học Việt Nam; - So sánh ký báo chí và ký văn học từ đặc trưng thể loại; qua đó xác định những nét tương đồng và khác biệt giữa 2 thể loại này. * Kỹ năng: - Biết cách vận dụng kiến thức lí luận để tìm hiểu tác phẩm ký; - Bước đầu hình thành kỹ năng viết tác phẩm ký báo chí, ký văn học. * Thái độ: - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho công việc viết báo, nghiên cứu báo chí sau này; - Tích cực thực hành, làm quen với những đặc trưng thể loại ký để có cái nhìn toàn diện về các loại thể tương cận và có cái nhìn chân xác về loại hình này trong cả lĩnh vực báo chí và văn học.			Thực hành, thảo luận: 0,2 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng: 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
26	Nhập môn báo in	* Về kiến thức: - Nhớ, hiểu khái niệm báo in, các loại báo in. Nắm được đặc điểm, lịch sử phát triển của báo in, vai trò, vị trí của báo in trong hệ thống các	2	3	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học

		phương tiện truyền thông đại chúng. - Nắm được các khái niệm về một số chức danh trong tòa soạn báo in; những công tác tiêu biểu trong tòa soạn báo in; cơ cấu tổ chức tòa soạn báo in và quy trình hoạt động của tòa soạn báo in. - Nắm được khái niệm và đặc điểm của một số thể loại báo chí tiêu biểu trên báo in; quy trình sáng tạo tác phẩm báo in; những xu hướng phát triển của báo in hiện đại; * Kỹ năng: - Nhận diện các thể loại tác phẩm báo chí trên báo in. - Kỹ năng thực hiện một số tác phẩm báo chí cơ bản của báo in. - Thiết kế, trình bày bài báo và trang báo * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được Báo in là một loại hình báo chí nền tảng, quan trọng trong hệ thống các loại hình báo chí.			phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
27	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành (báo chí)	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	3	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần:

		- Nắm được các kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học báo chí -Nắm được những kiến thức cơ bản về cách thức trình bày kết quả nghiên cứu khoa học * Kỹ năng: -Kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu - Kỹ năng vận dụng những phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực báo chí-truyền thông -Kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu -Kỹ năng vận dụng ICT trong nghiên cứu khoa học * Thái độ: - Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của NCKH đối với cá nhân và xã hội - Có ý thức vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào hoạt động học tập -Có ý thức tích cực, chủ động thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học vừa sức như khóa luận, nghiên cứu khoa học sinh viên			0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
28	Sử dụng phương tiện kỹ thuật hỗ trợ kỹ năng báo chí	* Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức tổng quát về thiết bị cơ bản	2	3	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1

		trong nghiệp vụ báo chí. - Có được những hiểu biết khái quát về máy quay phim (camcorder), máy ảnh, thiết bị trộn phim, thiết bị trộn âm. - Có được các hiểu biết về việc kết nối các thiết bị ghi âm, ghi hình: micro hiện trường, kết nối máy quay phim với máy tính... - Sử dụng được một số phần mềm chỉnh sửa âm thanh, dựng phim. * Kỹ năng: - Sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của các thiết bị: máy quay phim, máy ảnh, máy ghi âm, bộ trộn âm, bộ trộn hình. - Sử dụng được phần mềm cắt ghép âm thanh, dựng phim. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Năng động, tự tin trong học tập cũng như khi tác nghiệp trong môi trường báo chí thực tế.			Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
29	Viết tin và bài phản ánh	* Về kiến thức: - Hiểu được các kiến thức cơ bản về thể loại tin như: khái niệm, đặc điểm, các dạng tin,...	3	3	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kì 0,3

		Hiểu được các yếu tố tạo nên giá trị tin tức, chỉ ra được những tiêu chí chọn lọc tin tức. Biết được các loại nguồn tin. Đánh giá được tầm quan trọng của nguồn tin. Nhận diện được các dạng tin; các dạng bài phản ánh. * <i>Kĩ năng:</i> - Kĩ năng thu thập, khai thác và xử lí thông tin. - Vẽ lại được các kiểu cấu trúc tin. - Viết được các kiểu tít và mào đầu cho tin và bài phản ánh. - Viết được một số tác phẩm tin, bài phản ánh hoàn chỉnh theo các dạng và mô hình cấu trúc khác nhau. - Kĩ năng thực hiện được các tác phẩm tin theo các dạng tin khác nhau. - Kĩ năng thực hiện các tác phẩm tin cho các loại hình báo chí khác nhau. - Kĩ năng viết các dạng bài phản ánh. * <i>Thái độ:</i> - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được tin tức là một thể loại cơ bản, quan		Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 10,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		trọng nhất trong các thể loại tác phẩm báo chí.			
30	Báo chí và thông tin đối ngoại	* Về kiến thức: - Nắm được đặc điểm của báo chí dưới góc nhìn của hoạt động thông tin đối ngoại - Nắm được chủ thể, đối tượng của hoạt động thông tin đối ngoại - Nắm được những quy định về quản lý thông tin đối ngoại trong hoạt động báo chí - Hiểu được quan điểm ngoại giao, lợi ích quốc gia và định hướng thông tin trên báo chí Việt Nam về những vấn đề thời sự trong khu vực và quốc tế. * Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng phân tích thông điệp một cách có ý thức. - Kỹ năng tìm kiếm thông tin và tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận báo chí – truyền thông. - Sử dụng được những kỹ thuật viết, biên tập, dịch tin bài cho mảng tin tức đối ngoại. * Thái độ: - Trau dồi thói quen đọc, nghe, xem và phân tích thông tin thời sự trong nước và quốc	2	3	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		tế. - Chủ động tìm kiếm tư liệu, kiến thức thực tiễn để nâng cao khả năng thực hành nghề trên cơ sở biết cân nhắc các lợi ích trước khi đưa tin. - Yêu thích môn học, ngành học.			
31	Tiếng Anh tăng cường 1		3	3	
	Học phần tự chọn:				
32	<i>Xã hội học truyền thông đại chúng</i>	* Về kiến thức: - Có kiến thức về lịch sử phát triển và thành tựu của ngành xã hội học về truyền thông đại chúng. - Hiểu được cách nhìn, cách đánh giá của giới xã hội học đối với hoạt động truyền đại chúng. - Nhận định về tầm ảnh hưởng của hoạt động truyền thông đại chúng đối với các nhân và xã hội cũng như sự tác động của các thiết chế xã hội lên hoạt động truyền thông đại chúng. * Về kỹ năng: - Phân tích, lý giải, bình luận được các sự kiện – hiện tượng báo chí truyền thông dựa trên kiến thức và hiểu biết được cung cấp. - Sử dụng chính xác các khái niệm trong lĩnh vực xã hội học về truyền thông đại chúng. * Về thái độ:	2	3	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Nhận thức được vai trò của người hoạt động trong lĩnh vực truyền thông đại chúng, từ đó có ý thức trang bị và hoàn thiện tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, tư cách đạo đức...			
33	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	Về kiến thức: - Nêu được những khái niệm liên quan đến văn hóa và tiếp xúc văn hóa. - Nắm được quá trình tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam đã diễn ra như thế nào, trong những điều kiện ra sao. - Trình bày được kết quả của các cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây ở Việt Nam, đã khiến cấu trúc của nền văn hóa Việt Nam thay đổi như thế nào. - Vận dụng các kiến thức để giải bài toán giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời kì hội nhập và toàn cầu hóa. * Về kỹ năng: - Kỹ năng liên hệ, so sánh các nền văn hóa lớn với nhau. - Kỹ năng phân tích, đánh giá sự thay đổi diện mạo của văn hoá Việt Nam trên các phương diện thông qua tiếp xúc văn hoá Đông – Tây.	2	3	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. * Về thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Tự hào về nền văn hóa dân tộc, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm đối với việc giữ gìn bờ cõi Việt Nam. - Tự tin, chủ động trong hội nhập và giao lưu quốc tế.			
34	Ngữ pháp văn bản	* Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn bản và ngữ pháp văn bản, cụ thể: + Nắm được khái niệm ngữ pháp văn bản và một số quan niệm về ngữ pháp văn bản. + Nắm được những đặc trưng cơ bản của văn bản và liên kết trong văn bản. + Nắm được hệ thống các đơn vị ngữ pháp văn bản, liên kết và kết cấu văn bản. * Kỹ năng: Trang bị cho người học kỹ năng phân tích các đơn vị ngữ pháp văn bản, phân tích văn bản và hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. * Thái độ:	2	3	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		<i>Chủ động vận dụng các kiến thức đã học về ngữ pháp văn bản để thực hành phân tích văn bản và liên kết trong văn bản.</i>			
35	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh. - Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	4	- Thảo luận, bài tập: trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
36	Pháp luật và đạo đức báo chí	* Về kiến thức: - Nắm được các khái niệm cơ bản về pháp luật trong lĩnh vực báo chí và quá trình phát triển của pháp luật báo chí ở Việt Nam từ 1945 đến nay. - Nắm được đặc điểm, vai trò của pháp luật báo chí và những nội dung của quản lý nhà nước về báo chí. - Nắm được những nội dung cơ bản của Luật báo chí về: cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí, nhà báo, những điều không được thông tin trên báo chí, nghĩa vụ cải chính, quy định xử phạt....	3	4	Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

- Nắm được một số vấn đề về quản lý Nhà nước và thực hiện pháp luật báo chí ở nước ta hiện nay.

- Nắm được một số vấn đề về đạo đức nghề nghiệp nhà báo hiện nay.

- Nắm được những quy định về đạo đức nghề nghiệp nhà báo

- Nắm được các mối quan hệ nền tảng của đạo đức nhà báo Việt Nam

- Nắm được quy định pháp luật và đạo đức nghề nghiệp nhà báo của một số nước trên thế giới.

*** Về kỹ năng:**

- Vận dụng những kiến thức pháp luật và đạo đức đã học vào quá trình tác nghiệp báo chí, làm công tác chuyên môn hay công tác quản lý Nhà nước về báo chí.

- Đánh giá được những ưu điểm trong quá trình đổi mới của Luật báo chí Việt Nam qua các giai đoạn.

*** Về thái độ:**

- Sinh viên yêu thích môn học, đặc biệt là có hứng thú tìm hiểu các sự kiện báo chí diễn ra hàng ngày cũng như phân tích, đánh giá các sự kiện này dưới góc độ pháp luật và

		đạo báo chí. - Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam trong công việc quản lý báo chí. - Có ý thức chấp hành pháp luật báo chí nói riêng và pháp luật Việt Nam nói chung trong quá trình tác nghiệp báo chí. - Có ý thức giữ gìn đạo đức nghề báo trong quá trình hoạt động báo chí.			
37	Nhập môn phát thanh	* Về kiến thức: - Nắm được các khái niệm cơ bản, lịch sử ra đời - phát triển của phát thanh thế giới và Việt Nam. - Nắm được những đặc trưng của báo phát thanh, cấu trúc tin bài phát thanh, nguyên tắc viết cho phát thanh, cách trình bày văn bản phát thanh và những thể loại phát thanh khác nhau. - Nắm được các vấn đề về phát thanh và xu thế phát triển của phát thanh hiện đại, giúp sinh viên có thể nhận diện và đánh giá ưu nhược điểm của các thể loại phát thanh hiện nay. - Nắm vững kết cấu của từng dạng bài phát thanh và cách thể hiện của từng dạng	2	4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

- Nắm được kiến thức về kỹ thuật thực hiện các sản phẩm tin bài phát thanh.

*** *Kĩ năng:***

- Kỹ năng thu thập, khai thác và xử lý thông tin.

- Kỹ năng đọc và nói trước micro; kỹ năng ghi âm; thu âm và dựng âm bằng phần mềm.

- Kỹ năng thực hiện được các tác phẩm tin bài phát thanh theo các dạng thức, thể loại khác nhau.

- Kỹ năng viết, trình bày văn bản, xây dựng chương trình, kịch bản, viết lời dẫn của bài phát thanh theo hướng hiện đại.

- Kỹ năng thực hiện các tác phẩm tin bài cho phát thanh.

- Hình thành, phát triển năng lực xử lý thông tin để biên tập tin bài.

- Ứng dụng và thể hiện thuần thục các tin, bài báo chí theo yêu cầu, đặc trưng của loại hình báo phát thanh.

*** *Thái độ:***

- Yêu thích môn học, ngành học.

- Nhận thức được vai trò của phát thanh trong mối tương quan giữa các loại hình báo chí

		– truyền thông hiện đại.			
38	Nhập môn truyền hình	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về truyền hình như khái niệm, đặc trưng, xu hướng phát triển của truyền hình. - Tái hiện được các mốc cơ bản của lịch sử ngành truyền hình thế giới và Việt Nam. - Có được những hiểu biết khái quát về đặc trưng cơ bản của một số thể loại báo hình tiêu biểu. - Nắm được cách thức xây dựng một kịch bản truyền hình. - Nắm vững đặc điểm, yêu cầu của một phóng viên truyền hình. * Kỹ năng: - Phân biệt được các thể loại báo hình. - Xác định được đề tài, chủ đề để triển khai một tác phẩm báo hình. - Viết được kịch bản cho một phóng sự ngắn truyền hình, phim tài liệu truyền hình. - Ghi hình và biên tập được một tác phẩm truyền hình. - Đánh giá, nhận xét được tác phẩm truyền hình. - Nhận xét về một số xu hướng của truyền hình hiện đại.	2	4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thuyết trình nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Đồ án kết thúc học phần: 0,6 Cộng 10,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		* Thái độ: - Yêu thích môn học và công việc của một phóng viên truyền hình. - Tự tin khi tác nghiệp với vai trò của một phóng viên truyền hình.			
39	Lý luận và thực hành ảnh	* Về kiến thức: - Nắm được những vấn đề lý luận cơ bản của ảnh, định hình trong nhận thức được bản chất, đặc trưng, vai trò, vị trí của ảnh nói chung và ảnh báo chí nói riêng. - Nắm bắt được các vấn đề xã hội; cách khai thác thông tin cần thiết từ thực tế bằng hình ảnh; biết cách gửi gắm ý tưởng, tình cảm vào các tác phẩm ảnh. - Hiểu được vai trò, chức năng, đặc trưng thông tin của ảnh trên báo chí. - Hiểu được công tác phóng viên ảnh, biên tập ảnh, công tác in ấn trong một cơ quan báo chí. - Sinh viên nắm được cấu tạo các loại máy ảnh cơ, máy ảnh kỹ thuật số. - Hiểu rõ thực tiễn ảnh trên báo chí Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; cách khắc phục những cách thức thông tin không đem lại hiệu quả cao ở một số cơ quan báo chí. * Kỹ năng: - Làm chủ các phương tiện kỹ thuật nhiếp ảnh cũng như các quy trình kỹ thuật trong việc thể hiện tác phẩm ảnh báo chí. - Thực hành chụp ảnh và chụp được các tác phẩm ảnh báo chí có chất lượng. - Có khả năng phát hiện vấn đề thông tin trên báo bằng ảnh và thể hiện vấn đề hiệu quả nhất. - Sử dụng thành thạo phần mềm Photoshop và một số phần mềm liên quan khác.	3	4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Có khả năng thuyết trình, phân tích các tác phẩm ảnh báo chí và ảnh sáng tác. - Có khả năng nhìn nhận và đánh giá được cách thông tin hiệu quả bằng ảnh trên báo chí. * Thái độ: - Tạo được sự say mê nghề nghiệp. - Biết tôn trọng tác phẩm của đồng nghiệp. - Rèn luyện được tư chất của một người hoạt động xã hội, có bản lĩnh chính trị, nhạy cảm với thời cuộc, sâu sát với đời sống nhân dân, nhanh chóng tìm được các đề tài cần thể hiện bằng ảnh có ý nghĩa xã hội cao. - Biết rung động trước cái đẹp của thiên nhiên, con người và biết thể hiện nó bằng những tác phẩm ảnh báo chí.			
40	Quan hệ công chúng và báo chí	*Vềkiếnthức: - Cókiếnthứccobảnvềchuyênngành PR *Vềkỹ năng: - Sinhviên học được kỹ năng giao tiếp - Kỹ năng tổ chức họp báo, tổ chức sự kiện - Kỹ năng giải quyết tình huống - Phân biệt được những công việc phù hợp trong hoạt động PR - Biết cách thực hiện một số công việc PR cần thiết như:	2	4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F :

		Viết thông cáo báo chí, tổ chức họp báo, giao tiếp với giới truyền thông... *Về thái độ: - Môn học giúp cho sinh viên học các hào đồng, thân thiện với các cộng sự trong công việc - Nhiệt tình với mọi công việc được g iao - Bản lĩnh trong xử lý những tình huống ngây sinh trong công việc 3.2. Các mục tiêu khác: - Rèn luyện kỹ năng và thói quen tự ghiên cứu - Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, tranh luận, phản biện - Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm			
41	Phỏng vấn	* Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức cơ bản về phỏng vấn như: khái niệm, đặc điểm, vai trò và vị trí, lịch sử ra đời và phát triển của phỏng vấn. - Nắm được kiến thức về qui trình phỏng vấn các loại hình báo chí khác nhau.	2	4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kì 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 10,0 Tính theo thang

		- Nắm bắt những tình huống, những kinh nghiệm trong phỏng vấn báo chí. * Kỹ năng: - Bước đầu xây dựng tác phẩm phỏng vấn với tư cách một thể loại độc lập. - Biết cách sử dụng phương pháp phỏng vấn trong việc khai thác tài liệu để viết tác phẩm báo chí thuộc các thể loại. Cụ thể, rèn cách đặt câu hỏi hợp lý để có thể thu thập được thông tin hiệu quả. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được phỏng vấn là một kỹ năng cơ bản và quan trọng trong tác nghiệp báo chí. - Hình thành đạo đức nghề nghiệp từ yêu cầu nghiêm túc, khiêm tốn và không ngừng học hỏi của người làm công tác phỏng vấn báo chí nói riêng và nghề báo nói chung.			điểm: A, B, C, D, F
42	Tổ chức nội dung và trình bày ấn phẩm	* Về kiến thức: - Người học có được những kiến thức chung về tổ chức, xây dựng nội dung và trình bày ấn phẩm (báo, tạp chí). - Người học hiểu được	2	4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kì 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 10,0

		quy trình in ấn các sản phẩm báo và tạp chí. * <i>Kĩ năng:</i> - Người học tái lập được cách thức tổ chức nội dung, thiết kế các trang bìa, trang trong của báo và tạp chí hiện hành. - Người học cải tiến được cách thức tổ chức nội dung, thiết kế của một số tờ báo, tạp chí đang lưu hành. - Người học có thể đưa ra được các ý tưởng riêng, có tính sáng tạo về cách thức tổ chức nội dung, thiết kế cho một tờ báo, tạp chí mới nhằm thay đổi truyền thông thị giác. - Người học có thể làm chủ các phần mềm chuyên dụng dành cho thiết kế báo, tạp chí hiện nay. * <i>Thái độ:</i> - Yêu thích môn học, ngành học. - Người học có thái độ hợp tác tốt với các bộ phận liên quan trong tòa soạn, đặc biệt là bộ phận thiết kế mỹ thuật và bộ phận làm nội dung.		Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

43	Tiếng Anh tăng cường 2		3	4	
	Học phần tự chọn:				
44	Kỹ năng giao tiếp và tốc ký	3.1. Kiến thức: - Trang bị cho sinh viên những vấn đề chung giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày trong hoạt động báo chí. - Sinh viên nắm được các cách giao tiếp ở những tình huống cụ thể, ở các môi trường nghề nghiệp cụ thể. - Sinh viên có thể thực hành được cách viết tốc ký trong tình huống phải ghi nhanh ở hiện trường. 3.2. Kỹ năng: - Thông qua những kiến thức lý thuyết về giao tiếp báo chí, sinh viên có thể tự tin và thuận lợi hơn trong quá trình làm việc. - Biết vận dụng kiến thức lý thuyết tốc ký để thực hiện một tác phẩm báo chí cụ thể. 3.3. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin	2	4	Trọng số: Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.			
45	<i>Tu từ học Tiếng Việt</i>	* Về kiến thức: - <i>Nắm được các phương tiện tu từ tiếng Việt thuộc bình diện từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, văn bản, ngữ âm. Nhận diện được các phương tiện tu từ này trong văn bản.</i> - <i>Nắm được cách biện pháp tu từ tiếng Việt thuộc các bình diện từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản, ngữ âm. Nhận diện được các biện pháp tu từ này trong văn bản.</i> * Kỹ năng: - <i>Có thể trình bày hệ thống kiến thức đó một cách tường minh, thuyết phục từ lí thuyết đến ví dụ minh họa</i> - <i>Vận dụng các kiến thức đã học để chỉ ra các phương thức tu từ trong văn bản, phân tích được giá trị tu từ của chúng trong diễn ngôn báo chí.</i>	2	4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		* Thái độ: - Lĩnh hội được năng lực biểu đạt của tiếng Việt từ đó trân trọng tiếng nói của dân tộc - Bằng sự hiểu biết sâu sắc về tu từ học, sinh viên yêu thêm nghề nghiệp của mình - Có thái độ chủ động khi viết và phân tích các loại diễn ngôn báo chí.			
46	Tiếng Anh chuyên ngành báo chí 1	* Về kiến thức: -Nắm được vốn ngữ liệu tiếng Anh thường được sử dụng trong các hoạt động tác nghiệp báo chí * Kỹ năng: - Có khả năng đọc, nghe, hiểu tin tức bằng tiếng Anh. - Có khả năng sử dụng tiếng Anh để thực hiện các cuộc phỏng vấn. - Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trôi chảy với phóng viên nước ngoài để thực hiện tác nghiệp và phối hợp tác nghiệp trong môi trường báo chí quốc tế. -Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương bằng B2	2	4	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		theo Khung tham chiếu chung Châu Âu). * Thái độ: - Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh đối với tác nghiệp nhà báo. - Có tinh thần chủ động, tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh trong chuyên môn.			
47	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo; sinh viên biết sống theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	5	- Thảo luận, bài tập : trọng số: 0,1 - Bài kiểm tra giữa học kỳ : trọng số: 0,3 - Bài thi kết thúc học phần: trọng số : 0,6
48	Nhập môn báo mạng điện tử	* Về kiến thức: - Nắm được lịch sử ra đời của internet và báo mạng điện tử trên thế giới và ở Việt Nam. - Nắm được vai trò, các đặc trưng của báo mạng điện tử và xu hướng phát triển của báo mạng điện tử.	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang

		- Nắm được mô hình tòa soạn và quy trình sản xuất thông tin của báo mạng điện tử. - Nắm được cách viết tin, bài trong báo mạng điện tử. - Nắm được một số vấn đề của báo mạng điện tử hiện nay. * Về kỹ năng: - Có khả năng xây dựng website, đồng thời trang trí và cung cấp thông tin như một trang báo mạng điện tử thực thụ. - Biết vận dụng những kiến thức đã học để viết tin, bài, biên tập, trình bày phù hợp với các nguyên tắc của trang báo mạng điện tử. - Vận dụng được những kiến thức đã học để vận hành trang báo mạng điện tử sau khi tốt nghiệp. * Về thái độ: - Yêu thích môn học và thích tìm hiểu những phần mềm thiết kế website. - Quan tâm đến việc trang trí, trình bày và khai thác tin bài phù hợp với trang báo điện tử.			điểm: A, B, C, D, F
49	Phóng sự	Kiến thức: - Sinh viên nắm được các vấn đề lý luận thể loại như lịch sử hình thành và phát triển của phóng sự; quan niệm và đặc	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2

	trung thể loại, các dạng phóng sự. - Qua phân tích các tác phẩm tiêu biểu, sinh viên nhận diện được các đặc điểm đặc sắc của phóng sự đương đại từ các phương diện đề tài, phương thức thể hiện và hiệu ứng xã hội. - Sinh viên có được các kỹ năng cần thiết để thực hiện bài phóng sự: Kỹ năng khai thác và lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, thể hiện tác phẩm, biên tập, giật tít, rút tía sapô. Kỹ năng: - Vận dụng kiến thức lý thuyết thể loại và những kinh nghiệm rút ra được qua nghiên cứu phóng sự đương đại, sinh viên từng bước rèn luyện các kỹ năng thực hiện bài phóng sự như khai thác và lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, viết bài, biên tập, giật tít, rút tía sapô. - Sinh viên có khả năng sáng tạo một tác phẩm phóng sự hoàn chỉnh. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau	Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.			
50	Điều tra	Kiến thức: - Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý luận thể loại như quan niệm và đặc trưng của điều tra, hoàn cảnh xuất hiện bài điều tra, đối tượng của điều tra báo chí. - Sinh viên nắm được các thao tác của hoạt động điều tra báo chí: Tìm đề tài, xác định mục tiêu điều tra, điều tra và xử lý tài liệu thu thập được. - Sinh viên tiếp cận được kỹ thuật viết bài điều tra: Kỹ thuật rút tít và sapô; viết phần nêu vấn đề, phần trình bày và phân tích sự kiện, phần kết luận; qua đó rút ra được những nguyên tắc khi viết bài điều tra, những yêu cầu đối với phóng viên điều tra. Kỹ năng: - Vận dụng kiến thức lý thuyết thể loại, sinh viên từng bước rèn luyện các kỹ năng thực hiện bài điều tra như kỹ năng khai thác và lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, xử lý tài liệu, trình bày và phân tích sự kiện,... - Sinh viên có khả năng	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		sáng tạo một tác phẩm điều tra hoàn chỉnh. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.			
51	Kỹ thuật quay và dựng phim	* Về kiến thức: - Kỹ thuật quay: + Hiểu được nguyên tắc cơ bản của máy quay, nguyên tắc hình ảnh khi quay. + Hiểu được cách sử dụng máy quay. + Nắm được những yêu cầu về hình ảnh đối với từng thể loại phim tài liệu hay ký sự truyền hình. - Kỹ thuật dựng phim: + Nắm được các nguyên tắc dựng phim cơ bản, + Hiểu được mối quan hệ giữa hình ảnh và dựng phim. + Hiểu được các phương pháp dựng phim theo từng thể loại. * Kỹ năng: - Nhận biết được thể nào là	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		đoạn phim hình ảnh tốt, đạt yêu cầu. - Kết nối được các đoạn phim thành một sản phẩm truyền hình hoàn chỉnh. - Sử dụng được các máy quay thông dụng. - Dựng được các đoạn phim ngắn bằng các phần mềm thông dụng. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Chủ động trong việc tổ chức nhóm làm việc. - Chăm chỉ thực hành các kỹ năng quay và dựng phim.			
52	Kịch bản và biên tập truyền hình	* Về kiến thức: - Nắm được kiến thức cơ bản về các dạng kịch bản truyền hình. - Nắm được kiến thức xây dựng kịch bản truyền hình theo các thể loại cụ thể. - Nắm được các kiến thức về nguồn tin và quá trình thu thập, xử lý thông tin. - Nắm được kiến thức về kỹ thuật viết kịch bản và biên tập tác phẩm truyền hình. * Kỹ năng: - Kỹ năng viết được kịch bản các chương trình truyền hình khác nhau.	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kì 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Kỹ năng biên tập được một số tác phẩm truyền hình cơ bản. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được viết kịch bản và biên tập là một khâu quan trọng trong sản xuất các chương trình truyền hình.			
53	Kịch bản và biên tập phát thanh	* Về kiến thức: - Cung cấp những kiến thức chung về Kịch bản phát thanh. - Cung cấp những kiến thức chung về Biên tập- một công đoạn quan trọng trong hoạt động nghiệp vụ của phóng viên phát thanh. Cụ thể, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng biên tập phát thanh cơ bản, từ đơn giản đến phức tạp; Người học có thể nắm được khái niệm, đặc điểm và cách phân loại kịch bản phát thanh; Người học có thể nắm được khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc của công việc biên tập phát thanh. * Kỹ năng: - Kỹ năng thu thập, khai thác và xử lý thông tin.	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kì 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Viết được kịch bản cho loại hình thanh. - Biên tập được tác phẩm phát thanh ở những cấp độ khác nhau. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được tin tức là một thể loại cơ bản, quan trọng nhất trong các thể loại tác phẩm báo chí.			
54	Quan hệ công chúng ứng dụng	* Về kiến thức: - Nắm được các kiến thức và công cụ PR cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp - Nắm được các kiến thức cơ bản trong phối hợp các công cụ PR để triển khai một chương trình PR hiệu quả cho doanh nghiệp. * Kỹ năng: - Vận dụng được những quy trình và lý thuyết nền tảng của truyền thông, PR vào xây dựng một chương trình PR từ phân tích, lập kế hoạch, triển khai cho đến đánh giá. - Kỹ năng phát hiện và xử lý khủng hoảng truyền thông. - Kỹ năng nhìn nhận, đánh giá được hiệu quả truyền thông doanh nghiệp, từ đó áp dụng vào thực tế.	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thảo luận, bài tập cá nhân giữa kì 0,3 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Kỹ năng thiết lập các chiến lược PR dài hạn cho doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh. - Kỹ năng thực hành các hoạt động PR trong thực tế của DN: tổ chức họp báo, giới thiệu sản phẩm mới, tổ chức sự kiện, tài trợ, xử lý khủng hoảng... * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ công chúng trong đời sống xã hội nói chung và doanh nghiệp nói riêng. - Có thể nhận biết khả năng của bản thân thích hợp với lĩnh vực nào.			
55	Tiếng Anh tăng cường 3		3	5	
	Học phần tự chọn:				
56	Kỹ năng dẫn chương trình	* Về kiến thức: Hiểu biết về yêu cầu, nhiệm vụ, cách thể hiện của người dẫn chương trình truyền hình ở nhiều thể loại chương trình khác nhau. * Về kỹ năng: - Biết cách viết lời dẫn, sử dụng được các phương tiện trợ giúp và dẫn được một chương trình ngắn trong 5 - 10 phút hoặc những chương trình dài hơn đối với các sinh viên có	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		khả năng trong lĩnh vực này. - Tăng cường kỹ năng làm việc nhóm – một kỹ năng quan trọng trong lĩnh vực truyền hình. * Về thái độ: Có thể nhận biết khả năng của bản thân thích hợp với thể loại chương trình nào.			
57	<i>Ngữ dụng học</i>	* Kiến thức Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học được trình bày trong học phần này: - Hiểu và nắm vững những kiến thức khái quát của ngữ dụng học như ba lĩnh vực của tín hiệu học, ngữ dụng học và sự phát triển của ngữ dụng học trên thế giới và ở Việt Nam, những khái niệm nền tảng của ngữ dụng học. - Hiểu và nắm vững các kiến thức về chiếu vật với chỉ xuất như khái niệm chiếu vật, quan hệ giữa chiếu vật với với sự đúng – sai của phát ngôn, quan hệ giữa nghĩa chiếu vật với nghĩa biểu vật, các phương thức chiếu vật, chỉ xuất không gian và thời gian. - Hiểu và nắm vững các kiến thức về hành vi ngôn ngữ	2	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

như khái niệm hành vi ngôn ngữ, ba loại hành vi ngôn ngữ, các hành vi ngôn ngữ tại lời trực tiếp và gián tiếp.

- Hiểu và nắm vững những tri thức về lập luận như khái niệm lập luận, quan hệ giữa lập luận với miêu tả, thuyết phục và logic, thành phần của lập luận, tác tử và kết tử lập luận, lẽ thường của lập luận

- Hiểu và nắm được các kiến thức về lí thuyết hội thoại như: vận động hội thoại, cấu trúc cuộc thoại, quy tắc hội thoại

- Hiểu và nắm vững các kiến thức về nghĩa của của diễn ngôn như tiền giả định và hàm ý, nghĩa hàm ẩn không tự nhiên.

*** Kỹ năng:**

- Có thể trình bày và hệ thống lại những kiến thức đã học về ngữ dụng học

- Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài tập ngữ dụng học.

- Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng trong tiếng Việt.

- Vận dụng các kiến thức đã học về ngữ dụng học để phân tích tác phẩm văn học

		* Thái độ: - Có thái độ nghiêm túc trong học tập môn Ngữ dụng học và các môn ngôn ngữ nói chung. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các dạng bài tập - Tích cực tham khảo các tài liệu ngôn ngữ đã được giáo viên cung cấp để có cái nhìn toàn diện và cởi mở về các nội dung đã được giảng dạy, không lệ thuộc hoàn toàn vào bài giảng của giáo viên			
58	Tiếng Anh chuyên ngành báo chí 2	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức chung về ngữ pháp tiếng Anh dành cho ngành báo chí - Nắm được những kỹ năng cơ bản trong tác nghiệp báo chí - Nắm được những kỹ năng cơ bản trong tác nghiệp báo chí bằng tiếng Anh - Nắm được phong cách viết của báo chí qua các dùng các từ viết tắt, dấu câu, số, thời gian, tit... - Nắm được các thuật ngữ tiếng Anh cơ bản của ngành báo chí và một số từ viết tắt của các tổ chức, chức danh bằng tiếng Anh. * Về kỹ năng: - Có khả năng khai thác thông tin, phỏng vấn, viết bài	3	5	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		bằng tiếng Anh - Biết vận dụng những kiến thức đã học để viết tin, bài theo đúng thể thức quy định trong tiếng Anh - Vận dụng được những kiến thức tiếng Anh trong báo chí để tác nghiệp sau khi tốt nghiệp. * Về thái độ: - Yêu thích môn học và thích tìm hiểu những vấn đề liên quan đến báo chí bằng tiếng Anh. - Nghiêm túc trong quá trình học tập.			
59	Nghị luận báo chí	3.1. Kiến thức: - Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về loại thể nghị luận: Khái niệm, những đặc trưng cơ bản của nghị luận báo chí, vai trò của nghị luận báo chí trong hoạt động truyền thông và quản lý xã hội. - Sinh viên nắm được những đặc điểm cơ bản của các thể loại bình luận, xã luận, chuyên luận; tiếp cận được các kỹ năng viết bài nghị luận; trên cơ sở đó phân biệt được các loại bài nghị luận. 3.2. Kỹ năng: - Môn học giúp sinh viên rèn luyện tư duy logic, cách lập luận chặt chẽ, nâng cao	2	6	Trọng số: Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		nhận thức lý tính và ý thức công dân của người làm báo. - Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng phát hiện đề tài, tìm luận cứ, luận chứng, kỹ năng lập luận, diễn đạt. - Sinh viên có thể thực hành viết các bài nghị luận ngắn về các vấn đề đang được dư luận quan tâm. 3.3. Thái độ: - Yêu thích môn học, yêu thích công việc làm báo. - Chủ động, tích cực tham gia vào quá trình học tập. - Tích cực học hỏi trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ để tự tin hơn khi tham gia kiến tập, thực tập tốt nghiệp cũng như làm nghề sau này.			
60	Sản xuất chương trình truyền hình	* Về kiến thức: - Tái hiện được khái niệm chương trình truyền hình và các khái niệm liên quan như: khung chương trình, buổi phát sóng, khung giờ, loạt chương trình, giờ vàng... - Nắm được cách thức và các nguyên tắc phân bổ chương trình và xây dựng kế hoạch chương trình. - Nắm được kết cấu chương trình truyền hình Việt Nam. - Nắm được đặc điểm	3	6	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		của các chương trình khác nhau theo từng quan điểm phân loại. - Mô tả được chức danh, vai trò và yêu cầu công việc của các thành viên trong ê-kip sản xuất chương trình truyền hình. * Kỹ năng: - Lên ý tưởng và viết được format (cấu trúc) cho một chương trình truyền hình. - Tham gia sản xuất được một chương trình truyền hình theo đúng quy trình đã học. * Thái độ: - Đánh giá, nhận xét được chương trình truyền hình. - Nhận xét về một số xu hướng của chương trình truyền hình hiện đại. - Yêu thích nghề sản xuất chương trình truyền hình. - Tự tin khi tham gia vào ngành truyền hình.			
61	Sản xuất chương trình phát thanh	* Về kiến thức: - Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các dạng chương trình phát thanh. - Nắm vững kết cấu của từng dạng chương trình phát thanh. - Liệt kê được các phương thức và cách thức thực	2	6	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

hiện của từng phương thức sản xuất chương trình phát thanh.

- Nhận diện được các thể mạnh cũng như hạn chế của từng phương thức sản xuất chương trình phát thanh cụ thể.

- Nắm được những kỹ năng biên tập tác phẩm phát thanh - chương trình phát thanh về cả nội dung và hình thức.

*** Kỹ năng:**

- Sử dụng được các thiết bị, phần mềm phục vụ việc sản xuất chương trình phát thanh.

- Thiết kế và xây dựng được một chương trình phát thanh theo xu hướng hiện đại.

- Hình thành, phát triển năng lực xử lý thông tin để biên tập tin bài.

- Hình thành và nâng cao kỹ năng biên tập tác phẩm, biên tập chương trình phát thanh.

- Phát triển kỹ năng so sánh các thể mạnh của từng phương thức sản xuất chương trình phát thanh để có sự áp dụng đúng đắn cho mỗi trường hợp.

- Thiết kế được một chương trình phát thanh hoàn chỉnh.

		* Thái độ: - Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề của nền báo chí hiện đại nói chung và phát thanh nói riêng. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp. - Có ý thức phát triển nền báo chí Việt Nam nói chung và báo phát thanh nói riêng theo xu hướng hiện đại.			
62	Tổ chức tin bài đa phương tiện	* Về kiến thức: - Nắm được khái niệm hội tụ truyền thông và các yếu tố cấu thành hội tụ truyền thông. - Nắm được 4 góc độ lý luận của hội tụ truyền thông. - Nắm được các tác nhân ảnh hưởng đến hội tụ truyền thông. - Nắm được các quan niệm về tòa soạn hội tụ và các mô hình tòa soạn hội tụ. - Nắm được các kỹ năng tổ chức tin bài đa phương tiện: quay phim, thiết kế đồ họa, xử lý file audio... * Về kỹ năng: - Có khả năng khai thác, xử lý tin bài bằng các kỹ thuật đa phương tiện. - Biết vận dụng những kiến thức đã học để viết tin, bài, biên tập, trình bày phù hợp với	3	6	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		các nguyên tắc của truyền thông đa phương tiện. - Vận dụng được những kiến thức đã học để tác nghiệp đa phương tiện sau khi tốt nghiệp. * Về thái độ: - Yêu thích môn học và thích tìm hiểu những kỹ thuật cao liên quan đến ngành báo chí: quay và dựng phim, thiết kế đồ họa...			
63	Kiến tập nghiệp vụ		2	6	
64	Tiếng Anh tăng cường 4		4	6	
	Học phần tự chọn:				
65	Tham quan thực tế		2	6	
66	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin kinh tế	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về báo chí kinh tế, đặc trưng báo chí kinh tế, tổ chức toà soạn báo kinh tế và ban kinh tế của cơ quan báo chí, diện mạo của báo chí kinh tế. - Nắm vững đặc điểm, yêu cầu, phẩm chất và đạo đức của một phóng viên kinh tế. - Nắm được cách thức viết một bài báo kinh tế hấp dẫn. - Nắm được một số đặc điểm của những vấn đề kinh tế nổi trội trên báo chí. - Nắm được một số thuật ngữ kinh tế phổ biến. * Kỹ năng: - Viết được tin hoặc bài	2	6	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thuyết trình nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Đồ án kết thúc học phần: 0,6 Cộng 10 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		báo kinh tế một cách chính xác, hấp dẫn, dễ hiểu. - Phân tích được một số hiện tượng lỗi trong các tin, bài báo kinh tế. * Thái độ: - Đánh giá, nhận xét được tin, bài báo kinh tế. - Đánh giá được một số hiện tượng vi phạm đạo đức báo chí kinh tế.			
67	Tổ chức sự kiện	* Về kiến thức: - Hiểu được các khái niệm cơ bản về sự kiện là gì? Vai trò của sự kiện? Các loại hình sự kiện. - Biết được quy trình tổ chức sự kiện, các chất liệt và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện. - Cách ứng dụng các công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện. * Về kỹ năng: - Xác định được mục tiêu của sự kiện - Lập được proposal nội dung chương trình, timeline, kịch bản chi tiết, MC Script. - Biết cách phân công, bố trí nhân sự hợp lý - Soạn thảo công văn và các thủ	2	6	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		tục pháp lý liên quan đến công tác tổ chức chương trình; kỹ năng xây dựng mối quan hệ với chính quyền địa phương. - Biết cách làm việc nhóm, triển khai ý tưởng. * Về thái độ: - Hiểu được tính chất công việc tổ chức sự kiện đòi hỏi sự đam mê, sáng tạo, uy tín, trách nhiệm, có tinh thần đội nhóm và kiến thức xã hội rộng... - Tự đánh giá khả năng của mình có thể phù hợp với công việc sự kiện hay không - Nghiêm túc, chuyên nghiệp trong công việc.			
68	Ngôn ngữ và văn hóa	Kiến thức - Hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, thấy được ngôn ngữ là tín hiệu của văn hóa, là thành tố cơ bản của văn hóa, thấy được ảnh hưởng qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. - Nắm được các phương diện biểu thị văn hóa của ngôn ngữ, ý nghĩa biểu trưng văn hóa của từ, cơ chế ngôn ngữ của biểu tượng, các phương diện ý nghĩa của từ.	2	6	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Nắm được bản chất văn hóa của ngôn ngữ trên phương diện phân cắt thực tại, cách gọi tên sự vật và hiện tượng. Hiểu biết về các đơn vị ngôn ngữ biểu thị văn hóa, đặc trưng văn hóa của ngôn ngữ qua cơ cấu nghĩa của từ, các loại nghĩa của từ. - Nắm được đặc trưng văn hóa dân tộc qua ngôn ngữ giao tiếp và ứng xử, thấy được biểu hiện văn hóa qua các diễn ngôn. • Kĩ năng - Nhận biết những giá trị văn hóa của các tín hiệu ngôn ngữ. - Biết vận dụng phương pháp nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ để nghiên cứu đặc trưng văn hóa của các cấu trúc ngôn ngữ và các diễn ngôn. • Thái độ - Say mê, yêu thích khám phá, nghiên cứu những giá trị văn hóa của ngôn ngữ. -Tự hào, yêu quý những giá trị văn hóa của ngôn ngữ dân tộc.			
69	Lao động nhà báo	Về kiến thức: - Sinh viên nắm được	2	7	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá

		các kiến thức lý luận về nghề báo, đặc biệt là tính chất lao động nghề báo và phẩm chất, năng lực cần có của nhà báo. Sinh viên hiểu rõ những yếu tố chi phối hoạt động nghề nghiệp, từ đó có nhận thức và hành động đúng khi ra hành nghề sau này. - Nắm được những kiến thức kỹ năng về sáng tạo tác phẩm báo chí như phát hiện đề tài, dự kiến thể loại, thu thập và xử lý thông tin, hình thành đề cương, thể hiện tác phẩm. Kĩ năng: - Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng làm báo: kỹ năng khai thác và lựa chọn đề tài, thu thập thông tin, xây dựng đề cương, thể hiện tác phẩm,... - Sinh viên biết vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng để sáng tạo tác phẩm báo chí cụ thể. Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Có nhận thức đúng về nghề nghiệp tương lai			nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
70	Truyền thông Marketing	* Về kiến thức: - Nắm được các khái niệm cơ bản trong Marketing: Marketing và các thuật ngữ liên quan (nhu cầu, mong muốn, sản phẩm, thị	2	7	Trọng số: Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1

	<i>trường, trao đổi).</i> - Nắm được thành phần của hỗn hợp Marketing Mix 4P và 7P. - Nắm được mô hình truyền thông cơ bản và nắm được bản chất của hoạt động truyền thông Marketing. - Nắm được các bước cần thiết trong việc xây dựng kế hoạch truyền thông Marketing. - Biết được các công cụ của truyền thông Marketing, ưu – khuyết điểm của từng công cụ. - Hiểu được cách kết hợp các công cụ truyền thông Marketing trong hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp. * <i>Kĩ năng:</i> - Phân tích, bình luận, đánh giá các khái niệm khác nhau về Marketing. - Xác định được khách hàng mục tiêu, vẽ được chân dung khách hàng mục tiêu trong hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức. - Lập được sơ đồ định vị ở mức cơ bản cho sản phẩm/dịch vụ. - Lập được kế hoạch Marketing truyền thông. * <i>Thái độ:</i> - Hiểu được Marketing là một công việc đòi hỏi tư duy phân tích và sáng tạo. - Tự đánh giá khả năng của mình có thể phù hợp với công việc truyền thông hay không. - Nghiêm túc, chuyên nghiệp và		Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		hiểu được giá trị của nghề Marketing nói chung và hoạt động trong lĩnh vực báo chí truyền thông nói riêng. Mục tiêu khác: - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; thuyết trình, tranh luận, phản biện. - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá - Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn đời sống.			
71	Quảng cáo và kinh doanh báo chí	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về quảng cáo như: quảng cáo, sản phẩm quảng cáo, phương thức quảng cáo, cấu trúc thông điệp quảng cáo, kênh quảng cáo, chiến lược quảng cáo, mô thức quảng cáo, mục tiêu của quảng cáo, thủ pháp quảng cáo, mô hình các công ty quảng cáo. - Nắm được được các mốc cơ bản của lịch sử ngành quảng cáo thế giới và Việt Nam. - Hiểu được những kiến thức khái quát mối quan hệ giữa quảng cáo và báo chí và nêu được một số hình thức kinh	2	7	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân:0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		doanh báo chí cơ bản. * Kỹ năng: - Phân biệt được quảng cáo và một số phương thức truyền thông khác như quan hệ công chúng, tiếp thị. - Lập được các chiến lược quảng cáo cho sản phẩm. - Vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện bản yêu cầu sáng tạo và viết slogan cho sản phẩm. - Phân tích tính chất đặc biệt của sản phẩm hàng hoá báo chí và hoạt động kinh doanh báo chí. * Thái độ: - Đánh giá được các sản phẩm và chiến lược quảng cáo (trên các bình diện: kỹ thuật, mục tiêu, đạo đức...). - Nhận xét về một số hiện tượng biến tướng trong hoạt động kinh doanh báo chí.			
72	Biên tập sách báo	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên lý biên tập: khái niệm, đặc điểm, nội dung và yêu cầu của công tác biên tập; vị trí của khâu biên tập trong hoạt động báo chí và xuất bản.	2	7	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0

		- Nắm được quy trình, phương pháp và đặc điểm biên tập các loại sách khác nhau. - Nắm được quy trình biên tập tác phẩm báo chí, các thao tác nghiệp vụ biên tập bản thảo tác phẩm báo chí. * Kỹ năng: - Sửa chữa bản thảo một số văn bản. - Chuyển một số dạng tin/bài của các loại hình báo chí khác nhau - Bước đầu tổ chức thực hiện và biên tập các chuyên đề sách/báo. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhận thức rõ trách nhiệm xã hội của người làm công tác biên tập. - Có ý thức trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thông qua sự cẩn trọng, chính xác, tỉ mỉ của người làm công tác biên tập.			Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
73	Tâm lý học báo chí	* Về kiến thức: Trình bày được tâm lý con người - ứng dụng trong nghề báo, trong mối quan hệ đa chiều nhà báo/ nhà truyền thông - tác phẩm - công chúng. Nhận diện được vai trò, vị trí	2	7	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6

		của nhà báo trong việc tiếp cận công chúng hiện đại qua tác phẩm. * Kỹ năng: - Vận dụng và hình thành được những năng lực, phẩm chất và ý thức cần thiết cho <i>nghệ thuật làm báo</i> qua nghiên cứu con người ở góc độ tâm lý. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Hình thành được ý thức xây dựng sản phẩm báo chí ngày càng gần gũi với con người, mang giá trị nhân văn sâu sắc. - Ý thức được trọng trách của mỗi nhà báo trong việc xây dựng hình ảnh nghề nghiệp trong mắt công chúng, nhân vật và đồng nghiệp,...			Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
	Học phần tự chọn:				
74	Phim tài liệu và ký sự truyền hình	* Về kiến thức: - Hiểu được thế nào là phim tài liệu và các dạng của phim tài liệu. - Hiểu được đặc trưng của phim tài liệu và ký sự truyền hình. - Nắm được cách thức thực hiện một bộ phim tài liệu và ký sự truyền hình. * Kỹ năng: - Nhận biết được vấn đề nào có khả năng thực hiện thành bộ	2		Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		phim tài liệu. - Viết được kịch bản phim tài liệu, ký sự truyền hình. - Xây dựng đề cương chi tiết để quay và dựng phim. - Tự tin giao tiếp phỏng vấn nhân vật cũng như tăng cường khả năng làm việc nhóm. * Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. - Chủ động tìm hiểu các vấn đề độc đáo của xã hội để làm đề tài. - Chăm chỉ làm các bài tập được giao.			
75	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin khoa học, công nghệ, môi trường	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về khoa học, đặc điểm của khoa học và các phương pháp nghiên cứu khoa học. - Hiểu biết khái quát về truyền thông khoa học, các mô hình, quy trình và công cụ truyền thông khoa học. - Nắm được khái niệm, đặc trưng và vai trò của báo chí khoa học, công nghệ và môi trường - Nắm được khái niệm, đặc trưng và vai trò của báo chí khoa học, công nghệ và môi trường	2	7	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thuyết trình nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Đồ án kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F

		- Hiểu biết khái quát về các vấn đề khoa học, công nghệ và môi trường nổi bật hiện nay. * Kỹ năng: - Đánh giá được tầm quan trọng, mặt tích cực và hạn chế của các vấn đề khoa học, công nghệ và môi trường tiêu biểu. - Sinh viên nắm vững quy trình, kỹ năng triển khai một tác phẩm báo chí khoa học, công nghệ và môi trường. * Thái độ: - Đánh giá, nhận xét được tác phẩm báo chí khoa học, công nghệ và môi trường - Nhận xét về một số xu hướng của tác phẩm báo chí khoa học, công nghệ và môi trường - Yêu thích mảng báo chí khoa học, công nghệ và môi trường. - Tự tin khi tham gia tác nghiệp trong lĩnh vực này.			
76	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin thể thao	* Về kiến thức: - Nắm được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực thể thao. - Hiểu biết khái quát về đời sống thể thao hiện nay. - Hiểu biết khái quát về truyền thông chuyên biệt và các dạng bài viết về lĩnh vực thể	2	7	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Thuyết trình nhóm: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Đồ án kết thúc học phần: 0,6 Cộng 1,0

		thao. * Kỹ năng: - Các kỹ năng khai thác, xử lý thông tin về lĩnh vực thể thao. - Sinh viên nắm vững quy trình, kỹ năng triển khai một tác phẩm báo chí thuộc lĩnh vực thể thao. * Thái độ: - Đánh giá, nhận xét được tác phẩm báo chí thể thao nói riêng và văn hóa nói chung. - Yêu thích mảng báo chí chuyên biệt về thể thao. - Tự tin khi tham gia tác nghiệp trong lĩnh vực này.			Tính theo thang điểm: A, B, C, D, F
77	Ngôn ngữ học xã hội	* Về kiến thức: - Trình bày được lịch sử phát triển, mục đích, nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội. - Nắm được đối tượng, nhiệm vụ cùng những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học xã hội (biến, biến thể, cộng đồng ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, thái độ ngôn ngữ, mạng xã hội). - Hiểu và phân tích được những vấn đề đang đặt ra đối với ngôn ngữ học xã hội hiện đại và vận dụng vào tình hình ngôn ngữ học ở Việt Nam. - Trình bày các khái niệm đa ngữ, đa thể ngữ.	2	7	Trọng số: Chuyên cần: 0,1 Bài tập cá nhân: 0,1 Kiểm tra giữa học phần: 0,2 Thi kết thúc học phần 0,6 Cộng 1,0 Tính theo thang

	- Phân tích nguyên nhân làm nảy sinh hiện tượng đa ngữ. - Xác định được mối quan hệ tương tác của các ngôn ngữ trong xã hội đa ngữ qua các hiện tượng: tiếp xúc, giao thoa, vay mượn, lai tạp ngôn ngữ. - Trình bày và phân biệt khái niệm phương ngữ và phương ngữ xã hội. - Phân tích những vấn đề nghiên cứu của phương ngữ học xã hội: ngôn ngữ và chính trị, ngôn ngữ và giới, ngôn ngữ và đô thị, ngôn ngữ và tôn giáo. - Nêu đặc điểm của một số phương ngữ xã hội đặc thù: tiếng lóng, mạng xã hội. - Nêu khái niệm chính sách ngôn ngữ và kế hoạch hóa ngôn ngữ. - Trình bày các chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam. - Phân tích được vai trò của ngôn ngữ đối với quốc gia và dân tộc và sự ảnh hưởng của việc đề ra các chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa ngữ. - Phân tích được mối quan hệ giữa hiện tượng duy trì hoặc chuyển đổi ngôn ngữ với các thể hệ sử dụng ngôn ngữ ấy. - Trình bày tính lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ.		điểm: A, B, C, D, F

		* <i>Kĩ năng:</i> - Phân tích, bình luận, đánh giá các kiến giải khác nhau của các nhà ngôn ngữ học về những vấn đề của ngôn ngữ học xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học để có thể hình thành những hiểu biết có hệ thống về các hiện tượng ngôn ngữ: đa ngữ, đa thể ngữ, phương ngữ xã hội. - Rèn luyện kĩ năng đọc, phân tích và tổng hợp một số tài liệu cơ bản về ngôn ngữ học xã hội. - Biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày quan điểm về một vấn đề về ngôn ngữ học xã hội. * <i>Thái độ:</i> - Yêu thích môn học, ngành học. - Nhạy bén và có ý thức chính trị đối với vấn đề ngôn ngữ. - coi trọng mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội.			
78	Thực tập tốt nghiệp		3	8	
79	Khóa luận tốt nghiệp		7	8	

5. Khoa Địa lý

Stt	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình	Phương pháp đánh giá sinh viên

				giảng dạy	
SƯ PHẠM ĐỊA LÝ					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)		2		Tự luận
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		Tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3		Tự luận
5	Tin học đại cương (Tin học CN1)		2		Tự luận
6	Tiếng Anh A2.1		3		Tự luận
7	Tiếng Anh A2.2		4		Tự luận
8	Pháp luật đại cương		2		Tự luận
9	Giáo dục thể chất 1		(1)		
10	Giáo dục thể chất 2		(1)		
11	Giáo dục thể chất 3		(1)		
12	Giáo dục thể chất 4		(1)		
13	Giáo dục thể chất 5		(1)		
14	Giáo dục quốc phòng		(4t)		
15	Hệ thống thông tin địa lý		3		Tự luận
16	Giáo dục học		3		Tự luận
17	Vật lý cho Địa lý		2		Tự luận
18	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo		2		Tự luận
19	Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững		2		Tự luận
20	Thống kê thực hành (SPSS)		2		Thực hành
21	Khoa học môi trường đại cương		2		Tự luận
22	Giao tiếp sư phạm		2		Tự luận
23	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam (KHXXH)		3		Tự luận
24	Tâm lý học giáo dục		4		Tự luận
25	Thực hành tâm lý giáo dục		2		Tự luận
26	Địa chất học		3		Tự luận
27	Địa lý tự nhiên đại cương 1		2		Trắc nghiệm
28	Địa lý tự nhiên đại cương 2		2		Trắc nghiệm
29	Địa lý tự nhiên đại cương 3		3		Trắc nghiệm
30	Địa lý tự nhiên các lục địa		4		Vấn đáp
31	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khái quát)		3		Vấn đáp
32	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khu vực)		3		Trắc nghiệm
33	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1		3		Trắc nghiệm
34	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2		3		Trắc nghiệm
35	Thực địa địa lý tự nhiên		2		Tiểu luận
36	Lý luận dạy học địa lí		3		Tự luận
37	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1		3		Tự luận
38	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2		3		Tự luận
39	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1 (khái quát)		3		Trắc nghiệm
40	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2 (ngành-vùng)		3		Trắc nghiệm

41	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (Địa lý)		2		Tự luận
42	Bản đồ học đại cương		3		Tự luận
43	Phương pháp dạy học địa lý ở trường phổ thông		3		Tự luận
44	Thực địa địa lý kinh tế - xã hội		2		Tiểu luận
45	Kiến tập sư phạm		1		
46	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)		3		Thực hành
47	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục (Địa lý)		2		Tự luận
48	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lý		3		Tự luận
49	Bản đồ giáo khoa		3		Tự luận
50	Thực tập sư phạm		5		
51	<i>Phương pháp dạy học Khoa học xã hội (KHXXH)</i>		2		Tự luận
52	<i>Bản đồ địa hình và đo vẽ địa hình-GPS</i>		2		Trắc nghiệm
53	<i>Tiếng Anh chuyên ngành địa lý</i>		2		Trắc nghiệm
54	<i>Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai</i>		3		Tự luận
55	<i>Địa lí địa phương</i>		2		Tự luận
56	<i>Địa lý đô thị</i>		2		Tự luận
57	<i>Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam (KHXXH)</i>		3		Tự luận
58	<i>Cơ sở viễn thám</i>		2		Trắc nghiệm
59	<i>Địa lý biển Đông</i>		2		Tự luận
60	<i>Địa lý du lịch</i>		2		Tự luận
61	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>		2		Tiểu luận
62	<i>Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam</i>		2		Tự luận
63	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		6		Tiểu luận

6. Khoa Toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Giải tích thực một biến	- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích thực một biến. - Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào giải một số bài tập giúp sinh viên phát triển tư duy toán học. - Về thái độ của sinh viên qua học học phần: Rèn luyện kỹ năng đọc tài liệu, làm bài tập nhóm, thảo luận chia sẻ các kiến thức.	6	Học kỳ I	Thi
2	Đại số đại cương	Trang bị cho sinh viên ngành cử nhân toán tin những kiến thức cơ bản về tập hợp, ánh xạ, phép toán trên tập hợp, nhóm và vành, tạo cơ sở để sinh viên có thể tiếp thu những kiến thức chuyên môn về sau.	5	Học kỳ I	Thi

3	Đại số tuyến tính	Trang bị cho sinh viên ngành cử nhân toán những kiến thức cơ bản về tập hợp, ánh xạ, phép toán trên tập hợp, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector, ma trận, định thức, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương, tạo cơ sở để sinh viên có thể tiếp thu những kiến thức chuyên môn về sau.	5	Học kỳ I	Thi
4	Tiếng Anh chuyên ngành	- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên một kho từ vựng Anh ngữ cơ sở cho chuyên ngành Toán học (với cách phát âm chuẩn). - Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào việc đọc-hiểu thông qua các giáo trình Toán hai năm đầu ở các trường đại học của Mỹ và học cách viết một bài báo Toán học. - Về thái độ, nhận thức của sinh viên sau khi học học phần: Rèn luyện kỹ năng đọc tài liệu, làm bài tập nhóm, thảo luận và chia sẻ các kiến thức.	2	Học kỳ I	Thi
5	Tiếng Anh A2.1	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	3	Học kỳ I	Thi
6	Tin học đại cương (Tin học CN1)	Nắm vững được các vấn đề về máy tính và mạng máy tính; ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin – truyền thông; các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính; một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin; truyền thông đa phương tiện. Nắm vững các tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc khối tin học văn phòng: Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft Powerpoint.	2	Học kỳ II	Thi
7	Giải tích thực nhiều biến	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phép tính vi phân hàm nhiều biến & phép tính tích phân hàm nhiều biến.	5	Học kỳ II	Thi
8	Hình học Affine & Euclide	Trang bị cho sinh viên ngành cử nhân toán những kiến thức cơ bản và kỹ năng giải các bài toán hình học affine và hình học Euclid, tạo cơ sở để sinh viên tích lũy thêm cũng như hiểu sâu hơn về kiến thức hình học nói chung và hình học sơ cấp nói riêng, nâng cao năng lực giải toán hình học.	3	Học kỳ II	Thi
9	Tâm lý học giáo dục	- Quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển tâm lý của con người qua các giai đoạn lứa tuổi khác nhau, - Những đặc trưng tâm lý chủ yếu của lứa tuổi	4	Học kỳ II	Thi

		học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. - Những quy luật tâm lý của việc dạy học và giáo dục. - Tâm lý học nhân cách người thầy giáo. - Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần học đường và sự hỗ trợ tâm lý của người giáo viên.			
10	Tiếng Anh A2.2	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	4	Học kỳ III	Thi
11	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.	2	Học kỳ III	Thi
12	Tôpô đại cương	Trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm Toán những kiến thức cơ bản về không gian metric, không gian tôpô, tạo cơ sở để sinh viên có thể tiếp thu các kiến thức giải tích hiện đại.	3	Học kỳ III	Thi
13	Phương trình vi phân	Nắm được lý thuyết cơ bản của hệ phương trình vi phân tuyến tính, phương trình tuyến tính cấp n và hệ phương trình vi phân tuyến tính hệ số hằng.	4	Học kỳ III	Thi
14	Lý thuyết Galois	Trang bị cho sinh viên Sư phạm Toán một trong những lý thuyết thú vị nhất của đại số, đó là việc trả lời xem các phương trình đại số bậc 5 có thể giải hay không giải được bằng căn thức với lý thuyết mở rộng trường và lý thuyết Galois.	3	Học kỳ III	Thi
15	Giáo dục học	- Hiểu được các đặc trưng của giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội. - Hiểu và phân tích được các tính chất của giáo dục - Chỉ ra được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học. - Nêu được các thành tố của giáo dục . - Chỉ ra được mối quan hệ giữa hệ thống các KHGD với các KH khác - Phân tích vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội - Xác định được một số yếu tố ảnh hưởng đến	3	Học kỳ III	Thi

		sự phát triển nhân cách - Phân tích được vai trò của di truyền ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách - Phân tích được vai trò của môi trường ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách - Phân tích được vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội - Nêu được khái niệm mục tiêu giáo dục - Biết được mục tiêu giáo dục Việt Nam hiện nay - Biết được việc thực hiện các nội dung giáo dục trong nhà trường phổ thông hiện nay. - Xác định được vị trí của giáo dục Phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. - Trình bày được vị trí của người giáo viên trong xã hội và trong nhà trường phổ thông - Phân tích được đặc điểm của hoạt động sư phạm của người giáo viên phổ thông - Hiểu được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên trong nhà trường phổ thông .			
16	Pháp luật đại cương	- Giải thích đúng về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử. - Phân tích đúng nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật với các lĩnh vực của đời sống xã hội; phân biệt các kiểu và hình thức Pháp luật. - Nắm vững hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nắm vững các vấn đề cơ bản về khoa học pháp lý như: quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật; hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. - Hiểu và trình bày đúng một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự và Luật phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.	2	Học kỳ IV	Thi
17	Độ đo và tích phân	Trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm toán: - Khái niệm về đại số, σ - đại số, độ đo - Khái niệm hàm đo được và các khái niệm hội tụ - Các kiến thức về tích phân.	3	Học kỳ IV	Thi
18	Giải tích hàm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các không gian định chuẩn, không gian	4	Học kỳ IV	Thi

		Hilbert, không gian liên hợp, toán tử compact và phổ của toán tử compact; đây là cơ sở để học viên có thể tiếp thu các kiến thức khác của toán học ứng dụng.			
19	Thực hành tâm lý giáo dục		2	Học kỳ IV	Thi
20	Lý luận dạy học toán	- Nắm được nhiệm vụ, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu Lý luận dạy học môn Toán - Vận dụng được các nguyên tắc dạy học môn Toán ở phổ thông - Các phương pháp dạy học môn Toán truyền thống và không truyền thống - Các hình thức tổ chức dạy học môn Toán.	3	Học kỳ IV	Thi
21	Phân tích và phát triển chương trình		3	Học kỳ IV	Thi
22	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh. - Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ V	Thi
23	Số học	Sinh viên nắm được vững vàng bản chất của các khái niệm, định lý trong lý thuyết chia hết, đồng dư và lý thuyết các hàm số học. Sinh viên cũng sẽ thao tác thành thạo các thuật toán và có được một khả năng căn bản trong việc giải các bài toán Số học liên quan đến các chủ đề chia hết, đồng dư và hàm số học.	3	Học kỳ V	Thi
24	Cơ sở hình học	Sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về sự hình thành và phát triển của cơ sở hình học, nắm được việc xây dựng hình học Euclid theo hệ tiên đề Hilbert, hệ tiên đề của hình học Lobachevsky và nắm được một số vấn đề cơ bản trong việc trình bày một lý thuyết toán học theo phương pháp tiên đề.	3	Học kỳ V	Thi
25	Phương pháp giảng dạy bộ môn Toán	- Phân tích được dụng ý của tác giả trong từng bài giảng - Biết soạn giáo án và tập giảng, chuẩn bị dẫn cho đợt thực tập sư phạm vào học kỳ II năm 4.	3	Học kỳ V	Thi
26	Phát triển năng lực dạy học bộ môn Toán	- Nắm được các phương pháp dạy học tích cực - Nắm được các phương pháp tư duy cần rèn	3	Học kỳ V	Thi

		luyện cho học sinh theo hướng phát triển năng lực qua quá trình dạy học Toán.			
27	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo; sinh viên biết sống theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên biết vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ VI	Thi
28	Thống kê toán	Sinh viên nắm được: Thống kê mô tả; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thuyết; Kiểm định phi tham số; Phân tích phương sai Sinh viên hiểu được: vai trò và ứng dụng của Thống kê trong các ngành khoa học khác cũng như trong cuộc sống. Về kỹ năng: - Sử dụng máy tính CASIO FX - Sử dụng phần mềm thống kê R, Minitab hoặc Excel vào giải các bài toán thống kê - Biết tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm. Về thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.	3	Học kỳ VI	Thi
29	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)		3	Học kỳ VI	Thi
30	Thực tập sư phạm 1		3	Học kỳ VI	Thi
31	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	- Nêu và phân tích được bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam; - Hiểu và phân tích được những vấn đề cơ bản về Nhà nước, quản lý hành chính Nhà nước; - Chỉ ra được đối tượng, chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của CB, CC, VC; - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa công chức và viên chức; - Xác định được bộ máy hành chính nhà nước nói chung và bộ máy quản lý giáo dục của Việt Nam; - Phân tích được bối cảnh quốc tế và trong nước có ảnh hưởng đến giáo dục nước ta;	2	Học kỳ VII	Thi

		- Đánh giá một cách khách quan thực trạng giáo dục nước ta; - Chỉ ra nguyên nhân đạt được thành tựu cũng như yếu kém; - Trình bày được quan điểm chỉ đạo trong việc phát triển giáo dục			
32	Bất đẳng thức	Sinh viên nắm được lịch sử, nội dung của các bất đẳng thức kinh điển trong Toán học và quan hệ giữa chúng. Sinh viên cũng sẽ biết mình phải làm gì khi cần tìm lời giải cho một bài toán về bất đẳng thức.	3	Học kỳ VII	Thi
33	Đánh giá trong dạy học môn Toán	- Nắm được cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá hoạt động học tập - Biết được các bước dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực.	2	Học kỳ VII	Thi
34	Thực tập sư phạm 2		3	Học kỳ VII	Thi
35	Khóa luận tốt nghiệp		6	Học kỳ VIII	Bảo vệ

7. Khoa Lịch sử

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (1)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo.	2	Học kỳ I	Thi
2	Tiếng anh 1 (A2.1)	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	3	Học kỳ I	Thi
3	Tin học đại cương (Tin học CN1)	Nắm vững được các vấn đề về máy tính và mạng máy tính; ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông; an toàn lao động và bảo vệ	2	Học kỳ I	Thi

		môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin – truyền thông; các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính; một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin; truyền thông đa phương tiện. Nắm vững các tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc khối tin học văn phòng: Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft Powerpoint.			
4	Nhập môn sử học và lịch sử sử học	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sử học, bao gồm những nội dung thiết yếu liên quan đến bộ môn Lịch sử (vấn đề nhận thức lịch sử, lịch sử là một khoa học, quan điểm duy vật lịch sử, các khoa học liên quan đến khoa học lịch sử, phương pháp học tập và nghiên cứu lịch sử). - Kĩ năng: + Bước đầu biết vận dụng những tri thức lịch sử vào thực tiễn; đặt cơ sở đầu tiên đi sâu vào các học phần có trong chương trình đào tạo của khoa Sử - Đại học Sư phạm. + Hình thành kỹ năng thu thập, tìm kiếm và xử lý các nguồn sử liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập lịch sử. - Thái độ: + Từ những hiểu biết cơ bản, bước đầu về sử học, sinh viên có ý thức rèn luyện, học tập để tiếp thu khoa học lịch sử một cách tích cực nhất. + Yêu thích môn học, ngành học mà các em đã chọn. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện năng lực xử lý, đánh giá các nguồn sử liệu. - Góp phần phát triển năng lực tư duy lịch sử, biện chứng.	2	Học kỳ I	Thi
5	Lịch sử thế giới cổ trung đại	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được các khái niệm, thuật ngữ thuộc lịch sử thế giới cổ - trung đại. + <u>Tóm tắt</u> được những nét chính của tiến trình lịch sử thế giới từ thời kỳ nguyên thủy đến khi kết thúc giai đoạn trung đại. + <u>Hiểu</u> được tình hình của các khu vực chính và các quốc gia tiêu biểu trong lịch sử thế giới thời cổ - trung đại. + <u>Phân tích</u> được điểm tương đồng và dị biệt của tiến trình lịch sử phương Đông và phương Tây, cũng như mối liên hệ giữa hai khu vực Đông + Tây qua các giai đoạn lịch sử	4	Học kỳ I	Thi

		khác nhau. + <u>Đánh giá</u> được những thành tựu và những hạn chế của lịch sử nhân loại nói chung và mỗi khu vực hay các quốc gia lớn nói riêng trong giai đoạn cổ đại và trung đại. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của các sự kiện và hiện tượng lịch sử. + Có kỹ năng so sánh, đối chiếu các hiện tượng đã diễn ra trong lịch sử với những hiện tượng tại thời điểm hiện tại. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua mỗi chặng đường phát triển, từ giai đoạn sơ khai nhất đến khi bắt đầu xuất hiện những mầm mống của chủ nghĩa tư bản. + Biết thận trọng, khách quan khi nhận định, đánh giá các nhân vật và sự kiện lịch sử trong giai đoạn cổ trung đại. + Biết nhìn nhận các vấn đề lịch sử trên quan điểm duy vật biện chứng.			
6	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: + Nắm được tiến trình phát triển của xã hội từ thời nguyên thủy đến thời dựng nước đầu tiên và cuộc chiến đấu kiên cường bền bỉ chống lại ách đô hộ ngoại bang, bảo vệ đất nước và dân tộc. + Nắm vững quá trình phát triển của XHVN từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XIX; đồng thời hiểu được quá trình hình thành, xác lập và khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam. + Nắm vững các nhân tố tạo nên thắng lợi của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa lớn chống ngoại xâm của dân tộc ta trong các thế kỷ X - trước năm 1858, qua đó tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc. + Nắm được những điểm cơ bản của nền văn minh Đại Việt và giải đáp được nguyên nhân mất nước ở cuối thế kỷ XIX và trách nhiệm của triều Nguyễn có cơ sở khoa học. - Kỹ năng: + Nhận biết các sự kiện và hiện tượng trong lịch sử dân tộc. + Hình thành thói quen phân biệt các sự kiện cơ bản, tiêu biểu và sử dụng nó miêu tả, khôi phục lại lịch sử quá khứ một cách chân thực. + Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết	3	Học kỳ I	Thi

		những nhiệm vụ nhận thức và thực tiễn đặt ra. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Nâng cao lòng yêu nước, ý thức sâu sắc, tự hào về những thành tựu văn hoá-văn minh và tinh thần bảo vệ những di sản quý giá; từ đó liên hệ đến nghề nghiệp của mình. + Có ý thức và niềm tin sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển năng lực tư duy lý luận, sáng tạo.			
7	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	3	Học kỳ II	Thi
8	Tiếng anh 2 (A2.2)	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	4	Học kỳ II	Thi
9	Tâm lý học giáo dục	Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về: - Những hiện tượng và các qui luật chung nhất của tâm lý con người. - Sự phát triển tâm lý của con người qua các giai đoạn phát triển khác nhau; đồng thời nắm vững những đặc trưng tâm lý chủ yếu của hai lứa tuổi học sinh THCS và THPT. - Tâm lý học dạy học; Tâm lý học giáo dục; Tâm lý học nhân cách người giáo viên. - Vận dụng được những kiến thức tâm lý học LT-SP vào việc giải thích các nguyên nhân thành công hay thất bại của các tác động sư phạm. Trên cơ sở đó sinh viên có được cách nhìn đúng đắn và đưa ra được các biện pháp tác động sư phạm thích hợp. - Hiểu được vị trí, vai trò của lao động sư phạm, sinh viên ý thức được trong việc tự đề ra các biện pháp tu dưỡng, rèn luyện cho bản thân để trở thành người giáo viên trong tương lai.	4	Học kỳ II	Thi
10	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức:	2	Học kỳ II	Thi

		+ Giải thích đúng về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử. + Phân tích đúng nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng trong xã hội; phân biệt các kiểu và hình thức Pháp luật. + Nắm vững hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa và bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Nắm vững các vấn đề cơ bản về khoa học pháp lý như: quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật; hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. + Trình bày đúng một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự Việt Nam. - Về kỹ năng: + Tập hợp, khai thác những thông tin pháp lý từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ công việc; hình thành kỹ năng đánh giá, phân tích và giải thích những hiện tượng pháp lý. + Vận dụng những tri thức pháp lý liên quan đến một số chế định trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết những tình huống pháp luật thông thường trong đời sống xã hội và thực thi pháp luật trong cuộc sống. - Về thái độ: Tin tưởng vào nhà nước và pháp luật Việt Nam; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật; tích cực tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.			
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về văn hóa học và văn hóa Việt Nam - Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống - Mục tiêu khác:	2	Học kỳ II	Thi

		+ Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống + Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá + Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
12	Lịch sử thế giới cận đại	Học xong môn này, sinh viên có được: - Kiến thức: + Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản, sự xác lập của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới và quá trình chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa đế quốc. + Phong trào công nhân và cộng sản quốc tế thời cận đại. + Phong trào đấu tranh, giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mĩ Latinh thời cận đại. + Những tiến bộ, thành tựu về khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật thế kỉ XVI - XVIII. - Kỹ năng: + Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, quá trình, nhân vật lịch sử. + Hình thành hệ thống kỹ năng hỗ trợ cho bộ môn như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học,... - Thái độ: + Hình thành ở sinh viên quan điểm đánh giá, nhận định đúng các sự kiện, hiện tượng, biến cố của lịch sử thời cận đại. + Hình thành ở sinh viên thái độ đối với các cuộc chiến tranh đế quốc, đối với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, giai cấp vô sản thế giới, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân các nước Á, Phi, Mĩ Latinh thời cận đại	4	Học kỳ II	Thi
13	Lịch sử văn minh thế giới	* Kiến thức: - Cung cấp cho sinh viên hệ thống những vấn đề về bộ môn Lịch sử văn minh thế giới gồm: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập bộ môn; các khái niệm. - Trang bị cho sinh viên những tri thức cụ thể về các nền văn minh nhân loại ra đời thời cổ đại (Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp - La Mã), cổ trung đại (Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á), trung đại (Ả Rập, Tây Âu), cận đại (văn minh công nghiệp), hiện đại (văn minh hậu công nghiệp) từ điều kiện phát sinh đến các thành tựu chủ yếu. - Giúp sinh viên nhận biết và lý giải được sự chuyển dịch vị thế của mỗi nền văn minh và sự giao lưu, tiếp biến, học hỏi giữa các nền văn	2	Học kỳ II	Thi

		minh trên thế giới. * Kỹ năng: - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử và các thành tựu của văn minh nhân loại. - Hình thành hệ thống kỹ năng hỗ trợ cho bộ môn như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học,... * Thái độ: - Giúp sinh viên nhận thức đúng quy luật, nguồn gốc vận động của các hình thái kinh tế - xã hội thông qua sự phát triển kế tiếp của các nền văn minh và vị trí, vai trò, đóng góp của mỗi nền văn minh đối với văn minh nhân loại. - Hình thành ở sinh viên nhận thức và nhận sinh quan đúng đắn biết tự hào, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị vật chất, tinh thần của nhân loại. - Giúp sinh viên hiểu và nhận thức được vị trí của các nền văn minh ở Việt Nam trong sự phát triển của văn minh nhân loại.			
14	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	Thông qua các hoạt động tích cực giao tiếp thân thiện giữa người dạy và người học qua đĩa CDrom mang tên "Hành trình thành niên" gồm 10 bài học, sinh viên được cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về: - Nhận thức giá trị của bản thân mình, thể hiện quyền quyết định về bản thân mình, có thái độ tôn trọng, thông cảm với những người khác. - Những vấn đề liên quan đến tâm lý, cơ thể ở tuổi sinh viên và kỹ năng giải quyết những tình huống gặp phải về những vấn đề liên quan đến tâm sinh lý lứa tuổi. - Những khái niệm và vai trò của giới trong cuộc sống, các quyền liên quan đến giới và sức khỏe sinh sản của con người, việc áp dụng và phổ biến các quyền về giới và sức khỏe sinh sản trong cuộc sống bản thân và cộng đồng. - Vấn đề tình bạn và tình yêu và các mối quan hệ khác; biết cách giải quyết những vấn đề nảy sinh. - Khái niệm tình dục, bản chất và sự đa dạng của hành vi tình dục; các vấn đề nhạy cảm liên quan đến tình dục, nắm bắt được cách quyết định, giao tiếp, thương lượng có liên quan đến tình dục. - Cơ chế của sự mang thai, cách chăm sóc sức khỏe khi mang thai; những định kiến	2	Học kỳ II	Thi

		xã hội, sức ép của sự mang thai và nạo phá thai ở tuổi sinh viên; nhận thức được các lợi ích khi biết đợi đến thời điểm mang thai thích hợp và đồng thời cũng nắm được các giải pháp có thể lựa chọn trong trường hợp có thai ngoài ý muốn ở thanh niên. - Các nguy cơ của việc quan hệ tình dục không an toàn; cách sử dụng bao cao su đúng cách, cách phòng tránh và ứng xử đối với những bệnh viêm nhiễm và lây lan qua đường tình dục, HIV/AIDS. - Cách phòng nguy cơ bị xâm hại: tự bảo vệ khi bị cưỡng hiếp, bạo lực và biết chia sẻ giúp đỡ các nạn nhân của bạo lực tình dục; biết thể hiện quyền liên quan đến an toàn cá nhân và tôn trọng danh dự trong quan hệ tình dục. - Ước mơ và xây dựng kế hoạch phấn đấu cho tương lai, việc kết hôn, bảo vệ hạnh phúc gia đình và trách nhiệm là cha mẹ, nghề nghiệp tương lai, phát triển một đời sống tình dục trọn vẹn, an toàn và hạnh phúc. - Hiểu biết một số phương pháp giáo dục giới tính phù hợp với lứa tuổi có hiệu quả.			
15	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh. - Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin. - Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, học phân tạo lập cho sinh viên những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.	2	Học kỳ III	Thi
16	Giáo dục học	- Về kiến thức: + Hiểu được các đặc trưng của giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội. + Hiểu và phân tích được các tính chất của giáo dục + Chỉ ra được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học. + Nêu được các thành tố của giáo dục . + Chỉ ra được mối quan hệ giữa hệ thống các KHGD với các KH khác + Phân tích vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội + Xác định được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách + Phân tích được vai trò của di truyền ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách	3	Học kỳ III	Thi

		+ Phân tích được vai trò của môi trường ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách + Phân tích được vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội + Nêu được khái niệm mục tiêu giáo dục + Biết được mục tiêu giáo dục Việt Nam hiện nay + Biết được việc thực hiện các nội dung giáo dục trong nhà trường phổ thông hiện nay. + Xác định được vị trí của giáo dục Phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. + Trình bày được vị trí của người giáo viên trong xã hội và trong nhà trường phổ thông + Phân tích được đặc điểm của hoạt động sư phạm của người giáo viên phổ thông + Hiểu được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên trong nhà trường phổ thông . - Kỹ năng: + Bước đầu phát hiện và nghiên cứu giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các hiện tượng giáo dục. + Dự kiến được kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục + Có được kỹ năng thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng giáo dục - Thái độ: + Có hứng thú học tập và nghiên cứu môn Giáo dục học cũng như các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục. + Có ý thức tu dưỡng và rèn luyện để hình thành nhân cách của người giáo viên tương lai. + Có niềm tin sư phạm, tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề mến trẻ. - Các mục tiêu khác: + Có được kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm + Có được kỹ năng thuyết trình			
17	Nhân học đại cương	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về ngành Dân tộc học. - Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống	3	Học kỳ III	Thi

		* Mục tiêu khác: + Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống + Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá + Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
18	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Trang bị cho sinh viên đặc điểm, tính chất của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, những thành tựu chủ yếu trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta giai đoạn 1945 đến nay.	3	Học kỳ III	Thi
19	Lịch sử Việt Nam cận đại	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức hệ thống cơ bản lịch sử Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta đến Cách mạng tháng Tám thành công. Qua đó, giúp SV nhận thức một cách đúng đắn khách quan việc để Pháp xâm lược và thống trị nước ta trách nhiệm thuộc về triều Nguyễn; hiểu đúng về chính sách cai trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp gây nhiều hậu quả nghiêm trọng cho xã hội Việt Nam, nhưng cũng để lại những yếu tố khách quan thuận lợi làm tiền đề cho sự phát triển phong trào giải phóng dân tộc nước ta mạnh mẽ làm nên Cách mạng tháng Tám vĩ đại. - Kỹ năng: + Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu + Rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử + Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau + Biết sử dụng các phương pháp của khoa học lịch sử trong nghiên cứu, vận dụng quan điểm Mác xít trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề. - Thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực	4	Học kỳ III	Thi

		đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
20	Khảo cổ học địa cương	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: + Môn Khảo cổ học đại cương nhằm: + Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Khảo cổ học để minh họa và bổ sung cho những kiến thức về lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, đặc biệt là phần về xã hội nguyên thủy và cổ đại. + Trang bị cho người học một số khái niệm về các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Khảo cổ học. - Kỹ năng: Trên cơ sở được trang bị một số khái niệm về các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Khảo cổ học sẽ góp phần hình thành các kỹ năng thực hành trong nghiên cứu lịch sử. - Thái độ: Từ những hiểu biết cơ bản, bước đầu về Khảo cổ học sẽ giúp sinh viên có ý thức sâu sắc về di tích, di vật của người xưa để lại; từ đó có hành động tích cực trong bảo tồn và phát huy những di sản quá khứ. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện năng lực xử lý, đánh giá các nguồn sử liệu, nhất là nguồn sử liệu hiện vật, tượng hình. - Góp phần phát triển năng lực tư duy biện chứng.	3	Học kỳ III	Thi
21	<i>Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ IV	Thi
22	Thực hành tâm lý	- Về kiến thức: + Hiểu rõ mục tiêu tổ chức các hoạt động + Biết được các loại hình tổ chức hoạt động - Về kỹ năng: + Vận dụng được các nguyên tắc giáo dục khi tổ chức các hoạt động giáo dục + Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin + Kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức các	2	Học kỳ IV	Thi

		hoạt động + Kỹ năng điều hành, tổ chức các hoạt động giáo dục + Nhận diện được các hành vi phổ biến và bất thường trong lớp học ở học sinh + Quản lý được các hành vi phổ biến và bất thường trong lớp học ở học sinh + Kỹ năng sử dụng các phương pháp nhận diện nhu cầu hỗ trợ tâm lý ở học sinh + Kỹ năng tiếp xúc phụ huynh, các tổ chức xã hội + Kỹ năng tư vấn, hỗ trợ tâm lý cơ bản ❖ - Về thái độ: + Có thái độ mong muốn và tổ chức các hoạt động một cách khoa học. + Tích cực học tập và rèn luyện để hình thành nhân cách của người giáo viên, sẵn sàng tham gia các hoạt động nghề nghiệp, có niềm tin sư phạm, tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề, mến trẻ.			
23	Giao tiếp sư phạm	Sau khi học xong học phần này, sinh viên đạt được: - Kiến thức + Hiểu được khái niệm giao tiếp, giao tiếp sư phạm. + Phân tích được các giai đoạn của quá trình giao tiếp sư phạm. + Phân tích được các phương diện của giao tiếp sư phạm gồm: mục đích, nội dung, chức năng, đặc trưng, phương tiện, nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm. + Phân tích được các yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm. * Kỹ năng + Biết cách định hướng trong giao tiếp sư phạm + Biết cách mở đầu quá trình giao tiếp + Biết cách lắng nghe trong quá trình giao tiếp + Biết cách quản lý cảm xúc bản thân + Biết cách giải quyết mâu thuẫn + Biết cách đặt câu hỏi khi đứng lớp - Biết cách phản hồi thông tin - Biết cách thuyết trình một vấn đề - Biết cách giải quyết các tình huống sư phạm - Biết cách kết thúc quá trình giao tiếp * Thái độ - Đánh giá đúng tầm quan trọng của giao tiếp sư phạm trong hành trang của nhà giáo. - Tích cực, hứng thú rèn luyện để có khả năng giao tiếp sư phạm tốt.	2	Học kỳ IV	Thi

		* Mục tiêu khác - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.			
24	Lịch sử thế giới hiện đại	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được các khái niệm, thuật ngữ thuộc lịch sử thế giới hiện đại + <u>Tóm tắt</u> được những nét chính của tiến trình lịch sử thế giới trong thời hiện đại + <u>Hiểu</u> được tình hình của các khu vực chính và các quốc gia tiêu biểu trong lịch sử thế giới hiện đại. + <u>Phân tích</u> được điểm tương đồng và dị biệt của tiến trình lịch sử phương Đông và phương Tây, cũng như mối liên hệ giữa hai khu vực Đông - Tây qua các giai đoạn lịch sử khác nhau thời hiện đại. + <u>Đánh giá</u> được những thành tựu và những hạn chế của lịch sử nhân loại nói chung và mỗi khu vực hay các quốc gia lớn nói riêng trong thời hiện đại. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của các sự kiện và hiện tượng lịch sử. + Có kỹ năng so sánh, đối chiếu các hiện tượng đã diễn ra trong lịch sử với những hiện tượng tại thời điểm hiện tại. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua mỗi chặng đường phát triển. + Biết thận trọng, khách quan khi nhận định, đánh giá các nhân vật và sự kiện lịch sử trong thời hiện đại. + Biết nhìn nhận các vấn đề lịch sử trên quan điểm duy vật biện chứng.	2	Học kỳ IV	Thi
25	Chủ nghĩa tư bản cận – hiện đại	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được những lý luận cơ bản và hiện thực về chủ nghĩa tư bản ngày nay. Từ đó có nhận thức đúng hơn, khách quan và khoa học hơn về chủ nghĩa tư bản hiện đại, cũng như khuynh hướng phát triển của nó trong tương lai. + <u>Vận dụng</u> các kiến thức đã học vào việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích tiến bộ và hạn chế của CNTB hiện đại. + Có kỹ năng vận dụng kiến thức về CNTB hiện đại vào thực tế. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua các chặng đường phát triển của CNTB. + Biết thận trọng, khách quan khi đánh giá	3	Học kỳ IV	Thi

		quá trình phát triển của CNTB hiện đại.			
26	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận – hiện đại	- Kiến thức: + Phân biệt được các khái niệm về chuyên đề như: cải cách, duy tân và đổi mới, cách mạng, giải phóng. + Hiểu được bối cảnh của một số quốc gia châu Á tiêu biểu trước nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây. + Nắm được các vấn đề cơ bản của một số phong trào cải cách, duy tân chính ở châu Á ở Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và Việt Nam. + Khái quát được đặc điểm, đánh giá được các cuộc cải cách và đổi sách giữa các cuộc cải cách ở châu Á thời cận hiện đại. - Kỹ năng: + Rèn luyện các kỹ năng đọc và phân tích tài liệu. + Rèn luyện kỹ năng chuẩn bị xêmina và kỹ năng thuyết trình. + Phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên thông qua các hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận. + Kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp và so sánh các vấn đề lịch sử. - Thái độ: + Hình thành ở sinh viên quan điểm đánh giá, nhận định đúng các sự kiện, hiện tượng, biến cố của lịch sử châu Á thời cận hiện đại. + Có thái độ khách quan, khoa học trong đánh giá nguyên nhân thất bại và thành công của các quốc gia châu Á thời cận hiện đại.	3	Học kỳ IV	Thi
27	Tin học chuyên ngành (2)	- Kiến thức: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử, biết ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là cách sử dụng một số phần mềm như: Ms PowerPoint, Macromedia Flash, Window movie maker, Violet, ACD See, Photoshop,... để thiết kế các loại đồ dùng trực quan quy ước trong dạy học lịch sử, như: Niên biểu, biểu đồ, sơ đồ, đồ thị, bản đồ, thiết kế giáo án điện tử, khai thác tài liệu từ internet, khai thác và lưu trữ hồ sơ tư liệu ... góp phần nâng cao chất lượng dạy học lịch sử ở trường phổ thông - Kỹ năng: Rèn luyện cho SV kỹ năng khai thác tiện ích CNTT để thiết kế và sử dụng hệ thống đồ dùng trực quan (quy ước) phù hợp với nội dung, đối tượng học tập; giúp SV nắm kỹ năng khai thác tiện ích CNTT để thiết kế bài giảng điện tử; kỹ năng khai thác tài liệu từ internet, kỹ năng khai thác và lưu trữ hồ sơ tư liệu phục vụ dạy học lịch sử - Thái độ: SV phải tham gia đầy đủ các	2	Học kỳ IV	Thi

		buổi thảo luận do giảng viên hướng dẫn; phải hoàn thành các bài tập thực hành; thái độ học tập phải nghiêm túc.			
28	Lý luận dạy học lịch sử	- <i>Kiến thức</i>: Hình thành cho SV những hiểu biết cơ bản về phương pháp dạy học lịch sử: phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học; quá trình phát triển của phương pháp dạy học và bộ lịch sử ở trường phổ thông; chức năng giáo dục của bộ môn lịch sử ở trường phổ thông; chương trình và sách giáo khoa môn lịch sử ở trường phổ thông; phát triển năng lực nhận thức và thực hành của sinh viên qua dạy học lịch sử. - <i>Kỹ năng</i>: Rèn luyện cho SV kỹ năng phân tích chương trình và sách giáo khoa môn lịch sử ở trường phổ thông; xác định kiến thức lịch sử cơ bản; sự khác nhau về mức độ kiến thức giữa bậc Trung học cơ sở và bậc trung học phổ thông, giữa ban cơ bản và ban nâng cao ở trường trung học phổ thông. - <i>Thái độ, chuyên cần</i>: SV phải tham gia đầy đủ các buổi thảo luận do giảng viên hướng dẫn; phải hoàn thành các bài tập thực hành; thái độ học tập phải nghiêm túc.	3	Học kỳ V	Thi
29	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	Sau khi kết thúc môn học, người học có thể: - <i>Về kiến thức</i>: + Hiểu các khái niệm cơ bản, ý nghĩa và mục đích của NCKHGD. + Phân biệt được các loại hình NCKHGD. + Hệ thống hóa và phân tích cơ sở lựa chọn các PPNC cơ bản trong KHGD. + Hiểu được cấu trúc và qui trình tiến hành một NCKHGD - <i>Về kỹ năng</i>: + Xác định vấn đề nghiên cứu khả thi, đối tượng, khách thể, mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu và đặt tên đề tài chuẩn xác. + Lựa chọn và sử dụng linh hoạt, hiệu quả các PPNC trong KHGD. + Thiết kế qui trình thu thập và xử lý thông tin phù hợp với mục đích và PPNC + Xây dựng đề cương nghiên cứu. + Viết và trình bày 1 báo cáo nghiên cứu trong KHGD hoàn chỉnh + Đánh giá đúng giá trị của một công trình NC đích thực - <i>Về thái độ</i>: + Hình thành thái độ khách quan, nghiêm túc trong NC KHGD. + Say mê nghiên cứu và tích cực áp	2	Học kỳ V	Thi

		dụng các kết quả NC trong KHGD vào đổi mới quá trình dạy học, phương pháp dạy học			
30	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	- Về kiến thức: Học phần giúp sinh viên hiểu được chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam dẫn đến hệ quả là những chuyển biến về cơ cấu kinh tế Việt Nam, qua các thời kỳ từ 1858 - 1945. Từ sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế đó đã tác động nhiều mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội nước ta thời cận hiện đại, thúc đẩy sự phát triển phong trào yêu nước cách mạng tiến tới thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Kĩ năng: + Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu + Rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử + Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau + Biết sử dụng các phương pháp của khoa học lịch sử trong nghiên cứu, vận dụng quan điểm Mác xít trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề. - Thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận.	3	Học kỳ V	Thi
31	Địa phương học	Giúp sinh viên nắm vững khái niệm, đối tượng, nội dung, quan điểm và phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành địa phương học; hiểu rõ hơn về đặc điểm địa lý, dân cư, văn hóa, lịch sử của khu vực Nam Trung Bộ. Từ đó trang bị cho các em những nguồn kiến thức cần thiết để nâng cao chất lượng học tập các nội dung về lịch sử dân tộc, lịch sử địa phương; hoàn thành có hiệu quả các đề tài bài tập lớn, khóa luận về lịch sử địa phương, lịch sử Việt Nam. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn nghiên cứu ở từng địa phương cụ thể; và góp phần nâng cao lòng yêu quê hương, niềm tự hào về những đóng góp của địa phương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước cho sinh viên.	3	Học kỳ V	Thi
32	Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được các khái niệm, thuật ngữ thuộc lịch sử quan hệ quốc tế thời hiện đại. + <u>Tóm tắt</u> được những nét chính của tiến	3	Học kỳ V	Thi

		trình lịch sử quan hệ quốc tế trong thời hiện đại. + <u>Đánh giá</u> được những cơ hội và thách thức của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ quốc tế. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của các sự kiện và hiện tượng lịch sử. + Có kỹ năng so sánh, đối chiếu các hiện tượng đã diễn ra trong lịch sử với những hiện tượng tại thời điểm hiện tại. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua mỗi chặng đường phát triển. + Biết thận trọng, khách quan khi nhận định, đánh giá các nhân vật và sự kiện lịch sử trong quan hệ quốc tế thời hiện đại. + Biết nhìn nhận các vấn đề lịch sử trên quan điểm duy vật biện chứng.			
33	Tham vấn tâm lý	Tham vấn học đường nằm trong hệ thống tri thức dành cho hệ đào tạo sư phạm nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm những hiểu biết về công tác tham vấn trong học đường và ứng dụng được trong thực tiễn học đường. Mục tiêu cụ thể Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải và có thể: - Biết được bản chất tham vấn học đường, nắm được những phẩm chất, kỹ năng cần thiết của nhà tham vấn học đường, quy điều đạo đức, nhận diện được các nan đề của học sinh. - Hình thành một số kỹ năng cơ bản của tham vấn học đường, có khả năng phân tích, đánh giá các nan đề của học sinh và thực hiện các bước của quy trình tham vấn. - Giúp nhận diện bản thân, tạo sự cân bằng tâm lý và thái độ tích cực hướng tới sự hỗ trợ tâm lý cho học sinh một cách chuyên nghiệp.	2	Học kỳ V	Thi
34	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	Sinh viên nắm được những quy tắc cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức; thấu hiểu đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; nắm được luật giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác về giáo dục và đào tạo ở cấp/bậc dạy trong tương lai để thực hiện đúng trong hoạt động nghề nghiệp; hiểu biết về thực tiễn giáo dục Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ II	Thi
35	Tín ngưỡng và các tôn	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này,	3	Học kỳ	Thi

	giáo ở Việt Nam	sinh viên có được: - Về kiến thức: + Biết những kiến thức cơ bản nhất về một số tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ thành hoàng và tín ngưỡng thờ Mẫu. + Nhận biết được những đặc điểm căn bản nhất của một số tôn giáo chính ở Việt Nam (như Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Đạo giáo) về lịch sử du nhập/hình thành và phát triển; giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức; liên hệ, so sánh, đối chiếu sự giống và khác nhau giữa Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, Đạo giáo nói chung với Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, Đạo giáo Việt Nam để tìm ra những yếu tố bản địa trong các tôn giáo ngoại nhập ở Việt Nam. + Với quan điểm đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, học phần này sẽ giúp sinh viên nhận thức đúng chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với tín ngưỡng, tôn giáo - Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập + Có thái độ và cách ứng xử đúng đắn đối với các tôn giáo * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
36	Phương pháp dạy học lịch sử	- Kiến thức: Hình thành cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh; giúp SV có những hiểu biết về bản đồ, bản đồ giáo khoa, cách thiết kế và sử dụng chúng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông - Kỹ năng: Rèn luyện cho SV kỹ năng sử dụng hệ thống phương pháp dạy học lịch sử phù hợp với nội dung, đối tượng học tập; giúp SV nắm kỹ năng thiết kế và sử dụng hệ thống	3	Học kỳ VI	Thi

		bản đồ giáo khoa phục vụ việc dạy học lịch sử ở trường phổ thông. - <i>Thái độ</i>: SV phải tham gia đầy đủ các buổi thảo luận do giảng viên hướng dẫn; phải hoàn thành các bài tập thực hành; thái độ học tập phải nghiêm túc.			
37	Phương pháp dạy học các môn xã hội	- Về kiến thức + Phân tích được nội dung chương trình, cấu trúc SGK các môn khoa học xã hội. + Xác định được một số phương pháp đặc trưng, hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá môn khoa học xã hội. - Về kĩ năng + Lựa chọn và sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực HS các môn khoa học xã hội. + Lập kế hoạch bài học các môn khoa học xã hội theo hướng tích cực. + Sử dụng có hiệu quả và tự làm một số đồ dùng dạy học đơn giản phục vụ môn học. + Đánh giá kết quả học tập của HS theo định hướng mới. - Về thái độ + Có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm.	3	Học kỳ VI	Thi
38	Lịch sử Việt Nam hiện đại	- Về kiến thức + Biết được các khái niệm cơ bản của lịch sử Việt Nam hiện đại + Tóm tắt được tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. + Hiểu được thành tựu và hạn chế của cách mạng nước ta trong mỗi giai đoạn lịch sử + Phân tích được âm mưu, thủ đoạn của Mĩ trong việc tiến hành các chiến lược chiến tranh ở hai miền nước ta + Đánh giá được tầm vóc, ý nghĩa thắng lợi và bài học lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích các sự kiện và hiện tượng lịch sử. + Có kỹ năng so sánh, bình luận các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử - Về thái độ + Vững vàng trong lập trường chính trị và thái độ chính trị trước diễn biến của lịch sử + Biết đánh giá khoa học, khách quan trước các nhân vật và sự kiện lịch sử + Biết nhìn nhận các vấn đề lịch sử trên quan điểm duy vật biện chứng.	4	Học kỳ VI	Thi

39	Việt Nam và ASEAN	- Về kiến thức + <u>Biết được</u> những nét lớn về lịch sử Đông Nam Á + <u>Đánh giá</u> những vấn đề của Đông Nam Á trong lịch sử và hiện nay + Trang bị cho người học những nội dung sau: quá trình hình thành, phát triển và suy yếu của các quốc gia Đông Nam Á (thời tiền thực dân); quá trình các quốc gia Đông Nam Á trở thành thuộc địa hay nửa thuộc địa của các nước phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai; thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước sau khi giành được độc lập dân tộc; tổ chức hợp tác khu vực (ASEAN) và quá trình hội nhập của Việt Nam vào ASEAN. - Về kỹ năng + Kỹ năng phân tích, đánh giá trong nghiên cứu sử học. + Vận dụng kiến thức để giải thích các vấn đề quốc tế hiện nay. - Về thái độ + Biết trân trọng và giữ gìn mối quan hệ láng giềng với các nước Đông Nam Á. + Biết thận trọng, khách quan những biến động của khu vực hiện nay.	3	Học kỳ VI	Thi
40	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Giúp sinh viên hiểu rõ vị trí, nhiệm vụ của công tác nghiên cứu lịch sử địa phương, nắm được phương pháp sưu tầm các nguồn tài liệu địa phương, phương pháp biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương để nâng cao chất lượng học tập bộ môn lịch sử dân tộc, hoàn thành có hiệu quả các đề tài bài tập lớn, khóa luận về lịch sử địa phương, lịch sử Việt Nam. - Kỹ năng: Biết tổ chức, sưu tầm, biên soạn, giảng dạy các tiết lịch sử địa phương. - Thái độ: Có ý thức sâu sắc việc sưu tầm, nghiên cứu và sử dụng tư liệu lịch sử địa phương vào công tác giảng dạy nội khóa và các hoạt động ngoại khóa ở trường phổ thông. - Nâng cao lòng yêu quê hương, niềm tự hào về những đóng góp của địa phương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. * Mục tiêu khác: Góp phần phát triển năng lực tư duy.	2	Học kỳ VI	Thi
41	Thực tế chuyên môn	Giúp sinh viên nắm vững và hiểu sâu sắc những kiến thức về lịch sử dân tộc đã được tiếp	2	Học kỳ VI	

		thu trên giảng đường. Vận dụng những hiểu biết trong việc học tập và giảng dạy lịch sử dân tộc.			
42	Biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	* Về kiến thức: - Nắm được chủ trương đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam - Những biến đổi về kinh tế xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới * Kỹ năng: - Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. * Thái độ: - Yêu thích môn học. - Đoàn kết, hợp tác trong học tập - Tôn trọng những thành tựu của nhân dân ta trong thời kỳ đổi mới 3.2. Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo	3	Học kỳ VI	Thi
43	Lịch pháp học	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được các khái niệm cơ bản về thời gian, cách đo và xác định thời gian; khái niệm lịch pháp, các loại lịch cơ bản của thế giới. + <u>Tóm tắt</u> được cơ sở hình thành, quá trình phát triển của các loại lịch. + <u>Vận dụng</u> được công cụ thông dụng nhằm đổi từ dương lịch sang âm lịch, âm lịch sang dương lịch; đổi chiều âm lịch, lịch theo hệ can chi với dương lịch. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích điểm mạnh và yếu của các loại lịch. + Có kỹ năng vận dụng kiến thức về lịch pháp học vào thực tế. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua các chặng đường phát triển của lịch pháp. + Biết thận trọng, khách quan khi sử dụng lịch pháp trong nghiên cứu và cuộc sống.	2	Học kỳ VI	Thi
44	Sử liệu học	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được những nguồn sử liệu cơ bản và chuyên sâu để nghiên cứu lịch sử. + <u>Đánh giá</u> tính tích cực và hạn chế của các nguồn sử liệu khác nhau. - Về kỹ năng + Kỹ năng phân tích, đánh giá và khai thác tốt các nguồn sử liệu.	3	Học kỳ VI	Thi

		+ Vận dụng kiến thức về sử liệu học vào học tập và nghiên cứu. - Về thái độ + Biết trân trọng các nguồn sử liệu trong nghiên cứu. + Biết thận trọng, khách quan khi đánh giá các nguồn sử liệu.			
45	Văn hóa Chăm	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về lịch sử, văn hóa vương quốc cổ Chăm-pa và văn hóa của cộng đồng người Chăm hiện nay ở Việt Nam - Kĩ năng: Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo	3	Học kỳ VI	Thi
46	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	Sinh viên nắm được những quy tắc cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức; thấu hiểu đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; nắm được luật giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác về giáo dục và đào tạo ở cấp/bậc dạy trong tương lai để thực hiện đúng trong hoạt động nghề nghiệp; hiểu biết về thực tiễn giáo dục Việt Nam hiện nay.	2	Hcj Kỳ VI	Thi
47	Kiến tập sư phạm	- Kiến thức: Giúp sinh viên bước đầu hiểu biết về tổ chức và hoạt động của trường THPT, hoạt động của người giáo viên, tổ chức lớp học thông qua quan sát và tham gia một số hoạt động tại trường thực tập. - Kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu tình hình trường phổ thông cũng như có khả năng nắm bắt những hoạt động chủ yếu của giáo viên ở trường THPT. Bước đầu biết thực hiện một số hoạt động của người giáo viên ở trường thực tập. - Thái độ: Sinh viên phải có mặt đúng thời gian quy định và thực hiện đầy đủ các yêu cầu do Ban chỉ đạo trường thực tập đề ra.	1	Học kỳ VII	Thi

48	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	- <i>Kiến thức</i>: Trang bị cho sinh viên những vấn đề về lý luận rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (cơ sở để xác định kỹ năng, quan niệm, nội dung cơ bản về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên) và những hiểu biết cơ bản về quy trình sử dụng máy tính để thiết kế đồ dùng dạy học trong dạy học lịch sử. - <i>Kỹ năng</i>: Rèn luyện cho SV kỹ năng thiết kế và sử dụng hệ thống đồ dùng trực quan (quy ước) phù hợp với nội dung, đối tượng học tập; giúp SV nắm kỹ năng lựa chọn và xây dựng các đoạn tài liệu phục vụ dạy học lịch sử; thiết kế và sử dụng hệ thống bản đồ giáo khoa phục vụ việc dạy học lịch sử; kỹ năng sử dụng nhuần nhuyễn các hình thức trình bày miệng trong dạy học lịch sử; kỹ năng xây dựng hồ sơ tư liệu phục vụ dạy học; kỹ năng sưu tầm và biên soạn tài liệu lịch sử địa phương; kỹ năng thiết kế giáo án điện tử; khai thác thành thạo Internet phục vụ dạy học... - <i>Thái độ</i>: SV phải tham gia đầy đủ các buổi thảo luận do giảng viên hướng dẫn; phải hoàn thành các bài tập thực hành; thái độ học tập phải nghiêm túc.	3	Học kỳ VII	Thi
49	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	- <i>Kiến thức</i>: + Nắm vững mục tiêu, hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử (kiểm tra miệng và kiểm tra viết) + Nắm vững kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra (tự luận, trắc nghiệm khách quan...) + Xây dựng “ma trận kiểm tra” để kiểm tra trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo quy định của chương trình và sách giáo khoa. + Nắm vững quy trình đánh giá độ chính xác của bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan. - <i>Kỹ năng</i>: có kỹ năng soạn thảo câu hỏi kiểm tra tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan phù hợp với chương trình và nội dung sách giáo khoa. - <i>Thái độ</i>: giáo dục học sinh sự kiên trì và tính trung thực trong học tập, kiểm tra đánh giá.	2	Học kỳ VII	Thi
50	Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở Trường Phổ thông	- <i>Kiến thức</i>: + Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới trong dạy học nói chung và trong dạy học lịch sử nói riêng. + Những biện pháp cơ bản để tiến hành đổi mới dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông. - <i>Kỹ năng</i>: + Kỹ năng lên lớp tiến hành các bài học.	2	Học kỳ VII	Thi

		+ Kỹ năng kiểm tra – đánh giá. - <i>Thái độ:</i> + Ý thức rèn luyện, tự đổi mới trong dạy học. + Ý thức say mê nghiên cứu khoa học giáo dục để cải tiến những phương pháp dạy học bộ môn.			
51	Một số vấn đề về triều Nguyễn	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Học phần giúp sinh viên hiểu được một số vấn đề cơ bản về triều Nguyễn ở nửa sau thế kỷ XIX như: trách nhiệm của triều Nguyễn trước sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân, những đề nghị cải cách của các nhân sĩ yêu nước và thái độ của nhà Nguyễn trước vấn đề này, đánh giá các vị vua nhà Nguyễn từ Tự Đức đến Thành Thái. Qua đó, học phần sẽ giúp sinh viên học tập và giảng dạy tốt lịch sử Việt Nam trong nửa sau thế kỷ XIX ở trường trung học phổ thông. - Kĩ năng: + Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu + Rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử + Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau + Biết sử dụng các phương pháp của khoa học lịch sử trong nghiên cứu, vận dụng quan điểm Mác xít trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề. - Thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận. - Mục tiêu khác: + Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lí tình huống + Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả + Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá + Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo	3	Học kỳ VII	Thi
52	Một số vấn đề biển đảo Việt Nam	- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung khái quát liên quan đến vị trí địa lý, tiềm năng kinh tế về biển Đông và biển đảo của nước ta; giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vai trò của biển đảo đối với sự	3	Học kỳ VII	Thi

		ngành xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên hệ thống các nguồn tư liệu quá trình khai phá khẳng định chủ quyền của nước ta đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và tìm hiểu về quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của dân tộc ta. - <i>Về kỹ năng</i>: Rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng các thao tác tư duy như so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp... để đưa ra nhận định của bản thân; kỹ năng sưu tầm các nguồn tư liệu liên quan đến chủ quyền biển đảo của nước ta để phục vụ học tập và nghiên cứu. - <i>Về thái độ</i>: Nâng cao ý thức, trách nhiệm của sinh viên đối với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo nước ta hiện nay.			
53	Toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được các khái niệm, thuật ngữ liên quan quá trình toàn cầu hóa. + <u>Tóm tắt</u> được những nét chính của quá trình toàn cầu hóa. + <u>Hiểu</u> được tình hình của các khu vực chính và các quốc gia tiêu biểu trong quá trình toàn cầu hóa. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của các sự kiện và hiện tượng trong quá trình toàn cầu hóa. + Có kỹ năng so sánh, đối chiếu các vấn đề trong quá trình toàn cầu hóa. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua các chặng đường phát triển của quá trình toàn cầu hóa. + Biết thận trọng, khách quan khi nhận định, đánh giá các vấn đề toàn cầu hóa. + Biết nhìn nhận các vấn đề toàn cầu hóa trên quan điểm duy vật biện chứng.	3	Học kỳ VII	Thi
54	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Học phần giúp sinh viên bổ sung kiến thức lịch sử Việt Nam cận đại. Cụ thể là giúp sinh viên hiểu rõ hơn, nhận thức đúng hơn vai trò đặc biệt quan trọng của Hồ Chí Minh đối với việc tìm ra con đường cứu nước, xây dựng, tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam thành công vào tháng Tám năm 1945. - Kỹ năng: + Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát	3	Học kỳ VII	Thi

		triển khả năng tự nghiên cứu + Rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử + Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau + Biết sử dụng các phương pháp của khoa học lịch sử trong nghiên cứu, vận dụng quan điểm Mác xít trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề. - Thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá - Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
55	Thực tập sư phạm	- Kiến thức: Giúp SV nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên, phấn đấu để trở thành người giáo viên thực thụ. - Kỹ năng: Tạo điều kiện cho sinh viên chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học để rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học, thực hiện các nhiệm vụ và các hoạt động của người giáo viên trong thực tế trường thực tập, từ đó hình thành năng lực sư phạm. Kết quả TTSP là một trong những điều kiện để công nhận tốt nghiệp đại học sư phạm. - Thái độ: Sinh viên phải có mặt đúng thời gian quy định và thực hiện đầy đủ các yêu cầu do Ban chỉ đạo Trường Thực tập đề ra.	5	Học kỳ VII	Thi
56	Khóa luận tốt nghiệp		6	Học kỳ VII	Bảo vệ
NGÀNH CỬ NHÂN VIỆT NAM HỌC					
1	Nhập môn Khoa học du lịch	- Về kiến thức: + Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về du lịch và nội hàm nghiên cứu của ngành khoa học du lịch. - Kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình.	2	Học kỳ I	Thi

		- Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập			
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Về kiến thức: + Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt Nam. + Nắm được sự phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. + Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam. + Nắm được những nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người. + Nắm được những giải pháp phân vùng văn hóa của các nhà nghiên cứu trước đây và hiện nay. + Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. - Về kỹ năng: + Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa Việt Nam. + Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học. + Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. - Về thái độ: + Yêu thích môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. + Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học. + Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai.	3	Học kỳ I	Thi
3	Lịch sử văn minh thế giới	- Về kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên hệ thống những vấn đề về bộ môn Lịch sử văn minh thế giới gồm: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập bộ môn; các khái niệm. + Trang bị cho sinh viên những tri thức cụ thể về các nền văn minh nhân loại ra đời thời cổ đại (Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp - La Mã), cổ trung đại (Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á), trung đại (Ả Rập, Tây Âu), cận đại (văn minh	3	Học kỳ I	Thi

		công nghiệp), hiện đại (văn minh hậu công nghiệp) từ điều kiện phát sinh đến các thành tựu chủ yếu. + Giúp sinh viên nhận biết và lý giải được sự chuyển dịch vị thế của mỗi nền văn minh và sự giao lưu, tiếp biến, học hỏi giữa các nền văn minh trên thế giới. - Về kỹ năng: + Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử và các thành tựu của văn minh nhân loại. + Hình thành hệ thống kỹ năng hỗ trợ cho bộ môn như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học... - Về thái độ: + Giúp sinh viên nhận thức đúng quy luật, nguồn gốc vận động của các hình thái kinh tế - xã hội thông qua sự phát triển kế tiếp của các nền văn minh và vị trí, vai trò, đóng góp của mỗi nền văn minh đối với văn minh nhân loại. + Hình thành ở sinh viên nhận thức và nhân sinh quan đúng đắn biết tự hào, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị vật chất, tinh thần của nhân loại. + Giúp sinh viên hiểu và nhận thức được vị trí của các nền văn minh ở Việt Nam trong sự phát triển của văn minh nhân loại.			
4	Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	- Về kiến thức: Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về ngành Dân tộc học. - Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: Yêu thích môn học, ngành học; Đoàn kết, hợp tác trong học tập; Tôn trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.	2	Học kỳ I	Thi
5	Lịch sử Việt Nam đại cương	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến ngày nay, khả năng vận dụng những hiểu biết về lịch sử vào việc học tập và nghiên cứu tại chuyên ngành học tập của mình. - Giúp sinh viên nắm vững các khái niệm lịch sử, quy luật lịch sử, thấy được xu thế phát triển tất yếu của lịch sử Việt Nam. - Thông qua các thành tựu của nhân dân ta trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, giáo dục lòng tự hào chân chính về những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.	3	Học kỳ I	Thi
6	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	- Về kiến thức: + Nắm được những kiến thức cơ bản và có hệ	3	Học kỳ I	Thi

		thống về văn hóa ẩm thực Việt Nam và một phần văn hóa ẩm thực thế giới. - Kỹ năng: + Có được những kỹ năng tiếp cận những hiện tượng cơ bản của văn hóa ẩm thực. + Vận dụng những kiến thức đã học để tạo nên sản phẩm du lịch. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Yêu quý và trân trọng những tri thức văn hóa ẩm thực của dân tộc.			
7	Cơ sở khảo cổ học	- Về kiến thức: Môn Khảo cổ học đại cương nhằm + Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Khảo cổ học để minh họa và bổ sung cho những kiến thức về lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, đặc biệt là phần về xã hội nguyên thủy và cổ đại. + Trang bị cho người học một số khái niệm về các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Khảo cổ học. - Kỹ năng: + Trên cơ sở được trang bị một số khái niệm về các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Khảo cổ học sẽ góp phần hình thành các kỹ năng thực hành trong nghiên cứu lịch sử. - Thái độ: + Từ những hiểu biết cơ bản, bước đầu về Khảo cổ học sẽ giúp sinh viên có ý thức sâu sắc về di tích, di vật của người xưa để lại; từ đó có hành động tích cực trong bảo tồn và phát huy những di sản quá khứ.	2	Học kỳ II	Thi
8	Lịch sử thế giới đại cương	- Kiến thức: + Trang bị cho sinh viên những tri thức về sự phát triển của xã hội loại ngoài qua năm hình thái kinh tế xã hội. - Kỹ năng: + Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử và các thành tựu của văn minh nhân loại. + Hình thành hệ thống kỹ năng hỗ trợ cho bộ môn như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học,... - Thái độ: + Giúp sinh viên nhận thức đúng quy luật, nguồn gốc vận động của các hình thái kinh tế - xã hội. + Hình thành ở sinh viên nhận thức và nhân sinh quan đúng đắn biết tự hào, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị vật chất, tinh thần của nhân loại.	3	Học kỳ II	Thi

		+ Giúp sinh viên đối sánh được tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam trong sự phát triển chung của lịch sử nhân loại.			
9	Văn hóa Đông Nam Á	- Về kiến thức: + Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về điều kiện hình thành, diễn trình lịch sử và những thành tựu chủ yếu của văn hóa Đông Nam Á. - Kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa khu vực Đông Nam Á.	2	Học kỳ II	Thi
10	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	- Kiến thức: + Phát biểu được khái niệm giao tiếp, giao tiếp trong kinh doanh du lịch. Nêu được vai trò và chức năng của giao tiếp nói chung và giao tiếp trong kinh doanh du lịch nói riêng. + Phân tích được cấu trúc của quá trình giao tiếp, các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp, các giai đoạn của một quá trình giao tiếp. + Phân tích được các phong cách và nguyên tắc giao tiếp trong kinh doanh du lịch. - Kỹ năng: + Có kỹ năng phân tích, đánh giá các mối quan hệ giao tiếp. + Kỹ năng sử dụng tối ưu các phương tiện giao tiếp + Kỹ năng thiết lập, phát triển, củng cố mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai như: kỹ năng định hướng trong giao tiếp, kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng giới thiệu làm quen, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng lắng nghe. + Kỹ năng giao tiếp gián tiếp qua điện thoại và qua thư tín + Kỹ năng xử lý các tình huống giao tiếp trong kinh doanh du lịch - Thái độ: + Sinh viên thấy được tầm quan trọng của giao tiếp trong hoạt động kinh doanh du lịch và việc trở thành một người giao tiếp giỏi, trên cơ sở đó hình thành thái độ đúng đắn đối với môn học cũng như với việc rèn luyện các phẩm chất, kỹ năng giao tiếp giúp tăng hiệu quả cho hoạt động kinh doanh du lịch.	3	Học kỳ II	Thi
11	Tài nguyên du lịch	- Về kiến thức:	2	Học kỳ II	Thi

		+ Nắm được các kiến thức tổng quan về tài nguyên du lịch. + Có được những hiểu biết về các loại tài nguyên (nhân văn, tự nhiên, kinh tế kỹ thuật và bảo trợ). + Có được kiến thức về phân vùng du lịch. + Nắm kiến thức về các tài nguyên du lịch ở các vùng du lịch trên cả nước. - Kỹ năng: + Phân loại và xác định được dạng tài nguyên du lịch. + Phân loại và xác định được phân vị trong du lịch. + Xác định được mức độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Có sự quan tâm về hệ thống tài nguyên du lịch và cách bảo vệ.			
12	Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam	- Về kiến thức: + Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa của các dân tộc thiểu số Việt Nam. + Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các đặc điểm văn hóa của các dân tộc thiểu số Việt Nam. + Nêu được các đặc điểm riêng biệt về điều kiện tự nhiên, lịch sử vùng đất, con người và văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. - Về kỹ năng: + Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới của các dân tộc thiểu số Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. + Nắm được những nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam. + Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên các đặc trưng riêng trong văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam. - Về thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận.	3	Học kỳ II	Thi
13	Du lịch làng nghề	- Về kiến thức: + Biết được một cách khái quát nhất một số khái niệm liên quan đến làng nghề, lịch sử hình thành và phát triển làng nghề ở Việt Nam, thực trạng phát triển làng nghề Việt Nam và từ đó	3	Học kỳ II	Thi

		đưa ra một số định hướng phát triển bền vững làng nghề ở Việt Nam. + Phân tích được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam, đồng thời so sánh với tình hình phát triển du lịch làng nghề trên thế giới để đề xuất những định hướng phát triển đúng đắn. + Phân tích được tiềm năng, thực trạng và đánh giá những ưu điểm, hạn chế của du lịch tại một số làng nghề ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam. - Kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập + Giáo dục lòng tự hào dân tộc đối với các sản phẩm truyền thống của làng nghề; có ý thức bảo tồn các giá trị cổ truyền gắn với làng nghề.			
14	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành	- Về kiến thức: + Thứ nhất, biết được những phương pháp luận cơ bản để nghiên cứu lịch sử. + Thứ hai, đánh giá tính tích cực và hạn chế của các phương pháp khác nhau. - Về kỹ năng: + Thứ nhất, kỹ năng phân tích, đánh giá trong nghiên cứu sử học. + Thứ hai, có thể vận dụng kiến thức về phương pháp luận chuyên ngành vào học tập và nghiên cứu. - Về thái độ: + Một là, biết trân trọng thành quả nghiên cứu về phương pháp luận. + Hai là, biết thận trọng, khách quan khi đánh giá các phương pháp.	2	Học kỳ III	Thi
15	Địa lý Việt Nam	- Về kiến thức: + Giúp sinh viên nắm bắt được hiện tình hình, đặc điểm phát triển của các ngành kinh tế của Việt Nam. + Giúp sinh viên nắm được sự phân hóa của tự nhiên theo lãnh thổ và các vấn đề sử dụng, bảo vệ tự nhiên hiện nay. + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Địa lý dân cư, về dân số, đặc điểm dân cư, các hình thức quần cư cũng như những vấn đề về dân cư hiện nay. + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm vị trí, giới hạn lãnh thổ, đặc điểm về các thành phần của tự nhiên Việt Nam. - Về kỹ năng:	3	Học kỳ III	Thi

		+ Người học hiểu được đặc điểm phát triển của các ngành kinh tế của Việt Nam. + Người học hiểu và phân tích được sự phân hóa cơ bản về đặc điểm lãnh thổ Việt Nam. + Người học có được kiến thức cơ bản về Địa lý dân cư Việt Na + Người học nắm được cơ bản về đặc điểm vị trí, giới hạn lãnh thổ, đặc điểm về các thành phần của tự nhiên Việt Nam. - Về thái độ: + Yêu thích môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. + Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học. + Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai.			
16	Kinh tế du lịch	Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh tế du lịch (như số cung và số cầu du lịch, hiệu quả kinh tế trong hoạt động du lịch cũng như các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch) nhằm giúp sinh viên hiểu được cơ sở lý luận và có thể áp dụng vào thực tế nghề nghiệp của mình.	3	Học kỳ III	Thi
17	Phát triển du lịch bền vững	- Về kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững. + Trang bị cho sinh viên các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ. + Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về Du lịch, Du lịch bền vững, Phát triển bền vững và Phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam. - Về kỹ năng: + Có được các kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) về vấn đề phát triển bền vững ở các điểm tuyến du lịch. + Vận dụng được những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch. - Thái độ: + Nhận thức được các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái	2	Học kỳ III	Thi

		hoang sơ. + Hiểu được các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về Du lịch, Du lịch bền vững, Phát triển bền vững và Phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam.			
18	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	Thông qua các hoạt động tích cực giao tiếp thân thiện giữa người dạy và người học qua đĩa CDrom mang tên "Hành trình thành niên" gồm 10 bài học, sinh viên được cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về: - Nhận thức giá trị của bản thân mình, thể hiện quyền quyết định về bản thân mình, có thái độ tôn trọng, thông cảm với những người khác. - Những vấn đề liên quan đến tâm lý, cơ thể ở tuổi sinh viên và kỹ năng giải quyết những tình huống gặp phải về những vấn đề liên quan đến tâm sinh lý lứa tuổi. - Những khái niệm và vai trò của giới trong cuộc sống, các quyền liên quan đến giới và sức khỏe sinh sản của con người, việc áp dụng và phổ biến các quyền về giới và sức khỏe sinh sản trong cuộc sống bản thân và cộng đồng. - Vấn đề tình bạn và tình yêu và các mối quan hệ khác; biết cách giải quyết những vấn đề nảy sinh. - Khái niệm tình dục, bản chất và sự đa dạng của hành vi tình dục; các vấn đề nhạy cảm liên quan đến tình dục, nắm bắt được cách quyết định, giao tiếp, thương lượng có liên quan đến tình dục. - Cơ chế của sự mang thai, cách chăm sóc sức khỏe khi mang thai; những định kiến xã hội, sức ép của sự mang thai và nạo phá thai ở tuổi sinh viên; nhận thức được các lợi ích khi biết đợi đến thời điểm mang thai thích hợp và đồng thời cũng nắm được các giải pháp có thể lựa chọn trong trường hợp có thai ngoài ý muốn ở thanh niên. - Các nguy cơ của việc quan hệ tình dục không an toàn; cách sử dụng bao cao su đúng cách, cách phòng tránh và ứng xử đối với những bệnh viêm nhiễm và lây lan qua đường tình dục, HIV/AIDS. - Cách phòng nguy cơ bị xâm hại: tự bảo vệ khi bị cưỡng hiếp, bạo lực và biết chia sẻ giúp đỡ các nạn nhân của bạo lực tình dục; biết thể hiện quyền liên quan đến an toàn cá nhân và tôn trọng danh dự trong quan hệ tình dục. - Ước mơ và xây dựng kế hoạch phấn đấu cho tương lai, việc kết hôn, bảo vệ hạnh phúc gia đình và trách nhiệm là cha mẹ, nghề nghiệp tương lai, phát triển một đời sống tình dục trọn	2	Học kỳ III	Thi

		ven, an toàn và hạnh phúc. - Hiểu biết một số phương pháp giáo dục giới tính phù hợp với lứa tuổi có hiệu quả.			
19	Thống kê ứng dụng trong du lịch	- Về kiến thức: + Có khả năng nhận định và kiểm tra những giả thuyết thống kê trong nghiên cứu khoa học nói chung, khoa học xã hội nói riêng như Kiểm định giả thuyết về mối quan hệ giữa hai biến (Kiểm định Khi-bình phương), So sánh trung bình (Kiểm định t); + Nắm được cách thức trình bày bảng số liệu, cách đọc bảng số liệu, các phương pháp về thống kê mô tả. + Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về thống kê. - Về kỹ năng: + Biết cách tổ chức, tổng hợp, trình bày dữ liệu thu thập được, mô tả phân tích thông tin cũng như đưa ra các kết luận trong báo cáo kết quả nghiên cứu. + Biết cách xây dựng biến số & thang đo để thiết kế nội dung thu thập thông tin bằng bảng hỏi. + Trình bày được các khái niệm cơ bản về thống kê và đưa ra các ví dụ minh họa. - Về thái độ: + Góp phần rèn luyện khả năng phản biện, xử lý tình huống. + Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá. + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập.	3	Học kỳ III	Thi
20	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	- Về kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản làm nền tảng để đi vào chuyên ngành học. Trang bị cho sinh viên kiến thức về các doanh nghiệp lữ hành du lịch từ đó làm rõ vai trò, đặc điểm lao động cũng như yêu cầu đối với HDVDL. Cung cấp những kiến thức về các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động hướng dẫn và các quy trình của NVHD... + Sinh viên nắm được các bước HDDL và các phương pháp hướng dẫn tại điểm du lịch cụ thể. Có được các kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình hướng dẫn tham quan du lịch. - Về kỹ năng: + Giúp sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm thông qua các bài tập thảo luận nhóm. + Giúp sinh viên có kỹ năng thuyết trình, trình bày quan điểm và phản biện. + Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích và tìm hiểu vấn đề.	4	Học kỳ IV	Thi

		+ Vận dụng những kiến thức cơ bản trên để áp dụng cho các môn học chuyên ngành sau. + Vận dụng để áp dụng cho việc hướng dẫn du lịch sau này. - Về thái độ: + Có quan điểm nghề nghiệp đúng đắn. + Có thái độ học tập nghiêm túc. + Sinh viên phải có thái độ nghiêm túc trong việc học tập, tạo cho sinh viên được học tập ở nhà nhiều hơn. + Giúp SV thể hiện phong cách tự tin trong giao tiếp, thuyết trình.			
21	Tiếng Việt thực hành	- Về kiến thức: + Nắm được các kiến thức về chính tả tiếng Việt: nguyên tắc chính tả tiếng Việt, quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt (viết các âm, viết hoa, viết tắt) và các mẹo viết đúng chính tả. + Có được những hiểu biết khái quát về từ, từ tiếng Việt và những yêu cầu chung về việc dùng từ. + Có được các hiểu biết khái quát về câu trong tiếng Việt (cấu tạo, phân loại) và nắm được những yêu cầu chung của việc đặt câu. + Nắm được những kiến thức cơ bản về đoạn văn, những yêu cầu chung của việc viết đoạn văn trong văn bản, phân biệt được các kiểu cấu trúc đoạn văn. + Xác định được các nhân tố giao tiếp của một văn bản, nắm được yêu cầu chung của một đề cương và biết cách triển khai đề cương thành văn bản. + Nắm được đặc điểm ngôn ngữ của văn bản hành chính và cấu trúc của một số loại văn bản hành chính thông dụng (đơn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo). - Kỹ năng: + Nhận biết và chữa được các lỗi thường gặp về chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, xây dựng văn bản. + Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết. + Vận dụng kiến thức để đặt câu và viết đoạn văn diễn đạt đúng mục đích nói/viết. + Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập một số văn bản (chủ yếu là văn bản hành chính công vụ). - Thái độ: - Yêu thích môn học, ngành học. + Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực. + Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng	2	Học kỳ IV	Thi

		Việt. + Tự tin trong giao tiếp tiếng Việt.			
22	Quản trị kinh doanh lễ hành	- Về kiến thức: + Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về nền tảng chuyên môn và hoạt động kinh doanh đa dạng của ngành lễ hành. - Kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập. + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy các hoạt động trong ngành kinh doanh du lịch.	3	Học kỳ IV	Thi
23	Tổng quan ngành lưu trú	- Về kiến thức: + Nhận biết các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh các cơ sở lưu trú, đặc biệt tập trung phân tích vào loại hình lưu trú khách sạn. + So sánh sự khác nhau giữa các loại hình cơ sở lưu trú. + Phân tích được những đặc trưng của sản phẩm lưu trú, cũng như biết được các quy trình bán sản phẩm lưu trú. + Hiểu được những vấn đề cơ bản về tổ chức, quản trị trong cơ sở lưu trú và những nội dung quản lý nhà nước đối với cơ sở lưu trú ở Việt Nam. - Kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập.	2	Học kỳ IV	Thi
24	Thực tế chuyên môn	Giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn những kiến thức về lịch sử - văn hóa và các hoạt động du lịch trên thực tế.	2	Học kỳ IV	Làm bài thu hoạch
25	Văn hóa Chăm	- Về kiến thức: + Nắm được các kiến thức nền tảng và hệ thống về lịch sử, văn hóa vương quốc cổ Chăm và văn hóa của cộng đồng người Chăm hiện nay ở Việt Nam. - Kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập. + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam.	3	Học kỳ IV	Thi

26	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	- Về kiến thức: + Nhận biết những tri thức về phong tục, tập quán, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam. + Phân tích, đánh giá, nhận định những giá trị, những tác động và hệ quả của những phong tục, tập quán, tín ngưỡng và lễ hội đó trong đời sống các cộng đồng dân cư trên đất nước Việt Nam. - Kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập.	3	Học kỳ IV	Thi
27	Văn hóa biển đảo ở Việt Nam	- Về kiến thức: + Nêu được những kiến thức cơ bản về hệ thống biển đảo và văn hóa biển đảo Việt Nam. + Trình bày và phân tích được những đặc điểm cơ bản của văn hóa biển đảo Việt Nam cũng như những tác động của nó. - Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức đã học để đánh giá tầm quan trọng của văn hóa biển đảo ở Việt Nam. + Có kỹ năng phân tích, bình luận những đặc điểm của văn hóa biển đảo Việt Nam và vai trò của nó. - Về thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp. + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu. + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận.	3	Học kỳ IV	Thi
28	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	- Về kiến thức: + Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về diễn trình phát triển của lịch sử âm nhạc dân tộc; đặc điểm cơ bản trong các thể loại, bài bản cổ cũng như tác phẩm mới, phương thức tổ chức dàn nhạc, hòa tấu các nhạc cụ qua các thời kỳ. + Học phần bao gồm các nội dung: Âm nhạc buổi đầu dựng nước và giữ nước, âm nhạc trong thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập tự chủ và bảo vệ đất nước chống những cuộc xâm lăng của phong kiến phương bắc, âm nhạc việt nam trong cuộc đưng độ với những cuộc xâm lăng của phương tây và đấu tranh giành độc lập thống nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Kỹ năng: + Rèn luyện cho sinh viên tư duy nghiên cứu	2	Học kỳ V	Thi

		và lý luận. + Sinh viên có cách phân loại các loại hình âm nhạc cổ truyền Việt Nam một cách khoa học theo từng vùng – miền, theo từng đặc thù âm nhạc riêng của mỗi thể loại. - Thái độ: + Kích thích sinh viên có thái độ tích cực hơn trong việc tìm hiểu, nghiên cứu về Lịch sử Âm nhạc Việt Nam.			
29	Các tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	- Về kiến thức: + Biết những kiến thức cơ bản nhất về một số tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ thành hoàng và tín ngưỡng thờ Mẫu. + Nhận biết được những đặc điểm căn bản nhất của một số tôn giáo chính ở Việt Nam (như Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Đạo giáo) về lịch sử du nhập/hình thành và phát triển; giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức; liên hệ, so sánh, đối chiếu sự giống và khác nhau giữa Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, Đạo giáo nói chung với Phật giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo, Đạo giáo Việt Nam để tìm ra những yếu tố bản địa trong các tôn giáo ngoại nhập ở Việt Nam. + Với quan điểm đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, học phần này sẽ giúp sinh viên nhận thức đúng chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với tín ngưỡng, tôn giáo - Kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích tài liệu, xử lý tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, và kỹ năng thuyết trình. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập. + Có thái độ và cách ứng xử đúng đắn đối với các tôn giáo.	3	Học kỳ V	Thi
30	Marketing du lịch	- Về kiến thức: + Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về marketing và ứng dụng marketing vào hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch; giúp sinh viên tìm hiểu và nắm vững kỹ năng bán hàng và quản lý bán hàng trong kinh doanh dịch vụ du lịch. - Về kỹ năng: + Giúp sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, trình bày quan điểm và phản biện thông qua các bài tập thảo luận	3	Học kỳ V	Thi

		nhóm. + Vận dụng những kiến thức cơ bản trên để áp dụng cho các môn học chuyên ngành sau. + Vận dụng để áp dụng chiến lược marketing du lịch cho công việc sau này. - Về thái độ: + Có thái độ học tập nghiêm túc. + Có thái độ yêu thích và tích cực xây dựng môn học.			
31	Nghiep vụ khách sạn	- Về kiến thức: + Hiểu được những thành phần cơ bản của khách sạn. + Yêu thích và có xu hướng lựa chọn nghề liên quan đến khách sạn. + Nắm và thực hành được các kỹ năng của các bộ phận trong khách sạn. - Về kỹ năng: + Nắm và thực hành được nghiệp vụ bộ phận Bar. + Nắm và thực hành được nghiệp vụ của bộ phận buồng phòng. + Nắm và thực hành được nghiệp vụ bộ phận nhà hàng. + Nắm và thực hành được nghiệp vụ của bộ phận lễ tân. - Về thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập. + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy kiến thức đã học trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.	3	Học kỳ V	Thi
32	Tiếp xúc văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam	- Về kiến thức: + Cơ sở hình thành, những thành tựu chủ yếu, đặc trưng loại hình văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây thời cổ trung đại. + Những ảnh hưởng, đóng góp của nó cho nền văn hóa nhân loại. + Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Đông - Tây thời cổ trung đại. - Về kỹ năng: + Kỹ năng đọc sách, phân tích đặc trưng, so sánh các loại hình văn hóa khác nhau + Kỹ năng đánh giá ảnh hưởng, đóng góp của các nền văn hóa, khu vực văn hóa đối với nền văn minh nhân loại và trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa lẫn nhau giữa chúng. + Kỹ năng thảo luận, tranh biện qua các buổi thảo luận nhóm, semina; hoạt động ngoại khóa xem phim tư liệu về những nền văn hóa lớn trên thế giới. - Về thái độ: + Yêu thích sưu tầm, tìm hiểu về vẻ đẹp của các nền văn hóa khác nhau trên thế giới.	3	Học kỳ V	Thi

		+ Có thái độ tôn trọng những điểm dị biệt giữa các nền văn hóa, trong giao lưu văn hóa.			
33	Kiến tập chuyên môn	Tạo điều kiện cho sinh viên hệ thống hóa kiến thức của các học phần đã học gắn liền với thực tế. Đồng thời học phần còn giúp cho sinh viên rèn luyện và nâng cao khả năng viết báo cáo về các vấn đề văn hóa, du lịch.	2	Học kỳ V	Viết báo cáo
34	Thanh toán quốc tế	- Về kiến thức: + Trình bày đặc điểm vai trò của thanh toán quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế và các điều kiện trong thanh toán quốc tế. + Trình bày khái niệm về tỷ giá hối đoái, các loại tỷ giá hối đoái, các phương pháp xác định tỷ giá và phân tích các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái. + Trình bày về thị trường hối đoái và các nghiệp vụ giao dịch hối đoái. + Trình bày khái niệm, đặc điểm của hối phiếu, lệnh phiếu, séc, giấy chuyển tiền và thẻ ngân hàng. + Trình bày nội dung của phương thức tín dụng chứng từ, phương thức ủy thác thu, phương thức chuyển tiền và phương thức trả tiền đối ứng. + Trình bày nội dung của chứng từ tài chính, chứng từ thương mại và cách kiểm tra xử lý bộ chứng từ. - Về kỹ năng: + Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích các ảnh hưởng của thanh toán quốc tế trong thương mại quốc tế. + Có các kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về thương mại quốc tế. - Về thái độ: + Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của thanh toán quốc tế đối nền kinh tế xã hội.	2	Học kỳ V	Thi
35	Nghệp vụ điều hành tour	- Về kiến thức + Trang bị cho sinh viên khả năng tìm kiếm và chuẩn bị những tài liệu cần thiết cho khách hàng, hiểu rõ các thông tin cần thiết phải đề cập khi đặt dịch vụ cho một tour du lịch. + Giúp sinh viên biết cách phát triển, cập nhật và sử dụng kiến thức về các điểm du lịch, các đối tác và những sản phẩm cơ bản của doanh nghiệp, những tài liệu cần thiết. + Cung cấp cho sinh viên những công việc cơ bản của công tác điều hành du lịch. - Về kỹ năng:	3	Học kỳ V	Thi

		+ Rèn luyện được khả năng tổ chức điều hành một tour du lịch, có kỹ năng giao tiếp với khách. + Có được khả năng tìm kiếm và chuẩn bị những tài liệu cần thiết cho khách hàng, hiểu rõ các thông tin cần thiết phải đề cập khi đặt dịch vụ cho một tour du lịch. + Nhận thức được cách phát triển, cập nhật và sử dụng kiến thức về các điểm du lịch, các đối tác và những sản phẩm cơ bản của doanh nghiệp, những tài liệu cần thiết. - Về thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập.			
36	Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam	- Về kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về các nền văn minh, văn hoá trên đất nước Việt Nam trước năm 1858, chủ yếu là các nền văn minh lớn: Văn Lang-Âu Lạc, văn minh Đại Việt, những thành tựu bản sắc văn hoá dân tộc biểu hiện trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, xã hội... + Bên cạnh đó, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền văn minh Champa cũng như văn hoá các dân tộc ít người. - Kỹ năng: + Bước đầu biết vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn. + Hình thành kỹ năng quan sát, nhận biết những dấu hiệu đặc trưng về văn hóa. - Thái độ: + Từ những hiểu biết cơ bản về văn hóa, văn minh trên đất nước ta, sinh viên có thái độ trân trọng, tự hào, có ý thức sâu sắc trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, văn minh đó.	3	Học kỳ V	Thi
37	Quy hoạch du lịch	- Về kiến thức: + Các điều kiện quy hoạch du lịch. + Cơ sở của quy hoạch du lịch và xây dựng bản đồ trong quy hoạch du lịch. + Các định hướng phát triển du lịch. + Các tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và nhân văn. + Quy hoạch du lịch ở vùng biển, vùng núi, vùng nông thôn và ven đô. - Về kỹ năng: + Vận dụng được kiến thức đã học và có thể biết cách thiết kế một đề án quy hoạch du lịch. + Đánh giá các tác động của hoạt động du lịch đến môi trường xung quanh. + Có kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm.	2	Học kỳ VI	Thi

		- Về thái độ: + Làm việc, học tập nghiêm túc, yêu thích môn học. Khi quy hoạch, xây dựng các khu du lịch, các tuyến điểm du lịch cần tuân thủ nguyên tắc phát triển du lịch bền vững, lôi cuốn cộng đồng tham gia phát triển du lịch, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương gắn với bảo vệ môi trường và văn hóa bản địa.			
38	Lịch sử văn học Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về lịch sử văn học Việt nam - từ nền văn học dân gian cho đến văn học hiện đại - cụ thể là sinh viên được cung cấp về những khái niệm, về quá trình phát triển văn học qua từng thời kỳ, về những đặc điểm cơ bản của văn học, về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của các thời kỳ văn học...Giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về nền văn học của nước nhà. - Qua việc cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên còn cung cấp cho sinh viên kỹ năng và phương pháp giảng dạy và nghiên cứu văn học (từng giai đoạn văn học hoặc từng tác giả, tác phẩm...). Nâng cao khả năng cảm nhận và xử lý một văn bản văn học để phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy sau này. - Sinh viên dự lớp nghe thuyết giảng. - Tự nghiên cứu tài liệu, giáo trình theo sự hướng dẫn, gợi ý của giảng viên. - Tham gia các buổi thảo luận theo yêu cầu của môn học, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. - Sinh viên phải tiếp cận với các tác phẩm văn học cụ thể (đặc biệt là tác phẩm có trong chương trình phổ thông) để tập phân tích hoặc soạn giảng phục vụ cho học tập, nghiên cứu.	2	Học kỳ VI	Thi
39	Văn hóa du lịch	- Về kiến thức: + Hiểu được những vấn đề cơ bản về lý luận văn hóa, du lịch và văn hóa du lịch. + Hiểu rõ những thành tố cấu tạo nên văn hóa du lịch và mối quan hệ tương hỗ giữa các thành tố đó. + Có được những hiểu biết cơ bản về các loại hình du lịch ở Việt Nam, đặc biệt là các loại du lịch văn hóa để thấy được giá trị của các di sản văn hóa trong hoạt động du lịch. + Xác định được những giá trị của du lịch, văn hóa du lịch trong đời sống vật chất và tinh thần của con người Việt Nam. - Về kỹ năng: + Biết vận dụng kiến thức lý luận văn hóa du lịch trong quá trình học các môn nghiệp vụ chuyên ngành, đặc biệt là chuyên ngành du lịch.	3	Học kỳ VI	Thi

		+ Biết phân biệt các loại hình du lịch và nhận biết được loại hình du lịch tiềm năng nhất cần được khai thác ở Việt Nam. + Vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các thiết chế, tài nguyên du lịch. - Về thái độ: + Yêu thích môn Văn hóa du lịch, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong mối quan hệ với kinh tế du lịch. + Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa du lịch trong tương lai. + Có ý thức gìn giữ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa Việt Nam gắn liền với các hoạt động của đời sống. + Có ý thức xây dựng môi trường văn hóa du lịch văn minh, lành mạnh.			
40	Nghiep vụ khách sạn	- Về kiến thức: + Hiểu được những thành phần cơ bản của khách sạn. + Yêu thích và có xu hướng lựa chọn nghề liên quan đến khách sạn. Nắm và thực hành được các kỹ năng của các bộ phận trong khách sạn. - Về kỹ năng: + Nắm và thực hành được nghiệp vụ bộ phận Bar. + Nắm và thực hành được nghiệp vụ của bộ phận buồng phòng. + Nắm và thực hành được nghiệp vụ bộ phận nhà hàng. + Nắm và thực hành được nghiệp vụ của bộ phận lễ tân. - Về thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập. + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy kiến thức đã học trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.	3	Học kỳ VI	Thi
41	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	- Về kiến thức: + Hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản, có hệ thống về mỹ thuật Việt Nam và thế giới, quá trình hình thành và phát triển của nền mỹ thuật, những đặc điểm cơ bản, những thành tựu tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam và thế giới. - Về kỹ năng: + Biết vận dụng những hiểu biết của mình để hiểu và phân tích được những nét hay, nét đẹp	2	Học kỳ VI	Thi

		của các tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam và thế giới. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học.			
42	Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về thể chế chính trị Việt Nam từ 1945 đến nay. - Học phần trình bày sự ra đời, quá trình xây dựng, nội dung Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Tòa án và Viện kiểm sát... của nước Việt Nam. - Giúp nắm vững vị trí, vai trò và nguyên tắc hoạt động của thể chế chính trị nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.	2	Học kỳ VI	Thi
43	Chính sách và pháp lệnh du lịch	Giúp cho những sinh viên ngành du lịch có được kiến thức pháp lý cơ bản về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực du lịch và hoạt động du lịch; bao gồm quản lý nhà nước về du lịch, quản lý về hoạt động kinh doanh du lịch, quy chế pháp lý đối với hướng dẫn viên du lịch và các lao động phục vụ trong ngành du lịch, quyền và nghĩa vụ pháp lý của khách du lịch.	2	Học kỳ VI	Thi
44	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	- Về kiến thức: + Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa khu vực miền Trung-Tây Nguyên. + Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các đặc điểm văn hóa của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. + Nêu được các đặc điểm riêng biệt về điều kiện tự nhiên, lịch sử vùng đất, con người và văn hóa của khu vực miền Trung- Tây Nguyên Việt Nam. - Về kỹ năng: + Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới của khu vực miền Trung-Tây Nguyên trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. + Nắm được những nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa khu vực miền Trung - Tây Nguyên + Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa miền Trung-Tây Nguyên. - Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết. + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa khu vực.	2	Học kỳ VI	Thi
45	Thực tế chuyên môn 2	Giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn những kiến	2	Học kỳ VI	Làm bài thu

		thức về lịch sử - văn hóa và các hoạt động du lịch trên thực tế.			hoạch
46	Thị trường du lịch	- Về kiến thức: + Nắm được các kiến thức lý thuyết cơ bản về thị trường du lịch, những vấn đề liên quan đến cung và cầu du lịch, những thông tin cần thiết về thị trường du lịch thế giới, Asean, thực trạng thị trường du lịch Việt Nam. + Nắm được các công thức tính cung và cầu trong du lịch. - Kỹ năng: + Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu. + Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề du lịch dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau. + Biết sử dụng các phương pháp thống kê, phân tích, so sánh... - Thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp. + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu. + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận.	3	Học kỳ VI	Thi
47	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	- Về kiến thức: + Sinh viên dưới sự giới thiệu và hướng dẫn của giảng viên bộ môn tiến hành chuẩn bị tư liệu phục vụ cho hoạt động học tập học phần này, đồng thời, cần xem trước các nội dung mà giảng viên sẽ giảng dạy để chủ động hơn trong việc tiếp thu kiến thức chuyên môn trên lớp học. + Trong quá trình học tập, sinh viên phải phát huy khả năng chủ động, sáng tạo của mình trong việc tiếp cận những tư liệu và kiến thức mới, hoàn thành tốt các bài tập cũng như các hoạt động tổ chức dạy học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên. + Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần nắm được những vấn đề cốt lõi, trọng tâm ở mỗi chương đề trước mắt phục vụ cho việc thi kết thúc học phần và đặc biệt là ghi nhớ, vận dụng những kiến thức ấy vào thực tiễn công việc sau này. - Kỹ năng: + Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần nắm được những vấn đề cốt lõi, trọng tâm ở mỗi chương đề trước mắt phục vụ cho việc thi kết thúc học phần và đặc biệt là ghi nhớ, vận dụng những kiến thức ấy vào thực tiễn công việc sau này.	2	Học kỳ VII	Thi

		- Thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học.			
48	Tổ chức sự kiện	- Về kiến thức: + Khả năng xây dựng kế hoạch, kịch bản sự kiện, dự trù kinh phí tổ chức sự kiện. + Nắm được kiến thức cơ bản về chuyên môn: sự kiện, tổ chức sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện. + Nắm được kiến thức xã hội: xu hướng phát triển thị trường sự kiện ngày nay. - Về kỹ năng: + Trình bày được quy trình tổ chức một sự kiện phổ biến. - Nắm được một số văn bản trong tổ chức sự kiện. + Nắm được các kỹ năng trong tổ chức sự kiện. + Mô tả được xu hướng phát triển của thị trường sự kiện hiện nay. - Về thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Đoàn kết, hợp tác trong học tập + Tôn trọng, giữ gìn và phát huy kiến thức đã học trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.	2	Học kỳ VII	Thi
49	Lịch sử tư tưởng phương Đông	- Về kiến thức: + Nắm được những khái niệm, kiến thức cơ bản về lịch sử tư tưởng một số nước phương Đông và Việt Nam. + Nắm được lịch sử hình thành và phát triển các trường phái tư tưởng ở một số quốc gia phương Đông. + Nhận biết được thế giới quan và nhân sinh quan của một số nhà tư tưởng, trường phái tư tưởng tiêu biểu ở Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam. + Nắm được quá trình truyền bá và lịch sử phát triển một số tư tưởng chủ yếu ở Việt Nam cùng những nội dung chính về mặt tư tưởng. - Về kỹ năng: + Hình thành và phát triển năng lực tư duy phê phán, tư duy logic, sáng tạo. + Xây dựng cho mình một thế giới quan và nhân sinh quan đúng đắn, khoa học. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề có liên quan đến môn học. - Về thái độ: + Thận trọng khi đánh giá, nhìn nhận một vấn đề, một tư tưởng, một con người. + Chủ động trong công việc, tích cực tìm tòi khám phá những điều mới mẻ. + Có ý thức vận dụng kiến thức môn học này	3	Học kỳ VII	Thi

		trong việc học tập các môn học khác. + Hình thành niềm say mê ở người học đối với môn Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam nói riêng, ngành lịch sử nói chung.			
50	Thực tập tốt nghiệp	Mục tiêu của học phần là tạo điều kiện cho sinh viên hệ thống hóa kiến thức của các học phần đã học gắn liền với thực tế. Đồng thời học phần còn giúp cho sinh viên rèn luyện và nâng cao khả năng viết báo cáo thực tập về các vấn đề văn hóa, du lịch.	3	Học kỳ VII	Viết báo cáo
51	Du lịch sinh thái	- Về kiến thức: + Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản, nguyên tắc và thực hành về du lịch sinh thái. - Về kỹ năng: + Sinh viên có thể tham gia vào việc phát triển du lịch sinh thái như: Quy hoạch du lịch sinh thái cho các vườn quốc gia và khu bảo tồn; tư vấn cho việc xây dựng các khu, tuyến, điểm du lịch sinh thái; làm cán bộ điều hành hoặc hướng dẫn viên du lịch sinh thái; dạy môn học du lịch sinh thái cho các khoa du lịch ở các trường đại học khác. - Về thái độ: + Làm việc, học tập nghiêm túc, yêu thích môn học. Có ý thức bảo vệ Môi trường trong quá trình quy hoạch phát triển du lịch. Khi xây dựng các tuyến điểm du lịch sinh thái cần tuân thủ nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái bền vững, lôi cuốn cộng đồng tham gia phát triển du lịch, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương.	3	Học kỳ VII	Thi
52	Địa danh học và địa danh Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa danh học với tư cách là một chuyên ngành của danh học, đồng thời chương trình cũng hướng đến những đặc điểm của địa danh Việt Nam từ góc nhìn ngôn ngữ học và quá trình vận động lịch sử của nó. Trên cơ sở đó giúp người học có cái nhìn tổng quát sâu rộng về các loại địa danh ở Việt Nam và có thể vận dụng chúng vào hoạt động nghề nghiệp của họ sau này.	3	Học kỳ VII	Thi
53	Khóa luận tốt nghiệp	Mục tiêu của học phần là tạo điều kiện cho sinh viên hệ thống hóa kiến thức của các học phần đã học gắn liền với thực tế. Đồng thời học phần còn giúp cho sinh viên rèn luyện và nâng cao khả năng viết báo cáo về các vấn đề văn hóa, du lịch dưới dạng một đề tài nghiên cứu.	6	Học kỳ VII	Bảo vệ
NGÀNH CỬ NHÂN LỊCH SỬ					
1	Nhập môn sử học và	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này,	4	Học kỳ I	Thi

	Lịch sử sử học	sinh viên có được: - Về kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sử học, bao gồm những nội dung thiết yếu liên quan đến bộ môn Lịch sử (vấn đề nhận thức lịch sử, lịch sử là một khoa học, quan điểm duy vật lịch sử, các khoa học liên quan đến khoa học lịch sử, phương pháp học tập và nghiên cứu lịch sử). + <u>Biết</u> quá trình hình thành và phát triển của lịch sử Sử học. Trên cơ sở đó rút ra được những thành tựu, hạn chế của Sử học ở mỗi giai đoạn lịch sử và nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế đó. <u>Tóm tắt</u> vai trò của lịch sử Sử học đối với sự phát triển xã hội. Những bài học đối với công cuộc đổi mới sử học ngày nay. - Về kỹ năng: + Bước đầu biết vận dụng những tri thức lịch sử vào thực tiễn; đặt cơ sở đầu tiên đi sâu vào các học phần có trong chương trình đào tạo của khoa Sử - Đại học Sư phạm. + Hình thành kỹ năng thu thập, tìm kiếm và xử lý các nguồn sử liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập lịch sử. + Có kỹ năng phân tích tiến bộ và hạn chế của sử học. Có kỹ năng vận dụng kiến thức sử học vào thực tế. - Về thái độ: + Từ những hiểu biết cơ bản, bước đầu về sử học, sinh viên có ý thức rèn luyện, học tập để tiếp thu khoa học lịch sử một cách tích cực nhất. + Yêu thích môn học, ngành học mà các em đã chọn. + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua các chặng đường phát triển của lịch sử sử học. Thận trọng, khách quan khi đánh giá quá trình phát triển của sử học. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện năng lực xử lý, đánh giá các nguồn sử liệu. - Góp phần phát triển năng lực tư duy lịch sử, biện chứng.			
2	Lịch sử thế giới cổ trung đại	- Về kiến thức: + Hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên nắm rõ những khái niệm, kiến thức cơ bản về lịch sử xã hội nguyên thủy, lịch sử thế giới cổ trung đại. + Hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên nắm rõ qui luật phát triển lịch sử xã hội loài người và	5	Học kỳ I	Thi

		những thành tựu chủ yếu về kinh tế - xã hội, văn hóa của loài người từ thời nguyên thủy đến phong kiến. - <i>Về kỹ năng:</i> Nắm vững và hiểu về các phương pháp của Lịch sử thế giới cổ trung đại - <i>Về thái độ:</i> Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.			
3	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: + Nắm được tiến trình phát triển của xã hội từ thời nguyên thủy đến thời dựng nước đầu tiên và cuộc chiến đấu kiên cường bền bỉ chống lại ách đô hộ ngoại bang, bảo vệ đất nước và dân tộc. + Nắm vững quá trình phát triển của XHVN từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XIX; đồng thời hiểu được quá trình hình thành, xác lập và khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam. + Nắm vững các nhân tố tạo nên thắng lợi của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa lớn chống ngoại xâm của dân tộc ta trong các thế kỷ X - trước năm 1858, qua đó tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc. + Nắm được những điểm cơ bản của nền văn minh Đại Việt và giải đáp được nguyên nhân mất nước ở cuối thế kỷ XIX và trách nhiệm của triều Nguyễn có cơ sở khoa học. - Về kỹ năng: + Nhận biết các sự kiện và hiện tượng trong lịch sử dân tộc. + Hình thành thói quen phân biệt các sự kiện cơ bản, tiêu biểu và sử dụng nó miêu tả, khôi phục lại lịch sử quá khứ một cách chân thực. + Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những nhiệm vụ nhận thức và thực tiễn đặt ra. - Về thái độ: + Yêu thích môn học, ngành học. + Nâng cao lòng yêu nước, ý thức sâu sắc, tự hào về những thành tựu văn hoá-văn minh và tinh thần bảo vệ những di sản quý giá; từ đó liên hệ đến nghề nghiệp của mình. + Có ý thức và niềm tin sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm. - Góp phần phát triển năng lực tư duy lý	4	Học kỳ I	Thi

		luận, sáng tạo.			
4	Nhân học đại cương	- Về kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên ngành Lịch sử kiến thức cơ bản về bộ môn Dân tộc học. Đó là quá trình hình thành, phát triển các tộc người, các quốc gia dân tộc, gắn liền sự phát triển đời sống vật chất và tinh thần từ thời kỳ xã hội nguyên thủy đến ngày nay. + Tạo điều kiện tốt cho sinh viên học tập và giảng dạy tốt bộ môn Lịch sử ở các trường học, đồng thời giúp nhận thức đúng quan điểm đoàn kết dân tộc của Đảng, góp phần tích cực vào việc thực hiện đường lối chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. - Về kỹ năng: Nắm vững và hiểu về nội hàm của cơ sở dân tộc học - Về thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.	3	Học kỳ I	Thi
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (1)	- Về kiến thức + Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. + Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo. - Về kỹ năng: Nắm vững và hiểu về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê Nin - Về thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.	2	Học kỳ II	Thi
6	Tin học đại cương	- Về kiến thức: + Nắm vững được các vấn đề về máy tính và mạng máy tính; ứng dụng của công nghệ thông tin - truyền thông; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông; các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính; một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin; truyền thông đa phương tiện. + Nắm vững các tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc khối tin học văn phòng: Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft Powerpoint. - Về kỹ năng: + Sử dụng thành thạo máy tính, các ứng	2	Học kỳ II	Thi

		dụng trên các thiết bị điện tử thông minh và các dịch vụ phổ biến trên Internet phục vụ học tập, công việc và cuộc sống hàng ngày. + Biết cách bảo vệ máy tính và thông tin cá nhân an toàn khi sử dụng các dịch vụ, giao dịch trên Internet, thư điện tử, mạng xã hội, lưu trữ và chia sẻ tài liệu. + Sử dụng thành thạo các tính năng cơ bản và nâng cao của phần mềm Microsoft Word như: các chức năng định dạng và trang trí văn bản, bảng biểu nâng cao; theo dõi sự thay đổi của văn bản so với văn bản gốc; tạo được mục lục tự động, danh mục bảng, hình ảnh tự động; thao tác được với tài liệu trích dẫn; trộn thư,... + Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel: lập công thức, các hàm phức tạp; sắp xếp và lọc được dữ liệu; sử dụng được công thức mảng, các hàm cơ sở dữ liệu; tổng hợp số liệu... + Sử dụng thành thạo các tính năng của phần mềm Microsoft Power Point để tạo các trình chiếu một cách hiệu quả; biết kết hợp văn bản, bảng, các đối tượng đồ họa, âm thanh, video và các hiệu ứng để xây dựng các bài thuyết trình trực quan; thiết kế và xây dựng được các trò chơi đơn giản,... + Thực hiện in ấn, chia sẻ và bảo mật văn bản, bảng tính và bài thuyết trình. - Về thái độ: + Có thái độ tích cực trong việc lĩnh hội các kiến thức và kỹ năng trên để đạt kết quả tốt học phần và tự tin sử dụng máy tính. + Nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc học tập và cuộc sống; có ý thức trong việc tiếp cận, bồi dưỡng khả năng ứng dụng công nghệ và trung thực trong việc sử dụng các phần mềm ứng dụng. + Biết kết hợp, chia sẻ và hỗ trợ những kinh nghiệm trong quá trình học tập và làm việc nhóm. + Có ý thức chủ động trong việc cập nhật kiến thức, công nghệ mới để phù hợp với thực tiễn.			
7	Lịch sử văn minh thế giới	- Về kiến thức: + Giúp sinh viên nắm được quá trình hình thành, phát triển các nền văn minh trên thế giới, các thành tựu chủ yếu, vai trò, vị trí của các nền văn minh trong tiến trình lịch sử nhân loại. + Chú trọng cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về các nền văn minh Ai Cập,	2	Học kỳ II	Thi

		Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á, văn minh Hồi giáo, văn minh phương Tây từ cổ đại đến hiện đại. - Về kỹ năng: Nắm vững và hiểu về Lịch sử Văn minh thế giới - Về thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.			
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Về kiến thức: + Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt Nam. + Nắm được sự phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. + Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam. + Nắm được những nhận định, đánh giá về các sắc thái văn hóa địa phương, văn hóa tộc người. + Nắm được những giải pháp phân vùng văn hóa của các nhà nghiên cứu trước đây và hiện nay. + Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. Cụ thể: hiểu được các đặc trưng văn hóa thông qua từng thành tố văn hóa: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa tổ chức xã hội...; nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền sử, sơ sử đến nay; nắm được các tiêu chí phân vùng văn hóa, lý giải được cách chia theo hiện tại và tiếp tục nghiên cứu, khám phá cách chia hợp lý hơn. - Về kỹ năng: + Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa Việt Nam. + Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học. + Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. - Về thái độ: + Yêu thích môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. + Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích, bình giải yếu tố văn hóa trong các tác phẩm văn học. + Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu	2	Học kỳ II	Thi

		thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai.			
9	Lý luận quan hệ quốc tế	- Về kiến thức: + Giúp hiểu rõ những lý thuyết cơ bản trong quan hệ quốc tế như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa Mác... + Nắm được các chủ thể trong và ngoài luật quốc tế trong quan hệ quốc tế + Hiểu được khái niệm quyền lực, các yếu tố cấu thành, những biểu hiện của quyền lực quốc tế - Về kỹ năng: + Vận dụng những kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề hiện nay. + Kỹ năng hoạt động nhóm, tìm tài liệu liên quan đến vấn đề cần giải quyết, kỹ năng thuyết trình... - Về thái độ: Có hứng thú, say mê với môn học. Thấy được giá trị học thuật, giá trị lịch sử, và giá trị thực tiễn của môn học. Có nhu cầu muốn được nghiên cứu tiếp những vấn đề liên quan đến môn học.	3	Học kỳ II	Thi
10	Phương pháp luận sử học	- Về kiến thức: Phương pháp luận sử học trang bị cho sinh viên cách thức tiến hành công việc nghiên cứu khoa học một cách có hiệu quả nhất. Học phần giúp sinh viên hiểu biết cụ thể con đường cơ bản trong công tác nghiên cứu lịch sử, nhận thức đúng quan điểm Mácxit trong nghiên cứu sử học. - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học vào học tập và nghiên cứu lịch sử hiện nay. - Về thái độ: Trân trọng những giá trị văn hóa và lịch sử mà nhân dân ta đã xây dựng trong quá trình lịch sử.	2	Học kỳ II	Thi
11	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành QHQT	- Về kiến thức: Phương pháp luận sử học trang bị cho sinh viên cách thức tiến hành công việc nghiên cứu khoa học một cách có hiệu quả nhất. Học phần giúp sinh viên hiểu biết cụ thể con đường cơ bản trong công tác nghiên cứu lịch sử, nhận thức đúng quan điểm Mácxit trong nghiên cứu sử học. - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học vào học tập và nghiên cứu lịch sử hiện nay. - Về thái độ: Trân trọng những giá trị văn hóa và lịch sử mà nhân dân ta đã xây dựng trong quá trình lịch sử.	2	Học kỳ II	Thi
12	Khảo cổ học đại cương	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được:	3	Học kỳ II	Thi

		- Về kiến thức: Môn Khảo cổ học đại cương nhằm: + Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Khảo cổ học để minh họa và bổ sung cho những kiến thức về lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, đặc biệt là phần về xã hội nguyên thủy và cổ đại. + Trang bị cho người học một số khái niệm về các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Khảo cổ học. - Về kỹ năng: Trên cơ sở được trang bị một số khái niệm về các phương pháp nghiên cứu cơ bản của Khảo cổ học sẽ góp phần hình thành các kỹ năng thực hành trong nghiên cứu lịch sử. - Về thái độ: Từ những hiểu biết cơ bản, bước đầu về Khảo cổ học sẽ giúp sinh viên có ý thức sâu sắc về di tích, di vật của người xưa để lại; từ đó có hành động tích cực trong bảo tồn và phát huy những di sản quá khứ. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện năng lực xử lý, đánh giá các nguồn sử liệu, nhất là nguồn sử liệu hiện vật, tượng hình. - Góp phần phát triển năng lực tư duy biện chứng.			
13	Sử liệu học	- Về kiến thức: + Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sử liệu học lý luận. Từ đó biết vận dụng các kiến thức đã học vào việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử. + Trước hết là biết vận dụng các phương pháp sưu tầm, phân loại, chọn lọc tư liệu, xác minh và phê phán tư liệu vào việc làm các bài tập, khoá luận và luận văn tốt nghiệp của mình. - Về kỹ năng: + Nắm vững và hiểu về các phương pháp của môn học + Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.	3	Học kỳ II	Thi
14	Lịch sử tư tưởng phương Đông	- Về kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên thuộc các ngành Khoa học xã hội - nhân văn những kiến thức cơ bản cần thiết thuộc lĩnh vực Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam, trên cơ sở đó hiểu rõ hơn các môn học khác thuộc chuyên ngành của họ + Giúp sinh viên nhận thức đúng về diễn trình, đặc điểm và những tác động của tư tưởng phương Đông và Việt Nam đối với sự phát triển các nước phương Đông nói chung, Việt	3	Học kỳ II	Thi

		Nam nói riêng ngày nay - Về kỹ năng: Nắm vững và hiểu về các phương pháp của môn học - Về thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.			
15	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (2)	- Về kiến thức: + Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung của các học phần tiếp theo: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. + Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo. - Về kỹ năng: Nắm vững và hiểu về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - Về thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.	3	Học kỳ III	Thi
16	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: + Giải thích đúng về nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử. + Phân tích đúng nguồn gốc, bản chất, chức năng của pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng trong xã hội; phân biệt các kiểu và hình thức Pháp luật. + Nắm vững hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa và bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Nắm vững các vấn đề cơ bản về khoa học pháp lý như: quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; thực hiện pháp luật; hệ thống pháp luật; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. + Trình bày đúng một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự Việt Nam. - Về kỹ năng: + Tập hợp, khai thác những thông tin pháp lý từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ công việc; hình thành kỹ năng đánh giá, phân tích và giải thích những hiện tượng pháp lý.	2	Học kỳ III	Thi

		+ Vận dụng những tri thức pháp lý liên quan đến một số chế định trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết những tình huống pháp luật thông thường trong đời sống xã hội và thực thi pháp luật trong cuộc sống. - Về thái độ: Tin tưởng vào nhà nước và pháp luật Việt Nam; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật; tích cực tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.			
17	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	- Về kiến thức: + Cơ sở hình thành, những thành tựu chủ yếu, đặc trưng loại hình văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây thời cổ trung đại. + Những ảnh hưởng, đóng góp của nó cho nền văn hóa nhân loại. + Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Đông - Tây thời cổ trung đại. - Về kĩ năng: + Kĩ năng đọc sách, phân tích đặc trưng, so sánh các loại hình văn hóa khác nhau + Kĩ năng đánh giá ảnh hưởng, đóng góp của các nền văn hóa, khu vực văn hóa đối với nền văn minh nhân loại và trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa lẫn nhau giữa chúng. + Kĩ năng thảo luận, tranh biện qua các buổi thảo luận nhóm, semina; hoạt động ngoại khóa xem phim tư liệu về những nền văn hóa lớn trên thế giới. - Về thái độ: + Yêu thích sưu tầm, tìm hiểu về vẻ đẹp của các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. + Có thái độ tôn trọng những điểm dị biệt giữa các nền văn hóa, trong giao lưu văn hóa.	3	Học kỳ III	Thi
18	Lịch sử thế giới cận đại	- Kiến thức: + Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản, sự xác lập của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới và quá trình chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa đế quốc. + Phong trào công nhân và cộng sản quốc tế thời cận đại. + Phong trào đấu tranh, giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh thời cận đại. + Những tiên bộ, thành tựu về khoa học kĩ thuật, văn học nghệ thuật thế kỉ XVI - XVIII. - Kĩ năng: + Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, quá trình, nhân vật lịch sử. + Hình thành hệ thống kĩ năng hỗ trợ cho bộ môn như: kĩ năng thuyết trình, kĩ năng làm việc theo nhóm, kĩ năng sử dụng công nghệ	4	Học kỳ III	Thi

		thông tin trong dạy học,... - Thái độ: + Hình thành ở sinh viên quan điểm đánh giá, nhận định đúng các sự kiện, hiện tượng, biến cố của lịch sử thời cận đại. + Hình thành ở sinh viên thái độ đối với các cuộc chiến tranh đế quốc, đối với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, giai cấp vô sản thế giới, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân các nước Á, Phi, Mỹ Latinh thời cận đại.			
19	Lịch sử Việt Nam cận đại	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: + Trang bị cho sinh viên kiến thức hệ thống cơ bản lịch sử Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta đến Cách mạng tháng Tám thành công. Qua đó, giúp SV nhận thức một cách đúng đắn khách quan việc đế Pháp xâm lược và thống trị nước ta trách nhiệm thuộc về triều Nguyễn; hiểu đúng về chính sách cai trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp gây nhiều hậu quả nghiêm trọng cho xã hội Việt Nam, nhưng cũng để lại những yếu tố khách quan thuận lợi làm tiền đề cho sự phát triển phong trào giải phóng dân tộc nước ta mạnh mẽ làm nên Cách mạng tháng Tám vĩ đại. - Về kỹ năng: + Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu + Rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử + Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau + Biết sử dụng các phương pháp của khoa học lịch sử trong nghiên cứu, vận dụng quan điểm Mác xít trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề. - Về thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận. * Mục tiêu khác: - Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá	4	Học kỳ III	Thi

		- Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
20	Luật pháp quốc tế	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công pháp quốc tế. - Kiến thức của học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục theo học các học phần nâng cao và chuyên sâu về công pháp quốc tế.	3	Học kỳ III	Thi
21	Văn hóa ngoại giao	- Về kiến thức: Học phần giúp sinh viên hiểu được cơ sở thực tiễn và lý luận của NGVH; nhận biết về sự cần thiết và lợi ích của việc sử dụng văn hóa như sức mạnh mềm; quán triệt được quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về NGVH; bước đầu rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng văn hóa vào phân tích các sự kiện quốc tế - Về kỹ năng: + Vận dụng những kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề hiện nay. + Kỹ năng hoạt động nhóm, tìm tài liệu liên quan đến vấn đề cần giải quyết, kỹ năng thuyết trình... - Về thái độ: Có hứng thú, say mê với môn học. Thấy được giá trị học thuật, giá trị lịch sử, và giá trị thực tiễn của môn học. Có nhu cầu muốn được nghiên cứu tiếp những vấn đề liên quan đến môn học.	3	Học kỳ III	Thi
22	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Về kiến thức: + Giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh. + Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta. + Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. - Về kỹ năng: Nắm vững và hiểu về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. - Về thái độ: Sinh viên có tính kiên trì, sáng tạo, có thái độ học tập chăm chỉ.	2	Học kỳ IV	Thi
23	Lịch sử thế giới hiện đại	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được các khái niệm, thuật ngữ thuộc lịch sử thế giới hiện đại + <u>Tóm tắt</u> được những nét chính của tiến trình lịch sử thế giới trong thời hiện đại + <u>Hiểu</u> được tình hình của các khu vực chính và các quốc gia tiêu biểu trong lịch sử thế giới hiện đại. + <u>Phân tích</u> được điểm tương đồng và dị	4	Học kỳ IV	Thi

		biệt của tiến trình lịch sử phương Đông và phương Tây, cũng như mối liên hệ giữa hai khu vực Đông - Tây qua các giai đoạn lịch sử khác nhau thời hiện đại. + <u>Đánh giá</u> được những thành tựu và những hạn chế của lịch sử nhân loại nói chung và mỗi khu vực hay các quốc gia lớn nói riêng trong thời hiện đại. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của các sự kiện và hiện tượng lịch sử. + Có kỹ năng so sánh, đối chiếu các hiện tượng đã diễn ra trong lịch sử với những hiện tượng tại thời điểm hiện tại. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua mỗi chặng đường phát triển. + Biết thận trọng, khách quan khi nhận định, đánh giá các nhân vật và sự kiện lịch sử trong thời hiện đại. + Biết nhìn nhận các vấn đề lịch sử trên quan điểm duy vật biện chứng.			
24	Lịch sử Việt Nam hiện đại	- Về kiến thức + Biết được các khái niệm cơ bản của lịch sử Việt Nam hiện đại + Tóm tắt được tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. + Hiểu được thành tựu và hạn chế của cách mạng nước ta trong mỗi giai đoạn lịch sử. + Phân tích được âm mưu, thủ đoạn của Mĩ trong việc tiến hành các chiến lược chiến tranh ở hai miền nước ta + Đánh giá được tầm vóc, ý nghĩa thắng lợi và bài học lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích các sự kiện và hiện tượng lịch sử. + Có kỹ năng so sánh, bình luận các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử - Về thái độ + Vững vàng trong lập trường chính trị và thái độ chính trị trước diễn biến của lịch sử. + Biết đánh giá khoa học, khách quan trước các nhân vật và sự kiện lịch sử + Biết nhìn nhận các vấn đề lịch sử trên quan điểm duy vật biện chứng.	4	Học kỳ IV	Thi
25	Tổ chức quốc tế và cơ quan ngoại giao của các quốc gia	- Về kiến thức: + Giúp hiểu rõ các tổ chức ngoại giao và cơ quan ngoại giao + Nắm được chức năng, nhiệm vụ, mối	3	Học kỳ IV	Thi

		quan hệ giữa các tổ chức ngoại giao và cơ quan ngoại giao - Về kỹ năng: + Vận dụng những kiến thức đã học vào giải thích các vấn đề hiện nay. + Kỹ năng hoạt động nhóm, tìm tài liệu liên quan đến vấn đề cần giải quyết, kỹ năng thuyết trình... - Về thái độ: Có hứng thú, say mê với môn học. Thấy được giá trị học thuật, giá trị lịch sử, và giá trị thực tiễn của môn học. Có nhu cầu muốn được nghiên cứu tiếp những vấn đề liên quan đến môn học.			
26	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận - hiện đại	- Kiến thức: + Phân biệt được các khái niệm về chuyên đề như: cải cách, duy tân và đổi mới, cách mạng, giải phóng. + Hiểu được bối cảnh của một số quốc gia châu Á tiêu biểu trước nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây. + Nắm được các vấn đề cơ bản của một số phong trào cải cách, duy tân chính ở châu Á ở Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và Việt Nam. + Khái quát được đặc điểm, đánh giá được các cuộc cải cách và đổi sách giữa các cuộc cải cách ở châu Á thời cận hiện đại. - Kỹ năng: + Rèn luyện các kỹ năng đọc và phân tích tài liệu. + Rèn luyện kỹ năng chuẩn bị xêmina và kỹ năng thuyết trình. + Phát triển năng lực tự đánh giá của sinh viên thông qua các hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận. + Kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp và so sánh các vấn đề lịch sử. - Thái độ: + Hình thành ở sinh viên quan điểm đánh giá, nhận định đúng các sự kiện, hiện tượng, biến cố của lịch sử châu Á thời cận hiện đại. + Có thái độ khách quan, khoa học trong đánh giá nguyên nhân thất bại và thành công của các quốc gia châu Á thời cận hiện đại.	3	Học kỳ IV	Thi
27	Địa phương học	Giúp sinh viên nắm vững khái niệm, đối tượng, nội dung, quan điểm và phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành địa phương học; hiểu rõ hơn về đặc điểm địa lý, dân cư, văn hóa, lịch sử của khu vực Nam Trung Bộ. Từ đó trang bị cho các em những nguồn kiến thức cần thiết để nâng cao chất lượng học tập các nội dung về lịch sử dân tộc, lịch sử địa phương; hoàn thành có hiệu quả các đề tài bài tập lớn,	3	Học kỳ IV	Thi

		khóa luận về lịch sử địa phương, lịch sử Việt Nam. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn nghiên cứu ở từng địa phương cụ thể; và góp phần nâng cao lòng yêu quê hương, niềm tự hào về những đóng góp của địa phương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước cho sinh viên.			
28	Ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ đối với Việt Nam	- Về kiến thức: + Hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên nắm rõ những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa đối với Việt Nam (thời cổ trung đại). + Hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên nắm được sự tiếp biến văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa trong văn hóa Việt Nam; để từ đó có thể rút ra một nét đặc trưng của văn hóa Việt Nam: sự không chối từ. - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học vào giải thích các đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam hiện nay. - Về thái độ: Trân trọng những giá trị văn hóa và lịch sử mà nhân dân ta đã xây dựng trong quá trình lịch sử.	3	Học kỳ IV	Thi
29	Một số vấn đề về triều Nguyễn	* Mục tiêu chung: Học xong môn học này, sinh viên có được: - Về kiến thức: Học phân giúp sinh viên hiểu được một số vấn đề cơ bản về triều Nguyễn ở nửa sau thế kỷ XIX như: trách nhiệm của triều Nguyễn trước sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân, những đề nghị cải cách của các nhân sĩ yêu nước và thái độ của nhà Nguyễn trước vấn đề này, đánh giá các vị vua nhà Nguyễn từ Tự Đức đến Thành Thái. Qua đó, học phân sẽ giúp sinh viên học tập và giảng dạy tốt lịch sử Việt Nam trong nửa sau thế kỷ XIX ở trường trung học phổ thông. - Kỹ năng: + Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu + Rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử + Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau + Biết sử dụng các phương pháp của khoa học lịch sử trong nghiên cứu, vận dụng quan điểm Mác xít trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề. - Thái độ: + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự	2	Học kỳ IV	Thi

		nghiên cứu + Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận. - Mục tiêu khác: + Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, phản biện, xử lý tình huống + Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả + Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá + Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo			
30	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ V	Thi
31	Tiếng Anh A2.1	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	3	Học kỳ V	Thi
32	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc, khai thác và thảo luận các bài đọc, bài bình luận, báo cáo được đăng tải trên các báo bản ngữ về các chủ đề khác nhau như: môi trường, năng lượng, dân số, du lịch, bình đẳng giới, giao thông vận tải, thành phố, nông thôn... Kết thúc học phần sinh viên cần nắm vững các kỹ năng sau đây: - Kỹ năng đọc để rút ra được ý chính cho cả bài báo. - Kỹ năng đọc để nắm được những nội dung chi tiết. - Kỹ năng đọc để hiểu được cấu trúc của cả bài báo - Kỹ năng dự đoán các diễn biến tiếp theo có thể được đề cập trong và ngoài phạm vi bài báo. - Kỹ năng suy luận để tìm ra được những nội dung liên quan được trình bày trong bài báo. - Kỹ năng đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh.	3	Học kỳ V	Thi

		- Kỹ năng hiểu các cấu trúc phức tạp. - Kỹ năng cảm nhận được phong cách của tác giả. - Kỹ năng đánh giá bài báo. - Kỹ năng bình luận về nội dung bài báo. - Kỹ năng tóm tắt bài báo.			
33	Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay	- Về kiến thức + <u>Biết</u> được các khái niệm, thuật ngữ thuộc lịch sử quan hệ quốc tế thời hiện đại. + <u>Tóm tắt</u> được những nét chính của tiến trình lịch sử quan hệ quốc tế trong thời hiện đại. + <u>Đánh giá</u> được những cơ hội và thách thức của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ quốc tế. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của các sự kiện và hiện tượng lịch sử. + Có kỹ năng so sánh, đối chiếu các hiện tượng đã diễn ra trong lịch sử với những hiện tượng tại thời điểm hiện tại. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua mỗi chặng đường phát triển. + Biết thận trọng, khách quan khi nhận định, đánh giá các nhân vật và sự kiện lịch sử trong quan hệ quốc tế thời hiện đại. + Biết nhìn nhận các vấn đề lịch sử trên quan điểm duy vật biện chứng.	3	Học kỳ V	Thi
34	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Trang bị cho sinh viên đặc điểm, tính chất của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, những thành tựu chủ yếu trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta giai đoạn 1945 đến nay.	3	Học kỳ V	Thi
35	Nghi thức ngoại giao và đàm phán quốc tế	- Về kiến thức: + Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về nghi thức ngoại giao, ý nghĩa, vai trò của nghi thức ngoại giao trong việc phát triển quan hệ hợp tác quốc tế, thực hiện chính sách đối ngoại của quốc gia; nắm rõ các nghi thức ngoại giao của Việt Nam. + Nhận biết được những yếu tố quan trọng tác động đến đàm phán, những đặc trưng của đàm phán ngoại giao, cách chuẩn bị đề án ngoại giao và những tiêu chuẩn cần có của một nhà đàm phán ngoại giao. - Về kỹ năng: + Có khả năng xử lý các tình huống thực tiễn liên quan đến việc thực hiện các nghi thức	4	Học kỳ V	Thi

		ngoại giao như: Xác định ngôi thứ và sắp xếp vị trí, tổ chức đón tiếp đoàn khách quốc tế với các nghi thức khác nhau, tổ chức các buổi tiệc ngoại giao... + Kỹ năng hoạt động nhóm, tìm tài liệu liên quan đến vấn đề cần giải quyết, kỹ năng thuyết trình... - Về thái độ: Có hứng thú, say mê với môn học. Thấy được giá trị học thuật, giá trị lịch sử, và giá trị thực tiễn của môn học. Có nhu cầu muốn được nghiên cứu tiếp những vấn đề liên quan đến môn học.			
36	Quan hệ quốc tế châu Á Thái Bình Dương	- Về kiến thức + Nắm được một cách cơ bản bản chất quan hệ quốc tế của khu vực châu Á-Thái Bình Dương. + Những chính sách Châu Á-Thái Bình Dương của bốn cường quốc là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Liên Bang Nga. + Những thành tựu, thách thức, cơ hội và triển vọng của an ninh khu vực Châu Á-Thái Bình Dương + Hiểu biết, đánh giá chính sách châu Á-Thái Bình Dương của Việt Nam. - Về kỹ năng + Thu thập, đọc hiểu các nguồn tư liệu có liên quan đến vấn đề quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ quốc tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói riêng. + Phân tích, tổng hợp, đánh giá chính sách Châu Á-Thái Bình Dương của bốn cường quốc là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Liên Bang Nga. + Vận dụng những tri thức đã học để nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan đến vị trí của Việt Nam trong mối quan hệ quốc tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương. + Kỹ năng làm việc nhóm và seminar, tự học, tự nghiên cứu - Về thái độ + Thái độ nghiêm túc, tích cực tham gia các nội dung giờ học trên lớp, thảo luận nhóm và seminar. + Định hướng nhận thức và hành động đúng đắn, thiết thực trước vấn đề đã và đang đặt ra trong vấn đề hiểu biết, kế thừa, phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của địa phương, dân tộc trong quá trình phát triển và hội nhập.	3	Học kỳ V	Thi
37	Tiếng Anh A2.2	Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra với các kỹ năng cơ bản của việc sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo CEFR.	4	Học kỳ VI	Thi

38	Tiếng Anh chuyên ngành 2	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên khả năng: Nghe hiểu được những bản thông tin đa dạng dưới dạng tin chậm về các chủ đề trên thế giới như tin tức sự kiện hàng ngày, các tổ chức quốc tế và khu vực (UN, FAO, UNICEF..) từ đó có thể trả lời các câu hỏi và tóm tắt nội dung của các bản tin đó.	3	Học kỳ VI	Thi
39	Chính sách và hoạt động ngoại giao của Việt Nam thời hiện đại	- <i>Về kiến thức:</i> Trang bị cho sinh viên đặc điểm, tính chất của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, những thành tựu chủ yếu trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta giai đoạn 1945 đến nay. - <i>Về kỹ năng:</i> Có khả năng xử lý các tình huống thực tiễn liên quan đến việc thực hiện các nghi thức ngoại giao như: Xác định ngôi thứ và sắp xếp vị trí, tổ chức đón tiếp đoàn khách quốc tế với các nghi thức khác nhau, tổ chức các buổi tiệc ngoại giao... Kỹ năng hoạt động nhóm, tìm tài liệu liên quan đến vấn đề cần giải quyết, kỹ năng thuyết trình... - <i>Về thái độ:</i> Có hứng thú, say mê với môn học. Thấy được giá trị học thuật, giá trị lịch sử, và giá trị thực tiễn của môn học. Có nhu cầu muốn được nghiên cứu tiếp những vấn đề liên quan đến môn học.	3	Học kỳ VI	Thi
40	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	- <i>Về kiến thức:</i> Học phân giúp sinh viên hiểu được chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam dẫn đến hệ quả là những chuyển biến về cơ cấu kinh tế Việt Nam, qua các thời kỳ từ 1858 - 1945. Từ sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế đó đã tác động nhiều mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội nước ta thời cận hiện đại, thúc đẩy sự phát triển phong trào yêu nước cách mạng tiến tới thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945. - <i>Kỹ năng:</i> + Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu + Rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử + Nâng cao khả năng lập luận, nhìn nhận, đánh giá các vấn đề lịch sử dưới nhiều góc độ và dựa trên các nguồn tài liệu khác nhau + Biết sử dụng các phương pháp của khoa học lịch sử trong nghiên cứu, vận dụng quan điểm Mác xít trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề. - <i>Thái độ:</i> + Tham dự đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các giờ học trên lớp + Hoàn thành tốt các nội dung tự học, tự nghiên cứu	3	Học kỳ VI	Thi

		+ Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi thảo luận.			
41	Kiến tập cử nhân	Bằng những kiến thức đã học và kinh nghiệm thực tế đã được tích lũy, sinh viên về các cơ sở kiến tập để thể hiện mình với tư cách là một người quan sát, học hỏi và thực hiện các vấn đề quan tâm, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và lí luận khoa học.	2	Học kỳ VI	
42	Thực tế chuyên môn	Giúp sinh viên nắm vững và hiểu sâu sắc những kiến thức về lịch sử dân tộc đã được tiếp thu trên giảng đường. Vận dụng những hiểu biết trong việc học tập và giảng dạy lịch sử dân tộc.	2	Học kỳ VI	
43	Quan hệ kinh tế thế giới thời hiện đại	- Về kiến thức: + Cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về quan hệ kinh tế quốc tế, về nguyên nhân, mục đích và hiện thực các mối quan hệ kinh tế quốc tế ngày nay. Từ đó giúp SV có nhận thức đúng hơn về tiến trình hội nhập hoá toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ là xu thế khách quan của thời đại; hiểu rõ hơn và tin tưởng hơn vào đường lối đối ngoại mở rộng liên kết kinh tế của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là đúng đắn, hợp quy luật. + Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học vào việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử. - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học vào giải thích các đặc kinh tế, xã hội quốc tế hiện nay. - Về thái độ: Trân trọng những giá trị kinh tế - xã hội mà nhân loại đã xây dựng trong quá trình lịch sử.	3	Học kỳ VI	Thi
44	Quan hệ quốc tế Âu - Mỹ	- Về kiến thức + Nắm được một cách cơ bản bản chất quan hệ quốc tế Âu - Mỹ + Hiểu biết về diễn trình quan hệ quốc tế Âu - Mỹ trải qua các giai đoạn + Nắm được những thành tựu, thách thức, cơ hội và triển vọng của quan hệ quốc tế Âu - Mỹ + Hiểu biết, đánh giá ảnh hưởng/tác động của quan hệ quốc tế Âu - Mỹ đến Việt Nam và đối sách của Việt Nam. - Về kỹ năng + Thu thập, đọc hiểu các nguồn tư liệu có liên quan đến vấn đề quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ quốc tế ở khu vực Âu - Mỹ nói riêng. + Phân tích, tổng hợp, đánh giá những thành tựu, thách thức, cơ hội và triển vọng của quan	3	Học kỳ VII	Thi

		hệ quốc tế Âu - Mỹ. + Vận dụng những tri thức đã học để nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan đến ảnh hưởng/tác động của quan hệ quốc tế Âu - Mỹ đến Việt Nam và đối sách của Việt Nam. + Kỹ năng làm việc nhóm và seminar, tự học, tự nghiên cứu - Về thái độ + Thái độ nghiêm túc, tích cực tham gia các nội dung giờ học trên lớp, thảo luận nhóm và seminar. + Định hướng nhận thức và hành động đúng đắn, thiết thực trước vấn đề đã và đang đặt ra trong vấn đề hiểu biết, kế thừa, phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của địa phương, dân tộc trong quá trình phát triển và hội nhập.			
45	Chủ nghĩa tư bản cận - hiện đại	- Về kiến thức + <u>Biết được</u> những lý luận cơ bản và hiện thực về chủ nghĩa tư bản ngày nay. Từ đó có nhận thức đúng hơn, khách quan và khoa học hơn về chủ nghĩa tư bản hiện đại, cũng như khuynh hướng phát triển của nó trong tương lai. + <u>Vận dụng</u> các kiến thức đã học vào việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích tiến bộ và hạn chế của CNTB hiện đại. + Có kỹ năng vận dụng kiến thức về CNTB hiện đại vào thực tế. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua các chặng được phát triển của CNTB. + Biết thận trọng, khách quan khi đánh giá quá trình phát triển của CNTB hiện đại.	3	Học kỳ VII	Thi
46	Việt Nam và ASEAN	- Về kiến thức + <u>Biết được</u> những nét lớn về lịch sử Đông Nam Á + <u>Đánh giá</u> những vấn đề của Đông Nam Á trong lịch sử và hiện nay + Trang bị cho người học những nội dung sau: quá trình hình thành, phát triển và suy yếu của các quốc gia Đông Nam Á (thời tiền thực dân); quá trình các quốc gia Đông Nam Á trở thành thuộc địa hay nửa thuộc địa của các nước phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai; thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước sau khi giành được độc lập dân tộc; tổ	3	Hcj Kỳ VI	Thi

		chức hợp tác khu vực (ASEAN) và quá trình hội nhập của Việt Nam vào ASEAN. - Về kỹ năng + Kỹ năng phân tích, đánh giá trong nghiên cứu sử học. + Vận dụng kiến thức để giải thích các vấn đề quốc tế hiện nay. - Về thái độ + Biết trân trọng và giữ gìn mối quan hệ láng giềng với các nước Đông Nam Á. + Biết thận trọng, khách quan những biến động của khu vực hiện nay.			
47	Khu vực hóa, toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu	Sau khi kết thúc môn học, người học có thể: - Về kiến thức + <u>Biết</u> được các khái niệm, thuật ngữ liên quan quá trình toàn cầu hóa. + <u>Tóm tắt</u> được những nét chính của quá trình toàn cầu hóa. + <u>Hiểu</u> được tình hình của các khu vực chính và các quốc gia tiêu biểu trong quá trình toàn cầu hóa. - Về kỹ năng + Có kỹ năng phân tích nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của các sự kiện và hiện tượng trong quá trình toàn cầu hóa. + Có kỹ năng so sánh, đối chiếu các vấn đề trong quá trình toàn cầu hóa. - Về thái độ + Biết trân trọng thành quả của nhân loại qua các chặng đường phát triển của quá trình toàn cầu hóa. + Biết thận trọng, khách quan khi nhận định, đánh giá các vấn đề toàn cầu hóa. - Biết nhìn nhận các vấn đề toàn cầu hóa trên quan điểm duy vật biện chứng.	3	Học kỳ VII	Thi
48	Một số vấn đề về biển đảo Việt Nam	- Kiến thức: + Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới trong dạy học nói chung và trong dạy học lịch sử nói riêng. + Những biện pháp cơ bản để tiến hành đổi mới dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông. - Kỹ năng: + Kỹ năng lên lớp tiến hành các bài học. + Kỹ năng kiểm tra – đánh giá. - Thái độ: + Ý thức rèn luyện, tự đổi mới trong dạy học. + Ý thức say mê nghiên cứu khoa học giáo dục để cải tiến những phương pháp dạy học bộ môn.	3	Học kỳ VII	Thi

49	Quan hệ giữa các nước lớn sau chiến tranh lạnh	- Kiến thức: + Giúp sinh viên nắm được những nét cơ bản về mối quan hệ quốc tế từ 1991- nay. + Chính sách của các cường quốc ảnh hưởng đến việc thiết lập trật tự thế giới. + Trật tự thế giới do các cường quốc thiết lập sau Chiến tranh lạnh có ảnh hưởng như thế nào đối với các quốc gia dân tộc trên thế giới? - Kỹ năng: + Vận dụng những kiến thức về quan hệ quốc tế để phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu sau này. + Nắm được những quy luật cơ bản trong quan hệ quốc tế giữa các cường quốc, giữa các nhóm nước, giữa các nước trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế liên quan. + Rút ra những nét cơ bản nhất của các mối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh lạnh để phân tích, so sánh, đối chiếu với các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay nhằm rút ra những bài học lịch sử trong tiến trình quan hệ quốc tế. - Thái độ: Giúp sinh viên có quan điểm đúng đắn về các mối quan hệ quốc tế đã diễn ra từ 1991- nay, từ đó vận dụng những kinh nghiệm của các mối quan hệ quốc tế để giải quyết những vấn đề có liên quan trong học tập và công tác.	3	Học kỳ VII	Thi
50	Quan hệ Việt Nam-EU	- Kiến thức + Tóm tắt được quá trình hình và phát triển của tổ chức EU + Phân tích được diễn trình quan hệ Việt Nam và EU. + Phân tích các mối quan hệ giữa Việt Nam và các quốc gia trong EU. - Kỹ năng + Thu thập, đọc hiểu các nguồn tư liệu có liên quan đến vấn đề lịch sử - văn hóa Việt Nam trong mối quan hệ lịch sử, văn hóa với khu vực châu Âu. + Phân tích, tổng hợp các tri thức về quá trình giao lưu kinh tế, văn hóa; những biến chuyển trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam và EU. + Vận dụng những tri thức đã học để nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan đến mối quan hệ Việt Nam - EU + Kỹ năng làm việc nhóm và seminar, tự học, tự nghiên cứu - Thái độ + Thái độ nghiêm túc, tích cực tham gia các	3	Học kỳ VII	Thi

		nội dung giờ học trên lớp, thảo luận nhóm và seminar. + Định hướng nhận thức và hành động đúng đắn, thiết thực trước vấn đề đã và đang đặt ra trong vấn đề hiểu biết, kế thừa, phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của địa phương, dân tộc trong quá trình phát triển và hội nhập.			
51	Khóa luận tốt nghiệp	Mục tiêu của học phần là tạo điều kiện cho sinh viên hệ thống hóa kiến thức của các học phần đã học gắn liền với thực tế. Đồng thời học phần còn giúp cho sinh viên rèn luyện và nâng cao khả năng viết báo cáo về các vấn đề lịch sử, kinh tế - hội dưới dạng một đề tài nghiên cứu.	7	Học kỳ VII	Bảo vệ

8. Khoa Tâm lý giáo dục

Lớp: 15CTXH

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Giới và phát triển	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giới và khoa học giới đối với sự phát triển, từ đó hình thành khả năng phân tích, đánh giá giới trong nghiên cứu và thực tiễn.	3	I	Thi tự luận
2	Công tác xã hội với trẻ em	Vận dụng các phương pháp, kỹ năng trong công tác xã hội để thực hành công tác xã hội với trẻ em	3	I	Thi tự luận
3	Kiểm huấn công tác xã hội	Sinh viên sử dụng hình thành kỹ năng và kiến thức trong kiểm huấn công tác xã hội, có thể vận dụng vào quá trình kiểm tra đánh giá công tác xã hội tại cơ sở	2	I	Thi tiểu luận
4	Quản trị ngành công tác xã hội	Sinh viên có thể đánh giá được các nguồn lực, lập kế hoạch điều phối, tác nghiệp cho tổ chức, lượng giá.... Ý thức được tầm quan trọng của quản trị ngành CTXH	3	I	Thi tự luận
5	Công tác xã hội với người cao tuổi	Sinh viên vận dụng các phương pháp trong CTXH vào tiến trình hỗ trợ người cao tuổi	2	I	Thi tự luận
6	Công tác xã hội trong bệnh viện	Vận dụng được những phương pháp công tác xã hội để hỗ trợ bệnh nhân giải quyết khó khăn, thay đổi hành vi để chữa bệnh có hiệu quả hơn	2	I	Thi tiểu luận
7	Công tác xã hội với dân tộc thiểu số	Vận dụng những kiến thức cơ bản về CTXH với nhóm dân tộc thiểu số trong CTXH hoạt động nghề nghiệp cũng như trong thực tiễn	2	I	Thi tự luận
8	Công tác xã hội với trẻ em	Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xã hội với trẻ em, có thái độ đúng đắn trong cách tiếp cận can thiệp công tác xã hội với	2	I	Thi tự luận

		trẻ em.			
9	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xã hội với trẻ em, có thái độ đúng đắn trong cách tiếp cận can thiệp công tác xã hội với trẻ em có HCDB.	3	I	Thi tự luận
10	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên liên hệ, áp dụng hệ thống lý thuyết ngành công tác xã hội vào thực tiễn và từ các hoạt động thực tiễn sinh viên hiểu rõ hơn, sâu hơn những lý thuyết đã học.	3	II	Tiểu luận/ báo cáo
11	Khóa luận tốt nghiệp		7	II	Tiểu luận/ báo cáo

Lớp: 16CTXH

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tâm lý học tệ nạn xã hội	Trình bày một cách có hệ thống những tri thức cơ bản nhất về tâm lý học tệ nạn xã hội.	2	I	Thi tự luận
2	Công tác xã hội với nhóm	Sinh viên sử dụng được các kiến thức và kỹ năng vào tiến trình can thiệp nhóm.	3	I	Thi tự luận
3	Công tác xã hội với trường học	Sinh viên phát triển kỹ năng nhận diện đánh giá vấn đề, đề xuất được các biện pháp phối hợp với nhà trường và các tổ chức xã hội để thực hiện phòng ngừa và can thiệp trợ giúp các đối tượng trong trường học.	3	I	Thi tự luận
4	Chính sách xã hội	Sinh viên nhận thức được chính sách xã hội là một khoa học, có quan hệ hữu cơ với Công tác xã hội trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội.	3	I	Thi tự luận
5	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng của phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội để có thể vận dụng trong nghiên cứu các vấn đề xã hội và ứng dụng cho hoạt động chuyên môn	3	I	Thi tiểu luận
6	Thực hành 2 (CTXH nhóm)	Hướng đến việc tổ chức cho sinh viên thực hành các kỹ năng cơ bản, vận dụng tiến trình CTXH với nhóm trong một nhóm công tác xã hội cụ thể.	4	I	Tiểu luận/ báo cáo
7	Công tác xã hội với người khuyết tật	Hình thành được các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc tiếp cận làm việc với người khuyết tật; vận dụng được các phương pháp công tác xã hội trong tiến trình trợ giúp người khuyết tật.	2	I	Thi tự luận
8	Sức khỏe cộng đồng	Nắm được các loại bệnh thường gặp trong cộng đồng; cách phòng tránh dịch bệnh tại cộng đồng.	3	II	Thi tự luận
9	Xây dựng và quản lý dự án	Hình thành kỹ năng trong xây dựng dự án và quản lý dự án hoặc tham gia trong nhóm thực hiện dự án. Sinh viên có khả năng điều hành dự án một cách hiệu quả một khi sinh viên sau khi ra trường có cơ hội được giao trách nhiệm quản lý dự án.	3	II	Thi tự luận

10	Tổ chức và phát triển cộng đồng	vận dụng một số phương pháp và kỹ năng cơ bản làm việc theo nhóm trong thực hành phát triển cộng đồng hướng đến phân tích, lựa chọn cách giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội.	3	II	Thi tự luận
11	Thực hành 3 (Thực hành phát triển cộng đồng)	Hướng đến việc tổ chức cho sinh viên thực hành các kỹ năng cơ bản, vận dụng tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng tại một cộng đồng cụ thể.	4	II	Tiểu luận/ báo cáo
12	Học phần tự chọn		2/3	II	Thi tự luận

LỚP: 17CTXH1 và 17CTXH2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Pháp luật đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng cùng những tri thức pháp lý liên quan đến một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	I	Thi tự luận
2	Tiếng Việt thực hành	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt	2	I	Thi tự luận
3	Công tác xã hội cá nhân	Nắm được các kiến thức chung về một số lý thuyết và khái niệm cơ bản trong CTXH cá nhân, những vấn đề đối tượng thường gặp nhằm gọi tên các hướng tiếp cận, khả năng tư duy từ đó hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống cá nhân.	3	I	Thi vấn đáp
4	Hành vi con người và môi trường xã hội	Nắm được những kiến thức và kỹ năng trong CTXH nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống cá nhân và nhóm	3	I	Thi tự luận
5	Sức khỏe cộng đồng	Nắm được các loại bệnh thường gặp trong cộng đồng; cách phòng tránh dịch bệnh tại cộng đồng	3	I	Thi tự luận
6	Tâm lý học xã hội	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết khoa học chuyên sâu về hiện tượng tâm lý xã hội và các phương pháp nghiên cứu các hiện tượng này, làm cơ sở cho việc nghiên cứu và ứng dụng giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn gắn với công tác xã hội và tổ chức đời sống xã hội, tổ chức và điều khiển nhóm	3	I	Thi tự luận
7	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo	2	I	Thi tự luận
8	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	Hiểu về quyền và sức khỏe tình dục. Đồng thời hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những	2	I	Thi tự luận

		tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.			
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hiểu biết một cách có hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh.	2	II	Thi tự luận
10	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng của phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội để có thể vận dụng trong nghiên cứu các vấn đề xã hội và ứng dụng cho hoạt động chuyên môn	4	II	Thi tiểu luận
11	Công tác xã hội với nhóm	Sinh viên sử dụng được các kiến thức và kỹ năng vào tiến trình can thiệp nhóm.	3	II	Thi tự luận
12	Thực hành Công tác xã hội với cá nhân	Hướng đến việc tổ chức cho sinh viên thực hành các kỹ năng cơ bản, vận dụng tiến trình CTXH với cá nhân trong một ca cụ thể.	4	II	Tiểu luận/ báo cáo
13	Kỹ năng công tác xã hội	Rèn luyện những kỹ năng cơ bản của người làm công tác xã hội đặc biệt	3	II	Thi tự luận
14	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của an sinh xã hội cũng như mối liên hệ với công tác xã hội.	3	II	Thi tự luận
15	Học phần tự chọn		2	II	Thi tự luận

LỚP: 18CTXH

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn Công tác xã hội	Hiểu được tầm quan trọng của ngành nghề Công tác xã hội	3	I	Thi vấn đáp
2	Kỹ năng học tập	Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết và đầy đủ cho quá trình học tập.	2	I	Thi Tiểu luận
3	Thực hành công tác Đoàn – Hội trong phát triển cộng đồng	Giới thiệu một số khái niệm liên quan đến công tác Đoàn hội và các kỹ năng tổ chức hoạt động Đoàn hội	3	I	Thi tự luận
4	Xã hội học đại cương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Xã hội học và tăng cường khả năng vận dụng những tri thức xã hội học trong học tập, trong công tác và trong đời sống	3	I	Thi tự luận
5	Tâm lý học đại cương	- Sinh viên có được những kiến thức khoa học cơ bản về đời sống tâm lý của con người: bản chất chức năng, các quy luật, các biểu hiện của tâm lý người - Thấy được tầm quan trọng của tâm lý học đối với cuộc sống và nghề công tác xã hội	3	I	Thi tự luận
6	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác trong chuyên ngành đào tạo	2	II	Thi tự luận
7	Tin học đại cương	Ứng dụng CNTT vào tìm kiếm, khai thác thông tin để phục vụ chuyên ngành học của mình.	2	II	Thi tự luận
8	Tâm lý học phát triển	Giúp cho sinh viên có những hiểu biết khoa học về tiến trình hình thành, phát triển tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi từ thời kỳ bào thai đến khi sinh ra, lớn lên, trưởng	4	II	Thi tự luận

		thành, già lão. Hệ thống tri thức của môn học này là một trong những cơ sở khoa học quan trọng, để người làm công tác xã hội lựa chọn nội dung và hình thức tác động hợp lý đối với những người cụ thể ở các độ tuổi khác nhau.			
9	Thực tế công tác xã hội	Nhận thức được sự gắn kết giữa nền tảng lý thuyết công tác xã hội và việc ứng dụng vào thực tiễn.	2	II	Tiểu luận/ báo cáo
	Chính sách xã hội	Sinh viên nhận thức được chính sách xã hội là một khoa học, có quan hệ hữu cơ với Công tác xã hội trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội.	3	II	Thi tự luận
	Tham vấn	Sinh viên hình thành được những kỹ năng cần thiết của nhà tham vấn tâm lý, những phẩm chất đạo đức, nguyên tắc thực hành nghề, cũng như hình ảnh thân chủ và những khó khăn của thân chủ trong công tác xã hội.	4	II	Thi vấn đáp
	Học phần tự chọn		2	II	Thi tự luận

II. Chuyên ngành Tâm lý học

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Khóa 2015-2019: chuyên ngành cử nhân Tâm lý học					
1	Nhập môn Tâm lý học tri liệu		2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
2	Tâm lý học gia đình	Học xong môn này, sinh viên có được: * Kiến thức Phân tích, tổng hợp, khái quát chính xác được những vấn đề sau: - Khái niệm, đặc điểm, mô hình văn hóa gia đình Việt Nam, sự biến đổi chức năng của gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại; vấn đề giáo dục gia đình Các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình và cơ chế tác động của nó đối với sự hình thành và phát triển tâm lý của các thành viên. Các hiện tượng tâm lý trong gia đình	3	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Đánh giá thường xuyên: 20% - Bài kiểm tra

		- Tác động của sự tan vỡ gia đình đến tâm lý các thành viên trong gia đình, đặc biệt là trẻ em, bản chất của xung đột, bạo lực của gia đình và vấn đề ly hôn. * Kỹ năng Vận dụng kiến thức để: - Giải thích, đánh giá chính xác các mối quan hệ của các thành viên, các hiện tượng tâm lý và vấn đề giáo dục con cái của những gia đình cụ thể trong cuộc sống. - Tổ chức tốt các mối quan hệ và cuộc sống của gia đình mình nhằm xây dựng, giữ gìn hạnh phúc gia đình. - Thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến vận dụng kiến thức tâm lý học gia đình trong nghề nghiệp tương lai. * Thái độ - Đánh giá đúng tầm quan trọng kiến thức của môn học đối với việc xây dựng, giữ gìn hạnh phúc gia đình - Tích cực học tập, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của gia đình mình và chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.			giữa kì: 20% - Bài thi hết môn: 60%
3	Tâm lý học tệ nạn xã hội	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: * Kiến thức Hiểu được một cách hệ thống các kiến thức cơ bản nhất về tâm lý học tệ nạn xã hội, các loại tệ nạn xã hội, đặc điểm tâm lý của các đối tượng tham gia tệ nạn xã hội, những đặc điểm cơ bản của tệ nạn xã hội ở Việt Nam hiện nay và biện pháp giáo dục, phòng chống tệ nạn xã hội. * Kỹ năng Hình thành kỹ năng sống lành mạnh và kỹ năng phòng chống tệ nạn xã hội, đồng thời giúp người khác phòng chống các tệ nạn xã hội. * Thái độ Có quan điểm, thái độ đúng đắn đối với các chủ thể phòng chống tệ nạn xã hội và đối tượng tham gia tệ nạn xã hội. Đồng thời có thái độ tích cực đối với công tác phòng chống các tệ nạn xã hội.	3	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Đánh giá thường xuyên: 40% - Bài thi hết môn: 60%
4	Thực hành tham vấn tâm lý	- Người học biết được rõ ràng ý nghĩa của học phần thực hành tham vấn tâm lý - Người học được nhận diện bản thân và định hướng xây dựng bản thân thành con người cân bằng - Người học có thái độ tích cực và chủ động trong hoạt động thực hành tham vấn tâm lý - Người học được trải nghiệm các tình huống tham vấn và rèn luyện các kỹ năng cơ bản của tham vấn tâm lý - Người học được trải nghiệm làm việc theo quy trình tham vấn tâm lý và có khả năng ứng dụng các tri thức lĩnh hội được vào thực hành tham vấn học đường, tham vấn hôn nhân và gia đình và tham vấn sức khỏe tâm thần.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm kiểm tra thực hành: 40% - Thi thực hành tham vấn: 60%
5	Tâm lý học du lịch	Học xong học phần này sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau: * Kiến thức - Hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý học du lịch, các phương pháp nghiên cứu tâm lý học du lịch - Phân tích được những khía cạnh tâm lý cá nhân của du khách và đặc điểm tâm lý của các nhóm du khách. - Phân tích được các đặc điểm tâm lý cơ bản của nhà cung ứng dịch vụ du lịch.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kì:

		- Trình bày được vai trò của môi trường du lịch và một số lý thuyết tâm lý học về quan hệ của du khách với môi trường, sự thích ứng, tâm trạng của du khách và môi trường du lịch. - Phân tích được một số hiện tượng và quy luật tâm lý trong du lịch - Hiểu được vai trò quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh du lịch - Phân tích được các nguyên tắc giao tiếp trong kinh doanh du lịch - Trình bày được các vấn đề lý thuyết về kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh du lịch * Kỹ năng - Vận dụng các kiến thức đã học về phương pháp nghiên cứu tâm lý học du lịch vào việc nghiên cứu tâm lý con người trong hoạt động kinh doanh du lịch. - Vận dụng các kiến thức đã học về tâm lý du khách và tâm lý nhà cung ứng dịch vụ du lịch để phân tích nguyên nhân thành, bại trong một số trường hợp kinh doanh. - Bước đầu rèn luyện được một số kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh du lịch. * Thái độ - Thấy được sự cần thiết phải nghiên cứu tâm lý con người trong hoạt động kinh doanh du lịch - Tôn trọng những đặc điểm tâm lý của khách - Tích cực học tập, rèn luyện chuẩn bị cho cuộc sống, nghề nghiệp trong tương lai.			30% - Thi kết thúc học phần: 60%
6	Tâm lý học trẻ em chậm phát triển trí tuệ	Sau khi học xong học phần này sinh viên đạt được: * Kiến thức - Hiểu biết chung về tâm lý học trẻ em chậm phát triển trí tuệ, mối quan hệ của nó với các ngành khác của tâm lý học - Nắm được khái niệm "chậm phát triển trí tuệ" và các biểu hiện của nó - Nắm được các đặc điểm của quá trình nhận thức, một số đặc điểm nhận thức ở trẻ chậm phát triển trí tuệ. * Kỹ năng - Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu sự phát triển trí tuệ của trẻ em có tật và trẻ em bình thường - Có khả năng nghiên cứu tâm lý chuyên biệt. * Thái độ Người học sau khi học xong có thái độ khách quan, khoa học đối với hiện tượng chậm phát triển trí tuệ, có niềm tin đối với công tác giáo dục trẻ CPTTT.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
7	Các giá trị mới trong tâm lý học	Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải và có thể: * Kiến thức Nắm được các nội dung khoa học cơ bản, các thuật ngữ cơ bản của tâm lý học bằng tiếng Anh. * Kỹ năng - Vận dụng các tiếp cận mới trong tâm lý học để phát hiện các vấn đề nghiên cứu - Có khả năng đọc hiểu và trình bày những vấn đề tâm lý học đơn giản bằng tiếng Anh. * Thái độ Người học có thái độ tích cực trong việc học tiếng Anh chuyên ngành, chủ động trong tìm kiếm tài liệu và thông tin chuyên ngành bằng tiếng Anh.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần:

					60%
8	Lý luận dạy học	Sau khi kết thúc môn học, người học có thể: * Kiến thức 1. Nêu và phân tích được khái niệm và cấu trúc của QTDH 2. Trình bày và phân tích được bản chất và đặc điểm của QTDH 3. Nêu và phân tích được động lực và logic của QTDH 4. Liệt kê và phân tích được các nguyên tắc dạy học 5. Trình bày và phân tích được các nội dung dạy học 6. Nêu và phân tích được các nguyên tắc cơ bản để xây dựng NDDH 7. Trình bày và phân tích được khái niệm PPDH và việc sử dụng các phương pháp đó; các ưu nhược điểm cũng như cách thức vận dụng của các phương pháp dạy học 8. Liệt kê và phân tích được khái niệm hình thức tổ chức dạy học, các ưu nhược điểm cũng như cách thức vận dụng của các hình thức tổ chức dạy học. * Kỹ năng 1. Biết cách lựa chọn và vận dụng nội dung dạy học vào hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu 2. Biết cách lựa chọn và vận dụng các nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học, các hình thức kiểm tra đánh giá. * Thái độ Trên cơ sở tri thức và kỹ năng trên, người học sẽ: 1. Có thái độ đúng đắn đối với việc xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học và giáo dục; việc thực hiện các nguyên tắc dạy học và giáo dục 2. Tiếp tục hình thành yêu nghề sư phạm cũng như rèn luyện các phẩm chất nhân cách nhà giáo 3. Tiếp tục bồi dưỡng hứng thú học tập môn Giáo dục học cũng như đối với việc nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực dạy học và giáo dục.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
9	Tâm lý học sai biệt	1. Cung cấp những kiến thức về vị trí, vai trò, những luận điểm nghiên cứu và nội dung cơ bản của tâm lý học sai biệt 2. Cung cấp những kiến thức cơ bản về sự khác biệt tâm lý cá nhân 3. Giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng những kiến thức tâm lý học sai biệt trong cuộc sống, nghiên cứu và nghề nghiệp sau này. 4. Hình thành thái độ đúng đắn đối với môn học và với những hoạt động liên quan đến sự khác biệt tâm lý	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
10	Quản lý nhân sự	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: * Kiến thức - Có kiến thức cơ bản về công tác quản lý nhân sự như bản chất, nội dung, chức năng và bộ máy quản lý nhân sự. - Hiểu về hoạch định và tuyển dụng nhân sự. * Kỹ năng - Phân tích đánh giá công việc cũng như công tác đào tạo, phát triển nguồn	3	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa

		nhân sự - Có kỹ năng trong quan hệ nhân sự như kỹ năng giải quyết bất bình, giao tiếp trong quan hệ nhân sự. * Thái độ Hình thành thái độ khách quan, khoa học đối với công tác nhân sự trong các tổ chức, chủ động áp dụng các lý thuyết khoa học (tâm lý học và quản lý) vào công tác hàng ngày của nhân viên nhân sự; hình thành tính sẵn sàng đảm nhận vai trò lãnh đạo và quản lý trong nhóm và tập thể.			kì: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
Khóa 2016 – 2020 – chuyên ngành cử nhân Tâm lý học					
1	Phương pháp nghiên cứu TLH	- Cung cấp những tri thức cơ bản về những phương pháp nghiên cứu tâm lý cụ thể dùng trong khoa học tâm lý, góp phần củng cố những tri thức tâm lý đã được học trong chương trình tâm lý học - Bước đầu sinh viên có kỹ năng lập đề cương nghiên cứu một vấn đề tâm lý trong tâm lý học, kỹ năng sử dụng thiết kế, vận dụng các phương pháp nghiên cứu tâm lý cụ thể để nghiên cứu một hiện tượng tâm lý làm cơ sở cho việc tiến hành làm bài tập lớn, khoa luận, luận văn và nghiên cứu khoa học tâm lý trong tương lai - Góp phần hình thành những phẩm chất tâm lý cần thiết của nhà khoa học như tính trung thực, tính khách quan khoa học.	3	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Kiểm tra giữa kì: 40% - Thi kết thúc học phần: 60%
2	Tâm lý học xã hội	Sau khi học xong học phần này sinh viên phải đạt được những yêu cầu sau: * Kiến thức - Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội, sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học xã hội. - Phân tích được các hiện tượng tâm lý xã hội và các quy luật hình thành chúng. - Thấy được tầm quan trọng của giao tiếp xã hội và trình bày được các hình thức giao tiếp xã hội - Phân tích, giải thích được các hiện tượng tâm lý của nhóm nhỏ và nhóm lớn, quan hệ liên nhóm, tâm lý đám đông. - Trình bày được khái niệm về hành vi gây hấn và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi gây hấn. * Kỹ năng - Vận dụng những kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý vào việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội. - Vận dụng những kiến thức để giải thích các hiện tượng tâm lý xã hội trong cuộc sống và áp dụng vào hoạt động nghề nghiệp. * Thái độ - Đánh giá đúng tầm quan trọng của các hiện tượng tâm lý xã hội đối với cuộc sống và nghề nghiệp. - Tích cực học tập và ứng dụng các kiến thức tâm lý học xã hội vào cuộc sống và công tác sau này.	4	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kì: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
3	Tâm lý học phát triển 2	Học xong học phần này, sinh viên có được * Kiến thức Phân tích được đặc điểm phát triển tâm lý các lứa tuổi: nhi đồng , thiếu niên, thanh niên, tuổi trưởng thành, trung niên, người cao tuổi. * Kỹ năng Vận dụng kiến thức để: - Đánh giá, giải thích nguyên nhân đặc điểm phát triển tâm lý của cá nhân	4	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa

		ở các lứa tuổi trong những hoàn cảnh cụ thể. - Giải quyết đúng những bài tập tình huống trên cơ sở vận dụng kiến thức tâm lý học phát triển. * Thái độ - Đánh giá chính xác ý nghĩa của môn học đối với quá trình giao tiếp, quá trình giáo dục dạy học, công tác tư vấn và các công tác khác - Tích cực học tập, rèn luyện chuẩn bị cho cuộc sống, nghề nghiệp trong tương lai.			kì: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
4	Tâm lý học chẩn đoán	- Cung cấp cho người học những cơ sở lý luận và phương pháp ứng dụng tâm lý học vào việc tìm hiểu, đánh giá, tuyển chọn và sử dụng con người theo những mục đích khác nhau như giáo dục; lao động; dạy nghề; hướng nghiệp; phát hiện bồi dưỡng nhân tài; giáo dục đặc biệt... - Hình thành thái độ đúng trong việc tìm hiểu, đánh giá, chẩn đoán tâm lý người. - Rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, chẩn đoán tâm lý người.	3	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kì: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
5	Thực hành Tâm lý học 2	Học xong học phần này sinh viên có được * Kiến thức - Nhớ, hiểu chính xác toàn bộ kiến thức lý thuyết đã học ở các học phần tâm lý học phát triển 1 và 2. - Liên tưởng kiến thức giữa tâm lý phát triển và tâm lý học đại cương và kiến thức các chuyên ngành khác (sinh lý học lứa tuổi) * Kỹ năng - Giải quyết đúng hệ thống bài tập thực hành trong sách bài tập và những hiện tượng tâm lý lứa tuổi, hiện tượng giáo dục trẻ em, thường gặp trong thực tiễn cuộc sống. - Trình bày ý tưởng của bản thân bằng ngôn ngữ nói lưu loát, hợp tác tích cực với các thành viên trong nhóm. * Thái độ - Đánh giá chính xác ý nghĩa của tâm lý học phát triển trong cuộc sống và trong giáo dục. - Hứng thú, yêu thích chuyên ngành, tích cực học tập vận dụng vào cuộc sống và nghề nghiệp trong tương lai.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Thái độ học tập, bài tập thường xuyên: 20% - Kiểm tra giữa môn/ tiểu luận: 20% - Thi kết thúc học phần: 40%
6	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải: 1. Nắm được những kiến thức chung về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và cấu trúc công trình nghiên cứu khoa học, các giai đoạn tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục. 2. Bước đầu có kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu và tiến hành một bài tập nghiên cứu về khoa học giáo dục.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Thái độ học tập, bài tập thường

	học giáo dục	3. Có thái độ cầu thị, trung thực trong nghiên cứu.			xuyên: 100% - Kiểm tra giữa môn/ tiêu luận: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
7	Tâm lý học trí tuệ	Sau khi học xong học phần này, sinh viên đạt được: * Kiến thức - Phát biểu được khái niệm trí tuệ - Phân biệt được hành động và thao tác trí tuệ - Trình bày được một số hướng tiếp cận trí tuệ trong tâm lý học - Đánh giá được các mô hình cấu trúc trí tuệ - Phân tích được sự hình thành và phát triển trí tuệ - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cá nhân - Đánh giá được các phương pháp nghiên cứu trí tuệ trong tâm lý học * Kỹ năng - Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu trí tuệ vào thực tiễn để nghiên cứu và xây dựng chương trình tác động nhằm phát triển trí tuệ ở một đối tượng cụ thể. * Thái độ - Nhận ra được tầm quan trọng, ý nghĩa của môn học đối với nghề nghiệp - Tích cực xây dựng chương trình tác động, định hướng nhằm phát triển trí tuệ cho bản thân	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
Khóa 2017 – 2021 – chuyên ngành cử nhân Tâm lý học					
	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2)	- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó sinh viên tiếp cận được nội dung các học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các lĩnh vực chuyên môn khác trong chuyên ngành đào tạo.	3	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%
2	Tâm lý học nhân	Sau khi học xong học phần này sinh viên phải nắm được: * Kiến thức - Những quan điểm lý luận nền tảng của TLHNC	3	Học kỳ 1 năm học	- Kiểm tra giữa

	cách	- Hệ thống phương pháp và các hướng nghiên cứu, các lý thuyết cơ bản trong TLHNC - Các thành tựu hiện đại của TLHNC và hướng ứng dụng chúng trong công tác giáo dục và quản lý con người. * Kĩ năng - Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu và đánh giá nhân cách * Thái độ - Hình thành được thái độ đánh giá và thái độ lựa chọn đối với các quan điểm lý thuyết khác nhau về nhân cách		2018-2019	kì: 40% - Thi kết thúc học phần: 60%
3	Giáo dục học đại cương	Sau khi kết thúc môn học, người học có thể: * Kiến thức 1. Nêu và phân tích được các đặc trưng của giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội. 2. Hiểu và phân tích được các tính chất của giáo dục 3. Chỉ ra được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học. 4. Nêu được các thành tố của giáo dục học. 5. Phân biệt được các phạm trù cơ bản của Giáo dục học 6. Phân tích được các xu thế phát triển của giáo dục trên thế giới và Việt Nam. 7. Phân biệt được một số khái niệm: con người, nhân cách, sự phát triển nhân cách 8. Xác định được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách 9. Trình bày được khái niệm di truyền 10. Phân tích được vai trò của di truyền ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách 11. Trình bày được khái niệm môi trường 12. Phân tích được vai trò của môi trường ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách 13. Trình bày được khái niệm giáo dục 14. Phân tích được vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của cá nhân 15. Nêu và phân tích được được các chức năng của giáo dục 16. Nêu được khái niệm mục đích và mục tiêu giáo dục 17. Phân tích được ý nghĩa của việc xác định đúng đắn mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục. 18. Trình bày được mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay 19. Tìm hiểu và phân tích việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường phổ thông hiện nay. 20. Xác định được cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. 21. Phân tích được tính liên thông của cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. 22. Liệt kê được các con đường giáo dục. 23. Phân tích được ý nghĩa của các con đường giáo dục 24. Phân tích được ý nghĩa của phổ cập giáo dục trung học cơ sở 25. Trình bày được vị trí, chức năng của người giáo viên. 26. Phân tích được đặc điểm của lao động sư phạm của người giáo viên 27. Trình bày được những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên trong nhà trường phổ thông trung học. * Kĩ năng 1. Bước đầu phát hiện và nghiên cứu giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến các hiện tượng giáo dục.	3	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kì: 30% - Thi kết thúc học phần: 60%

		2. Dự kiến được kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục 3. Có được kĩ năng thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng giáo dục * Thái độ 1. Có hứng thú học tập và nghiên cứu môn Giáo dục học cũng như các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục. 2. Có ý thức tu dưỡng và rèn luyện để hình thành nhân cách của người giáo viên tương lai. 3. Có niềm tin sư phạm, tình cảm nghề nghiệp, lòng yêu nghề mến trẻ.			
4	Thực hành Tâm lý học 1	Học xong học phần này sinh viên có được: * Kiến thức - Nhớ, hiểu chính xác toàn bộ kiến thức lý thuyết đã học ở các học phần tâm lý học đại cương 1; 2; 3. - Liên tưởng kiến thức giữa tâm lý học đại cương và kiến thức các chuyên ngành khác (sinh lý học thần kinh cấp cao) * Kỹ năng - Giải quyết đúng hệ thống bài tập thực hành trong sách bài tập và những hiện tượng tâm lý thường gặp trong thực tiễn cuộc sống. - Trình bày ý tưởng của bản thân bằng ngôn ngữ nói lưu loát, hợp tác tích cực với các thành viên trong nhóm. * Thái độ - Đánh giá chính xác ý nghĩa của tâm lý học trong cuộc sống và trong giáo dục. - Hứng thú, yêu thích chuyên ngành tâm lý học, tích cực học tập vận dụng vào cuộc sống và nghề nghiệp trong tương lai.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
5	Đại cương văn hóa Việt Nam	Học xong môn học này, sinh viên có thể: * Kiến thức - Trình bày được những tri thức về yếu tố nền tảng hình thành nên văn hóa Việt. - Trình bày sự phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nêu được những bình diện cơ bản, có hệ thống về văn hóa Việt Nam. - Nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa học nói chung và cơ sở văn hóa Việt Nam nói riêng. Cụ thể: + Hiểu được khái niệm văn hóa và văn hóa học; nắm được các đối tượng và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học. + Hiểu được các đặc trưng văn hóa thông qua từng thành tố văn hóa: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa tổ chức xã hội... + Nhận diện bối cảnh, thành tựu của các giai đoạn phát triển văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền sử, sơ sử đến nay. * Kỹ năng - Phân tích, bình luận, đánh giá các thành tố, các hiện tượng văn hóa Việt Nam. - Vận dụng được những kiến thức đã học về văn hóa để dự đoán, phân tích tâm lý con người Việt Nam nói chung. - Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể tự khám phá, tìm tòi, phát hiện những yếu tố văn hóa mới trong giai đoạn đất nước đang đổi mới, phát triển. * Thái độ - Yêu thích môn học <i>Đại cương văn hóa Việt Nam</i>, xem đây là nền tảng kiến thức cho việc nắm bắt, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. - Chủ động vận dụng các kiến thức đã học vào việc dự đoán, phân tích	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Bài tập cá nhân: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%

		tâm lý con người Việt Nam nói chung. - Tích cực nâng cao sự hiểu biết về những bình diện văn hóa mà bản thân người học yêu thích, tự tin hơn trong việc hành nghề có liên quan đến kiến thức văn hóa học trong tương lai.			
6	Tiếng Việt thực hành	Học xong môn học này, sinh viên có được: * Kiến thức - Nắm được các kiến thức về chính tả tiếng Việt: nguyên tắc chính tả tiếng Việt, quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt (viết các âm, viết hoa, viết tắt) và các mẹo viết đúng chính tả. - Có được những hiểu biết khái quát về từ, từ tiếng Việt và những yêu cầu chung về việc dùng từ. - Có được các hiểu biết khái quát về câu trong tiếng Việt (cấu tạo, phân loại) và nắm được những yêu cầu chung của việc đặt câu. - Nắm được những kiến thức cơ bản về đoạn văn, những yêu cầu chung của việc viết đoạn văn trong văn bản, phân biệt được các kiểu cấu trúc đoạn văn. - Xác định được các nhân tố giao tiếp của một văn bản, nắm được yêu cầu chung của một đề cương và biết cách triển khai đề cương thành văn bản. - Nắm được đặc điểm ngôn ngữ của văn bản hành chính và cấu trúc của một số loại văn bản hành chính thông dụng (đơn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo). * Kỹ năng - Nhận biết và chữa được các lỗi thường gặp về chính tả, dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn, xây dựng văn bản. - Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các đơn vị ngôn ngữ một cách hiệu quả trong khi nói/viết. - Vận dụng kiến thức để đặt câu và viết đoạn văn diễn đạt đúng mục đích nói/viết. - Vận dụng những kiến thức đã học để tạo lập một số văn bản (chủ yếu là văn bản hành chính công vụ). * Thái độ - Yêu thích môn học, ngành học. - Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện việc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực. - Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Tự tin trong giao tiếp tiếng Việt.	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Bài tập cá nhân: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 60%
7	Pháp luật đại cương	* Kiến thức - Giải thích đúng nguồn gốc của nhà nước, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước; phân biệt các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử - Phân tích bản chất nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; nêu được các chức năng của nhà nước, mô tả địa vị pháp lý, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phân tích bản chất nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Phân tích và trình bày các vấn đề pháp lý như: quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; hình thức pháp luật; hệ thống pháp luật - Phân tích bản chất và vai trò của pháp luật nhà nước Việt Nam; trình bày những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật nhà nước Việt Nam - Vận dụng những tri thức pháp lý liên quan đến một số chế định trong	2	Học kỳ 1 năm học 2018-2019	- Điểm chuyên cần: 10% - Bài tập cá nhân: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết

		hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết những tình huống pháp lý thông thường trong đời sống xã hội. * <i>Kĩ năng</i> Tập hợp, khai thác những thông tin pháp lý từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ công việc; đánh giá, phân tích và giải quyết những hiện tượng pháp lý và tình huống pháp lý thông thường trong đời sống; thực thi pháp luật trong cuộc sống. * <i>Thái độ</i> Tin tưởng vào bản chất của nhà nước và pháp luật Việt Nam; nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật; tích cực tuyên truyền vận động mọi người thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.			thức học phần: 60%
Khóa 2018 – 2022 – chuyên ngành cử nhân Tâm lý học					
1	Kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm	Về kiến thức: Phân tích được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của thanh thiếu niên trong trường học và xã hội; phương pháp tổ chức các hoạt động Đoàn hội trong trường học và cộng đồng. Về kỹ năng: Hình thành các kỹ năng tổ chức các hoạt động trong trường học và tại cộng đồng: kỹ năng tổ chức sinh hoạt tập thể, kỹ năng truyền thông.... Về thái độ: Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp và rèn luyện phong cách sinh hoạt, ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt tình trong công tác giáo dục thanh thiếu nhi	2	Học kì 1, năm học 2018-2019	- Bài kiểm tra: 20% - Thảo luận nhóm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm: 20% - Thi cuối kỳ: 60%

2	Lịch sử tâm lý học	Sau khi học xong học phần này, sinh viên đạt được: * Kiến thức - Trình bày được ý nghĩa và sơ lược của việc nghiên cứu lịch sử tâm lý học - Trình bày được sự nảy sinh các tư tưởng tâm lý học qua các thời kỳ - Phân tích được các yếu tố thúc đẩy sự ra đời của khoa học tâm lý - Đánh giá được những đóng góp cũng như những hạn chế của các trường phái Tâm lý học hiện đại - Phân tích được nội dung của tâm lý học hoạt động * Kỹ năng - Rèn luyện kỹ năng khái quát hóa kiến thức - Vận dụng những kiến thức lý thuyết vào việc phân tích, đánh giá những tình huống thực tế * Thái độ - Nhận ra được tầm quan trọng của việc nghiên cứu lịch sử tâm lý học - Có thái độ khách quan, khoa học khi đánh giá các học thuyết tâm lý học * Mục tiêu khác - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng thuyết trình	3	Học kỳ 1, năm học 2018-2019	- Kiểm tra thường xuyên (chuyên cần, thái độ học tập): 10% Kiểm tra định kỳ (Bài tập thực hành theo nhóm): 30% - Kiểm tra hết môn (thi tự luận): 60%

3	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	- Nắm được đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của môn học “Hoạt động thần kinh cấp cao”. Phân biệt được hai khái niệm: hoạt động thần kinh cấp cao và hoạt động thần kinh cấp thấp. Hiểu được nội dung các khái niệm cơ bản của môn học, nắm được ý nghĩa và mối liên hệ của hoạt động thần kinh cấp cao với các hiện tượng tâm lý người. - Hiểu và phân tích được các nguyên tắc, các quy luật của HĐTKCC, học thuyết về hệ thống chức năng của Anôkhin. Lý giải được cơ chế sinh lý của giấc ngủ, chiêm bao và thôi miên. Phân tích được các đặc điểm hoạt động thần kinh cấp cao ở người. Phân tích được các biểu hiện bệnh lý của HĐTKCC. Giải thích được cơ chế sinh lý của một số hiện tượng tâm lý (cảm giác, tri giác, chú ý, trí nhớ, tư duy...) - Sử dụng tốt các kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị xemina và trình bày một vấn đề sinh lý học. Có khả năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giải thích được cơ sở HĐTKCC của các hiện tượng tâm lý.	4	Học kì 1, năm học 2018-2019	Bài kiểm tra giữa kì: 40% Thi cuối kỳ: 60%
4	Logic học	* Kiến thức - Trình bày được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học, phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic học với các ngành khoa học khác - Trình bày được mối quan hệ của logic học với các ngành khoa học khác, vai trò của logic học đối với sự phát triển tư duy của nhân loại và đời sống thực tiễn xã hội - Trình bày được các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức. Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic - Phân tích được ví trí, vai trò và bản chất những hình thức cơ bản của tư duy trong quá trình nhận thức. Phân biệt được các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư duy - Sử dụng được sơ đồ Euler, hình vuông logic trong việc suy luận các phép toán logic, vận dụng được các nguyên tắc xây dựng tiền đề, các hình thức tồn tại của tam đoạn luận để xây dựng những lập luận logic, cũng như phát hiện được những lỗi logic của các phán đoán và suy luận - Áp dụng được các quy luật và nguyên tắc tư duy đúng đắn để chứng minh các luận đề đúng hoặc bác bỏ những suy luận sai trong khoa học và đời sống xã hội. * Kỹ năng - Xây dựng được những phán đoán logic từ những mệnh đề cho trước - Phát hiện được những lỗi logic trong các phán đoán và suy luận logic	2	Học kì 1, năm học 2018-2019	Bài tập cá nhân tuần: 10% Bài kiểm tra giữa kì: 30% Thi cuối kỳ: 40%

		- Dựa vào những quy luật của tư duy logic có thể thiết kế được những mô hình tư duy để áp dụng vào thực tế cuộc sống - Công thức hóa được những hiện tượng trong cuộc sống, xác định trị số của từng phán đoán để có hành động phù hợp. * Thái độ - Có thói quen tư duy logic trong nhận thức - Tích cực nâng cao trình độ tư duy logic, áp dụng giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra - Có thái độ khách quan, khoa học trong đánh giá các sự vật, hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy. * Các mục tiêu khác - Rèn luyện kỹ năng tư duy phê phán, tư duy phân tích, tổng hợp và đánh giá. - Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm - Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá.			
5	Tâm lý học đại cương 1	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: * Kiến thức Hiểu được kiến thức khái quát về khoa học tâm lý, về những phạm trù cơ bản của tâm lý học làm cơ sở cho việc hình thành quan niệm đúng đắn về bản chất tâm lý, ý thức người, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các nội dung của tâm lý học chuyên ngành. * Kỹ năng Có khả năng nhận định, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến sự hình thành, phát triển của con người, đến việc giáo dục con người * Thái độ Hình thành thái độ yêu thích đối với môn học do tính khoa học và thực tiễn của môn học. Đồng thời, môn học cũng hình thành thái độ lựa chọn đối với các quan điểm khoa học về các hiện tượng tâm lý người.	2	Học kì 1, năm học 2018-2019	- Kiểm tra giữa kỳ: 40% - Kiểm tra cuối kỳ: 60%
6	Kỹ năng học tập	* Kiến thức Sinh viên phát biểu được vai trò, mục tiêu của việc lập kế hoạch cá nhân. Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. Nhận ra phương pháp học tập phù hợp với cá nhân. Lập kế hoạch quản lý và phát triển bản thân trong thời gian học tập bậc đại học. * Kỹ năng Sinh viên vận dụng được các quy tắc ứng xử chung đối với vấn đề học tập và đời sống trong suốt quá trình học tập như: nhận biết được đặc điểm tiếp thu kiến thức của cá nhân; biết lập kế hoạch cho bản thân; sử dụng được bản đồ tư duy trong học tập. Phát triển, hoàn thiện kỹ năng cá nhân, kỹ năng học tập. Sinh viên xây dựng được kế hoạch học tập cho mình trong mỗi kỳ học, năm học và toàn khóa học. * Thái độ Sinh viên nhận biết được ý nghĩa của việc đặt ra kế hoạch học tập cho mình trong suốt 4 năm học đại học, từ đó có thái độ và hành vi tích cực trong học tập, nghiêm túc với tiến trình học tập do mình tự đặt ra.	2	Học kì 1, năm học 2018-2019	- Thái độ học tập, thực hành, thảo luận, kiểm tra giữa kỳ: 40% - Thi kết thúc học phần: 60%

7	Kỹ năng giao tiếp	Sau khi học xong học phần này, sinh viên đạt được: * Kiến thức - Phát biểu được khái niệm giao tiếp, kỹ năng giao tiếp - Trình bày được các loại giao tiếp, nguyên tắc, phong cách và các giai đoạn của một quá trình giao tiếp - Phân tích được các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp - Trình bày được các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp gồm: kỹ năng định hướng, kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng cho nhận phản hồi thông tin, kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, thư tín * Kỹ năng - Biết cách sử dụng phương tiện giao tiếp phù hợp với mục đích, nội dung giao tiếp - Biết cách tạo ấn tượng ban đầu khi giao tiếp - Biết cách định hướng, lắng nghe trong quá trình giao tiếp - Biết cách thương lượng, phản hồi thông tin - Biết cách quản lý cảm xúc bản thân - Biết cách nói chuyện trước tập thể - Biết cách giải quyết những mâu thuẫn trong cuộc sống - Biết cách giao tiếp qua điện thoại và qua thư tín * Thái độ - Nhận ra được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp, từ đó có ý thức rèn luyện và không ngừng nâng cao hiệu quả giao tiếp * Mục tiêu khác - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch	2	Học kỳ 1, năm học 2018-2019	- Kiểm tra thường xuyên: 10% - Kiểm tra định kỳ: 30% - Kiểm tra hết môn (vấn đáp): 60%
Khóa 2018 – 2022 – chuyên ngành cử nhân Tâm lý học chất lượng cao					
1	Kỹ năng học tập	- Có thể nhận diện ra được các phương pháp học tập tối ưu phù hợp với bản thân - Có thể xây dựng được kế hoạch học tập phù hợp - Định hướng phát triển các kỹ năng học tập cần thiết cho môi trường giáo dục đại học và chuyên ngành đào tạo	2	Học kỳ 1, năm học 2018-2019	- Kiểm tra thường xuyên (chuyên cần, thái độ học tập): 10% - Kiểm tra định kỳ (bài tập thực hành theo nhóm): 30% - Thi báo

					cáo kết quả: 60%
2	Kỹ năng giao tiếp	- Phát biểu được khái niệm giao tiếp, kỹ năng giao tiếp - Trình bày được các loại giao tiếp, nguyên tắc, phong cách và các giai đoạn của một quá trình giao tiếp - Phân tích được các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp - Trình bày được các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp gồm: kỹ năng định hướng, kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng cho nhận phản hồi thông tin, kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, thư tín - Biết cách sử dụng phương tiện giao tiếp phù hợp với mục đích, nội dung giao tiếp - Biết cách tạo ấn tượng ban đầu khi giao tiếp - Biết cách định hướng, lắng nghe trong quá trình giao tiếp - Biết cách thương lượng, phản hồi thông tin - Biết cách quản lý cảm xúc bản thân - Biết cách nói chuyện trước tập thể - Biết cách giải quyết những mâu thuẫn trong cuộc sống - Biết cách giao tiếp qua điện thoại và qua thư tín - Nhận ra được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp, từ đó có ý thức rèn luyện và không ngừng nâng cao hiệu quả giao tiếp	2	Học kì 1, năm học 2018- 2019	- iểm tra thường g xuyên (chuyên cần, thái độ học tập): 20% - iểm tra định kỳ (bài tập thực hành theo nhóm): 20% - hi hết môn (thi thực hành): 60%

		- Phân tích được những vấn đề cơ bản của lý thuyết về nhóm, đội như: các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm, các nguyên tắc hoạt động của nhóm, đội; các kỹ năng làm việc nhóm đem lại hiệu quả cho hoạt động học tập và hoạt động cộng đồng - Trình bày được phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nhóm, đội như: ca hát tập thể; múa tập thể; hướng dẫn trò chơi; thiết kế và tổ chức hoạt động. - Hình thành được kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động đội, nhóm như: hoạt động giao lưu; câu lạc bộ; tổ chức hội thi; tổ chức diễn đàn; sân khấu tương tác; hoạt động nhân đạo; hoạt động chiến dịch; hoạt động tình nguyện; tham quan dã ngoại.	2	Học kì 1, năm học 2018-2019	- Kiểm tra thường xuyên (chuyên cần, thái độ học tập): 20% - Kiểm tra định kỳ (bài tập thực hành theo nhóm): 20% - Kiểm tra hết môn (thi thực hành): 60%
	Giải phẫu sinh lý và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	- Nắm được đặc điểm cấu tạo của hệ thần kinh trung ương - Hiểu được các cơ chế phát sinh và dẫn truyền hưng phấn trong thần kinh trung ương - Hiểu được nội dung cơ bản về hoạt động phản xạ của não bộ - Nắm được cơ chế hình thành đường liên hệ tạm thời theo quan điểm của Pavlov và các quan điểm khác - Phân biệt được các loại phản xạ và ức chế diễn ra trong hoạt động thần kinh - Hiểu và nắm được vai trò của bản năng trong việc hình thành khả năng thích nghi để sinh tồn. - Hiểu được những bản chất của giấc ngủ, các biến đổi của cơ thể khi ngủ - Hiểu được vai trò của giấc ngủ trong cuộc sống - Hiểu được bản chất của giấc mơ và hiện tượng thôi miên. - Nắm được nội dung cơ bản của các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao - Hiểu được cách chuyển động của các quá trình hưng phấn và ức chế tham gia vào việc hình thành hoạt động hành vi - Hiểu được bản chất của các quá trình hưng phấn và ức chế trên vỏ não - Biết vận dụng các quy luật hoạt động thần kinh này trong học tập và trong	4	Học kì 1, năm học 2018-2019	- Kiểm tra thường xuyên (chuyên cần, thái độ học tập): 20% - Kiểm tra định kỳ (bài tập thực hành

		chuyên môn. - Hiểu và nắm được đặc điểm và quá trình hình thành các hệ thống tín hiệu trong quá trình phát triển cá thể - Nắm được ý nghĩa và vai trò của hệ thống tín hiệu trong cuộc sống - Biết vận dụng các kiến thức vào học tập Hiểu và nắm được các đặc điểm cơ bản trong hoạt động thần kinh - Biết các cách phân loại hình thần kinh và các loại hình thần kinh khác nhau - Vận dụng được các kiến thức vào học tập và trong cuộc sống - Hiểu được hiện tượng cảm xúc - Nắm được các học thuyết cơ bản về cảm xúc - Biết và trình bày được các chức năng của cảm xúc - Vận dụng được các kiến thức về cảm xúc vào công việc chuyên môn và trong cuộc sống. - Nắm được khái niệm về trí nhớ - Biết cách phân loại và nhớ được đặc điểm của từng loại trí nhớ - Phân biệt các loại trí nhớ về mặt cơ chế noron, tính chất và ý nghĩa sinh học - Vận dụng được các kiến thức trong chương này vào việc phát triển trí nhớ - Nắm vững được khái niệm về hệ thống chức năng của não bộ - Nắm vững và trình bày được về thuyết hệ thống chức năng - Trình bày được cơ sở vật chất đảm bảo được hệ thống chức năng - Nắm vững được các quá trình hoạt động tư duy diễn ra trong não bộ - Trình bày được cơ sở vật chất đảm bảo được quá trình tư duy diễn ra - Vận dụng các kiến thức trong chương này nhằm giải thích được các vấn đề xảy ra trong thực tế.			theo nhóm: 20% - Thi báo cáo kết quả: 60%
	Lịch sử tâm lý học	- Cung cấp những kiến thức chung về lịch sử tâm lý học: đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của lịch sử tâm lý học, sơ lược về việc nghiên cứu lịch sử tâm lý học - Cung cấp những kiến thức về sự nảy sinh các tư tưởng tâm lý học từ thời kỳ cổ đại đến cận đại - Cung cấp cho sinh viên những tiền đề khoa học cho sự ra đời của tâm lý học với tư cách là một khoa học độc lập - Trang bị cho sinh viên nội dung cơ bản của các trường phái TLH khách quan - Cung cấp cho sinh viên nội dung, quan điểm của TLH hoạt động và xu hướng phát triển của TLH thế giới, Việt Nam - Trang bị kỹ năng phân tích, lập luận chặt chẽ, logic	3	Học kì 1, năm học 2018-2019	- Kiểm tra thường xuyên (chuyên cần, thái độ học tập): 20% - Kiểm tra định kỳ (bài tập thực hành theo nhóm: 20% - Thi tự luận: 60%

	Tâm lý học đại cương 1	- Giới thiệu tổng quát về khoa học tâm lý, về những phạm trù cơ bản của tâm lý học làm cơ sở cho việc hình thành hiểu biết cơ sở về tâm lý học với tư cách một khoa học, hình thành quan niệm đúng đắn về bản chất tâm lý, ý thức người và nhân cách, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các nội dung của tâm lý học chuyên ngành. - Hình thành khả năng nhận định, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến sự hình thành, phát triển tâm lý, nhân cách của con người - Hình thành thái độ yêu thích đối với môn học do tính khoa học và thực tiễn của môn học. Đồng thời, môn học cũng hình thành thái độ lựa chọn đối với các quan điểm khoa học về các hiện tượng tâm lý người.	3	Học kỳ 1, năm học 2018-2019	- Kiểm tra thường xuyên: 10% - Kiểm tra định kỳ: 30% - Thi hết môn: 60%
	Logic học	- Trình bày được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học, phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic học với các ngành khoa học khác. - Trình bày được mối quan hệ giữa logic học với các ngành khoa học khác, vai trò của logic học đối với sự phát triển tư duy logic của nhân loại và trong đời sống thực tiễn xã hội. - Trình bày được các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy. - Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic. - Trình bày được ví trí, vai trò và bản chất những hình thức cơ bản của tư duy trong quá trình nhận thức. - Phân biệt được các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư duy - Trình bày được mối quan hệ giữa khái niệm, phán đoán, suy luận và vai trò của những hình thức trên đối với quá trình tư duy logic. - Xây dựng được những phán đoán logic từ những mệnh đề cho trước - Phát hiện được những lỗi logic trong các phán đoán và suy luận logic. - Dựa vào những quy luật của tư duy logic có thể thiết kế được những mô hình tư duy để áp dụng vào thực tế cuộc sống. - Công thức hóa được những hiện tượng trong cuộc sống, xác định trị số của từng phán đoán để có hành động phù hợp - Hình thành thói quen tư duy logic trong nhận thức - Có thái độ khách quan, khoa học trong đánh giá các sự vật, hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy			- Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 20% - Tự luận: 20% - Trắc nghiệm: 20%

9. Khoa Vật lý

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

1	Hệ thống viễn thông	Môn học bao gồm các hệ thống thông tin điển hình. Nội dung gồm 8 chương, giới thiệu về các hệ thống viễn thông, môi trường truyền dẫn, xử lý truyền dẫn, các hệ thống số, hệ thống tương tự, các hệ thống thông tin viba-vệ tinh, hệ thống thông tin cáp quang và hệ thống thông tin di động	2	HKI	Thi TL
2	Nhập môn ngành (Điện tử- Công nghệ viễn thông)	Môn học cho SV biết được lịch sử hình thành và phát triển mạng viễn thông thế giới. Lịch sử hình thành mạng viễn thông hiện đại tại Việt nam	2	HKI	Thi TL
3	Hóa đại cương	Học phần này thuộc khối kiến thức đại cương của các ngành khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ và các ngành kỹ thuật. Cung cấp những kiến thức cơ bản của hoá học liên quan đến mọi lĩnh vực, cụ thể là: Các khái niệm, định luật cơ bản của hóa học; Cấu tạo nguyên tử; Định luật và hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hoá học; Liên kết hóa học và một số kiến thức về trạng thái ngưng tụ, chủ yếu là về tinh thể; Các nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học; Động hoá học; Điện hoá học	3	HKI	Thi TL
4	Toán cao cấp 1	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Trường số thực và trường số phức. Hàm số một biến số, giới hạn và sự liên tục của hàm một biến. Phép tính vi phân của hàm một biến. Phép tính vi phân của hàm nhiều biến. Phép tính tích phân của hàm một biến. Tích phân bội (Tích phân hai lớp và tích phân ba lớp).	4	HKI	Thi TL
5	Cơ học	Cơ học là một phần quan trọng trong vật lý học đi sâu nghiên cứu về chuyển động của các vật thể, tức là sự thay đổi vị trí các vật thể trong không gian theo thời gian, bao gồm các nội dung sau: + Trình bày về đối tượng, phương pháp của vật lý học, các đơn vị và thứ nguyên của các đại lượng vật lý.	4	HKI	Thi TL

		+ Các vấn đề của cơ học: động học và động lực học chất điểm, cơ hệ và các định luật bảo toàn, chuyển động và các hệ quy chiếu, cơ học chất lưu và thuyết tương đối. + Áp dụng các vấn đề lí thuyết trên cho các hiện tượng, bài tập vật lí cụ thể. Học phần này được thiết kế cho đối tượng là các sinh viên chuyên ngành vật lý.			
6	Vật lý thiên văn	Học phần Vật lý thiên văn nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản lẫn hiện đại về vũ trụ và các phương pháp nghiên cứu vũ trụ, từ đó người học có thể giải thích được những hiện tượng phổ biến quan sát được trên bầu trời, tính toán được các thông số trong các bài toán trên thiên văn cầu, hệ thống tính giờ,... Bên cạnh đó, học phần này còn tạo điều kiện để người học phát triển kĩ năng thuyết trình, làm việc nhóm nhằm giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn.	2	HKI	Thi TL
7	Tiếng Anh A2.1	Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt được những kỹ năng ngôn ngữ ở cấp độ A2 được mô tả theo bảng tự đánh giá của Khung Tham chiếu trình độ Ngoại Ngữ chung Châu Âu (CEFR) như sau: Nghe: Hiểu những cụm từ và những từ liên quan đến lĩnh vực cá nhân được sử dụng thường xuyên (ví dụ: thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, mua sắm, khu vực địa phương, việc làm); nắm được ý chính trong các tin nhắn và thông báo ngắn, đơn giản, rõ ràng. Đọc: Đọc được những đoạn văn rất ngắn và đơn giản; tìm được thông tin cụ thể và có thể dự đoán được trong những mẫu tin hàng ngày như tin quảng cáo, thực đơn và thời gian biểu; hiểu được thư tín cá nhân viết ngắn gọn, đơn giản. Nói: Sử dụng được chuỗi cụm từ và câu để miêu tả đơn giản về gia đình mình và những người khác, điều kiện sống, thông	3	HKII	Thi TL

		tin về học vấn và công việc hiện tại hoặc gần nhất của bản thân. Viết: Viết được những ghi chú và tin nhắn đơn giản và ngắn; viết một bức thư cá nhân rất đơn giản, ví dụ như thư cảm ơn ai đó về việc gì.			
8	Tin học đại cương (Tin học CN1)	Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các ngành không chuyên tin học. Để được học học phần này, sinh viên phải được công nhận đạt kết quả kiểm tra sát hạch đầu vào phần kiến thức và kỹ năng của tin học phổ thông. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp kiến thức tổng quan về công nghệ thông tin, máy tính và mạng máy tính; kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm thông dụng cơ bản trên máy tính cá nhân cũng như các thiết bị di động. Từ đó, sinh viên hiểu rõ các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng và làm chủ được các dịch vụ thông dụng trên môi trường Internet; tiếp cận với môi trường làm việc trực tuyến chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại và biết cách đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khi sử dụng máy tính và mạng máy tính. Học phần giúp sinh viên sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng với các tính năng nâng cao, cụ thể là các tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft Powerpoint.	2	HKII	Thi TL
9	Kỹ thuật lập trình	Giới thiệu về kỹ năng lập trình có cấu trúc thông qua một số thuật toán quan trọng về sắp và tìm kiếm được trình bày bằng ngôn ngữ lập trình C.	2	HKII	Thi TL
10	Toán cao cấp 2	Nội dung cơ bản của học phần bao gồm:	4	HKII	Thi TL

		Tích phân đường và tích phân mặt. Phương trình vi phân. Chuỗi số và chuỗi hàm. Ma trận, định thức. Hệ phương trình tuyến tính.			
11	Điện và từ học	Học phần Điện và Từ trang bị các kiến thức liên quan đến điện tích, điện trường, điện thế, tụ điện, và dòng điện một chiều; từ trường, hiện tượng cảm ứng điện từ; trường điện từ và năng lượng của nó.	4	HKII	Thi TL
12	Thực hành vật lý đại cương 1	Thí nghiệm thực hành Vật lý là một phần quan trọng của môn Vật lý trong chương trình học tập của sinh viên ở trường Đại học. Nhờ có thí nghiệm mà các hiện tượng thực trong tự nhiên vô cùng phức tạp được đơn giản hóa để có thể nghiên cứu. Ngoài ra, thí nghiệm Vật lý là một phương pháp giảng dạy đạt hiệu quả cao nhất trong việc truyền thụ kiến thức và chiếm lĩnh tri thức ở bậc trung học phổ thông.	2	HKII	Thi TL
13	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	Là học phần đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng. Ngoài chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung, nội dung chương trình bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin	3	HKIII	Thi TL
14	Tiếng Anh A2.2	Kết thúc học phần, sinh viên có thể đạt được những kỹ năng ngôn ngữ ở cấp độ A2 được mô tả theo bảng tự đánh giá của Khung Tham chiếu trình độ Ngoại Ngữ chung Châu Âu (CEFR) như sau: Nghe: Hiểu những cụm từ và những từ liên quan đến lĩnh vực cá nhân được sử dụng thường xuyên (ví dụ: thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, mua sắm, khu vực địa phương, việc làm); nắm được ý chính trong các tin nhắn và thông báo ngắn, đơn giản, rõ ràng.	3	HKIII	Thi TL

		Đọc: Đọc được những đoạn văn rất ngắn và đơn giản; tìm được thông tin cụ thể và có thể dự đoán được trong những mẫu tin hàng ngày như tin quảng cáo, thực đơn và thời gian biểu; hiểu được thư tín cá nhân viết ngắn gọn, đơn giản. Nói: Sử dụng được chuỗi cụm từ và câu để miêu tả đơn giản về gia đình mình và những người khác, điều kiện sống, thông tin về học vấn và công việc hiện tại hoặc gần nhất của bản thân. Viết: Viết được những ghi chú và tin nhắn đơn giản và ngắn; viết một bức thư cá nhân rất đơn giản, ví dụ như thư cảm ơn ai đó về việc gì.			
15	Toán dùng cho Vật lý	Học phần này giới thiệu bài toán biên đặt đúng cho phương trình đạo hàm riêng tuyến tính trong vật lý và kỹ thuật. Các phương trình được xét: Truyền sóng, truyền nhiệt, Laplace-Poisson. Hai phương pháp thông dụng để xây dựng nghiệm hình thức của bài toán biên, phương pháp phân ly biến số và phương pháp biến đổi tích phân.	3	HKIII	Thi TL
16	Lý thuyết mạch	Lý thuyết mạch là môn cơ sở của kỹ thuật điện tử, viễn thông, tự động hoá, giúp cho sinh viên có khả năng phân tích tổng hợp mạch tương tự, đồng thời tạo cơ sở để phân tích các mạch số. Nội dung chính của học phần đề cập tới các loại mạch tuyến tính cơ bản và phương pháp phân tích tổng hợp chúng.	3	HKIII	Thi TL
17	Điện tử Đại cương	<i>Điện tử học là môn học nghiên cứu các kiến thức chung nhất, nền tảng về Chất bán dẫn, Diod bán dẫn và các mạch ứng dụng, Transistor lưỡng cực BJT, Mạch khuếch đại sử dụng BJT, Mạch khuếch đại công suất, Mạch khuếch đại thuật toán OP AMP, Mạch ổn áp một chiều, Các linh kiện nhiều tiếp xúc P-N, Kỹ thuật xung, Kỹ thuật số. Để học được học phần này,</i>	3	HKIII	Thi TL

		sinh viên phải học trước Học phần Kỹ thuật điện, Điện từ học. Học xong học phần này, sinh viên có được các kiến thức vật lý cơ bản về Chất bán dẫn, Diod bán dẫn và các mạch ứng dụng, Transistor lưỡng cực BJT, Mạch khuếch đại sử dụng BJT, Mạch khuếch đại công suất, Mạch khuếch đại thuật toán OP AMP, Mạch ổn áp một chiều, Các linh kiện nhiều tiếp xúc P-N, Kỹ thuật xung, Kỹ thuật số và phương pháp suy luận khoa học, tư duy Logich, tác phong khoa học của một người cử nhân khoa học tương lai. Về kiến thức sinh viên trình bày được đối tượng và phương pháp nghiên cứu vật lý, đơn vị và thứ nguyên của các đại lượng vật lý; các kiến thức vật lý cơ bản về Chất bán dẫn, Diod bán dẫn và các mạch ứng dụng, Transistor lưỡng cực BJT, Mạch khuếch đại sử dụng BJT, Mạch khuếch đại công suất, Mạch khuếch đại thuật toán OP AMP, Mạch ổn áp một chiều, Các linh kiện nhiều tiếp xúc P-N, Kỹ thuật xung, Kỹ thuật số. Sau mỗi phần lý thuyết sinh viên vận dụng được nội dung đã học để giải toán một cách độc lập đối với các bài toán ở các mức độ khác nhau từ dễ đến khó. Về kỹ năng, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thu nhận, xử lý, truyền đạt các thông tin vật lý, vận dụng kiến thức vật lý để giải thích các hiện tượng vật lý và làm các bài tập vật lý tương ứng			
18	Dao động và sóng	Học phần này đưa ra các khái niệm cơ bản, các tính chất của các dao động điều hòa, dao động tắt dần, dao động cưỡng bức. Bên cạnh đó, học phần còn đưa ra các khái niệm, tính chất của sóng cơ học và sóng điện từ.	2	HKIII	Thi TL

19	Thực hành vật lý đại cương 2	Thí nghiệm thực hành Vật lý là một phần quan trọng của môn Vật lý trong chương trình học tập của sinh viên ở trường Đại học. Nhờ có thí nghiệm mà các hiện tượng thực trong tự nhiên vô cùng phức tạp được đơn giản hóa để có thể nghiên cứu. Ngoài ra, thí nghiệm Vật lý là một phương pháp giảng dạy đạt hiệu quả cao nhất trong việc truyền thụ kiến thức và chiếm lĩnh tri thức ở bậc Trung học Phổ thông.	3	HKIII	Thi TL
20	Tiếng Anh chuyên ngành	<i>Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ đặc trưng trong tiếng Anh chuyên ngành để sinh viên có thể:</i> + <i>đọc hiểu tài liệu chuyên ngành Vật lý,</i> + <i>dịch tài liệu chuyên ngành Vật lý ở cấp độ không quá chuyên sâu từ tiếng Anh sang tiếng Việt,</i> + <i>giao tiếp trong một vài ngữ cảnh công việc đơn giản.</i>	2	HKIII	Thi TL
21	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	Nội dung gồm 2 phần tiếp theo phần 1 đã học (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1): - Phần 2 có 6 chương, trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; - Phần 3 có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát về chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng của nó trong thời đại ngày nay.	4	HKIV	Thi TL
22	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành đào tạo đại học, cao đẳng không	2	HKIV	Thi TL

		chuyên ngành luật. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng; giúp sinh viên nắm được lý luận cơ bản về pháp luật để có thể tự tìm hiểu, nghiên cứu các ngành luật cần thiết.			
23	Vật lý phân tử và Nhiệt học	Học phần gồm 3 nội dung chủ yếu: Vật lý phân tử, nhiệt học và nhiệt động lực học. Học phần gồm 10 chương nhằm giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về: Nhiệt độ, nhiệt, công, nội năng và các quá trình biến đổi của khí lý tưởng. Thuyết động học chất khí. Ba nguyên lý cơ bản của nhiệt động học, nguyên lý tăng Entropi. Các chu trình của động cơ nhiệt, máy lạnh. Các hiện tượng truyền nhiệt: nội ma sát, dẫn nhiệt, khuếch tán... Cấu trúc và đặc tính của khí thực, chất lỏng, chất rắn và sự chuyển pha của vật chất. Phương pháp hàm nhiệt động để nghiên cứu hệ nhiệt động.	3	HKIV	Thi TL
24	Quang học	Học phần này nghiên cứu về bản chất của ánh sáng, về sự lan truyền và tương tác của nó với vật chất. Trong quá trình dạy và học học phần này, cần giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản và những ứng dụng về quang hình học, các hiện tượng đặc trưng của sóng ánh sáng như giao thoa, nhiễu xạ, phân cực và một số hiện tượng của quang học lượng tử ở trình độ đại học. Nâng cao tầm nhận thức về sự vận động của vật chất nói chung và sự vận động của các hiện tượng quang học. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở	3	HKIV	Thi TL

		để học và nghiên cứu các môn học khác.			
25	Kỹ Thuật mạch điện tử	Cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ thuật mạch điện tử 2. Nội dung có 6 chương gồm việc áp dụng kiến thức về mạch khuếch đại thuật toán vào các mạch tính toán và điều khiển, khảo sát các mạch dao động hình sine, mạch điều chế, tách sóng, trộn tần và mạch chuyển đổi AD- DA.	3	HKIV	Thi TL
26	Lý thuyết thông tin	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết thông tin, các kỹ thuật sử dụng trong hệ thống thông tin, lượng tin và các kỹ thuật truyền tin để bảo toàn lượng tin tối đa.	2	HKIV	Thi TL
27	Cơ học lý thuyết	Học phần cơ học lý thuyết trang bị cho sinh viên cách thức nghiên cứu một hệ vật lý dưới dạng tổng quát nhất thông qua các khái niệm số bậc tự do, tọa độ suy rộng, hàm lagrange, phương trình Lagrange, phương trình Hamilton,... Áp dụng vào việc khảo sát trường hợp chuyển động của vật rắn, các dao động nhỏ.v.v.	3	HKIV	Thi TL
28	Mạng máy tính	Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về mạng máy tính, các thành phần cấu thành mạng máy tính, kiến trúc mạng, giao thức mạng và một số công nghệ mạng như LAN, WAN. Giúp cho học viên có khả năng khai thác, phân tích hay thiết kế mạng.	2	HKIV	Thi TL
29	Vi xử lý và vi điều khiển trong đo lường tự động	Học phần xử lý số tín hiệu là cơ sở cho xử lý số thông tin, thông tin số, đo lường số...Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ sở cần thiết.	2	HKIV	Thi TL
30	Thông tin quang Coherent	Mô hình hệ thống thông tin quang Coherent, các phương pháp điều chế và giải điều chế trong thông tin quang Coherent, các yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống thông tin quang Coherent.	2	HKIV	Thi TL

		Bài tập và thực hành về điều chế và giải điều chế.			
31	Kỹ thuật đồng bộ và báo hiệu	Là học phần cơ sở viễn thông, học phần này cung cấp những kiến thức về hệ thống báo hiệu, đồng bộ đang được sử dụng trên mạng viễn thông Việt Nam, trên thế giới. Học viên học xong phần này có khả năng phân tích, đánh giá được vai trò, ý nghĩa và tổ chức của hệ thống báo hiệu, đồng bộ trong mạng viễn thông Việt Nam. Trên cơ sở đó sẽ dễ dàng tiếp cận với các học phần thuộc chuyên ngành.	2	HKIV	Thi TL
32	Thực hành vật lý đại cương 3	Thí nghiệm thực hành Vật lý là một phần quan trọng của môn Vật lý trong chương trình học tập của sinh viên ở trường Đại học. Học phần này nhằm rèn luyện cho sinh viên thực hành một số phép đo các đại lượng cơ bản của vật lý, biết xử lý, đánh giá các kết quả thực nghiệm, biết sử dụng các dụng cụ đơn giản cũng như tiếp cận với các thiết bị chuẩn, hiện đại dùng trong vật lý và kỹ thuật. Học phần cũng góp phần giúp sinh viên củng cố các kiến thức đã và sẽ học vật lý đại cương.	2	HKIV	Thi TL
33	Cơ học lượng tử	Học phần gồm 4 nội dung chủ yếu: Toán tử, Các tiên đề cơ học lượng tử, chuyển động một chiều và chuyển động trong trường Coulomb. Học phần gồm 5 chương nhằm giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về: + Toán tử, hàm riêng và trị riêng của toán tử, toán tử tuyến tính tự liên hợp + Các tiên đề của cơ học lượng tử : Hệ thức bất định Heidenberg, phương trình Schrodinger. + Chuyển động một chiều : Hó thể sâu vô hạn và hữu hạn, dao động tử điều hòa + Chuyển động trong trường Coulomb	3	HKV	Thi TL

34	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Là học phần bắt buộc trong chương trình các môn lý luận chính trị. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của học phần.	2	HKV	Thi TL
35	Tin học ứng dụng trong vật lý	<i>Chương trình gồm 8 chương, trình bày kỹ thuật lập trình Matlab và các ứng dụng của nó trong các bài toán Vật lý.</i> Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Vật lý <i>Trên cơ sở các kiến thức cơ bản về tin học và các kiến thức đã nghiên cứu ở những học phần tiên quyết, học phần này trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học số trong dạy học vật lý ở trường phổ thông.</i> Phương pháp giải bài tập Vật lý phổ thông <i>Học phần này đề cập đến cơ sở lý luận về dạy học bài tập vật lý: chức năng nhận thức và chức năng lý luận dạy học của bài tập vật lý – phương tiện, phương pháp dạy học, phân loại BTVL, phương pháp giải BTVL, các kiểu hướng dẫn HS giải BTVL, phát triển BTVL theo một chủ đề. Thực hành giải và xử lý sự phạm các bài tập vật lý thuộc chương trình Vật lý 10, 11, 12.</i>		HKV	Thi TL
36	Chuyên đề 1 (Thông tin số)	Môn học thực hành giúp cho sinh viên nắm bắt được các bài thí nghiệm về thông tin số	3	HKV	Thi TL
37	Đo lường điện tử	Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ sở của kỹ thuật đo lường điện		HKV	Thi TL

		tử viễn thông. Cụ thể là các vấn đề: Giới thiệu đối tượng của đo lường điện tử viễn thông; Các khái niệm cơ bản; Các phương pháp đo lường cơ bản dùng kỹ thuật mạch tương tự và kỹ thuật mạch số; Các loại thiết bị đo lường; Các loại dụng cụ đo chỉ thị bằng kim, bằng ống tia điện tử, bằng số; Các loại máy tạo nguồn tín hiệu đo; Các phương pháp đo các đại lượng khác nhau của tín hiệu và mạch điện tử; Các phương pháp đo thử mạch số; Phương pháp phát hiện và đo lỗi bit; Quá trình tiến triển của phương pháp đo và thiết kế cấu trúc mạch đo điện tử; Thiết bị đo có cài đặt bộ vi xử lý; Vấn đề "tin học hoá" phương pháp đo, phối ghép xử lý kết quả đo và quá trình thực hiện hệ thống đo lường tự động.			
38	Kỹ thuật vi điều khiển	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của vi xử lý, tổ chức giao tiếp bộ nhớ, phối ghép và điều khiển vào / ra dữ liệu trong hệ thống vi xử lý, tập lệnh của vi xử lý và lập trình với vi xử lý		HKV	Thi TL
39	Kỹ thuật số	Học phần đưa ra các khái niệm của kỹ thuật xung số như hệ thống đếm, đại số logic, các cổng logic cơ bản và các mạch logic tổ hợp. Bên cạnh đó, học phần còn đi vào nghiên cứu các mạch Trigger, các mạch tuần tự, mã hóa và giải mã tín hiệu. Các kỹ thuật liên quan đến bộ nhớ bán dẫn, chuyển đổi giữa tín hiệu số và tín hiệu tương tự cũng được trình bày trong học phần này.		HKV	Thi TL
40	Thực tập cơ sở	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thực hành, củng cố các kiến		HKV	Thi TL

		thức về điện và điện từ đại cương.			
41	Xử lý tín hiệu số	Môn học này sẽ trình bày những công cụ và kỹ thuật phân tích cơ bản đối với xử lý tín hiệu, đề cập đến những khái niệm cơ bản của xử lý số tín hiệu bao gồm biểu diễn tín hiệu và hệ thống số tuyến tính bất biến trong miền thời gian, trong miền Z, trong miền tần số liên tục và rời rạc. Ngoài ra, chương cuối sẽ đề cập đến một số ứng dụng của xử lý số tín hiệu.		HKV	Thi TL
42	Điện động lực	Học phần nghiên cứu các hiện tượng điện và từ bằng công cụ toán học là chủ yếu. Điện trường và từ trường có sự thống nhất và tương ứng lẫn nhau tạo thành hệ thống điện từ (trường điện từ). Mục đích chủ yếu là mô tả sự chứng minh thực nghiệm của lý thuyết điện từ và việc xây dựng lý thuyết ở dạng địa phương, nghĩa là dưới dạng mối quan hệ giữa các đại lượng vật lý tại cùng một điểm trong không gian và thời gian. Trong hầu hết các trường hợp, các quan hệ này được biểu diễn dưới dạng phương trình vi phân. Sản phẩm cuối cùng là phương trình Maxwell thu được như là một kết quả của sự tổng quát hóa và công thức toán học dựa trên các thực tế được xác lập thực nghiệm. Việc phân tích lực tương tác giữa các hạt trong khuôn khổ của lý thuyết cổ điển (tức là không sử dụng bất kỳ khái niệm lượng tử nào) và chưa tính đến các hiệu ứng tương đối tính. Nội dung học phần này gồm 5 chương, bắt đầu là Bổ túc toán vector, Hệ phương trình Maxwell tổng quát, các chương sau là các trường hợp riêng của trường điện từ. Càng về sau các trường	3	HKVI	Thi TL

		đều có phương trình Maxwell phức tạp hơn.			
43	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về nguyên tử và hạt nhân nguyên tử: - Cấu trúc nguyên tử và hạt nhân theo lý thuyết lượng tử - Các hiện tượng và định luật về phóng xạ và phản ứng hạt nhân, các ứng dụng trong đời sống, kỹ thuật (sử dụng đồng vị phóng xạ, nhà máy điện nguyên tử, bom nguyên tử, năng lượng hạt nhân..).	3	HKVI	Thi TL
44	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc trong chương trình các môn lý luận chính trị. Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về đường lối của Đảng qua các thời kỳ cách mạng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương; chương 1 nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2 và chương 3 phân tích đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); từ chương 4 đến chương 8 nghiên cứu đường lối của Đảng trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa-xã hội và đối ngoại, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.	3	HKVI	Thi TL
45	Đồ án môn học (Vi điều khiển)	Thiết kế và lắp đặt các bài thực hành liên quan đến môn học Vi điều khiển		HKVI	Thi TL

46	Vật lý thống kê	Vật lý thống kê hướng đến việc giúp sinh viên tìm hiểu những khái niệm thống kê cơ bản và những nguyên lý, phương pháp thống kê được sử dụng để khảo sát đặc điểm của các hệ vật lý vĩ mô; tạo cơ hội để sinh viên vận dụng phương pháp thống kê vào giải quyết các bài toán và giải thích một số hiện tượng liên quan đến hệ khí lý tưởng ở trạng thái cân bằng và điều kiện đẳng nhiệt. Ngoài ra, học phần này còn tạo điều kiện để sinh viên phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh (bao gồm cả việc sử dụng thành thạo một số thuật ngữ chuyên ngành lẫn các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết) trong quá trình học tập và nghiên cứu.		HKVI	Thi TL
47	Kỹ Thuật chuyển mạch	<i>Giới thiệu tổng quan về chuyển mạch vi mạch số và các ứng dụng bao gồm cả hai phương thức chuyển mạch kênh và chuyển mạch gói với các công nghệ hiện đại, trên cơ sở đó học viên có khả năng khảo sát, nghiên cứu và thiết kế các mạng chuyển mạch.</i>		HKVI	Thi TL
48	Thông tin di động	Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về thông tin di động, các kiến thức về các hệ thống thông tin di động tổ ong và các hệ thống thông tin di động hạn chế ở các mạng thâm nhập thuê bao trên cơ sở các máy cầm tay không dây số. Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức căn bản để có thể làm việc ở các công ty khai thác, bảo dưỡng và thiết kế các hệ thống di động hay ở các viện nghiên cứu về lĩnh vực này.		HKVI	Thi TL
49	Thực tập chuyên ngành thực tế	- Sinh viên liên hệ tìm hiểu ở cơ sở xin thực tập. - Làm đề cương thực tập, thông qua giảng viên hướng dẫn. - Tiến hành thực hiện các nội dung tại cơ sở, cuối đợt có		HKVI	Thi TL

		nhận xét của cơ sở về thái độ làm việc, hoàn thành công việc. - Viết báo cáo thực tập. - Nộp cho giảng viên hướng dẫn chấm, thông qua hội đồng khoa học khoa.			
50	<i>Thông tin cáp quang</i>	Học phần thông tin cáp quang nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc sợi quang, sợi cáp quang, về các đặc tính truyền dẫn của nó. Đồng thời đề cập đến các chức năng của nguồn phát và tách sóng quang trong hệ thống thông tin quang. Trên cơ sở đó hiểu được cấu trúc và hoạt động của một hệ thống thông tin quang .		HKVI	Thi TL
51	<i>Khai thác và bảo dưỡng hệ thống thông tin quang</i>	Quy trình vận hành và bảo dưỡng thiết bị nguồn, quy trình vận hành và bảo dưỡng thiết bị ghép kênh và thiết bị quang, bảo dưỡng tuyến cáp sợi quang; an toàn lao động trong khi tiếp cận với Laser, quản lý và giám sát hệ thống thông tin quang. Thực hành: thực hành vận hành thiết bị nguồn, thiết bị ghép kênh và thiết bị quang tại phòng máy, xử lý cảnh báo, đo thử thiết bị và cáp, tìm hiểu hệ thống giám sát mạng tại trung tâm điều hành và giám sát của VTN.		HKVI	Thi TL
52	<i>Thiết bị đầu cuối và các dịch vụ viễn thông</i>	<i>Học phần cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về thiết bị đầu cuối sử dụng trong mạng viễn thông, khai thác và quản lý các dịch vụ viễn thông truyền thống cũng như các giới thiệu các dịch vụ viễn thông mới như dịch vụ viễn thông băng rộng và dịch vụ Internet.</i>		HKVI	Thi TL
53	<i>Tổng đài điện tử số</i>	Học phần này trang bị các kiến thức cơ bản và có hệ thống về cấu hình tổng quan, các thành phần chức năng và nguyên tắc cấu tạo, hoạt động của các thành phần và các tính năng cung cấp dịch vụ viễn thông của tổng đài điện tử số SPC.		HKVI	Thi TL

54	Vật lý chất rắn	Học phần gồm 8 chương, giới thiệu các kiến thức cơ bản về tinh thể học, dao động mạng, tính chất dẫn điện và lý thuyết vùng năng lượng; cung cấp các kiến thức cơ bản về các chất bán dẫn, các cấu trúc liên quan đến bán dẫn và kim loại. Học phần này còn trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vật liệu siêu dẫn, đặc biệt là các cách tiếp cận khác nhau trong lý thuyết siêu dẫn nhiệt độ cao. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về máy phát lượng tử, nguyên lý chung, cấu tạo và hoạt động của các loại máy phát lượng tử cơ bản.		HKVII	Thi TL
55	Đồ án môn học (chuyên ngành)	Thiết kế và lắp đặt các bài thực hành liên quan đến môn học chuyên ngành		HKVII	Thi TL
56	Thực tập tốt nghiệp	Học phần Thực tập sư phạm 2 có nội dung học tập gắn liền lí luận với thực tiễn, cung cấp cho giáo sinh một tầm nhìn vừa khái quát, vừa cụ thể về vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn chức năng của cơ sở giáo dục nói chung cũng như về người giáo viên trong lĩnh vực này nói riêng, đồng thời tạo dựng tình cảm nghề nghiệp ở người giáo sinh, củng cố và phát triển niềm tin vào công việc dạy học nên giáo sinh cần tham dự và thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần Thực tập sư phạm 2. Đặc thù của học phần Thực tập sư phạm là hình thành cho giáo sinh hệ thống kĩ năng của nghề dạy học nói chung và dạy học Vật lý nói riêng thông qua hoạt động thực tiễn tại trường trung học phổ thông. Do đó, trong quá trình tạo lập kĩ năng, giáo sinh phải có khả năng quan sát tinh tế sự diễn biến của các hiện tượng để phát hiện ra mức độ khó dễ của từng thao tác, trên cơ sở đó mà phân chia thời gian luyện tập một cách thích hợp.		HKVII	Thi TL

		Các nhiệm vụ chính của giáo sinh trong quá trình thực tập sư phạm 2 bao gồm: - Tìm hiểu thực tế giáo dục và đào tạo tại cơ sở đào tạo đến thực tập (cụ thể là các trường trung học cơ sở và phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nằm trong hệ thống trường thực hành vệ tinh) - Thực tập công tác giảng dạy và chủ nhiệm tại cơ sở thực tập: xây dựng kế hoạch dạy học cả đợt và từng tuần, dự giờ mẫu, soạn giáo án, tập giảng, thực dạy trước lớp có học sinh dưới sự đánh giá của giáo viên hướng dẫn, rút kinh nghiệm sau giờ lên lớp, đảm nhận công tác chủ nhiệm lớp và điều hành lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên. - Viết báo cáo thu hoạch cá nhân.			
57	Khóa luận tốt nghiệp			HKVII	Thi TL
58	Vật lý bán dẫn	Xuất phát từ các khái niệm cơ bản về cấu trúc tinh thể của bán dẫn, mạng đảo và vùng Brillouin, dùng phép gần đúng liên kết mạnh để khảo sát chuyển động của điện tử trong trường tinh thể bán dẫn, từ đó giới thiệu cấu trúc vùng năng của các bán dẫn quan trọng và các trạng thái định xứ. Các kiến thức cơ bản về bán dẫn cân bằng như: mật độ trạng thái, nồng độ hạt tải của các loại bán dẫn khác nhau, và các hiện tượng động trong bán dẫn được giới thiệu để làm cơ sở cho học phần về linh kiện bán dẫn.		HKVII	Thi TL
59	Thông tin cáp quang nâng cao	Lý thuyết: Cấu hình hệ thống và mạng thông tin cáp quang. Cấu hình và nguyên lý hoạt động của máy phát, máy thu tín hiệu quang. Mã đường quang PDH và SDH. Cấu trúc và nguyên lý vận hành của		HKVII	Thi TL

		các nút đầu cuối, nút xen rẽ, nút nối chéo số. Phân tích các loại cảnh báo, sơ đồ truyền các loại cảnh báo. Chuyển mạch dự phòng. Các phương pháp đồng bộ nút mạng SDH. Thiết kế tuyến thông tin cáp sợi quang. Các phép đo đánh giá chất lượng và đo nghiệm thu trong thông tin quang. Thí nghiệm : Giới thiệu các loại cáp sợi quang. Đo các sợi quang bằng OTDR. Đo tín hiệu điện và tín hiệu quang của phòng thực hành. Phân tích chất lượng hệ thống bằng máy phân tích PDH và SDH. Thực hành : Nhận dạng và xử lý một số cảnh báo trên thiết bị Bài tập : Thiết kế tuyến thông tin cáp chôn.			
60	Công nghệ truyền thông số liệu	Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về thiết bị sử dụng trong mạch truyền thông số liệu, sơ đồ khối chức năng, các chỉ tiêu kỹ thuật và phân loại chúng theo mục đích sử dụng.		HKVII	Thi TL
61	Chuyên đề 2	Thay đổi theo năm học		HKVII	Thi TL
62	Cơ sở kỹ thuật truyền số liệu	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở của kỹ thuật số liệu, các giao thức liên lạc khi truyền số liệu qua mạng viễn thông cũng như kỹ thuật và thủ tục nối ghép các mạng truyền số liệu với các mức khác nhau.		HKVII	Thi TL
63	Cơ sở lý thuyết lưu lượng	Cung cấp kiến thức cơ bản về lưu lượng thông tin, bản chất cuộc gọi, yêu cầu dịch vụ viễn thông(chủ yếu về điện thoại); các khái niệm căn bản về luồng gọi, tải thông tin, tổn thất, năng lượng chuyển thông, sự chờ đợi, ách tắc (Congestion)... thông tin của các hệ thống chuyển mạch, mạng viễn thông. Trên cơ sở đó người học có khả năng phân tích hệ thống và mạng lưới thông tin: đánh giá, thiết kế và quy hoạch, quản lý chúng.		HKVII	Thi TL

64	<i>Thiết bị truyền thông số liệu</i>	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở của kỹ thuật truyền số liệu, các giao thức liên lạc khi truyền số liệu qua mạng viễn thông cũng như kỹ thuật và thủ tục nối ghép các mạng truyền số liệu với các mức khác nhau.		HKVII	Thi TL
65	<i>Cơ sở dữ liệu</i>	Giới thiệu các khái niệm cơ bản của cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Trình bày các mô hình dữ liệu, đặc biệt mô hình quan hệ dữ liệu và các ngôn ngữ của mô hình quan hệ dữ liệu. Vấn đề thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ.		HKVII	Thi TL

10. Khoa Giáo dục chính trị

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Giáo dục chính trị					
1	Triết học Mác - Lênin 1		3		Tự luận
2	Triết học Mác - Lênin 2		2		Tự luận
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin 1		2		Tự luận
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2		2		Tự luận
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		3		Tự luận
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh		3		Tự luận
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		3		Tự luận

8	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	2		Tự luận
9	Tiếng Anh A2.1		3		Tự luận
10	Tiếng Anh A2.2		4		Tự luận
11	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo		2		Tự luận
12	<i>Giáo dục thể chất 1</i>		(1)		
13	<i>Giáo dục thể chất 2</i>		(1)		
14	<i>Giáo dục thể chất 3</i>		(1)		
15	<i>Giáo dục thể chất 4</i>		(1)		
16	<i>Giáo dục thể chất 5</i>		(1)		
17	<i>Giáo dục quốc phòng</i>		(4t)		
18	Tâm lý học giáo dục		4		Tự luận
19	Giáo dục học		3		Tự luận
20	Thực hành tâm lý giáo dục		2		Tự luận
21	Giao tiếp sư phạm		2		Tự luận
22	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục		2		Tự luận
23	Lý luận dạy học bộ môn		2		Vấn đáp
24	Phát triển chương trình giáo dục công dân ở trường trung học		2		Trắc nghiệm
25	Phương pháp dạy học bộ môn 1		2		Tự luận
26	Phương pháp dạy học bộ môn 2		3		Tự luận

27	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục		2		Tự luận
28	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	3	3		Thực hành
29	Thực tập sư phạm 1		3		Thực hành
30	Thực tập sư phạm 2		3		Thực hành
31	Chính trị học		3		Vấn đáp
32	Chuyên đề Triết học		3		Vấn đáp
33	Chuyên đề Kinh tế chính trị		3		Vấn đáp
34	Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học		3		Vấn đáp
35	Chuyên đề tư Tưởng Hồ Chí Minh		2		Tự luận
36	Chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2		Tự luận
37	Đạo đức học		3		Tự luận
38	Giáo dục gia đình		2		Trắc nghiệm
39	Giáo dục dân số và môi trường		3		Vấn đáp
40	Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam		2		Vấn đáp
41	Kinh tế học đại cương		2		Tự luận
42	Lịch sử các học thuyết chính trị		2		Tự luận
43	Lịch sử các học thuyết kinh tế		2		Tự luận
44	Lịch sử triết học phương Đông		2		Tự luận
45	Lịch sử triết học phương		3		Vấn đáp

	Tây				
46	Lịch sử tư tưởng Việt Nam		2		Vấn đáp
47	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa		2		Tự luận
48	Logic học		3		Tự luận
49	Lý luận về nhà nước pháp quyền và vấn đề xây dựng NN PQ XHCN Việt Nam		2		Vấn đáp
50	Lý luận và thực tiễn về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam		3		Tự luận
51	Đại cương mỹ học		2		Tự luận
52	Pháp luật học		3		Vấn đáp
53	Tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin		3		Vấn đáp
54	Thực tế chuyên môn		1		Thực hành
55	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính		2		Vấn đáp
56	Tham vấn tâm lý		2		Tự luận
57	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học chuyên ngành		2		Tự luận
58	Âm nhạc cơ bản		2		Vấn đáp
59	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2		Vấn đáp
60	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông		2		Tự luận
61	Chuyên đề quốc phòng - an ninh		2		Vấn đáp

62	Dân tộc học và vấn đề dân tộc ở Việt Nam		2		Vấn đáp
63	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống		2		Vấn đáp
64	Kinh tế thị trường định hướng XHCN		2		Tự luận
65	Lịch sử thế giới đại cương		2		Vấn đáp
66	Lịch sử Việt Nam đại cương		2		Vấn đáp
67	Tiếng Việt thực hành		2		Tự luận
68	Tôn giáo học và vấn đề tôn giáo ở Việt Nam		2		Vấn đáp
69	Xây dựng Đảng		2		Vấn đáp
70	Khóa luận tốt nghiệp		6		
Sư phạm Âm nhạc					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)		2		Tự luận
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		Tự luận
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3		Tự luận
5	Tin học đại cương (Tin học CN1)		2		Tự luận
6	Tiếng Anh A2.1		3		Tự luận
7	Tiếng Anh A2.2		4		Tự luận
8	Pháp luật đại cương		2		Tự luận
9	<i>Giáo dục thể chất 1</i>		(1)		

10	<i>Giáo dục thể chất 2</i>		(1)		
11	<i>Giáo dục thể chất 3</i>		(1)		
12	<i>Giáo dục thể chất 4</i>		(1)		
13	<i>Giáo dục thể chất 5</i>		(1)		
14	<i>Giáo dục quốc phòng</i>		(4t)		
15	Đại cương mỹ học		2		Tự luận
16	Nhạc lý 1		3		Tự luận
17	Nhạc lý 2		2		Tự luận
18	Lịch sử âm nhạc phương Tây		2		Tự luận
19	Lịch sử âm nhạc phương Đông		2		Tự luận
20	Lịch sử âm nhạc Việt Nam		2		Tự luận
21	Ký xướng âm 1		2		Thực hành
22	Ký xướng âm 2		2		Thực hành
23	Ký xướng âm 3		2		Thực hành
24	Ký xướng âm 4		2		Thực hành
25	Hòa âm ứng dụng 1		2		Vấn đáp
26	Hòa âm ứng dụng 2		2		Vấn đáp
27	Phân tích tác phẩm âm nhạc 1		2		Tự luận
28	Phân tích tác phẩm âm nhạc 2		2		Tự luận
29	Nhạc cụ phím điện tử 1		2		Vấn đáp

30	Nhạc cụ phím điện tử 2		2		Vấn đáp
31	Nhạc cụ phím điện tử 3		2		Vấn đáp
32	Nhạc cụ phím điện tử 4		3		Vấn đáp
33	Mỹ học âm nhạc		2		Tự luận
34	Thanh nhạc 1		2		Thực hành
35	Thanh nhạc 2		2		Thực hành
36	Thanh nhạc 3		2		Thực hành
37	Thanh nhạc 4		2		Thực hành
38	Hát dân ca		2		Thực hành
39	Chỉ huy và dàn dựng hát hợp xướng		2		Thực hành
40	Dàn dựng chương trình tổng hợp		3		Thực hành
41	Sáng tác ca khúc		2		Tự luận
42	Công tác đoàn đội ở trường phổ thông		2		Tự luận
43	Thực tế chuyên môn		2		Thực hành
44	Múa cơ bản		2		Thực hành
45	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo		2		Tự luận
46	Tâm lý học giáo dục		4		Tự luận
47	Giáo dục học		3		Tự luận
48	Thực hành tâm lý giáo dục		2		Tự luận
49	Giao tiếp sư phạm		2		Vấn đáp

50	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục		2		Tự luận
51	Lý luận dạy học âm nhạc		2		Tự luận
52	Phương pháp dạy học âm nhạc 1		2		Tự luận
53	Phương pháp dạy học âm nhạc 2		2		Tự luận
54	Kiểm tra đánh giá trong dạy học âm nhạc		2		Tự luận
55	Phân tích và phát triển chương trình môn âm nhạc ở phổ thông		2		Tự luận
56	Dạy học tích hợp khoa học xã hội		2		Tự luận
57	Thực hành dạy học tại trường sư phạm		3		Thực hành
58	Thực tập sư phạm 1		3		Thực hành
59	Thực tập sư phạm 2		3		Thực hành
60	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính		2		Tự luận
61	Kỹ năng tham vấn học đường		2		Tự luận
62	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục		2		Tự luận
63	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học âm nhạc		2		Thực hành
64	Nhạc cụ piano		2		Thực hành
65	Nhạc cụ sáo trúc		2		Thực hành
66	Nhạc cụ guitar		2		Thực hành

67	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2		Tự luận
68	Âm nhạc truyền thống Việt Nam		2		Tự luận
69	Tính năng nhạc cụ		2		Thực hành
70	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống		2		Vấn đáp
71	Hát đồng ca, hợp xướng		2		Thực hành
72	Logic học đại cương		2		Vấn đáp
73	Tiếng Việt thực hành		2		Vấn đáp
74	Lịch sử văn minh thế giới		2		Tự luận
75	Khóa luận tốt nghiệp		6		Thực hành

11. Khoa Hóa học

STT	Khóa học Tên môn học		Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)		2	Theo kế hoạch năm học của Nhà trường	Thi đánh giá học phần
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2)		3		
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
4		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt		3		

		Nam			
5		Tin học đại cương (Tin học CN1)	2		
6		Tiếng Anh A2.1	3		
7	Sư phạm Hóa học 2015, 2016	Tiếng Anh A2.2	4		
8		Pháp luật đại cương	2		
9		Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2		
10		Tâm lý học giáo dục	4		
11		Giáo dục học	3		
12		Thực hành tâm lý giáo dục	2		
13		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục Hóa học	2		
14		Giao tiếp sư phạm	2		
15		Lý luận dạy học môn hóa học	3		
16		Phát triển chương trình hóa học nhà trường	2		
17		Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2		

18	Phương pháp dạy học môn hoá học	3		
19	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	3		
20	Bài tập hóa học ở THPT	2		
21	Thực hành thí nghiệm hoá học trung học phổ thông	2		
22	Kiểm tập sư phạm	1		
23	Thực tập sư phạm	5		
24	Giải tích 3	2		
25	Giải tích 5 và Đại số	3		
26	Vật lý đại cương 1	2		
27	Vật lý đại cương 2	3		
28	Sinh học đại cương	3		
29	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	2		
30	Hoá đại cương	4		
31	Thực hành hóa đại cương	2		
32	Cơ sở lý thuyết hoá vô cơ	2		

33	Hoá vô cơ		4		
34	Thực hành hóa vô cơ		2		
35	Hoá học tinh thể và phức chất		2		
36	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ		2		
37	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon		4		
38	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử		2		
39	Thực hành hóa hữu cơ		2		
40	Hoá phân tích		4		
41	Thực hành Hoá phân tích		2		
42	Các phương pháp phân tích công cụ		2		
43	Thực hành phân tích công cụ		1		
44	Nhiệt và Động hóa học		4		
45	Điện hoá học		2		
46	Hoá lượng tử		3		
47	Thực hành hóa lí		2		
48	<i>Hoá kỹ thuật</i>		2		
49	<i>Hóa học các hợp chất phân</i>		2		

	tán			
50	Hóa học môi trường	2		
51	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy hóa học	2		
52	Lịch sử hóa học	2		
53	Hóa nông học	2		
54	Các phương pháp phổ ứng dụng vào hoá học	2		
55	Hợp chất màu hữu cơ	2		
56	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	2		
57	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Hóa học	2		
58	Tổng hợp các chất vô cơ	2		
59	Tổng hợp các chất hữu cơ	2		
60	Vật liệu hấp phụ và ứng dụng trong xử lý môi trường	2		
61	Hoá học phân tích trong trường phổ thông	2		

62		Hóa lý trong trường phổ thông		2		
63		Chuyên đề khoa học tự nhiên		3		
64		Khóa luận tốt nghiệp		6		
65	Sur phạm khóa 2017, 2018	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)		2		
66		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		
67		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
68		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3		
69		Tin học đại cương (Tin học CN1)		2		
70		Tiếng Anh A2.1		3		
71		Tiếng Anh A2.2		4		
72		Pháp luật đại cương		2		
73		Phương trình vi phân - sai phân		2		
74		Giải tích thực và Đại số tuyến tính		3		
75		Vật lý đại cương 1		2		

76	Vật lý đại cương 2	3		
77	Sinh học đại cương	3		
78	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	2		
79	Hóa đại cương	4		
80	Thực hành hóa đại cương	2		
81	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	2		
82	Hóa vô cơ	4		
83	Thực hành hóa vô cơ	2		
84	Hóa học tinh thể và phức chất	2		
85	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	2		
86	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon	4		
87	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	2		
88	Thực hành hóa hữu cơ	2		
89	Hóa phân tích	4		
90	Thực hành hóa phân tích	2		
91	Các phương pháp phân tích công cụ	2		

92	Thực hành phân tích công cụ	1		
93	Nhiệt và động hóa học	4		
94	Điện hóa học	2		
95	Hóa lượng tử	3		
96	Thực hành hóa lí	2		
97	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2		
98	Tâm lý học giáo dục	4		
99	Giáo dục học	3		
100	Thực hành tâm lý giáo dục	2		
101	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục Hóa học	2		
102	Giao tiếp sư phạm	2		
103	Lý luận dạy học môn hóa học	3		
104	Phân tích và phát triển chương trình hóa học nhà trường	2		
105	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2		

106	Phương pháp dạy học môn hoá học	3		
107	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	3		
108	Bài tập hóa học ở trung học phổ thông	2		
109	Thực hành thí nghiệm hoá học trung học phổ thông	2		
110	Kiến tập sư phạm	1		
111	Thực tập sư phạm	5		
112	<i>Hóa học các chất phân tán</i>	2		
113	<i>Hoá học phân tích trong trường phổ thông</i>	2		
114	<i>Hóa lý trong trường phổ thông</i>	2		
115	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy hóa học</i>	2		
116	<i>Hoá kỹ thuật</i>	2		
117	<i>Lịch sử hóa học</i>	2		
118	<i>Hóa nông học</i>	2		

119		Cấu trúc và phổ		2		
120		Hợp chất màu hữu cơ		2		
121		Tổng hợp các chất vô cơ		2		
122		Tổng hợp các chất hữu cơ		2		
123		Chuyên đề khoa học tự nhiên		3		
124		Hóa hữu cơ nâng cao trong trường Phổ thông		2		
125		Hóa vô cơ nâng cao trong trường Phổ thông		2		
126		Dạy học tích hợp liên môn trong trường Phổ thông		2		
127		Khóa luận tốt nghiệp		6		
128	Hóa phân tích khóa 2015, 2016,	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)		2		
129		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		
130		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
131		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt		3		

	2017, 2018	Nam			
132		Tin học đại cương (Tin học CN1)	2		
133		Tiếng Anh A2.1	3		
134		Tiếng Anh A2.2	4		
135		Pháp luật đại cương	2		
136		Các phương pháp phân tích quang học	2		
137		Các phương pháp phân tích điện hóa	2		
138		Các phương pháp phân tích sắc kí	2		
139		Thực hành phân tích quang, điện, sắc ký	3		
140		Xử lý số liệu thực nghiệm	2		
141		Kỹ thuật lấy và xử lý mẫu	2		
142		Ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí	2		
143		Cấu trúc và phổ	2		
144		Độc học môi trường	2		
145		Đánh giá tác động môi trường	2		

146	Thực hành phân tích môi trường	2		
147	Quan trắc và phân tích môi trường	4		
148	Xử lý nước thải	2		
149	Thuốc thử hữu cơ trong hóa phân tích	2		
150	Hóa học môi trường	3		
151	Thực tập nhận thức	1		
152	Thực tập tốt nghiệp	3		
153	Phương trình vi phân - sai phân	2		
154	Giải tích thực và Đại số tuyến tính	3		
155	Vật lý đại cương 1	2		
156	Vật lý đại cương 2	3		
157	Sinh học đại cương	3		
158	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa	2		
159	Hóa đại cương	4		
160	Thực hành hóa đại cương	2		
161	Cơ sở lý thuyết	2		

	hóa vô cơ			
162	Hóa vô cơ	4		
163	Thực hành hóa vô cơ	2		
164	Hóa học tinh thể và phức chất	2		
165	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ	2		
166	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon	4		
167	Các hợp chất tạp chức và cao phân tử	2		
168	Thực hành hóa hữu cơ	2		
169	Hóa phân tích	4		
170	Thực hành hóa phân tích	2		
171	Các phương pháp phân tích công cụ	2		
172	Thực hành phân tích công cụ	1		
173	Nhiệt và động hóa học	4		
174	Điện hóa học	2		
175	Hóa lượng tử	3		
176	Thực hành hóa lí	2		
177	<i>Hóa học các chất phân tán</i>	2		

178		Kiểm nghiệm và phân tích thực phẩm		2		
179		Kỹ thuật phân tích môi trường cơ sở lọc hóa dầu		2		
180		Phân tích silicat		2		
181		Kiểm nghiệm dược phẩm		2		
182		Các phương pháp oxy hóa nâng cao xử lý môi trường		2		
183		Kỹ thuật chiết tách hợp chất có hoạt tính sinh học		2		
184		Hoá kỹ thuật		2		
185		Vật liệu hấp phụ ứng dụng trong xử lý môi trường		2		
186		Quản lý dự án môi trường		2		
187		Hóa sinh		2		
188		Quản lý chất lượng nước		2		
189		Khóa luận tốt nghiệp		7		
190	Ngành Quản lý môi trường khóa 2015, 2016, 2017, 2018	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)		2		

191		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		
192		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
193		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3		
194		Tin học đại cương (Tin học CN1)		2		
195		Tiếng Anh A2.1		3		
196		Tiếng Anh A2.2		4		
197		Pháp luật đại cương		2		
198		Hóa vô cơ		4		
199		Hydrocacbon và dẫn xuất Hydrocacbon		4		
200		Các phương pháp phân tích công cụ		2		
201		Thực hành phân tích công cụ		1		
202		Nhiệt và động hóa học		4		
203		Thực hành hóa lý		2		
204		Tiếng anh chuyên ngành hóa		2		

205		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành		1		
206		Sản xuất sạch hơn		2		
207		Nước thải và xử lý nước thải		2		
208		Xử lý khí thải và tiếng ồn		2		
209		Luật và chính sách môi trường		2		
210		Hóa học môi trường		2		
211		Mô hình chất lượng nước		2		
212		Thực tập tốt nghiệp		3		
213		Giải tích thực và Đại số tuyến tính		3		
214		Xác suất thống kê		2		
215		Vật lý đại cương		3		
216		Hóa đại cương		3		
217		Hóa phân tích		2		
218		Thực hành hóa đại cương		1		
219		Thực hành hóa phân tích		1		
220		Sinh học đại cương		3		

221		Sinh thái học		2		
222		Vi sinh Đại cương		2		
223		Trắc địa Đại cương		3		
224		Thực hành trắc địa Đại cương		2		
225		Đại cương về trái đất		2		
226		Khoa học Môi trường		3		
227		Đánh giá môi trường		3		
228		Kinh tế môi trường		3		
229		Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường		3		
230		Công nghệ môi trường		3		
231		Phân tích môi trường		2		
232		Thực hành phân tích môi trường		2		
233		Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên & môi trường		3		
234		Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường		2		
235		Quản lý tổng hợp vùng bờ		3		

236		Quan trắc môi trường		2		
237		Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại		2		
238		Độc học môi trường		2		
239		Quy hoạch môi trường		2		
240		Thực tập tốt nghiệp		3		
241		Xử lý số liệu thực nghiệm		2		
242		Vật liệu hấp phụ ứng dụng trong xử lý môi trường		2		
243		Hóa học các chất phân tán		2		
244		Suy thoái và bảo vệ đất		2		
245		Chuyên đề về thành phố môi trường		2		
246		Quản lý môi trường khu công nghiệp và đô thị		2		
247		Quản lý dự án môi trường		2		
248		Quản lý chất lượng nước		2		
249		Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên		2		
250		Môi trường và		2		

		<i>con người</i>				
251		<i>Hệ thống thông tin môi trường</i>		2		
252		<i>Thực tập chuyên đề quản lý môi trường (thực tập chuyên ngành)</i>		2		
253		<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		7		
254	Hóa dược 2015, 2016, 2017, 2018	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)		2		
255		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)		3		
256		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
257		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3		
258		Tin học đại cương (Tin học CN1)		2		
259		Tiếng Anh A2.1		3		
260		Tiếng Anh A2.2		4		
261		Pháp luật đại cương		2		
262		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành		1		

263	Hóa sinh		2		
264	Hóa học các hợp chất thiên nhiên		2		
265	Tổng hợp hữu cơ		2		
266	Thiết bị sản xuất dược phẩm		2		
267	Cơ sở kỹ thuật bào chế		2		
268	Các quá trình cơ bản tổng hợp hóa dược		2		
269	Kiểm nghiệm dược phẩm		2		
270	Hóa dược 1		3		
271	Hóa dược 2		2		
272	Cấu trúc và phổ		2		
273	Kháng sinh		2		
274	Hương liệu và mỹ phẩm		2		
275	Thuốc y học cổ truyền		2		
276	Thí nghiệm hóa dược 1		2		
277	Thí nghiệm hóa dược 2		2		
278	Thí nghiệm kiểm nghiệm dược phẩm		2		
279	Thực tập nhận thức		1		

280	Thực tập tốt nghiệp		3		
281	Phương trình vi phân - sai phân		2		
282	Giải tích thực và Đại số tuyến tính		3		
283	Vật lý đại cương 1		2		
284	Vật lý đại cương 2		3		
285	Sinh học đại cương		3		
286	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa		2		
287	Hóa đại cương		4		
288	Thực hành hóa đại cương		2		
289	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ		2		
290	Hóa vô cơ		4		
291	Thực hành hóa vô cơ		2		
292	Hóa học tinh thể và phức chất		2		
293	Cơ sở lý thuyết hoá hữu cơ		2		
294	Hydrocacbon và dẫn xuất hydrocacbon		4		
295	Các hợp chất tạp chức và cao		2		

	phân tử			
296	Thực hành hóa hữu cơ	2		
297	Hóa phân tích	4		
298	Thực hành hóa phân tích	2		
299	Các phương pháp phân tích công cụ	2		
300	Thực hành phân tích công cụ	1		
301	Nhiệt và động hóa học	4		
302	Điện hóa học	2		
303	Hóa lượng tử	3		
304	Thực hành hóa lí	2		
305	<i>Hóa học các chất phân tán</i>	2		
306	<i>Xử lý số liệu thực nghiệm</i>	2		
307	<i>Giải phẫu sinh lý người</i>	2		
308	<i>Tin học ứng dụng trong hóa học</i>	2		
309	<i>Sinh học ung thư</i>	2		
310	<i>Hóa lí dược</i>	2		
311	<i>Tương tác thuốc</i>	2		
312	<i>Quản lý hoạt động sản xuất</i>	2		

	được phẩm			
313	Phân loại thực vật	2		
314	Công nghệ sinh học	2		
315	Đại cương về thiết kế thuốc	2		
316	Đại cương về tá dược	2		
317	Kỹ thuật chiết tách các hợp chất có hoạt tính sinh học	2		
318	Hóa chất bảo vệ thực vật	2		
319	Thử nghiệm hoạt tính dược phẩm	2		
320	Khóa luận tốt nghiệp	7		

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

1. Khoa Giáo dục mầm non

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo – Giáo trình đại học	2016	
2	Xu thế phát triển giáo dục – Giáo trình sau đại học	2013	
3	Tư tưởng giáo dục qua các thời kỳ lịch sử	2017	

4	Đổi mới, cải cách giáo dục ở Việt Nam và nhân tố quản lý trong tiến trình đổi mới giáo dục	2017	

2. Khoa Sinh Môi Trường

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	<i>Sinh học Đại cương - Tập 1,2.</i> Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội -	2001	
2	Vũ Trung Tạng, <i>Cơ sở Sinh thái học</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội,	2000	
3	Nguyễn Lân Dũng và cộng sự, (2012) <i>Vi sinh vật học</i> NXBKH và KT.		
4	Trần Văn Quảng. <i>Trắc địa đại cương</i> . NXB Xây dựng. Hà Nội,	2001	
5	Phạm Ngọc Đĩnh - Hoàng Xuân Lính - Đỗ Minh Tính. <i>Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương</i> . ĐHSP Hà Nội,	1995	
6	Lưu Đức Hải (Chủ biên). <i>Giáo trình Khoa học Trái Đất</i> . Nhà xuất bản Giáo dục	2010	
7	Võ Văn Minh và nnk,. <i>Giáo trình Khoa học môi trường đại cương</i> , NXB Giáo dục Việt Nam	2014	
8	Hoàng Xuân Cơ. <i>Đánh giá tác động môi trường</i> . NXB ĐHQG Hà Nội.	2003	
9	Hoàng Xuân Cơ, <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i> NXB Giáo dục, Hà Nội.	2005	
10	Đại học Luật Hà Nội <i>Giáo trình Luật Môi trường</i> . NXB Công an Nhân dân.	2002	
11	Trịnh Thị Thanh, Trần Yêm, Đồng Kim Loan. <i>Công nghệ Môi trường</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.	2004	

12	Lê Văn Khoa và Cs. Phương pháp phân tích đất nước, phân bón, cây trồng. NXB Giáo dục	2000	
13	Nguyễn Thị Lan Anh <i>Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong marketing</i>	2013	
14	Chương trình hợp tác Việt Nam – Thụy Điển về Tăng cường năng lực Quản lý Đất đai và Môi trường, Phương pháp và kỹ năng truyền thông, tháng 05-2007	2007	
15	Frank Ahlhom, Integrated coastal zone management, status, challenges and prospects. Springer Press.	2017	
16	Trương Mạnh Tiến, Quan trắc môi trường NXB ĐHQG, Hà Nội.	2005	
17	Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Trọng Hiệu, Trần Thực, Phạm Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Lan, Vũ Văn Thắng, <i>Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam</i> . Viện khoa học khí tượng thủy văn và môi trường. Hà Nội.	2010	
18	Lê Huy Bá, Nguyễn Trọng Hùng, Huỳnh Lưu Trùng Phương Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Giáo dục.	2007	
19	Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, <i>Cơ sở thủy sinh học</i> , NXB KHTN & CN,	2002	
20	Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết (<i>Sinh thái môi trường ứng dụng</i> , NXB Khoa học và Kỹ thuật.	2010	
21	Trần Minh Hải. Từ điển Kỹ thuật Môi trường	2003	
22	Chu Văn Mẫn, <i>Ứng dụng Tin học trong Sinh học</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2010	
23	Keddy, P.A., Wetland ecology: principles and conservation. Cambridge University Press	2005	

24	Đặng Thị. "Tảo học." Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội	2000	
25	Nguyễn Lâm Anh, Giáo trình “ Bảo vệ và quản lý nguồn lợi thủy sản.”	2010	
26	Thái Trần Bái, <i>Giáo trình Động vật học</i> , NXB Giáo dục Việt Nam	2002	
27	Hoàng Thị Sản, <i>Phân loại học thực vật</i> , NXB Giáo dục Hà Nội	2002	
28	Nguyễn Lâm Dũng và cộng sự, <i>Vi sinh vật học</i> NXBKH và KT.	2012	
29	Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Thị Hạnh, Giáo trình thực tập nghiên cứu thiên nhiên, NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội	2007,	
30	Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Thị Hạnh, 2007, Giáo trình thực tập nghiên cứu thiên nhiên, NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội.		
31	Trịnh Thị Thanh, Trần Yêm, Đồng Kim Loan, <i>Công nghệ Môi trường</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.	2004.	
32	Trần Đức Hạ, <i>Bảo vệ và quản lý tài nguyên nước</i> . NXB Khoa học và Kỹ thuật.	2009	

3. Khoa Giáo dục Tiểu học

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	<i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.	2009	
2	<i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.	2006	
3	<i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản</i>	2010	

	<i>Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.		
4	<i>Giáo trình Tin học đại cương</i> , NXB Giao thông vận tải, 2007.	2007	
5	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.	2002	
6	<i>Tập hợp - Logic và số học</i> , NXB Giáo dục	1996	
7	<i>Giáo trình Tiếng Việt 1, 2</i> NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2011	
8	<i>Sinh lý học trẻ em</i> , NXB Đại học Sư phạm, NXB Giáo dục.	2006	
9	<i>Văn học</i> , tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học, dự án phát triển giáo viên Tiểu học, NXB Giáo dục	2007	
10	<i>Tâm lý học tiểu học</i> , NXB ĐHSP Hà Nội- Năm 2004	2004	
11	Giáo trình Pháp luật đại cương, (Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành Luật), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội 2014.	2014	
12	Cấu trúc đại số- NXBGD 1981	1981	
13	<i>Giáo trình Tiếng Việt 3</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2011	
14	Giáo dục học tập 1, NXB Giáo dục, HN	1987	
15	Đặng Hùng Thắng (2008), <i>Thống kê và ứng dụng</i> , Nhà Xuất bản Giáo dục	2008	
16	<i>Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học</i> , Nxb Giáo dục, NxbĐHSP.	2006	
17	Giáo trình Tiếng Việt thực hành A, NXB Giáo dục	2005	
18	<i>Lịch sử mỹ thuật Việt Nam</i> , NXB Đại học Sư phạm	2004	
19	Giáo trình Âm nhạc 2 (dành cho ngành tiểu học), Nxb Đại học Huế, Thành phố Huế.	2012	
20	Giáo dục học T2 NXB Giáo dục, 1987	1987	
21	<i>Giáo trình giao tiếp sư phạm</i> , Nxb Đại học Sư phạm 2014.	2014	

22	<i>Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học</i> , NXB Đại học Sư phạm	2006	
23	<i>Tự nhiên - Xã hội và Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội - Tập 1, 2</i> , NXB Giáo dục.	2006	
24	<i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học</i> , NXBĐHSP.	2009	
25	Bộ GD và ĐT, Cục nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Tài liệu tập huấn Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, 2014.	2014	
26	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, Dự án Việt Bỉ	2007	
27	TCKT và PPDH TCKT – NXB ĐHSP và NXBGD - 2007	2007	
28	Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học Nxb Giáo dục, NxbĐHSP	2006	
29	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm môn Toán. Dự án Việt-Bỉ tháng 11 năm 2000.	2007	
30	Lê Văn Trường – Nguyễn Kim Tiến (Đồng chủ biên) (2006), Giáo dục môi trường, NXB Giáo dục	2006	
31	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, NXBGD.	2006	
32	Trần Thị Minh Đức, Giáo trình tham vấn tâm lý, NXB. ĐHQG HN, 2009	2009	
33	Nguyễn Thị Thân – Nguyễn Thị Thanh Hương (2014), Dạy học ở tiểu học theo phương pháp Bàn tay nặn bột, NXB Giáo dục	2014	
34	Đào Thái Lai (2006), Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học, Tập 1, 2, NXB Giáo dục	2006	
35	Lê Phương Nga - Đặng Kim Nga, Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, NXB Giáo dục, 2007	2007	

36	Nguyễn Hữu Hợp (Chủ biên) (2006), Đạo đức và Phương pháp giáo dục đạo đức, NXB Giáo dục.	2006	
37	Đỗ Đình Hoan và tập thể, Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học, NXB ĐHSP	2007	
38	Đặng Tự Ân, Mô hình trường học mới tại Việt Nam, NXB GD Việt Nam, 12/2013	2013	
39	Phạm Viết Vượng, Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, NXB ĐHSP, HN, 2003.	2003	
40	Lê Thị Lan Anh (2009), Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương cho học sinh tiểu học, NXB Giáo dục.	2009	
41	Lê Văn Tạc (chủ biên) (2006), Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học, NXB Lao động xã hội	2006	
42	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học, NXB Giáo dục VN, 2010.	2010	
43	Đỗ Hương Trà (chủ biên). Dạy học tích hợp phát triển năng lực của HS. Quyển 1,2. NXB Đại học Sư phạm, 2015.	2015	
44	Nguyễn Trí (2009), Một số vấn đề dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học, Nxb Giáo dục	2009	
45	Giáo trình "Phương pháp công tác Đội TNTP" dành cho các trường đào tạo giáo viên tiểu học, NXB GD 1993	1993	
46	Đoàn Thị Minh, Nguyễn Quốc Chính, Nguyễn Hữu Lộc, Phạm Công Bằng, Peter J. Gray, Hồ Tấn Nhật (2012), Thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, NXB ĐH quốc gia TP. Hồ Chí Minh.	2015	

4. Khoa Ngữ văn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1.	Nguyễn Phong Nam. Những vấn đề lịch sử và văn chương Triều Nguyễn	1997	
2.	Nguyễn Phong Nam . Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	1997	
3.	Nguyễn Phong Nam . Nguyễn Đình Chiểu từ quan điểm thi pháp học	1998	
4.	Nguyễn Phong Nam . An Introduction to Vietnam and Hue	2001	
5.	Nguyễn Phong Nam . Giáo trình văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX	2002	
6.	Nguyễn Phong Nam, Thuở xưa miền Thuận Quảng	2002	
7.	Nguyễn Hoàng Thân. Tam thiên tự, Bách gia tính, Thần đồng thi, Thiên tự văn (dịch)	2002	
8.	Nguyễn Phong Nam. Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam (tập 2)	2007	
9.	Nguyễn Phong Nam. Đại cương Văn học Việt Nam	2009	
10	Lê Đức Luận . Giáo trình văn học so sánh	2004	
11	Giáo trình Thi pháp văn học dân gian	2004	
12	Nguyễn Hoàng Thân. Sinh viên viết luận văn tốt nghiệp như thế nào (biên dịch)	2004	
13	Nguyễn Hoàng Thân. Sử dụng la bàn (dịch)	2005	
14	Lê Đức Luận. Giáo trình Phong tục, lễ hội Việt Nam	2006	
15	Lê Đức Luận . Cấu trúc ca dao trữ tình người Việt	2009	
16	Nguyễn Hoàng Thân. Tam thập (tiểu luận nghiên cứu)	2010	
17	Đường biên - tập 1 (nghiên cứu và phê bình)	2010	

18	Nguyễn Hoàng Thân . Văn hóa dân gian Đà Nẵng - Cổ truyền và đương đại	2010	
19	Nguyễn Hoàng Thân . Phạm Phú Thứ với Giá Viên toàn tập	2011	
20	Nguyễn Hoàng Thân . Tài liệu học tập chữ Nôm	2011	
21	Nguyễn Phương Khánh. Toni Morrison và tiểu thuyết	2012	
22	Lê Đức Luận. Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa	2012	
23	Nguyễn Hoàng Thân. Văn hóa Đà Nẵng từ những mảnh ghép	2013	
24	Đường biên - tập 2 (phê bình và nghiên cứu)	2013	
25	Bùi Bích Hạnh. Thơ trẻ Việt Nam 1965 - 1975 khuôn mặt cái tôi trữ tình	2015	
26	Lê Đức Luận. Tiếp cận văn học nhà trường theo phương pháp phức hợp	2015	
27	Nguyễn Phong Nam. Truyện truyền kỳ Việt Nam - đặc điểm hình thái, văn hóa & lịch sử	2015	
28	Nguyễn Hoàng Thân. Văn hóa dân gian Đà Nẵng	2015	
29	Ngô Minh Hiền. <i>Nguyễn Tuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường từ văn học đến văn hoá</i>	2017	
30	Lê Đức Luận. Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa. Tập 1	2017	
31	Lê Đức Luận. Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam	2017	
32	Bùi Trọng Ngoãn. Nghiên cứu cách chú thích trong sách giáo khoa Ngữ văn trung học	2017	
33	Bùi Trọng Ngoãn. Tiếp cận tác phẩm thơ ca dưới ánh sáng ngôn ngữ học hiện đại	2017	
34	Trần Văn Sáng. Đặc điểm ngôn ngữ-văn hóa địa danh ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Tây Thừa Thiên Huế	2017	
35	Nguyễn Hoàng Thân. Tìm về đất Quảng. Tập 1	2017	

36	Nguyễn Hoàng Thân. Văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng	2018	

5. Khoa Địa lý

Stt	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo
1	Bùi Hữu Mạnh (2007), <i>Hướng dẫn sử dụng MapInfo Professional Version 7.0</i> , Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.	2007	
2	Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), <i>Giáo dục học tập 1</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội.	1987	
3	Nguyễn Xuân Chi và các tác giả, <i>Vật lý đại cương</i> , tập [1], [2], NXBDH và THCN, 1998.	1998	
4	Phạm Viết Vượng: Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, Nxb ĐHSP, HN, 2003.	2003	
5	Hà Văn Sơn (2012), Nguyên lý thống kê kinh tế, NXB Giáo Dục – TP. Hồ Chí Minh.	2012	
6	Lưu Đức Hải (2001), <i>Cơ sở khoa học môi trường</i> , NXB Đại học QGHN	2001	
7	Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, 300 tình huống giao tiếp sư phạm, Nxb Giáo dục 2008	2008	
8	Nông Quốc Chấn (chủ biên), Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1996.	1996	
9	Hồ Ngọc Đại (2010), <i>Tâm lý học dạy học</i> , NXBGiáo dục Việt Nam	2010	
10	Vũ Cao Đàm. Phương pháp nghiên cứu khoa học. NXB Khoa học kỹ thuật, 2005	2005	
11	Tổng Duy Thanh, <i>Địa chất cơ sở</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2004	2004	
12	Lê Bá Thảo và nnk (1987), <i>Cơ sở Địa lý tự nhiên tập II</i> , NXB GD Hà Nội.	1987	
13	Dobrovoki V.V. (1979), <i>Cơ sở thổ nhưỡng và Địa lý thổ nhưỡng</i> , NXB KH & KT, Hà Nội.	1979	
14	Nguyễn Phi Hạnh, <i>Địa lý tự nhiên các lục địa</i> , tập 1, NXB GD, 2006	2006	
15	Đặng Duy Lợi (chủ biên), <i>Địa lý tự nhiên Việt Nam 1</i> , NXB ĐHSP, 2007	2007	
16	Vũ Tự Lập, <i>Địa lý tự nhiên Việt Nam</i> , NXBGD, 1999	1999	
17	Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên). Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội đại cương, Nxb Đại học sư phạm 2006.	2006	
18	Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức. Địa lí kinh tế- xã hội Việt Nam. Tập I. NXB Giáo dục. Hà Nội, 2002.	2002	
19	Nguyễn Dục, Nguyễn Trọng Phúc, <i>Lí luận dạy học Địa lý</i> , NXBDHSP, 2004	2004	
20	Bùi Thị Hải Yến (2008), <i>Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội thế giới</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội.	2008	

21	Ông Thị Đan Thanh (2009), <i>Địa lý KT-XH Châu Á</i> , Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.	2009	
22	Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Minh Tuệ, <i>Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam</i> , Nxb ĐHSF Hà Nội, 2004.	2004	
23	Vũ Tự Lập, <i>Địa lý tự nhiên Việt Nam</i> , Nxb GD, 1999.	1999	
24	Vũ Cao Đàm. Phương pháp nghiên cứu khoa học. NXB Khoa học kỹ thuật, 2005	2005	
25	Lâm Quang Dốc (2005). <i>Bản đồ học</i> . NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội	2005	
26	Lê Khánh Bằng- Đặng Văn Đức- Lê Khánh Phương Hoa - Dạy học lấy học sinh làm trung tâm. Hà Nội- 1995.	1995	
27	Đặng Văn Đức (chủ biên), <i>Lý luận dạy học Địa lý (cụ thể)</i> , NXB ĐHSF 1997	1997	
28	Nguyễn Dược- Nguyễn Trọng Phúc (2007), <i>Lý luận dạy học Địa lý</i> , Nxb Đại học sư phạm.	2007	
29	Đặng Văn Đức (2005), “ <i>Vẽ biểu đồ bằng Microsoft Excel phục vụ nghiên cứu và giảng dạy Địa lý</i> ”, Đại học sư phạm Hà Nội.	2005	
30	Lâm Quang Dốc, <i>Bản đồ giáo khoa</i> , NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2003	2003	
31	Nguyễn Thị Thán (2009), <i>Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội</i> , NXB Đại học Sư phạm.	2009	
32	Trần Văn Quảng. <i>Trắc địa đại cương</i> , NXB Xây dựng. Hà Nội, 2001	2001	
33	Physical Geology- Charles C.Plummer, The Late David McGeary, Diane H. Carlson- Published by McGraw- Hill- Newyork, 2005.	2005	
34	Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu (2004), <i>Khí hậu và Tài Nguyên khí hậu Việt Nam</i> , Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.	2004	
35	Lê Bá Thảo: <i>PPNC & GD Địa lý địa phương (tập 1)</i> . Hà Nội 1967, 1968	1968	
36	Phạm Thị Xuân Thọ, <i>Địa lý đô thị</i> , NXBGD, 2008	2008	
37	Vũ Tự Lập, <i>Địa lý tự nhiên Việt Nam</i> , NXBGD, 1999	1999	
38	Nguyễn Ngọc Thạch, 2005, <i>Cơ sở viễn thám</i> , NXB Nông nghiệp, Hà Nội.	2005	
39	Nguyễn Văn Âu, 1999, <i>Địa lý tự nhiên Biển Đông</i> , NXB ĐHQG Hà Nội.	1999	
40	Nguyễn Minh Tuệ- Vũ Tuấn Cảnh và ntg, <i>Địa lý du lịch</i> , Nxb.TPHCM, 2010	2010	
41	Giáo trình HÀNH TRÌNH THÀNH NIÊN là giáo trình đào tạo trực tuyến toàn diện về Quyền và Sức khỏe sinh sản, Tình dục cho lứa tuổi sinh viên do Quỹ Dân số Thế giới- Văn phòng Việt Nam và trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng, Nhóm Tin học Xanh phối hợp thực hiện.		
42	Các tài liệu về Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam và thế giới, các phương tiện thông tin và chuyên ngành.Trang web sử dụng cho môn học: Wikipedia, Geography.org		

6. Khoa Toán

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình

	điện tử)		điện tử)
1			
2			

7. Khoa Lịch sử

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo
1	Chủ tịch Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam	2000	
2	Phố cảng Đà Nẵng từ năm 1802 đến năm 1860	2005	
3	TP Hồ Chí Minh hướng về 1000 năm Thăng Long - Hà Nội	2010	
4	Tư tưởng Vô ngã của Phật giáo nguyên thủy và tác dụng của nó đối với xã hội đương đại	2011	
5	Chú giải và mở rộng kiến thức Lịch sử lớp 12	2011	
6	Lịch sử Phong trào Nông dân và Hội Nông dân thành phố Hội An 91930 -2010)	2011	
7	Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân thành phố Hội An (1930 - 2010)	2011	
8	Lễ hội cộng đồng: Truyền thống và biến đổi	2014	
9	Triều Nguyễn với công cuộc bảo vệ biển đảo Tổ quốc thế kỷ XIX	2014	
10	Đà Nẵng chống liên quân Pháp - Tây Ban Nha (1858-1860)	2014	
11	Tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ Tu ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế	2014	
12	Lịch sử Công an Nhân dân thành phố Hội An (1945-2010)	2015	
13	Lịch sử trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng (1975 - 2015)	2015	
14	Bình Định với chữ Quốc ngữ	2016	
15	Đặc khu Quảng Đà trung dũng kiên cường (1967 - 1975)	2017	
16	Chữ Quốc ngữ từ Nước Mặn đến Làng Sông - Kỉ niệm 400 chữ Quốc ngữ	2018	

8. Khoa Tâm lý giáo dục

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình Công tác xã hội với bệnh viện	2019	2018 -2019
2			

9. Khoa Hóa học

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Hóa học đại cương	2007	Sách
2	Cơ sở Hoá học Hữu cơ	2007	Sách, tái bản
3	Đại cương hóa hữu cơ	2009	Sách
4	Hóa hữu cơ hydrocacbon	2009	Sách
5	Đại cương hóa hữu cơ	2009	Sách
6	Hợp chất hữu cơ hydrocacbon	2009	Sách
7	Hoá học các hợp chất màu hữu cơ	1995	Giáo trình
8	Lý thuyết Hoá hữu cơ	1996	Giáo trình
9	Hoá học các hợp chất màu mùi thực phẩm	1997	Giáo trình
10	Tổng hợp hữu cơ	1998	Giáo trình
11	Hóa đại cương	2017	Giáo trình
12	Hóa lượng tử	2015	Giáo trình
13	Điện hóa học	2015	Giáo trình

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

1 Khoa Giáo dục mầm non

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Đại học	-Biện pháp phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ 5 - 6 tuổi qua trò chơi đóng kịch	Trần Thị Huyền Linh	Nguyễn Thị Diệu Hà	Xây dựng cơ sở lý luận về khả năng sáng tạo của trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng kịch. Nghiên cứu thực trạng. Xây dựng biện pháp tác động nhằm phát triển khả năng sáng tạo cho trẻ và thực nghiệm sư phạm.
		-Sử dụng yếu tố dân gian trong thiết kế trò chơi học tập nhằm hình thành biểu tượng toán học cho trẻ 5-6 tuổi	Ngô Thị Tô Quỳnh	Nguyễn Thị Triều Tiên	Xây dựng cơ sở lý luận về trò chơi toán học cho trẻ. Thiết kế, thực nghiệm. Xây dựng hệ thống các trò chơi hình thành các biểu tượng toán
		-Biện pháp phát triển	Thái Thị Minh Hiền		Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài. Điều tra thực trạng phát triển tình cảm đạo đức cho trẻ 5-6 tuổi thông qua truyện

		ình cảm đạo đức cho trẻ 5 – 6 tuổi thông qua việc cho trẻ làm quen với truyện cổ tích	Hứa Lê Thiên Trang	Hà	cổ tích. Đề xuất biện pháp và thực nghiệm tác động.
		-Biện pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động tạo hình ở trường mầm non	Nguyễn Thị Lan Vy	Mai Thị Cẩm Nhung	Cơ sở lý luận về giáo dục thẩm mỹ cho trẻ trong hoạt động nghệ thuật tạo hình. Tìm hiểu thực trạng. Đề xuất và thực nghiệm các biện pháp giáo dục.
		-Phát triển khả năng sáng tạo của trẻ 5 – 6 tuổi thông qua hoạt động vẽ ở trường	Hoàng Thị Phương Thảo	Bùi Việt Phú	Nghiên cứu cơ sở lý luận về khả năng sáng tạo của trẻ . Thực trạng khả năng sáng tạo của trẻ 5-6 tuổi trong hoạt động vẽ. Xây dựng biện pháp giáo dục và thực nghiệm sư phạm.
				Bùi Việt Phú	Cơ sở lý luận về hứng thú của trẻ 24-36 tháng. Thực trạng hứng thú của trẻ trong hoạt động với đồ

		mầm non Biện pháp phát triển hứng thú cho trẻ 24-36 tháng tuổi trong hoạt động với đồ vật tại một số trường mầm non tại Đà Nẵng Nghiên cứu về phương pháp stem trong giáo dục mầm non	Nguy Như Mỹ Duyên	Phan Thị Nga	vật. Xây dựng biện pháp và thực nghiệm. Lý luận về phương pháp stem trong giáo dục. Thực trạng và cách vận dụng phương pháp này trong giáo dục mầm non.

2. Khoa Sinh Môi trường

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Đánh giá chất lượng các nguồn	Võ Văn An	TS. Kiều Thị Kính	

		nước phục vụ nhu cầu cấp nước tại thành phố Đà Nẵng, tầm nhìn đến năm 2040			
2	Đại học	Nghiên cứu thay đổi thành phần chất thải rắn phát sinh tại hộ gia đình và đề xuất mô hình không chất thải (Zero waste) tại thành phố Đà Nẵng	Lê Thị Bích Hường	TS. Kiều Thị Kính	
3	Đại học	Điều tra nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường biển tại Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Hồ Huy Hiếu	TS. Chu Mạnh Trinh	
4	Đại học	Sử dụng bèo hoa dâu (<i>Azolla caroliniana</i> Willd., 1810) đánh giá rủi ro độc học sinh thái đối với nước thải tại tỉnh Quảng Nam	Phạm Thị Diệu Phương	ThS. Nguyễn Văn Khánh	
5	Đại học	Nghiên cứu mô hình nhân sinh khối <i>Moina micrura</i> Kurz (Zooplankton: Cladocera) để làm thức ăn cho các loài thủy sản	Bùi Thanh Phi	TS. Trịnh Đăng Mậu	
6	Đại học	Thử nghiệm độc học sinh thái của một số loại thuốc	Phan Vũ Thu Hiền	ThS. Nguyễn Văn Khánh	

		trừ sâu trên loài giun Quế (<i>Perionyx excavatus</i> Perrier., 1872) theo quy trình của OECD			
7	Đại học	Nghiên cứu nhân rộng sản xuất phân compost quy mô hộ gia đình tại Thành Phố Đà Nẵng	Lưu Thị Kim Oanh	TS. Kiều Thị Kính	
8	Đại học	Nghiên cứu đa dạng sinh học loài cá tại rừng dừa nước, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Hoàng Minh Thiện	ThS. Nguyễn Văn Khánh	
9	Đại học	Nghiên cứu nhân sinh khối vi tảo <i>Haematococcus pluvialis</i> và cảm ứng tổng hợp astaxanthin	Nguyễn Phước Kha	Trịnh Đăng Mậu	
10	Đại học	Nghiên cứu sự tích lũy Chì (Pb), Cadimi (Cd) trong loài Hàu sông (<i>Ostrea rivularis</i> Gould) tại Vịnh Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi,	Lê Trọng Hoài	ThS. Nguyễn Văn Khánh	
11	Đại học	Nghiên cứu sử dụng bèo tấm (<i>Lemna minor</i> Linnaeus, 1753) đánh giá độc học sinh thái đối với các loại nước thải	Nguyễn Thị Xuân Phương	ThS. Nguyễn Văn Khánh	

		tại tỉnh Quảng Nam			
12	Đại học	Nghiên cứu một số tập tính loài Cu li nhỏ (<i>Nycticebus pygmaeus</i>) tại khu vực phía Nam Vườn Quốc Gia Kon Ka Kinh - tỉnh Gia Lai	Nguyễn Kim Thông	ThS. Nguyễn Ái Tâm	
13	Đại học	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Lương Thị Kim Kiều	TS. Kiều Thị Kính	
14	Đại học	Nghiên cứu mật độ, vùng phân bố và đề xuất một số giải pháp bảo tồn loài Cu li nhỏ (<i>Nycticebus pygmaeus</i>) tại khu vực phía Nam Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai	Nguyễn Văn Mậu	ThS. Nguyễn Ái Tâm	
15	Đại học	Nguyên cứu đa dạng khu hệ thú tại một số tiểu khu phía Nam vườn Quốc gia Kon Ka Kinh tỉnh Gia Lai bằng thiết bị bẫy ảnh	Thân Trùng Phong	ThS. Trần Hữu Vỹ	
16	Đại học	Nghiên cứu tác động thành phần loài và đánh giá mức độ xâm nhập của các loài cá	Nguyễn Thành Trung	ThS. Nguyễn Văn Khánh	

		ngoại lai trong một số hệ sinh thái sông hồ của thành phố Đà Nẵng			
17	Đại học	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài Lương Cừ tại khu vực Buôn Lúoi, xã Sơ Pai, huyện KBang, tỉnh Gia Lai	Trương Tấn Tiệp	TS. Phan Thị Hoa	
18	Đại học	Sử dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong dạy học kiến thức “Chuyển hóa vật chất – năng lượng” và “Cảm ứng” – Sinh học 11 – THPT	Đỗ Thị Thanh Thảo	TS. Trương Thị Thanh Mai	
19	Đại học	Thiết kế một số thí nghiệm để dạy học kiến thức phần Hóa sinh – Sinh học THPT	Ngô Thị Vân Hồng	ThS. Ngô Hoàng Vân	
20	Đại học	Xây dựng câu hỏi, bài tập đánh giá năng lực giải quyết vấn đề trong phần Vi sinh vật - Sinh học 10 - THPT	Hồ Thảo Nhi	TS. Trương Thị Thanh Mai	
21	Đại học	Đánh giá giá trị của rừng ngập mặn vùng hạ lưu sông Thu Bồn	Trần Thị Thu Hà	ThS. Nguyễn Thị Tường Vi	
22	Đại học	Nghiên cứu tác dụng kháng viêm của dịch chiết từ lá cây Sa kê	Nguyễn Thị Thanh Trinh	ThS. Nguyễn Công Thùy Trâm	

		(Artocarpus altilis) trên mô hình chuột nhắt trắng (Mus musculus Var.Albino) gây viêm bằng carrageenin			
23	Đại học	“Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn khoa học tự nhiên –THCS”	Đoàn Thị Nhung	TS. Trương Thị Thanh Mai	
24	Đại học	Nghiên cứu thành phần loài và kích thước khai thác một số đối tượng cá chủ yếu của nghề lờ xếp ở xã Cẩm Thanh, Hội An	Lê Thị Thanh Thảo	ThS.Nguyễn Thị Tường Vi	
25	Đại học	Nghiên cứu thành phần loài và kích thước khai thác một số đối tượng cá chủ yếu của nghề rờ ở xã Cẩm Thanh, Hội An.	Nguyễn Thị Thu Hà	ThS.Nguyễn Thị Tường	
26	Đại học	Xây dựng và sử dụng bài tập thực nghiệm trong dạy học kiến thức chương II: Cảm ứng – Sinh học 11 cơ bản – Trung học phổ thông	Huỳnh Anh Thư	TS. Trương Thị Thanh Mai	
27	Đại học	Xây dựng và sử dụng câu hỏi PISA trong học chủ đề “Di truyền và biến dị” -	Tăng Thị Xuân Tuyền	TS. Trương Thị Thanh Mai	

		THCS			
28	Đại học	Xây dựng bộ mẫu vật thành phần loài cá có kích thước nhỏ dưới 30 cm tauh vùng biển ven bờ Đà Nẵng	Hoàng Thị Mai	ThS.Nguyễn Thị Tường	
29	Đại học	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong giáo dục môi trường và phòng chống rủi ro thiên tai ở bậc THCS	Dương Thị Thu Hiền	TS. Trương Thị Thanh Mai	
30	Đại học	Thiết kế và sử dụng hoạt động trải nghiệm tìm hiểu Thành phố Đà Nẵng trong dạy học Sinh học - THPT	Vũ Thị Xuân Thu	ThS. Ngô Hoàng Vân	
31	Đại học	Nghiên cứu tính đa dạng di truyền của cây Ba kích (<i>Morinda officinalis</i> How.) tại Quảng Nam-Đà Nẵng Bằng Chỉ thị phân tử RAPD	Lê Hoàng Khản	TS. Nguyễn Minh Lý	
32	Đại học	Nghiên cứu phân lập, tuyển chọn và tạo chế phẩm từ vi sinh vật sinh phytase tại một số vùng đất thuộc địa bàn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng	Lê Trần Diệu Linh	PGS. TS. Đỗ Thu Hà	

33	Đại học	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống cây phúc bồn tử (<i>Rubus idaeus</i>) bằng phương pháp pháp nuôi cấy in vitro	Nguyễn Thị Nhung	TS. Võ Châu Tuấn	
34	Đại học	Đánh giá tính đa dạng di truyền của các chủng vi khuẩn <i>Ralstonia Solanacearum</i> SMITH gây bệnh héo xanh tại Đà Nẵng bằng Chỉ thị phân tử	Nguyễn Tấn Phát	TS. Nguyễn Minh Lý	
35	Đại học	Nghiên cứu tách chiết beta- glucan bằng phương pháp sinh học từ bã men bia tại nhà máy Heineken Đà Nẵng	Nguyễn Thị Thảo	ThS. Lê Vũ Khánh Trang	
36	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của ánh sáng lên sự sinh trưởng và khả năng sinh tổng hợp protein trên tảo <i>Spirulina Platensis</i>	Nguyễn Thị Phước Trâm	TS. Phạm Thị Mỹ	
37	Đại học	Nghiên cứu phân lập và tuyển chọn các chủng vi sinh vật từ gỗ trầm và ứng dụng trồng nấm sò tím	Phan Thị Huyền Trang	ThS. Nguyễn Thị Bích Hằng	
38	Đại học	Nghiên cứu phân lập và tuyển chọn một số chủng vi khuẩn	Đặng Thị Mỹ Triều	TS. Phạm Thị Mỹ	

		Methylobacterium sp. từ diệp quyền			
39	Đại học	Nghiên cứu tính đa dạng di truyền của cây Ba kích (<i>Morinda officinalis</i> How.) tại Quảng Nam- Đà Nẵng Bằng Chỉ thị phân tử ISSR	Nguyễn Ngọc Quỳnh	TS. Nguyễn Minh Lý	
40	Đại học	Nghiên cứu tối ưu hóa môi trường nuôi tảo <i>Spirulina platensis</i>	Phạm Thị Bích Luyến	TS. Phạm Thị Mỹ	
41	Đại học	Nghiên cứu nhân giống cây chuối đỏ Dacca (<i>Musa acuminata</i>) bằng kỹ thuật nuôi cấy in vitro.	Nguyễn Thị Ngọc Thương	TS. Võ Châu Tuấn	
42	Đại học	Nghiên cứu quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phân chim cút tại Thành phố Đà Nẵng	Huỳnh Thanh Nhàn	ThS. Lê Vũ Khánh Trang	
43	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến sự phát sinh callus từ bao phân dưa chuột (<i>Cucumis sativus</i> L.)	Nguyễn Thị Vượng	TS. Nguyễn Minh Lý	

3. Khoa giáo dục mầm non

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt

1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	Đại học	GDTH	32 SV K13, 32SV K14	GV Khoa GDTH	

4. Khoa Ngữ văn

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ	1.1.Chuyên ngành Văn học Việt Nam			
		- Tác phẩm của Nguyễn Văn Xuân từ điểm nhìn Văn hóa học	Vũ Đình Anh	PGS.TS. Nguyễn Phong Nam	
		- - Khuynh hướng hiện sinh trong thơ Việt Nam sau 1986	Trần Hải Dương	TS. Bùi Bích Hạnh	
		- Tư duy nghệ thuật truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985	Hoàng Thị Khánh Ly	PGS.TS. Hồ Thế Hà	
		- Tác phẩm văn chương của Tản Đà từ góc nhìn liên văn hóa	Lê Thanh Sơn	PGS.TS. Nguyễn Phong Nam	
		1.2. Chuyên ngành ngôn ngữ học			
		- Đặc điểm ngôn ngữ thể loại điều tra trên báo địa phương ở Đà Nẵng	Phạm Ngọc Đoan	PGS.TS. Lê Đức Luận	
		- Ngôn ngữ đánh giá trong các bài học tiếng Anh ở trường phổ thông dưới góc độ ngữ pháp chức năng hệ thống	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	PGS.TS. Trương Thị Nhàn	
		- Đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa từ vựng Phương ngữ Quảng Nam- Đà Nẵng	Lê Sao Mai	PGS.TS. Trần Văn Sáng	
		- Nghiên cứu đối sánh từ đa nghĩa, cum từ cố định có thành tố “ăn” trong Tiếng Việt và thành tố “mok-ta” trong tiếng Hán	Hoàng Phan Thanh Nga	PGS.TS. Phan Văn Hòa	

		- Đặc điểm ngôn ngữ của “Trường thơ loạn” Bình Định	Nguyễn Văn Pháp	PGS.TS. Bùi Trọng Ngỗn	
2	Thạc sĩ	2.1 Chuyên ngành Văn học Việt Nam			
		- Tiểu thuyết "Sông" của Nguyễn Ngọc Tư từ nhãn quan văn hóa	Trần Thị Cẩm	TS. Bùi Bích Hạnh	
		- Văn xuôi Sương Nguyệt Minh từ góc nhìn phê bình sinh thái	Nguyễn Thị Anh Đào	TS. Lê Thị Hương	
		Thơ Nguyễn Bình Phương từ góc nhìn liên văn bản	Đặng Thị Thanh Hương	TS Bùi Bích Hạnh	
		- Tính đối thoại trong kí Vũ Bằng	Bùi Thị Thanh Minh	TS. Nguyễn Thanh Trường	
		- Tiểu thuyết Nguyễn Đình Chính từ góc nhìn liên văn bản	Võ Thị Ni Na	TS. Ngô Minh Hiền	
		- Đặc điểm nghệ thuật tiểu thuyết Trần Dần	Lê Đình Thảo Nguyên	TS. Ngô Minh Hiền	
		- Nghệ thuật trần thuật trong truyện của Nguyễn Thị Thụy Vũ	Trần Thị Thu Phương	TS. Nguyễn Thanh Trường	
		- Đặc điểm thơ Nguyễn Vỹ	Đào Văn Quang	PGS. TS. Nguyễn Phong Nam	
		- Tâm thức hậu hiện đại trong tiểu thuyết LinDa Lê	Nguyễn Thị Thục Quyên	TS. Ngô Minh Hiền	
		- Đặc điểm truyện trinh thám Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX	Trần Thị Thanh Thảo	PGS. TS. Nguyễn Phong Nam	
		- Đặc điểm thơ Phạm Phú Thứ trong "Giá Viên thi thảo"	Đỗ Phước Toàn	PGS. TS. Nguyễn Phong Nam	
		- Tư duy nghệ thuật trong "Khúc bi tráng cuối cùng" và "Mưa đỏ" của Chu Lai	Lê Thị Tư	TS. Nguyễn Thanh Trường	
		- Tâm thức hiện sinh trong “Kẻ xong rồi đi” của Nguyễn Bình Phương	Trang Huyền Trinh	TS. Bùi Bích Hạnh	
		2.2. Chuyên ngành Ngôn ngữ học			

		- Những từ ngữ biểu thị người phụ nữ trong văn học Trung đại Việt Nam	Nguyễn Thị Vân Anh	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		- Đặc điểm ngôn ngữ tiêu đề báo in Đà Nẵng	Nguyễn Thị Xuân Duyên	TS. Trần Văn Sáng	
		- Sự tiếp xúc tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt của cộng đồng nhân viên du lịch tại Đà Nẵng	Phạm Nguyễn Đăng Luân	PGS. TS. Dương Quốc Cường	
		- Khảo sát lỗi chính tả của học sinh lớp 3 các trường tiểu học huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	Nguyễn Thị Ngân	PGS.TS Nguyễn Ngọc Chinh	
		- Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của hệ thuật ngữ khoa học giáo dục tiếng Việt	Trương Thị Thanh	TS. Trần Văn Sáng	
		- Nghĩa hình thái của phó từ đứng sau trong ngữ đoạn vị từ tiếng Việt và cách chuyển dịch sang tiếng Anh	Châu Văn Thủy	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		- Đặc điểm ngôn ngữ giao tiếp của sinh viên (khảo sát ở Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN)	Lê Thị Trang	PGS. TS. Trương Thị Nhân	
		- Ấn dụ tri nhận trong thơ Nguyễn Khoa Điềm	Trần Nguyễn Thùy Trang	TS. Trần Văn Sáng	
		- Từ ngữ Phật giáo trong văn học dân gian người Việt	Nguyễn Hoàng Phương Trinh	PGS. TS. Dương Quốc Cường	
		- Đặc điểm liên kết văn bản bài báo bình luận trên báo in Đà Nẵng	Đoàn Sơn Trung	PGS. TS. Lê Đức Luận	
3	Đại học	Motif kiểu nhân vật thiện trong truyện cổ tích	Châu Thị Đào	PGS.TS. Lê Đức Luận	
		Dấu ấn hậu hiện đại trong "Hôm sau" của Mai Văn Phấn nhìn từ cái Tôi trữ tình	Thiều Thị Thùy Linh	TS. Ngô Minh Hiền	
		Motif biểu thị không gian và thời gian trong truyện cổ tích Việt Nam	Võ Đình Trung	PGS.TS. Lê Đức Luận	
		Đặc điểm truyện ngắn Trần Thùy Mai (Khảo sát qua hai tập truyện "Một mình ở Tokyo" và Onkel yêu dấu)	Đinh Lê Thúy Hằng	ThS. Phạm Thị Thu Hương	

		Nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết "Giữa lòng tăm tối" của Joseph Conrad	Đàm Dương Phương Loan	TS. Nguyễn Thanh Trường	
		Mã huyền thoại trong tiểu thuyết "Nhà giả kim" của Paulo Coelho	Nguyễn Phương Ngân	TS. Nguyễn Thanh Trường	
		Tiểu thuyết của Thuận và Đoàn Minh Phượng từ góc nhìn phân tâm học	Hoàng Thị Thanh Phương	TS. Nguyễn Thanh Trường	
		Tiểu thuyết Cormac Mc Carthy từ góc nhìn phê bình sinh thái	Thái Trung Tín	ThS. Phạm Thị Thu Hương	
		Nghệ thuật trần thuật trong tiểu thuyết "Mưa đỏ" của Chu Lai	Nguyễn Thị Thuận	TS. Nguyễn Thanh Trường	
		Cá tính sáng tạo trong tiểu thuyết Nguyễn Quỳnh Trang (khảo sát qua "1981" và "mất kí ức")	Nguyễn Thị Trang	TS. Nguyễn Thanh Trường	
		Đặc điểm truyện trinh thám Higashino Keigo	Nguyễn Lê Phương Trình	TS. Nguyễn Phương Khánh	
		Thế giới nghệ thuật trong truyện ngắn của Alice Munro	Phạm Thị Bích Vân	ThS. Phạm Thị Thu Hương	
		Khảo sát nghĩa hàm ẩn qua lối nói vòng trong một số tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư	Nguyễn Thị Bích Diễm	ThS. Hồ Trần Ngọc Oanh	
		Ngữ cố định trong tác phẩm "Hồ Quý Ly" của Nguyễn Xuân Khánh	Nguyễn Thị Hồng	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		Ẩn dụ tu từ trong câu văn Nguyễn Việt Hà (Khảo sát qua "Cơ hội của Chúa")	Nguyệt Thị Nhật Lệ	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		Khảo sát lớp từ hội thoại trong tiểu thuyết "Chuyện ngõ nghèo" của Nguyễn Xuân Khánh	Trương Thị Liên	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		Cú pháp khẩu ngữ Nam Bộ trong văn chương Nguyễn Ngọc Tư (khảo sát tập truyện ngắn Đảo)	Nguyễn Thị Thùy Linh	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		Từ nghề nghiệp và từ lóng trong phóng sự "Cạm bẫy người"; "Kỹ nghệ lầy Tây"; "Lục xì" của Vũ Trọng Phụng	Phạm Thị Bích Ngọc	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		So sánh tu từ trong "Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi" của Lưu Quang Vũ	Nguyễn Thị Kiều Nhung	TS. Bùi Trọng Ngoãn	

		Các biểu thức đồng chiếu vật về người trí thức trong tiểu thuyết "Sống mòn" của Nam Cao	Hoàng Thị Kiều Oanh	PGS.TS. Trần Văn Sáng	
		Khảo sát câu đơn trong tiểu thuyết "Cõi người rung chuông tận thế" của Hồ Anh Thái từ bình diện cấu trúc thông tin	Nguyễn Thị Sen	PGS.TS: Trần Văn Sáng	
		Vận dụng chiến thuật đọc hiểu để phát triển năng lực đọc hiểu tác phẩm văn học cho học sinh	Phạm Thị Ánh Tuyết	ThS. Hồ Trần Ngọc Oanh	
		Phương ngữ Bắc Bộ trong văn chương Kim Lân	Trần Thị Thảo	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày trong văn bản nghệ thuật tự sự (Khảo sát qua trường hợp truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp)	Hoàng Thị Thanh Thúy	TS. Bùi Trọng Ngoãn	
		Từ ngữ biểu thị vấn đề văn hóa xã hội trên báo Đà Nẵng	Trương Thị Hoài Thương	PGS.TS. Lê Đức Luận	
		Cấu trúc câu văn trong tập truyện "Khi người ta trẻ" của Phan Thị Vàng Anh dưới góc nhìn ngữ pháp chức năng	Nguyễn Thị Phương Trâm	ThS. Hồ Trần Ngọc Oanh	
		Đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa của địa danh huyện Tây Giang - Quảng Nam	Đỗ Thế Vạn	ThS. Hồ Trần Ngọc Oanh	
		Quán ngữ tình thái trong tiểu thuyết "Sống mòn" của Nam Cao	Nguyễn Tường Vi	TS. Bùi Trọng Ngoãn	

5. Khoa Địa lý

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Người thực hiện	Người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Sử dụng phối hợp các phương tiện trong dạy học địa lí lớp 10 trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực	Đinh Thị Ngọc Diễm	Đậu Thị Hòa	Đề tài nghiên cứu cách thức sử dụng phối hợp các phương tiện trong dạy học địa lí lớp 10 trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực
2	Đại học	Xây dựng và sử dụng bài giảng E-learning trong dạy học Địa lí 11 THPT	Đinh Lâm Quốc Dũng	Nguyễn Văn Thái	Đề tài nghiên cứu quy trình và biện pháp xây dựng và sử dụng bài giảng E-learning trong dạy

					học Địa lí 11 THPT
3	Đại học	Sử dụng phương pháp dạy học theo hợp đồng vào dạy học địa lí lớp 11 trung học phổ thông	Lê Thị Thùy Duyên	Hồ Phong	Nghiên cứu cách thức sử dụng phương pháp dạy học theo hợp đồng vào dạy học địa lí lớp 11 trung học phổ thông
4	Đại học	Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn huyện Đại Lộc	Nguyễn Duy Hùng	Đậu Thị Hòa	Nghiên cứu tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn huyện Đại Lộc
5	Đại học	Xây dựng và sử dụng bài giảng E-learning trong dạy học Địa lí địa phương thành phố Đà Nẵng	Văn Công Thy Minh Huyền	Nguyễn Văn Thái	Nghiên cứu xây dựng và sử dụng bài giảng E-learning trong dạy học Địa lí địa phương thành phố Đà Nẵng
6	Đại học	Ứng dụng Webquest trong tổ chức dạy học ngoại khoá môn Địa Lí lớp 10,11,12 trung học phổ thông	Phạm Văn Khánh	Đậu Thị Hòa	Nghiên cứu ứng dụng Webquest trong tổ chức dạy học ngoại khoá môn Địa Lí lớp 10, 11, 12 THPT
7	Đại học	Tổ chức dạy học tích hợp trong dạy học địa lí lớp 10 theo hướng phát triển năng lực	Lê Đỗ Hạnh Nhi	Đậu Thị Hòa	Nghiên cứu biện pháp tổ chức dạy học tích hợp trong dạy học địa lí lớp 10 theo hướng phát triển năng lực
8	Đại học	Sử dụng phương pháp dạy học theo góc vào dạy học địa lí lớp 11 THPT nhằm nâng cao hiệu quả dạy học	Nguyễn Văn Thái	Hồ Phong	Nghiên cứu quy trình tổ chức dạy học tích hợp trong dạy học địa lí lớp 10 theo hướng phát triển năng lực
9	Đại học	Tổ chức hoạt động ngoại khóa trong dạy học Địa Lí lớp 10 ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực	Phan Thị Thanh Thơ	Đậu Thị Hòa	Nghiên cứu quy trình và biện pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa trong dạy học Địa Lí lớp 10 ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực
10	Đại học	Rèn luyện kỹ năng sử dụng atlas địa lí Việt Nam trong dạy học địa lí lớp 12 THPT theo hướng phát triển năng lực	Đào Lê Quế Thúy	Hồ Phong	Nghiên cứu biện pháp rèn luyện kỹ năng sử dụng atlas địa lí Việt Nam trong dạy học địa lí lớp 12 THPT theo hướng phát triển năng lực
11	Đại học	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh trong dạy học địa lí 11 ở trường THPT	Phạm Thị Thanh Thúy	Nguyễn Văn Thái	Nghiên cứu biện pháp phát triển năng lực hợp tác cho học sinh trong dạy học địa lí 11 ở trường THPT
12	Đại học	Kết hợp phương pháp thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học và phương pháp dạy học khác trong dạy học địa lí lớp 10 trung học phổ thông	Nguyễn Thị Trang	Đậu Thị Hòa	Nghiên cứu cách thức kết hợp phương pháp thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học và phương pháp dạy học khác trong dạy học địa lí lớp 10 trung học phổ thông
13	Đại học	Sử dụng phương pháp dự án trong dạy học	Y Lan Ni Ya	Đậu Thị	Nghiên cứu cách thức sử dụng

		địa lí lớp 11 THPT		Hòa	phương pháp dự án trong dạy học địa lí lớp 11 THPT
	Đại học	Nghiên cứu tình hình khai thác đá tại mỏ đá Phú Mỹ Hòa, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng và các tác động của nó đến đời sống, sản xuất, môi trường ở địa phương	Nguyễn Văn Thiện	Hồ Phong	Nghiên cứu tình hình khai thác đá tại mỏ đá Phú Mỹ Hòa, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng và các tác động của nó đến đời sống, sản xuất, môi trường ở địa phương
14	Đại học	Đánh giá tiềm năng du lịch biển Thành phố Đà Nẵng để phục vụ phát triển du lịch miền Trung	Bùi Quang Huy	Hồ Phong	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng du lịch biển Thành phố Đà Nẵng để phục vụ phát triển du lịch miền Trung
15	Đại học	Đánh giá tiềm năng tài nguyên du lịch nhân văn phục vụ phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị	Trần Thị Lễ	Đậu Thị Hòa	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng tài nguyên du lịch nhân văn phục vụ phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị
16	Đại học	Sử dụng Webquest để tổ chức dạy học theo dự án trong môn Địa lí 11 THPT	Phạm Thị Thanh Dung	Nguyễn Văn Thái	Nghiên cứu biện pháp sử dụng Webquest để tổ chức dạy học theo dự án trong môn Địa lí 11 THPT
17	Đại học	Phương pháp sử dụng kênh hình trong dạy học Địa lí 11 THPT phần địa lý khu vực và quốc gia theo định hướng phát triển năng lực học sinh	Lê Thị Hồng Hạnh	Đậu Thị Hòa	Nghiên cứu đề xuất phương pháp sử dụng kênh hình trong dạy học Địa lí 11 THPT phần địa lý khu vực và quốc gia theo định hướng phát triển năng lực học sinh
18	Đại học	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học ngoài giờ phân địa lý tự nhiên môn địa lý 10 THPT	Nguyễn Hải My	Đậu Thị Hòa	Nghiên cứu cách thức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học ngoài giờ phân địa lý tự nhiên môn địa lý 10 THPT
19	Đại học	Phương pháp rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ cho học sinh trong dạy học địa lý 11 ở trường THPT	Trương Thị Trà My	Hồ Phong	Nghiên cứu phương pháp rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ cho học sinh trong dạy học địa lý 11 ở trường THPT
20	Đại học	Nghiên cứu hoạt động du lịch ở huyện đảo Lý Sơn- tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất một số giải pháp	Nguyễn Thị Hồng Phi	Hồ Phong	Nghiên cứu thực trạng hoạt động du lịch ở huyện đảo Lý Sơn- tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất một số giải pháp

6. Khoa Toán

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ	Ứng dụng số phức để giải một số lớp bài toán sơ cấp	Nguyễn Thị Linh	TS. Lương Quốc Tuyển	Ứng dụng số phức để giải một số lớp bài toán sơ cấp
		Không gian với cs^* -mạng chính quy theo điểm và bài toán của Shou Lin	Huỳnh Quang Tâm	TS. Lương Quốc Tuyển	Không gian với cs^* -mạng chính quy theo điểm và bài toán của Shou Lin
		Không gian sn-đối xứng với cs -mạng đếm được	Đinh Thị Phụng	TS. Lương Quốc Tuyển	Không gian sn-đối xứng với cs -mạng đếm được
		Phương pháp tọa độ trong giải toán trung học phổ thông	Tiêu Thị Hồng Thủy	TS. Lương Quốc Tuyển	Phương pháp tọa độ trong giải toán trung học phổ thông
		Một số phương pháp giải toán hình học không gian	Võ Trung Hiếu	TS. Lương Quốc Tuyển	Một số phương pháp giải toán hình học không gian
		Hệ động lực học dạng phương trình sai phân cấp một	Võ Thị Ni Na	TS. Lê Hải Trung	Hệ động lực học dạng phương trình sai phân cấp một
		Phương pháp chỉnh hóa bởi hàm lọc cho bài toán ngược đặt không chỉnh	Nguyễn Thị Quý Hiếu	TS. Phạm Quý Mười	Phương pháp chỉnh hóa bởi hàm lọc cho bài toán ngược đặt không chỉnh
3	Đại học	Tính chất k -Fréchet của không gian cầu trường được	Trần Lê Thương	TS. Lương Quốc Tuyển	Tính chất k -Fréchet của không gian cầu trường được
		Không gian với họ HCP	Võ Thị Anh Thư	TS. Lương Quốc Tuyển	Không gian với họ HCP
		Chuỗi số và sự hội tụ phân kỳ của chuỗi số	Nguyễn Thị Thanh Thu	TS. Lê Hoàng Trí	Chuỗi số và sự hội tụ phân kỳ của chuỗi số

	Một số ứng dụng của thặng dư và phép biến đổi Laplace	Trần Thị Vy	TS. Hoàng Nhật Quy	Một số ứng dụng của thặng dư và phép biến đổi Laplace
	Nâng cao năng lực thiết kế bài giảng điện tử cho sinh viên ngành sư phạm Toán qua dạy học các kiến thức hình học không gian lớp 11	Lê Thị Diệu Thảo	Th.S Ngô Thị Bích Thủy	Nâng cao năng lực thiết kế bài giảng điện tử cho sinh viên ngành sư phạm Toán qua dạy học các kiến thức hình học không gian lớp 11

7. Khoa Lịch sử

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	Đại học	Chính sách khai thác khoáng sản dưới triều Nguyễn (1802 - 1883)	Nguyễn Thị Thủy	TS. Trương Anh Thuận	Chính sách khai thác khoáng sản dưới triều Nguyễn (1802 - 1883)
		Chính sách cấm thuốc phiện dưới triều Nguyễn (1802-1883) (SV) Chính sách phòng chống thuốc phiện dưới triều Nguyễn (1802-1883) (GV)	Huỳnh Thị Vinh	TS. Trương Anh Thuận	Chính sách cấm thuốc phiện dưới triều Nguyễn (1802-1883) (SV) Chính sách phòng chống thuốc phiện dưới triều Nguyễn (1802-1883) (GV)
		Vùng đất Tây Nguyên giai đoạn 1858-1954	Ngô Thị Quỳnh Chi	TS. Trương Anh Thuận	Vùng đất Tây Nguyên giai đoạn 1858-1954
		Chính sách tha giảm thuế của triều Nguyễn	Phạm Thị Thu Dung	Trương Anh Thuận	Chính sách tha giảm thuế của triều Nguyễn
		Chính sách quản lí lúa gạo của triều Nguyễn (1802-1883) (GV) Làng xã Việt Nam dưới thời Minh mệnh (SV)	Phan Thị Thùy Trang	TS. Trương Anh Thuận	Chính sách quản lí lúa gạo của triều Nguyễn (1802-1883) (GV) Làng xã Việt Nam dưới thời Minh mệnh (SV)
		Bệnh dịch dưới triều Nguyễn (1802 - 1883) và biện pháp giải quyết (GV) Những người lính thợ An Nam và sự tàn độc của TD Pháp với nhân dân Việt Nam (1858-1883) (SV)	Nguyễn Thị Nhị Hạnh	TS. Trương Anh Thuận	Bệnh dịch dưới triều Nguyễn (1802 - 1883) và biện pháp giải quyết (GV) Những người lính thợ An Nam và sự tàn độc của TD Pháp với nhân dân Việt Nam (1858-1883) (SV)
		Chủ quyền biển đảo miền Trung thời Cận đại (1858 - 1945)	Trương Vĩnh Duy	TS. Nguyễn Duy	Chủ quyền biển đảo miền Trung thời Cận đại (1858 - 1945)

				Phương	
		Làng nghề truyền thống nước mắm Nam ô trong quá trình đô thị hóa	Hoàng Ngọc Hải	TS. Nguyễn Duy Phương	Làng nghề truyền thống nước mắm Nam ô trong quá trình đô thị hóa
		Ngư nghiệp Nam Trung bộ thế kỉ XVII - XIX	Nguyễn Thị Thúy	TS. Nguyễn Duy Phương	Ngư nghiệp Nam Trung bộ thế kỉ XVII – XIX
		Thành phố Hội An thời Pháp thuộc (1884 -1945)	Nguyễn Duy Quý	TS. Nguyễn Duy Phương	Thành phố Hội An thời Pháp thuộc (1884 -1945)
		Phát triển năng lực thực hành cho học sinh trong dạy học lịch sử Việt Nam giai đoạn 1858 đến cuối thế kỷ XIX ở trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Trương Công Hoài Thư	ThS. Trương Trung Phương	Phát triển năng lực thực hành cho học sinh trong dạy học lịch sử Việt Nam giai đoạn 1858 đến cuối thế kỷ XIX ở trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
		Nho sĩ huyện Thăng Bình - Quảng Nam thời Nguyễn (1802-1945) (GV) Thủy danh ở huyện Hòa Vang thế kỷ XIX (1802-1888) (SV)	Nguyễn Thị Vũ	TS. Lê Thị Mai	Nho sĩ huyện Thăng Bình - Quảng Nam thời Nguyễn (1802-1945) (GV) Thủy danh ở huyện Hòa Vang thế kỷ XIX (1802-1888) (SV)
		Sứ thần thời Lê sơ (1428 -1527)	Lê Thị Hồng Duyên	TS. Lê Thị Thu Hiền	Sứ thần thời Lê sơ (1428 -1527)
		Đội ngũ tiến sĩ dưới thời triều Nguyễn 1802-1883	Cao Văn Thế	TS. Lê Thị Thu Hiền	Đội ngũ tiến sĩ dưới thời triều Nguyễn 1802-1883
		Nâng cao chất lượng đội ngũ HDV tại công ty DL Viettravel	Nguyễn Thị Thanh Đoàn	ThS. Ngô Thị Hường	Nâng cao chất lượng đội ngũ HDV tại công ty DL Viettravel
		Vai trò của chợ đêm Hội An trong phát triển du lịch	Trần Thị Phương An	ThS. Ngô Thị Hường	Vai trò của chợ đêm Hội An trong phát triển du lịch
		Thực trạng giải pháp phát triển khu du lịch bảo tồn Nam Hải Vân	Dương Ngọc Khánh Dung	ThS. Tăng Chánh Tín	Thực trạng giải pháp phát triển khu du lịch bảo tồn Nam Hải Vân
		Ấm thực đường phố trong phát triển du lịch Hội An.	Trương Đức Thìn	ThS. Tăng Chánh Tín	Ấm thực đường phố trong phát triển du lịch Hội An.
		Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch ven sông Túy Loan Đà Nẵng	Võ Thị Thùy Nga	ThS. Tăng Chánh Tín	Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch ven sông Túy Loan Đà Nẵng
		Vai trò của căn cứ địa K20 đối với sự phát triển du lịch tại Ngũ Hành Sơn	Đỗ Lê Tuấn Thanh	ThS. Tăng Chánh Tín	Vai trò của căn cứ địa K20 đối với sự phát triển du lịch tại Ngũ Hành Sơn
		Công tác quản lý và phát triển để phục vụ du lịch tại lễ hội đèn vua Bát Hải	Nguyễn Quang Thường	ThS. Tăng Chánh Tín	Công tác quản lý và phát triển để phục vụ du lịch tại lễ hội đèn vua Bát Hải
		Phát triển du lịch cộng đồng tại làng Kép, phường Đống Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Dương Thị Thanh Phương	ThS. Tăng Chánh Tín	Phát triển du lịch cộng đồng tại làng Kép, phường Đống Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

					Lai
		Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch làng Nam Ô (phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng)	Lê Hoàng Diệu Linh	TS. Lê Thị Thu Hiền	Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch làng Nam Ô (phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng)
		Phát triển du lịch cộng đồng tại làng gốm Thanh Hà (phường Thanh Hà, TP Hội An)	Võ Thảo Linh	TS. Lê Thị Thu Hiền	Phát triển du lịch cộng đồng tại làng gốm Thanh Hà (phường Thanh Hà, TP Hội An)
		Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ lễ tân trong các khách sạn ba sao ở thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Thị Dũng	TS. Lê Thị Thu Hiền	Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ lễ tân trong các khách sạn ba sao ở thành phố Đà Nẵng
		Đánh giá chất lượng dịch vụ ở trong các khu du lịch ở xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Đặng Thị Mỹ Thật	TS. Lê Thị Thu Hiền	Đánh giá chất lượng dịch vụ ở trong các khu du lịch ở xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng

8 Khoa Vật lý

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ	Không có	Không có	Không có	
2	Thạc sĩ	Không có	Không có	Không có	
3	Đại học	Phân loại trạng thái ánh sáng dựa vào thống kê photon	NGUYỄN THỊ LẠC	Th.S Nguyễn Thị Xuân Hoài	
		Tính chất phản kết chùm của ánh sáng	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Th.S Nguyễn Thị Xuân Hoài	
		Thiết kế bộ kit thực hành Arduino ứng dụng điều khiển thiết bị, giao tiếp với các cảm biến thông dụng và truyền thông với máy tính.	LÊ THỊ MỸ HẠNH	TS. Cao Xuân Hữu	
		Thiết kế hệ thống hẹn giờ tắt mở thiết bị.	PHAN MINH GIÁC	Th.S Lê Xứng	

	Hệ thống điều khiển bằng tải và đếm số lượng sản phẩm bằng vi điều khiển.	VÕ TRẦN NGUYỄN	Th.S Lê Xứng	
	Tìm kiếm công trình cổ bị chôn vùi bằng phương pháp chụp cắt lớp ảnh điện 2D-3D (có kiểm chứng bằng khoan thăm dò) tại Đà Lạt – Lâm Đồng	TRẦN THỊ HIẾU	Th.S Lương Văn Thọ	
	Khảo sát cấu trúc địa chất bằng phương pháp chụp cắt lớp ảnh điện 2D-3D (có kiểm chứng bằng khoan thăm dò) tại khu vực thuộc Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	TRẦN THỊ NGỌC DUYÊN	Th.S Lương Văn Thọ	
	Nghiên cứu các đặc trưng phát quang của vật liệu $\text{MO.SiO}_2\text{:Eu}^{2+}, \text{Mn}^{2+}$	NGUYỄN ÁI QUỲNH	TS. Đinh Thanh Khản	
	Nghiên cứu các đặc trưng phát quang của vật liệu $2\text{ZnO.Al}_2\text{O}_3.\text{SiO}_2$ pha tạp ion Eu	VÕ THỊ TƯỜNG VI	Th.S Lê Văn Thanh Sơn	

9. Khoa Giáo dục chính trị

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Tích hợp kỹ năng sống vào dạy học môn GDCCD lớp 10 (phần “Công dân với đạo đức”.	Nguyễn Thị Hoài Nam	ThS. Hồ Thanh Hải	
2	Đại học	Thực trạng văn hóa truyền thống và các giải pháp bảo tồn văn hóa tộc người Cotu ở huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.	A Lăng Núp	TS. Trần Thị Mai An	
3	Đại học	Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về pháp luật trong dạy học phần “Công dân với pháp luật” môn GDCCD lớp 12.	Đặng Thị Thu Sương	ThS. Hồ Thanh Hải	
4	Đại học	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân vào xây dựng nhà nước kiến tạo ở Việt Nam hiện nay.	Hồ Thị Minh Tình	TS. Vương Thị Bích Thủy	

5	Đại học	Tổ chức hoạt động học tập trải nghiệm sáng tạo cho học sinh lớp 11 trong dạy học môn GD&CD tại một số trường THPT ở thành phố Đà Nẵng.	Bùi Thị Tường Vi	ThS. Nguyễn Thị Hương	
6	Đại học	Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng vào xây dựng niềm tin chính trị cho sinh viên hiện nay.	Võ Thị Thu Thảo	TS. Phạm Huy Thành	
7	Đại học	Vai trò của Triết học Mác-Lênin ở Việt Nam hiện nay.	Phạm Thị Thu Thủy	TS. Đinh Thị Phụng	
8	Đại học	Vận dụng phương pháp tình huống trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 12	Trần Thu Thủy	TS. Đinh Thị Phụng	
9	Đại học	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ vào xây dựng đội ngũ cán bộ ở Thành phố Quảng Ngãi hiện nay.	Nguyễn Thị Bích Trâm	TS. Vương Thị Bích Thủy	
10	Đại học	Vấn đề con người trong tác phẩm “ <i>Buồn nôn</i> ” của Jean Paul Sartre	Bùi Trần Huyền Trâm	TS. Dương Đình Tùng	

10. Khoa Hóa

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Hoá học đại cương	2007	Sách
2	Cơ sở Hoá học Hữu cơ	2007	Sách, tái bản
3	Đại cương hóa hữu cơ	2009	Sách
4	Hóa hữu cơ hydrocacbon	2009	Sách
5	Đại cương hóa hữu cơ	2009	Sách
6	Hợp chất hữu cơ hydrocacbon	2009	Sách

7	Hoá học các hợp chất màu hữu cơ	1995	Giáo trình
8	Lý thuyết Hoá hữu cơ	1996	Giáo trình
9	Hoá học các hợp chất màu mùi thực phẩm	1997	Giáo trình
10	Tổng hợp hữu cơ	1998	Giáo trình
11	Hóa đại cương	2017	Giáo trình
12	Hóa lượng tử	2015	Giáo trình
13	Điện hóa học	2015	Giáo trình

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Bồi dưỡng thăng hạng giáo viên tiểu học	2000	Hạng 2, hạng 3	GVTH	Tốt
2	Tập huấn TT22 cho Sở GD&ĐT Đà Nẵng	300		GVTH	Tốt
	Tập huấn dạy học phát triển năng lực cho Sở GD&ĐT Đắk Lắk	600	ĐH	GVTH	Tốt

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo quốc tế: Ngôn ngữ học Việt Nam – những chặng đường phát triển và hội nhập quốc tế	Tháng 12/2018	Trường ĐHSP	Dự kiến 200 người
2	Hội nghị giảng dạy Vật lý toàn quốc lần thứ IV – năm 2018	Tháng 11/2018	Trường ĐHSP	Dự kiến 150 người

3	Seminar dạy học tích hợp	2017	Trường ĐHSP	15
4	Hội thảo dạy học phát triển năng lực	2018	Trường ĐHSP	300

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Cấu trúc của vành thông qua tính bất biến của các Mô đun	PGS. TS Trương Công Quỳnh		12/2017-12/2019	492tr	02 Công bố quốc tế 02 bài báo Hội nghị Hội thảo
2	Ứng dụng phương pháp Dohsa-hou trong trị liệu cho trẻ khuyết tật thành phố Đà Nẵng	TS. Lê Mỹ Dung		12/2017-12/2019	100 tr	Công bố quốc tế
3	Ảnh hưởng của biến dạng và điện trường ngoài lên tính chất điện tử của một số vật liệu hai chiều đơn lớp họ dichalcogenide	TS. Nguyễn Văn Hiếu		12/2017-12/2019	30tr	Công bố quốc tế
4	Nghiên cứu đa dạng sinh học ngành Luân trùng (Rotifera) ở các tỉnh khu vực Miền Trung, Việt Nam	PGS. TS Võ Văn Minh		12/2017-12/2019	30tr	Công bố quốc tế
5	Một số giải thuật mới cho bài toán tối ưu và bất đẳng thức biến phân trong không gian Hilbert	TS. Phan Đức Tuấn		12/2017-12/2019	30tr	Công bố quốc tế
6	Xây dựng bản đồ ngập lụt Thành phố Đà Nẵng từ dữ liệu ảnh vệ tinh Radar	TS. Trần Thị Ân		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
7	Phương trình không trơn và phương pháp tìm nghiệm số cho phương	ThS. Phan Quang Như Anh		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước

	trình không trọn					
8	Cải tiến thuật toán di truyền (Ga-Genetic Algorithm) và áp dụng vào việc giải quyết bài toán sinh học phân tử	ThS. Đoàn Duy Bình		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
9	Nghiên cứu vấn đề kinh tế, xã hội và giáo dục trên tạp chí Nam Phong (1917-1934)	ThS. Phạm Thị Thu Hà		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
10	Nghiên cứu stress của giáo viên mầm non trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	ThS. Hồ Thị Thúy Hằng		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy ở thành phố Đà Nẵng	ThS. Lê Ngọc Hành		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
12	Đánh giá mức độ bền vững của loại hình du lịch dựa vào cộng đồng ở Cẩm Thanh, Hội An, Quảng Nam	ThS. Ngô Thị Hường		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
13	Nghiên cứu đối sánh truyện thơ Nôm người Việt và truyện thơ Nôm người Tày từ lý thuyết tâm lý học tộc người	TS. Nguyễn Quang Huy		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
14	Sử dụng các thư viện đa xử lý và ứng dụng cho các bài toán tổ hợp	TS. Nguyễn Đình Lầu		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
15	Mô hình huyền thoại gốc trong văn học phương Tây	TS. Vũ Thường Linh		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
16	Nghiên cứu thu nhận sinh khối protein đơn bào từ vi khuẩn <i>Methylobacterium</i> sp.	TS. Phạm Thị Mỹ		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
17	Nhận thức của phụ nữ về trầm cảm sau sinh nghiên	ThS. Nguyễn Thị Hồng		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước

	cứu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Nhung				
18	Hình thành năng lực tham vấn hướng nghiệp cho sinh viên trường Đại học sư phạm – Đại học Đà Nẵng	ThS. Nguyễn Thị Phương Trang		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
19	Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên khoa Địa lý, trường ĐHSP – Đại học Đà Nẵng	ThS. Nguyễn Thanh Tường		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
20	Nghiên cứu hình ảnh Quảng Nam - Đà Nẵng trong tác phẩm du kí Đông Bắc Á	ThS. Phạm Thị Tú Trinh		01/2018-12/2018	30tr	Công bố trong nước
21	Một dạng của bề mặt đồng nhất Affine dạng ống ứng với đại số năm chiều trong C^3	TS. Nguyễn Thị Thùy Dương		01/2018-12/2018	15tr	Công bố trong nước
22	Xây dựng cơ sở khoa học để khai thác các tuyến đường sông phục vụ phát triển du lịch ở thành phố Đà Nẵng	ThS. Nguyễn Thị Hồng		01/2018-12/2018	15tr	Công bố trong nước
23	Hoạt động chăm sóc, hỗ trợ cho người cao tuổi tại các trung tâm chăm sóc tập trung trên địa bàn TP Đà Nẵng	ThS. Trịnh Thị Nguyệt		01/2018-12/2018	15tr	Công bố trong nước
24	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố kích ứng quá trình tổng hợp astaxanthin từ tảo Haematococcus pluvialis	ThS. Lê Vũ Khánh Trang		01/2018-12/2018	15tr	Công bố trong nước
25	Tư tưởng của Jacques Rousseau về mục tiêu giáo dục trong “Émile hay là về giáo dục”	ThS. Dương Đình Tùng		01/2018-12/2018	15tr	Công bố trong nước

26	Xây dựng bộ tiêu bản thực vật họ Cúc (Asteraceae) tại thành phố Đà Nẵng	ThS. Ngô Thị Hoàng Vân		01/2018-12/2018	15tr	Công bố trong nước
27	Biên soạn sách điện tử Hệ quản trị cơ sở dữ liệu cho học sinh trung học phổ thông	ThS. Phạm Dương Thu Hằng		12/2017-12/2019	30tr	Công bố trong nước Sách ebook
28	Xây dựng hệ thống E-learning hỗ trợ công tác đào tạo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	KS. Trịnh Khắc Đức		12/2017-12/2019	30tr	Công bố trong nước Sách ebook
29	Thiết kế Ebook hướng dẫn sinh viên sư phạm xây dựng và thiết kế chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM	TS. Phùng Việt Hải		12/2017-12/2019	30tr	Công bố trong nước Sách ebook
30	Xây dựng ebook tương tác về biến đổi khí hậu và thiên tai phục vụ giảng dạy cho sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	TS. Kiều Thị Kính		12/2017-12/2019	30tr	Công bố trong nước Sách ebook
31	Xây dựng chương trình giáo dục sức khỏe tâm thần cho học sinh các trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	ThS. Bùi Thị Thanh Diệu		8/2018-7/2020	72tr	
32	Nghiên cứu thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học trải nghiệm sáng tạo đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới môn Vật Lý	TS. Phùng Việt Hải		8/2018-7/2020	72tr	
33	Phát triển kỹ năng tự phục vụ cho trẻ tại các cơ sở chăm sóc giáo dục trẻ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	ThS Lê Thị Hằng		8/2018-7/2020	72tr	

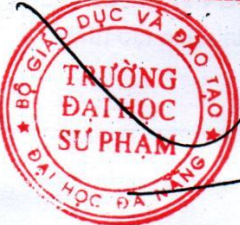
34	Xây dựng hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành báo chí truyền thông ở Việt Nam	TS. Trần Thị Hòa		8/2018-7/2020	72tr	
35	Giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục đại học của sinh viên hiện nay (nghiên cứu trường hợp tại ĐHĐN)	TS. Hà Văn Hoàng		8/2018-7/2020	102tr	
36	Xây dựng hệ thống phân loại tự động họ Lecanidae (trùng bánh xe) bằng phương pháp phân tích dạng hình học	TS. Trịnh Đăng Mậu		8/2018-7/2020	82tr	
37	Phát triển kiến thức và nâng cao năng lực nghiệp vụ cho giáo viên dạy toán tương lai để dạy học thống kê	ThS. Nguyễn Thị Hà Phương		8/2018-7/2020	102tr	
38	Đánh giá khả năng xử lý kim loại nặng của vi tảo <i>Chlorella vulgaris</i> được phân lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	ThS. Trần Ngọc Sơn		8/2018-7/2020	72tr	
39	Đánh giá tài nguyên nhân văn phục vụ du lịch ở thành phố Đà Nẵng	ThS. Tăng Chánh Tín		8/2018-7/2020	72tr	
40	Nghiên cứu chiết tách và phân lập hợp chất hóa học gây độc tế bào ung thư từ dịch chiết cây đu đủ đục	ThS. Đỗ Thị Thúy Vân		8/2018-7/2020	102tr	
41	Nghiên cứu sâu mô hình đào tạo GVTH và đề xuất mô hình đào tạo mới	PGS.TS. Lê Quang Sơn, Hoàng Nam Hải, Nguyễn T. Thúy Nga		2017	250tr	Nghiên cứu các mô hình đào tạo trên Tg và nghiên cứu đề xuất mô hình đào tạo GVTH ở Việt Nam

		Thúy Nga				ở Việt Nam
42	Đánh giá tổng thể chương trình BDTX GVTH và đề xuất CT BDTX GVTH đáp ứng chuẩn mới	PGS.TS Lưu Trang, Hoàng Nam Hải, Trần Thị Kim Cúc		2017	400tr	Đánh giá tổng thể CT BDTX GVTH hiện hành, trên cơ sở chuẩn mới đề xuất CT BDTX GVTH
43	Nghiên cứu Năng lực hiểu biết thống kê của học sinh tiểu học	Hoàng Nam Hải		2015	15tr	Các thành tố năng lực hiểu biết thống kê của HSTH
44	Sử dụng PPBTNB trong dạy học TN-XH ở tiểu học	Ng. Phan Lâm-Quên		2014	15tr	Đề xuất các giải pháp sư phạm
45	Thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HSTH	Trần Thị Kim Cúc		2016	15tr	Thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HSTH

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	Tháng 10 năm 2015	82% Công nhận	01/NKHĐKDCL 30/1/2016	Công nhận đạt	23/3/2016	23/3/2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. TRẦN XUÂN BÁCH

Biểu mẫu 19

Đại học Đà Nẵng
Trường Đại học Sư Phạm

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	47.585	47.585		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	47.585	47.585		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	22.750	22.750		
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	22.750	22.750		
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê

1	Phòng thí nghiệm...	26	Đào tạo, NCKH	Sinh viên, NCS	1.632	1.632		
2	Phòng thực hành...	11	Đào tạo, NCKH	Sinh viên, NCS	826	826		
3	Xưởng thực tập...	01	Đào tạo, NCKH	Sinh viên, NCS	161	161		
4	Nhà tập đa năng	01	Đào tạo	Sinh viên	1.740	1.740		
5	Hội trường	02	Đào tạo, NCKH	Sinh viên, NCS	1.818	1.818		
6	Phòng học...	94	Đào tạo, NCKH	Sinh viên, NCS	15.243	15.243		
7	Phòng học đa phương tiện...	-			-	-		
8	Thư viện...	01	Đào tạo, NCKH	Sinh viên, NCS	1.330	1.330		
9	Trung tâm học liệu...		-			-		
10	Các phòng chức năng khác		-			-		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng

1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	100
3	Số máy tính của thư viện	28
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	25.444
	a. Đầu sách	50
	b. Tạp chí	0
	c. E-book	0
	d. CSDL	0
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	04

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	7.14
2	Diện tích sàn/sinh viên	3.41

Đà Nẵng, ngày tháng Năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. TRẦN XUÂN BÁCH

Biểu mẫu 20

Đại học Đà Nẵng
Trường Đại học Sư Phạm

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	250	1	17	75	149	8	0	0	190	42	18
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành	243	1	17	75	144	6	0	0	183	42	18
a	Khối ngành I	82	0	6	19	56	1	0	0	61	15	6
ĐH	Sư phạm Âm nhạc	6				5	1			6	0	0
ĐH	Sư phạm Địa lý	4		1		3				2	1	1
ĐH	Sư phạm Lịch sử	4		1	1	2				3	0	1
ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	5		1	1	3				4	0	1
ĐH	Sư phạm Sinh học	4			2	2				2	2	0
ĐH	Sư phạm Hoá học	5		1	1	3				2	2	1
ĐH	Sư phạm Vật lý	4		1	1	2				3	0	1
ĐH	Sư phạm Tin học	4			1	3				3	1	0
ĐH	Sư phạm Toán học	5		1	1	3				2	2	1
ĐH	Giáo dục Chính trị	4			1	3				4	0	0
ĐH	Giáo dục Tiểu học	11			2	9				7	4	0
ĐH	Giáo dục Mầm non	12			1	11				10	2	0

b	Khối ngành II	2			1	1				2	0	0
c	Khối ngành III	3			1	2				2	1	0
d	Khối ngành IV	3			2	1				3	0	0
ĐH	Khoa học môi trường	3			2	1				3	0	0
ĐH	Địa lý tự nhiên	3			1	2				3	0	0
ĐH	Hoá học											
ĐH	Vật lý học											
ĐH	Công nghệ sinh học	32	1	3	18	9	1	0	0	23	5	4
đ	Khối ngành V	4			2	2				4	0	0
ĐH	Công nghệ thông tin	5			3	2				4	1	0
ĐH	Toán ứng dụng	11	1	1	7	2				7	2	2
e	Khối ngành VI	6		1	3	1	1			4	1	1
g	Khối ngành VII	6		1	3	2				4	1	1
ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	47	0	2	16	28	1	0	0	33	12	2
ĐH	Công tác xã hội	35		1	12	21	1			29	5	1
ĐH	Báo chí	12		1	4	7				4	7	1
ĐH	Việt Nam học											
ĐH	Địa lý học	82	0	6	22	51	3	0	0	66	10	6
ĐH	Tâm lý học	7		1	1	4	1			6	0	1
ĐH	Văn hoá học	9		1	3	5				8	0	1
ĐH	Văn học	18		1	3	13	1			16	1	1
ĐH	Lịch sử	7			3	4				5	2	0
2	Giảng viên cơ hữu theo môn chung	9			2	7				6	3	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

TT	Ho và tên		Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	Khối ngành I						
1	Lương Quốc	Tuyển	1979	Nam	GV	Tiến sĩ	SP Toán học
2	Nguyễn Thị Hải	Yến	1981	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Toán học
3	Nguyễn Thị	Sinh	1982	Nữ	GVC	Thạc sĩ	SP Toán học
4	Ngô Thị Bích	Thủy	1977	Nữ	GVC	Thạc sĩ	SP Toán học
5	Trương Công	Quỳnh	1981	Nam	GVCC	PGS.TS	SP Toán học
6	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	1984	Nữ	GV	Tiến sĩ	SP Tin học
7	Phạm Dương Thu	Hằng	1981	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Tin học
8	Lê Việt	Chung	1964	Nam	GVC	Thạc sĩ	SP Tin học
9	Trần Văn	Hưng	1980	Nam	GV	Thạc sĩ	SP Tin học
10	Phùng Việt	Hải	1980	Nam	GV	Tiến sĩ	SP Vật Lý
11	Nguyễn Bảo Hoàng	Thanh	1957	Nam	GVCC	PGS.TS	SP Vật Lý
12	Trần Thị Hương	Xuân	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Vật Lý
13	Lê Thị Minh	Phương	1981	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Vật Lý
14	Lê Tự	Hải	1968	Nam	GVCC	PGS.TS	SP Hóa học
15	Trần Mạnh	Lục	1956	Nam	GVC	Tiến sĩ	SP Hóa học
16	Phạm Văn	Tuấn	1964	Nam	GV	Thạc sĩ	SP Hóa học
17	Ngô Thị Mỹ	Bình	1976	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Hóa học
18	Nguyễn Thị Lan	Anh	1977	Nữ	GVC	Thạc sĩ	SP Hóa học
19	Trương Thị Thanh	Mai	1978	Nữ	GVC	Tiến sĩ	SP Sinh học
20	Nguyễn Công Thủy	Trâm	1977	Nữ	GVC	Thạc sĩ	SP Sinh học
21	Bùi Thị	Thơ	1986	Nữ	GV	Tiến sĩ	SP Sinh học
22	Nguyễn Thị Hải	Yến	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Sinh học
23	Hồ Trần Ngọc	Oanh	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Ngữ Văn
24	Cao Thị Xuân	Phượng	1968	Nữ	GV	Tiến sĩ	SP Ngữ Văn
25	Lê Thị Thanh	Tịnh	1989	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Ngữ Văn
26	Trần Thụy	Anh	1992	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Ngữ Văn
27	Bùi Trọng	Ngoãn	1960	Nam	GVCC	PGS.TS	SP Ngữ Văn
28	Nguyễn Duy	Phương	1985	Nữ	GV	Tiến sĩ	SP Lịch sử
29	Trương Trung	Phương	1988	Nam	GV	Thạc sĩ	SP Lịch sử
30	Lưu	Trang	1963	Nam	GVCC	PGS.TS	SP Lịch sử
31	Đặng Thị Thủy	Dương	1992	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Lịch sử
32	Lê Quang	Son	1964	Nam	GVCC	PGS.TS	SP Địa lý
33	Hồ	Phong	1959	Nam	GVC	Thạc sĩ	SP Địa lý
34	Nguyễn Văn	Thái	1988	Nam	GV	Thạc sĩ	SP Địa lý

35	Nguyễn Thị	Hồng	1991	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Địa lý
36	Đinh Thị	Phượng	1985	Nữ	GV	Tiến sĩ	GD Chính trị
37	Trần Phan	Hiếu	1982	Nam	GV	Thạc sĩ	GD Chính trị
38	Nguyễn Thị	Hương	1981	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Chính trị
39	Nguyễn Duy	Quý	1986	Nam	GV	Thạc sĩ	GD Chính trị
40	Hoàng Nam	Hải	1962	Nam	GVC	Tiến sĩ	GD Tiểu học
41	Nguyễn Thị Thúy	Nga	1975	Nữ	GVC	Thạc sĩ	GD Tiểu học
42	Nguyễn Nam	Hải	1961	Nam	GV	Thạc sĩ	GD Tiểu học
43	Lê Văn	Trung	1966	Nam	GV	Tiến sĩ	GD Tiểu học
44	Đàm Văn	Thọ	1970	Nam	GV	Thạc sĩ	GD Tiểu học
45	Nguyễn Phan Lâm	Quyên	1980	Nữ	GVC	Thạc sĩ	GD Tiểu học
46	Trần Thị Kim	Cúc	1981	Nữ	GVC	Thạc sĩ	GD Tiểu học
47	Võ Thị	Bảy	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Tiểu học
48	Lê Sao	Mai	1986	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Tiểu học
49	Lê Văn	Mỹ	1971	Nam	GV	Thạc sĩ	GD Tiểu học
50	Nguyễn Hoàng	Thành	1981	Nam	GV	Thạc sĩ	GD Tiểu học
51	Bùi Việt	Phú	1959	Nam	GVC	Tiến sĩ	GD Mầm non
52	Tôn Nữ Diệu	Hằng	1975	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
53	Nguyễn Thị Diệu	Hà	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
54	Nguyễn Thị	Yến	1979	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
55	Lê Thị Thanh	Nhàn	1980	Nữ	GVC	Thạc sĩ	GD Mầm non
56	Trần Hồ	Uyên	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
57	Đinh Thị Thu	Hằng	1986	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
58	Phan Thị	Nga	1986	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
59	Mai Thị Cẩm	Nhung	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
60	Lê Thị Anh	Kiều	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
61	Lê Thị Hoài	Thương	1989	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
62	Nguyễn Thị Triều	Tiên	1989	Nữ	GV	Thạc sĩ	GD Mầm non
63	Trương Quang Minh	Đức	1986	Nam	GV	Thạc sĩ	SP Âm nhạc
64	Nguyễn Thị Thu	Phượng	1980	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Âm nhạc
65	Phan Thị Quỳnh	Lam	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Âm nhạc
66	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Âm nhạc
67	Hoàng Đình	Phương	1978	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Âm nhạc
68	Nguyễn Đức	Toàn	1963	Nam	GVTH	Đại học	SP Âm nhạc
69	Dương Đình	Tùng	1984	Nam	GV	Tiến sĩ	GD Công dân
70	Nguyễn Hải	Như	1987	Nam	GV	Thạc sĩ	GD Công dân
71	Nguyễn Quý	Tuấn	1984	Nam	GV	Tiến sĩ	SP Khoa học TN
72	Đinh Thanh	Khản	1986	Nam	GV	Tiến sĩ	SP Khoa học TN

73	Hồ Thanh	Hải	1988	Nam	GV	Thạc sĩ	SP Khoa học TN
74	Nguyễn Thanh	Tường	1982	Nam	GV	Tiến sĩ	SP Lịch sử- Địa lý
75	Phan Thị	Hoa	1973	Nữ	GV	Tiến sĩ	SP Lịch sử- Địa lý
76	Nguyễn Văn	An	1990	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Lịch sử- Địa lý
77	Dụng Văn	Lữ	1986	Nam	GV	Tiến sĩ	SP Công nghệ
78	Lê Văn Thanh	Son	1968	Nam	GVC	Thạc sĩ	SP Công nghệ
79	Lê Thị Tuyết	Anh	1977	Nữ	KS HDTN	Thạc sĩ	SP Công nghệ
80	Trịnh Đăng	Mậu	1986	Nam	GV	Tiến sĩ	SP Tin học và CN Tiểu học
81	Trần Đức	Mạnh	1982	Nam	GV	Thạc sĩ	SP Tin học và CN Tiểu học
82	Nguyễn Thị Bích	Hằng	1982	Nữ	GV	Thạc sĩ	SP Tin học và CN Tiểu học
II	Khối ngành IV						
1	Nguyễn Văn	Hiếu	1982	Nam	GVCC	PGS.TS	Vật lý học
2	Lê Hồng	Son	1955	Nam	GVC	Tiến sĩ	Vật lý học
3	Lương Văn	Thọ	1978	Nam	GV	Thạc sĩ	Vật lý học
4	Nguyễn Thị Xuân	Hoài	1984	Nữ	GV	Tiến sĩ	Vật lý học
5	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	1988	Nữ	GV	Đại học	Vật lý học
6	Hoàng Đình	Triển	1979	Nam	GV	Tiến sĩ	Vật lý học
7	Võ Thắng	Nguyên	1985	Nữ	GV	Tiến sĩ	Hóa học
8	Đào Hùng	Cường	1949	Nam	GVCC	GS.TS	Hóa học
9	Nguyễn Trần	Nguyên	1980	Nam	GV	Tiến sĩ	Hóa học
10	Đỗ Thị Thuý	Vân	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	Hóa học
11	Trần Thị Ngọc	Bích	1974	Nữ	GV	Thạc sĩ	Hóa học
12	Chữ Văn	Tiếp	1984	Nam	GV	Tiến sĩ	Hóa học
13	Nguyễn Ngọc	Châu	1958	Nam	GVC	Tiến sĩ	Hóa học
14	Đình Văn	Tạc	1981	Nam	GV	Tiến sĩ	Hóa học
15	Vũ Thị	Duyên	1984	Nữ	GV	Tiến sĩ	Hóa học
16	Bùi Xuân	Vững	1963	Nam	GVC	Tiến sĩ	Hóa học
17	Giang Thị Kim	Liên	1971	Nữ	GVCC	PGS.TS	Hóa học
18	Trần Thị Diệu	My	1989	Nữ	GV	Thạc sĩ	Khoa học môi trường
19	Đoàn Văn	Dương	1990	Nam	GV	Thạc sĩ	Khoa học môi trường
20	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	1986	Nữ	GV	Tiến sĩ	Khoa học môi trường
21	Mai Thị Kiều	Liên	1987	Nữ	GV	Tiến sĩ	Khoa học môi trường
22	Võ Châu	Tuấn	1974	Nam	GVC	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
23	Nguyễn Minh	Lý	1986	Nam	GV	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học
24	Nguyễn Tấn	Lê	1955	Nam	GVCC	PGS.TS	Công nghệ sinh học
25	Phạm Thị	Mỹ	1985	Nữ	GV	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học

26	Lê Vũ Khánh	Trang	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
27	Trần Quan	Dần	1986	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học
28	Trần Thị	Ân	1986	Nữ	GV	Tiến sĩ	Địa lý tự nhiên
29	Nguyễn Thị	Diệu	1977	Nữ	GVC	Thạc sĩ	Địa lý tự nhiên
30	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	Địa lý tự nhiên
31	Đoàn Thanh	Phương	1980	Nữ	GV	Tiến sĩ	Địa lý tự nhiên
32	Đoàn Thị	Vân	1985	Nữ	GV	Tiến sĩ	Địa lý tự nhiên
III	Khối ngành V						
1	Nguyễn Duy Thái	Son	1964	Nam	GVC	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
2	Lê Hoàng	Trí	1063	Nam	GVC	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
3	Trần	Chín	1960	Nam	GVC	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
4	Đặng Văn	Riền	1960	Nam	GVC	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
5	Nguyễn Thị Hà	Phương	1983	Nữ	GV	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
6	Phan Anh	Tuấn	1986	Nam	GV	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
7	Nguyễn Thị Thùy	Dương	1983	Nữ	GV	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
8	Hoàng Nhật	Quy	1979	Nam	GVC	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
9	Tôn Thất	Tú	1986	Nam	GV	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
10	Nguyễn Ngọc	Siêng	1959	Nam	GVC	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
11	Bùi Tuấn	Khang	1962	Nam	GVC	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
12	Nguyễn Quang	Giao	1974	Nam	GVCC	PGS.TS	Toán ứng dụng
13	Trần Quốc	Chiến	1953	Nam	GVCC	PGS.TSKH	Công nghệ thông tin
14	Phạm Anh	Phương	1974	Nam	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
15	Cao Văn	Nuôi	1961	Nam	GVC	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
16	Lê Hải	Trung	1980	Nam	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
17	Nguyễn Đình	Lầu	1978	Nam	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
18	Lê Văn	Dũng	1979	Nam	GVC	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
19	Nguyễn Trần Quốc	Vinh	1978	Nam	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
20	Nguyễn Hoàng	Hải	1986	Nam	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
21	Vũ Thị	Trà	1977	Nữ	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
22	Phạm Quý	Mười	1980	Nam	GVC	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
23	Trần Thị	Hồng	1980	Nữ	GV	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
24	Lê Thanh	Huy	1981	Nam	GVC	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
25	Phan Đức	Tuấn	1976	Nam	GVC	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
26	Đoàn Duy	Bình	1975	Nam	GVC	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
27	Đào Văn	Dũng	1985	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
28	Mai Văn	Bảy	1984	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
29	Ngô Thị Hoàng	Vân	1988	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
30	Nguyễn Thị Mỹ	Đức	1984	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

31	Nguyễn Bá Vũ	Chính	1986	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
32	Lê Thị Phương	Thảo	1988	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
33	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	1976	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
34	Nguyễn Thị	Hường	1968	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
35	Nguyễn Đình	Chương	1987	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
36	Nguyễn Tiên	Hoàng	1987	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
37	Nguyễn Đỗ Công	Pháp	1989	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
38	Đặng Thị Kim	Ngân	1989	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
39	Phan Quang Như	Anh	1983	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
40	Trần Uyên	Trang	1979	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
41	Nguyễn Thanh	Tuấn	1981	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
42	Lê Thành	Công	1983	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
43	Hồ Ngọc	Tú	1989	Nam	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
44	Bùi Ngọc Phương	Châu	1988	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
45	Trần Thị Hồng	Loan	1989	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
46	Phan Thảo	Thơ	1978	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
47	Nguyễn Phú	Nghi	1963	Nam	KS HDTHT	Đại học	Công nghệ thông tin
IV	Khối ngành VII						
1	Kiều Thị	Kính	1986	Nữ	GV	Tiến sĩ	QL Tài nguyên - Môi trường
2	Võ Văn	Minh	1976	Nam	GVCC	PGS.TS	QL Tài nguyên - Môi trường
3	Đoạn Chí	Cường	1985	Nam	GV	Thạc sĩ	QL Tài nguyên - Môi trường
4	Trần Ngọc	Son	1984	Nam	GV	Thạc sĩ	QL Tài nguyên - Môi trường
5	Phùng Khánh	Chuyên	1980	Nữ	GV	Thạc sĩ	QL Tài nguyên - Môi trường
6	Nguyễn Văn	Khánh	1980	Nam	GV	Thạc sĩ	QL Tài nguyên - Môi trường
7	Võ Thị	Thuận	1965	Nữ	KS HDTHT	Đại học	QL Tài nguyên - Môi trường
8	Lê Đức	Luận	1958	Nam	GVCC	PGS.TS	Văn học
9	Nguyễn Phương	Khánh	1982	Nữ	GVC	Tiến sĩ	Văn học
10	Nguyễn Quang	Huy	1983	Nam	GV	Tiến sĩ	Văn học
11	Nguyễn Hoàng	Thân	1980	Nam	GVC	Tiến sĩ	Văn học
12	Phạm Thị	Hương	1980	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
13	Trần Thị Ngọc	Hà	1983	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
14	Phạm Thị Thu	Hà	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
15	Đàm Nghĩa	Hiếu	1989	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn học
16	Ngô Minh	Hiền	1965	Nữ	GVCC	PGS.TS	Báo chí
17	Trần Thị	Hòa	1976	Nữ	GV	Tiến sĩ	Báo chí

18	Nguyễn Thanh	Trường	1967	Nam	GV	Tiến sĩ	Báo chí
19	Vũ Thường	Linh	1985	Nữ	GV	Tiến sĩ	Báo chí
20	Dương Thùy	Trâm	1990	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
21	Đặng Hồng Cam	Vũ	1980	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
22	Hoàng Thị Mai	Sa	1988	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
23	Trần Ái	Vân	1979	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
24	Phạm Thị Tú	Trinh	1988	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
25	Trần Thị	Tuyết	1983	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
26	Phạm Thị Thu	Hương	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
27	Lê Văn Trúc	Ly	1990	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
28	Trần Thị Yên	Minh	1986	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
29	Đinh Xuân	Lâm	1963	Nam	GVC	Thạc sĩ	Báo chí
30	Hoàng Hoài	Thương	1983	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
31	Nguyễn Thị Lan	Phương	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
32	Trần Thị Huyền	Trân	1990	Nữ	GV	Thạc sĩ	Báo chí
33	Trịnh Khắc	Đức	1963	Nam	KS HDTH	Đại học	Báo chí
34	Trần Văn	Sáng	1976	Nam	GVCC	PGS.TS	Văn hóa học
35	Bùi Bích	Hạnh	1978	Nữ	GV	Tiến sĩ	Văn hóa học
36	Nguyễn Hoàng	Hải	1962	Nam	GVC	Tiến sĩ	Văn hóa học
37	Hồ Thị Thúy	Hằng	1985	Nữ	GV	Tiến sĩ	Văn hóa học
38	Trịnh Quỳnh Đông	Nghi	1988	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn hóa học
39	Nguyễn Hoàng	Phương	1980	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn hóa học
40	Nguyễn Hoàng Tĩnh	Uyên	1990	Nữ	GV	Thạc sĩ	Văn hóa học
41	Lê Thị	Mai	1984	Nữ	GV	Tiến sĩ	Việt Nam học
42	Trần Thị Mai	An	1976	Nữ	GVC	Tiến sĩ	Việt Nam học
43	Ngô Thị	Hường	1988	Nữ	GV	Thạc sĩ	Việt Nam học
44	Tăng Chánh	Tín	1991	Nam	GV	Thạc sĩ	Việt Nam học
45	Vương Thị Bích	Thủy	1964	Nữ	GVC	Tiến sĩ	Việt Nam học
46	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	1992	Nữ	GV	Thạc sĩ	Việt Nam học
47	Huỳnh	Bọng	1966	Nam	GVTH	Thạc sĩ	Việt Nam học
48	Lê Thị Thu	Hiền	1981	Nữ	GV	Tiến sĩ	Lịch sử
49	Trương Anh	Thuận	1983	Nam	GV	Tiến sĩ	Lịch sử
50	Bùi Trúc	Linh	1987	Nam	GV	Thạc sĩ	Lịch sử
51	Nguyễn Văn	Sang	1988	Nam	GV	Thạc sĩ	Lịch sử
52	Nguyễn Thị Phương	Trang	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	Lịch sử
53	Trương Phước	Minh	1959	Nam	GVC	Tiến sĩ	Địa lý học
54	Lê Ngọc	Hành	1989	Nam	GV	Thạc sĩ	Địa lý học

55	Đoàn Thị	Thông	1984	Nữ	GV	Thạc sĩ	Địa lý học
56	Nguyễn Đặng Thảo	Nguyên	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	Địa lý học
57	Trương Văn	Cảnh	1987	Nam	GV	Thạc sĩ	Địa lý học
58	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	1986	Nữ	GV	Thạc sĩ	Địa lý học
59	Lê Thị	Hằng	1979	Nữ	GVC	Thạc sĩ	Địa lý học
60	Nguyễn Tiến	Dũng	1959	Nam	GVC	Thạc sĩ	Địa lý học
61	Hoàng Thị Diệu	Hương	1989	Nữ	GV	Tiến sĩ	Địa lý học
62	Lê Thị	Mai	1985	Nữ	KS HDTH	Thạc sĩ	Tâm lý học
63	Lê Đình	Son	1955	Nam	GVCC	PGS.TS	Tâm lý học
64	Nguyễn Thị Trâm	Anh	1980	Nữ	GV	Tiến sĩ	Tâm lý học
65	Lê Mỹ	Dung	1975	Nữ	GV	Tiến sĩ	Tâm lý học
66	Bùi Thị Thanh	Diệu	1982	Nữ	GV	Thạc sĩ	Tâm lý học
67	Bùi Đình	Tuân	1985	Nam	GV	Thạc sĩ	Tâm lý học
68	Bùi Văn	Vân	1964	Nam	GVC	Thạc sĩ	Tâm lý học
69	Đào Thị Linh	Giang	1992	Nữ	GV	Thạc sĩ	Tâm lý học
70	Nguyễn Văn	Din	1988	Nam	KS HDTH	Đại học	Tâm lý học
71	Phạm Thị Kiều	Duyên	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	Tâm lý học
72	Nguyễn Thị Hằng	Phương	1980	Nữ	GV	Thạc sĩ	Tâm lý học
73	Nguyễn Văn	Đông	1977		GV	Thạc sĩ	Tâm lý học
74	Hoàng Thế	Hải	1982	Nam	GV	Tiến sĩ	Công tác xã hội
75	Hà Văn	Hoàng	1986	Nam	GV	Tiến sĩ	Công tác xã hội
76	Lê Thị	Lâm	1986	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công tác xã hội
77	Lê Thị	Duyên	1987	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công tác xã hội
78	Trịnh Thị	Nguyệt	1988	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công tác xã hội
79	Lê Thị	Hiền	1985	Nữ	GV	Thạc sĩ	Công tác xã hội
80	Trần Xuân	Bách	1963	Nam	GVCC	PGS.TS	Công tác xã hội
81	Nguyễn Thị Tường	Vi	1968	Nữ	GV	Tiến sĩ	Công tác xã hội
82	Đặng Hùng	Vĩ	1980	Nam	KS HDTH	Thạc sĩ	Công tác xã hội
V	Môn chung						
1	Phan	Liễn	1985	Nam	KS HDTH	Thạc sĩ	Môn chung
2	Trịnh Ngọc	Đạt	1990	Nam	KS HDTH	Đại học	Môn chung
3	Đàm Minh	Anh	1988	Nam	KS HDTH	Thạc sĩ	Môn chung
4	Nguyễn Thị Thy	Nga	1988	Nữ	KS HDTH	Đại học	Môn chung
5	Nguyễn Thị Thu	Hồng	1989	Nữ	GV	Thạc sĩ	Môn chung

6	Nguyễn Tiên	Hoàng	1987	Nam	GV	Thạc sĩ	Môn chung
7	Vũ Đức	Hoàng	1983	Nam	GV	Thạc sĩ	Môn chung

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

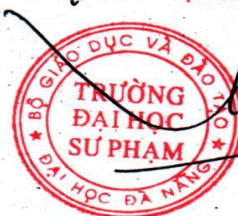
II	Khối ngành	Tỉ lệ sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	17.3
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	15.2
5	Khối ngành V	15.6
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	22.7

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 5 năm 2019. ✓

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. TRẦN XUÂN BÁCH

Biểu mẫu 21

Đại học Đà Nẵng
Trường Đại học Sư Phạm

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2019-2020

TT	Nội dung	ĐVT	Học phí/1SV/năm năm học 2018-2019	Đơn giá học phí/1 tín chỉ năm học 2018-2019 (triệu đồng/tín chỉ)	Dự kiến học phí /1SV của cả khóa học đối với khóa tuyển sinh năm 2018
I	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2018-2019				
1	Tiến sỹ				
	Khối ngành khoa học xã hội	Triệu đồng/năm	20.25		93.95
	Khối ngành khoa học tự nhiên	Triệu đồng/năm	24.00		111.93
2	Thạc sỹ				
	Khối ngành khoa học xã hội	Triệu đồng/năm	12.15		25.50
	Khối ngành khoa học tự nhiên	Triệu đồng/năm	14.40		30.30
3	Chuyên khoa Y cấp II	Triệu đồng/năm			
4	Đại học				
	Khối ngành khoa học xã hội	Triệu đồng/năm	8.10	0.226	37.58
	Khối ngành khoa học tự nhiên	Triệu đồng/năm	9.60	0.269	44.77
5	Chuyên khoa Y cấp I	Triệu đồng/năm			
6	Cao đẳng	Triệu đồng/năm			
7	Trung cấp chuyên nghiệp	Triệu đồng/năm			
II	Học phí hệ chính quy chương trình khác năm học 2018-2019				
1	Tiến sỹ	Triệu đồng/năm			
2	Thạc sỹ	Triệu			

		đồng/năm			
3	Chuyên khoa Y cấp II	Triệu đồng/năm			
4	Đại học chất lượng cao				
	Ngành Công nghệ thông tin	Triệu đồng/năm	24.00	0.6725	111.93
	Ngành Hóa dược	Triệu đồng/năm	26.88	0.7532	125.36
	Ngành Quản lý tài nguyên môi trường	Triệu đồng/năm	26.88	0.7532	125.36
	Ngành Báo chí	Triệu đồng/năm	22.68	0.6328	105.22
	Ngành Tâm lý học	Triệu đồng/năm	22.68	0.6328	105.22
	Ngành Việt Nam học	Triệu đồng/năm	22.68	0.6328	105.22
5	Chuyên khoa Y cấp I	Triệu đồng/năm			
6	Cao đẳng	Triệu đồng/năm			
7	Trung cấp chuyên nghiệp	Triệu đồng/năm			
III	Học phí hệ vừa làm vừa học tại trường năm học 2018- 2019				
1	Tiến sỹ	Triệu đồng/năm			
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm			
3	Chuyên khoa Y cấp II	Triệu đồng/năm			
4	Chuyên khoa Y cấp I	Triệu đồng/năm			
5	Đại học	Triệu đồng/năm			
5.1	Khóa 2016 trở về trước	Triệu đồng/năm	9.15		
5.2	Khóa tuyển sinh 2017,2018				
	- THPT - ĐH	Triệu đồng/năm	12.15	0.33	48.29
	- Liên thông từ TCCN-ĐH	Triệu đồng/năm	12.15	0.405	25.50
	- Liên thông từ CĐ-ĐH	Triệu đồng/năm	9.72	0.416	15.06
	- Bằng 2	Triệu đồng/năm	9.72	0.405	26.28
6	Cao đẳng	Triệu đồng/năm			
6.1	Khóa 2016 trở về trước	Triệu đồng/năm	7.35		
6.1	Khóa 2017, 2018				

	- Từ Trung học phổ thông	Triệu đồng/năm	8.45	0.256	27.82
7	Trung cấp chuyên nghiệp	Triệu đồng/năm			
	Khóa 2016 trở về trước	Triệu đồng/năm	6.45		
IV	Tổng thu năm 2017	Tỷ đồng	92.664		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	35,446		
2	Từ học phí	Tỷ đồng	47,371		
3	Từ viện trợ (Lào)	Tỷ đồng	2,578		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	7,269		

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 5 năm 2019.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. TRẦN XUÂN BÁCH